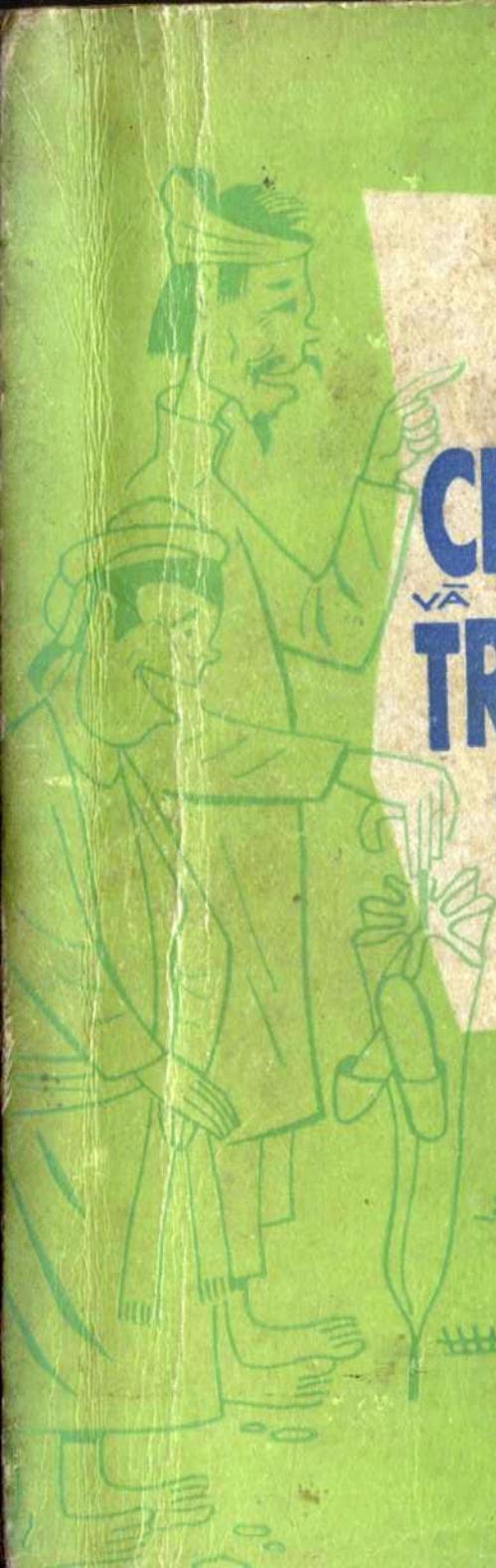


HOÀNG TRỌNG THƯỢC



# THI CA CHÂM BIÊM VĂN TRAO LÔNG VIỆT NAM

Nhà sách KHAI-TRÍ

62, Lê-Lợi — SAIGON

PHẠM THẮNG

QTT/35.007/8

## Nhà sách văn học

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê Lợi Saigon

Nghệ thuật làm văn và đọc văn	Vũ Ký
Đề thành nhà văn	Nguyễn duy Cân
Viết và đọc tiểu thuyết	Nhật Linh
Khảo luận về tiểu thuyết Trung-hoa	Nguyễn huy Khánh
Trên đường nghệ thuật	Vũ ngọc Phan
Nghề viết văn	Nguyễn hiến Lê
Luyện văn	—
Hương sắc trong vườn văn	—
Văn học sử Trung Quốc	—
Theo giọng	Thạch Lam
Phép làm thơ	Diên Hương
Thành ngữ diền tích	—
Luật thơ mới	Minh Huy
Luật thơ	Trần tuân Kiệt
Quan niệm sáng tác thơ	Đoàn Thêm
Nghề viết báo	Tế Kugén
Kỹ thuật căn bản của người viết báo	Hồ hữu Tường
Việt Nam văn học sử trich yếu	Nghiêm Toản
Văn học đời Lý	Ngô Tất Tố
Văn học đời Trần	—
Lều chõng	—
Đường thi	—
Văn chương quốc âm thế kỷ XIX	Phan Trần Chúc
Lĩnh Nam chích quái	Lê hữu Mục
Việt Diên - linh tập	—
Nhà văn hiện đại	Vũ ngọc Phan
Văn chương quốc cẩm thời Pháp thuộc	Thái Bách
Việt Nam văn học toàn thư	Hoàng trọng Miên
Ché Lan-Viên	Hoàng Diệp
Hàn mạc Tử	—

HOÀNG - TRỌNG - THƯỢC



THI CA  
CHÂM BIẾM và TRÀO LỘNG  
VIỆT - NAM



NHÀ SÁCH KHAI TRÍ  
62, LÊ-LỢI SAIGON



# TƯ A

Trào phúng là một tình tự cõi hữu của người Việt-Nam, tồn tại qua bao nhiêu đời, ăn sâu vào con người sống trên mảnh đất này, và đã thành một dân-tộc-tinh. Cũng nhờ truyền thống dân tộc đó, nhờ tinh thần trào phúng mà con người Việt luôn luôn vẫn duy trì được bản sắc nòi giống qua bao nhiêu thăng trầm, biến đổi của đất nước trước những nguy cơ đe dọa, đồng hóa, tiêu diệt.

Tinh thần trào phúng là một lợi khí sắc bén giúp cho con người Việt vui vẻ, tin tưởng, phản đối. Tiếng cười ở ngoài đời đã chuyển sang địa hạt nghệ-thuật, kết tinh nên một kho tàng vô giá của dân tộc: văn chương trào-phúng Việt-Nam.

Văn chương trào phúng Việt-Nam tập hợp tất cả những tiếng cười tiêu biểu của các tầng lớp xã-hội: từ tiếng cười hồn nhiên, chất phác của người nông dân đến tiếng cười mỉa mai, sâu sắc của kẻ sĩ. Những tiếng cười đã kích áp bức, giễu cợt giả dối, châm biếm hù lậu, chê bai gian - tà... những tiếng cười ấy xuất phát từ một tư tưởng lạc quan, một tinh thần phê phán, trào lộng đè sura đời, đà phá đè xây dựng, cười cợt đè giáo dục, đấu tranh. Dưới hình thức văn chương, những tiếng cười ấy nhảy vào các đối tượng thường thấy trong xã-hội: bọn cười nước, bọn tay sai của giặc, bọn quan lại thối nát, bọn cường hào ác bá, bọn giàu sang xu thời, hanh tiền, bọn đội lốt tu hành, dì đoán mê tín, bọn đời phong tai tục, bọn đạo đức giả.. .

Văn chương trào phúng do đó mà hết sức phong phú, mang nhiều hình trạng, nhưng tựu trung vẫn là biểu lộ một tinh thần dân tộc, nói lên thái độ của các tác-giả trước những cảnh nhân tình thế thái, những trò đảo điên ở đời.

Những tác-giả của văn-chương trào phúng, có tên tuổi hoặc vở danh, đều thường bộc lộ tiếng cười của mình bằng cách nói xa xôi kín đáo (ám dụ), nói thẳng (tả chân), nói ngay chính mình để giễu dời (tự trào).

« THI CA CHÂM BIẾM và TRÀO LỘNG VIỆT NAM », mà ông Hoàng-trọng-Thược đã nhiều công sưu tập, gom góp được những phần tiêu biêu nhất và giá-trị nhất từ xưa đến nay về tiếng cười trào lộng của dân tộc.

Soạn-giả lại khéo trình bày thêm phần chú dẫn, xuất xứ của nhiều bài thơ, khiến người đọc càng thích thú thêm trong khi thưởng thức giá trị nổi bật của ý nghĩa tiếng cười trong thơ.

Đang lúc chúng ta sống giữa một thời kỳ hồn đôn, quay cuồng, căng thẳng, những tiếng cười trong « THI CA CHÂM BIẾM và TRÀO LỘNG VIỆT-NAM » chắc chắn đem lại cho người đọc những giây phút sảng khoái, thích thú, đồng thời làm cho chúng ta càng tin tưởng và tự hào ở sức mạnh tinh thần của dân tộc.

Sàigòn cuối Xuân 1969

NHÂN VĂN

## LỜI NÓI ĐẦU

Từ lâu, tôi đã sưu tầm được nhiều thi ca châm biếm và trào lộng Việt Nam, từ xưa đến nay và từ Nam chí Bắc. Nay tôi chọn lọc lại những bài mà tôi cho là tiêu biêu nhất cho loại thi ca này, và in thành sách để công hiến độc giả.

Trước hết, về những bài được biết tên tác-giả, tôi sắp xếp theo thứ tự thời gian, nghĩa là theo năm sinh của tác-giả mà tôi ghi lại tiêu sủ một cách vẫn tắt.

Tiếp theo đó là các bài mà tôi chỉ biết tên hay biệt hiệu mà thôi, chứ không biết rõ tiêu-sủ tác giả.

Rồi mới đến các bài mà tôi không rõ tác-giả là ai, nên tôi xếp vào mục vô danh.

Bài thơ nào mà tôi biết được xuất-xứ (bài thơ nào mà chẳng có lịch-sử của nó), thì tôi cố gắng kể lại giải thoại để cho việc thưởng thức bài thơ thêm phần hứng thú.

Có nhiều bài thơ cần phải chú thích, chú dẫn, thì mới rõ cái hay, cái thâm thúy của thơ. Nhưng cũng có bài, nếu giải thích quá rõ ràng, thì mất hết cái hay, cái ý nhị của thơ, cho nên tôi để cho độc giả tự tìm ra cái « ý tại ngôn ngoại » của câu thơ hay của bài thơ, thì mới thấy hứng thú. Cái hay đặc biệt của thi ca Việt-Nam là ở chỗ đó.

Sau hết, tôi ghi lại một số ca dao, có tính cách châm biếm hay trào lộng, là tiếng nói hồn nhiên và chất phác của lớp người bình dân trong xã-hội Việt-Nam.

Tôi vẫn biết việc suy tầm và gom góp những thi ca chân biếm và trào lộng Việt Nam, tản mát trong không-gian và chìm lắng trong thời-gian, là cả một công trình toát, muốn cho được đầy đủ, phải do nhiều người thực hiện và đòi hỏi rất nhiều công phu và thời giờ. Cho nên cuốn sách nhỏ mà hôm nay tôi cho ra mắt độc-giả, chỉ là một đóng góp nhỏ mọn vào công cuộc toát ấy mà thôi, không khỏi có nhiều thiếu sót hoặc sơ xuất. Vì vậy, xin bạn đọc niệm tình lượng thứ cho những khuyết điểm ấy, tôi xin muôn vàn cảm tạ.

Mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1969  
HOÀNG TRỌNG THUỘC

## NGUYỄN-BIỂU

Tiêu sứ : Nghĩa-sĩ dời Hậu-Trần, Quán xã Bình-Hồ, huyện La-Sơn, phủ Đức-Thọ, tỉnh Hà-Tĩnh. Đậu Thái-học-sinh khoảng cuối đời Trần, làm quan đến chức Ngự-sứ. Bị tướng Tàu nhà Minh là Trương-Phụ bắt giết.

### CỎ ĐẦU NGƯỜI.

Ngọc thiện trân tu đã đủ mùi,  
Gia hào thêm có cỏ đầu người !  
  
Nem công chả phượng còn thua béo,  
Thịt gụ gan lân hàn kém tươi.  
  
Ca lối Lộc-Minh so cõng mệt, (1)  
Vật bày Thổ thủ bội hơn mười. (2)  
  
Kia kia ngọt tày vai lợn,  
Tráng-sĩ như Phàn tiếng đè đời. (3)

Sau khi Hồ-quý-Lý tiếm ngôi nhà Trần, vua Tàu Minh-thành Tồ cử tướng Trương-Phụ kéo quân sang Việt-Nam, bě ngoài lấy

(1) Bài hát Lộc-minh trong kinh thi, đài tiệc tân khách.

(2) Kinh thi : Hữu thổ ti thủ, bào chí phiền chí (cõ con thỏ trảng dầu, đem thui đem nướng)

(3) Phàn là Phàn-Khoa-i.

danh nghĩa phủ Trần diệt Hồ, nhưng bề trong là mưu việc thôn tính nước ta. Vua Trần là Trùng-Quang phải chạy vào Nghệ-An.

Vua Trần sai Nguyễn-Biều ra cầu phong với Trương-Phụ để làm kế hoãn binh. Khi Nguyễn-Biều vào yết kiến Phụ, Phụ truyền ông lạy, ông từ chối. Phụ bèn truyền dọn một mâm cơm, trong bát canh có chiếc đầu lâu người. Ông điểm nhiên lấy đũa khoét hai con mắt đầu lâu ra ăn một cách ngon lành, và nói : « Mấy khi được ăn thịt người Ngô ». Rồi vừa ăn ông vừa ngâm bài thơ trên.

Trương-Phụ giận lắm, sai đem trấn nước ông cho đến chết.

oOo

Thi ca châm biêm  
và trào-lộng v.n.  
Trung-Phu  
Vua  
Trần  
sai  
Nguyen-Bieu  
ra  
cầu  
phong  
với  
Truong-Phu  
để  
làm  
kế  
hoãn  
binh.  
Khi  
Nguyen-Bieu  
vào  
yết  
kiến  
Phu,  
Phu  
truy  
tren  
ong  
lai,  
ong  
tu  
choi.  
Phu  
ben  
truyen  
don  
mot  
mam  
com,  
trong  
bat  
canh  
co  
chi  
ec  
doi  
lau  
ngu  
oi.  
ONG  
diem  
nhi  
en  
lay  
dua  
kho  
et  
hai  
con  
mat  
doi  
lau  
ra  
an  
mot  
cach  
ngon  
lanh,  
va  
noi  
: «  
May  
khi  
duoc  
an  
thit  
ngu  
oi  
Ng  
o ».  
Roi  
vua  
an  
ong  
vua  
ngam  
bai  
tho  
tre  
n.

## NGUYỄN-MINH-TRIẾT

(1567 — 1662)

**Tiểu-sử:** Người làng Dược-Sơn, huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-Dương. Đò thám-hoa năm 54 tuổi đời vua Lê-thần-Tông, làm quan đến chức Bình-Bộ Thượng-tho, được phong tước Cầm-Quận-Cộng-đi về tri-sĩ.

Tho được 95 tuổi.

## TIẾT KIỆM

Giàu thì ba bữa, khó thì hai,  
Lăn lìa cho qua tháng thiếu đầy.  
Nón đồi lá ngoài, quần đồi ống,  
Dép thay da mặt, túi thay quai.  
Đặt vợ có cà đùng gấp mắm,  
Bảo con bót gạo bỏ thêm khoai.  
Thế-gian mặc kẻ cười hà-tiện,  
Ta chẳng phiền ai, chẳng lụy ai.

oOo

## TRẠNG QUỲNH tức NGUYỄN QUỲNH

**Tiểu sử:** Quán làng Bột-Thượng, huyện Hoàng-Hóa, tỉnh Thanh-Hóa không rõ sinh năm nào, chỉ biết rằng, ông Quỳnh là một người thông minh, học giỏi, năm 16 tuổi đã đậu hương-cống (cử-nhân) ông Quỳnh sống vào thời vua Lê-Hiển-Tông tức khoảng giữa thế-kỷ XVIII.

Ông Nguyễn-Quỳnh không thi đỗ trạng-nguyễn. Vậy tên Trạng Quỳnh là một danh hiệu mà nhân dân thời bấy giờ đã tặng cho vị hương cống tên là Quỳnh cũng như họ đã tặng cho một số người để gọi họ là Trạng Cờ, Trạng Ăn, v.v...

Tính hay khinh mạn và ưa nhạo báng quan-trường, nên ông Quỳnh đi thi hõng mãi. Trong khi Chúa Trịnh chuyên quyền, ông không màng công danh, thường đi ngao du và lấy thơ văn để châm biếm người đời.

### ĐỀ TƯỢNG BÀ BANH

Khen ai dẽo đá tạc nên mẩy,  
Khéo đứng ru mà đứng mãi đây.  
Trên cổ đêm đeo trám chuỗi hạt,  
Dưới chân đứng tréo một đôi giày.  
Áy đã phát cờ trên gheo tiếu,  
Hay là bốc gạo thử thanh thẩy?  
Có ngựa gần dây nhiều gốc dừa,  
Phố phang chi ở đâu quẩn này.

Tương truyền rằng trong miền ông Quỳnh ở, có một pho tượng đàn bà khỏa thân gọi là tượng bà Banh, miệng chum chít cười, tay chỉ xuống hạ bộ như có ý khoe khoang với khách qua đường. Pho tượng này nổi tiếng là thiêng. Những kẻ qua lại, người nào trông thấy sự phô trương trắng trợn ấy mà vô ý bật cười, thì khi về nhà thế nào cũng sinh ra đau ốm.

Thấy thế, trạng Quỳnh lấy làm nghịch mắt lầm. Một hôm, ông Quỳnh lấy bút đề bài thơ trên đây vào bụng pho tượng. Khi thơ đề xong, thì ở pho tượng mồ hôi toát ra như tắm. Từ đấy pho tượng hết thiêng.

### THƠ XỎ GÁI CHUA NGOA

Tuyên-Quang Hoàng-hóa cũng thi vua,  
Nắng cực cho nên phải mất mùa.  
Lại đứng đầu bờ xin xỏ chí,  
Chí nỡ lòng nào chí chẳng cho.

Ở Tuyên-Quang có một cô gái đẹp nhưng rất chanh chua. Nghe tiếng, ông Quỳnh mò đến tận Tuyên-Quang. Lúc ấy vào mùa gặt. Ông Quỳnh giả làm học trò nghèo đến xin lúa. Cô ả bắt ông Quỳnh làm một bài thơ xem có phải là học trò không. Ông Quỳnh làm ngay bài thơ trên tặng cô ả. Xem thơ, cô ả thiện đó cả mặt và từ đấy hết chanh chua.

### THƠ GỬI CHO VỢ

(Thay lời một giáo thụ)

Này lời giáo thụ gởi về quê,  
Nhắn nhủ bà bây chờ ngừa nghề.

Cỏi Bắc, anh mang天堂 cu lồng,

Miền Nam, em giữ cái trai he.

Hãy còn vướng vitt như hang thỏ ?

Hay đã to ho quá lỗ trè ?

Bấm đít bấm tròn mà chịu vậy,

Một hai ngày nữa đợi anh về.

Ông Quỳnh có một người bạn làm giáo-thụ ở một tỉnh xa nhà. Ông giáo-thụ lâu ngày xa vợ. Trong thơ này, ông giáo-thụ nói gì không rõ, người ta chỉ biết ông Quỳnh đã tìm cách đánh tráo bức thư ấy bằng bài thơ trên.

#### GHEO CÔ HÀNG NƯỚC

Bán hàng nay cô đã mẩy tuổi,

Nước cô còn nóng hay là nguội ?

Lưng lồng trên treo đám nem,

Lơ thơ dưới móc một buồng chuôi

Bánh rango bánh dầy đều xoa mỡ,

Khoai ngứa khoai lang cũng châm muối.

Ăn uống xong rồi tiền chưa đủ,

Biết nhau cho chịu một vài buổi.

Hai chữ sau cùng của hai câu chót bài thơ trên, nếu đọc theo giọng Nghệ-Tịnh, thì thành ra chót nhã.

#### CHƠI PHỐ HIẾN

Đồn Phố-Hiến vui hơn Kinh-ky,

Chơi ba ngày chẳng thấy quái gì.

Ngô lớn, Ngô con rango trắng nhởn,

Đi già, đi trẻ đách thâm sì.

#### BỐN QUAN TRƯỜNG CHẤM THI

Văn chương phú lục đã xong rồi,

Thùa giấy làm chi chảng vẽ voi ?

Nhắn nhủ một lời cho chúng biết :

Đứa nào cười tớ nó ăn bòi.

Sau khi đỗ hương-cống, ông Quỳnh không muốn thi Hội. Vì bị chúa Trịnh ép nài, Quỳnh phải đi thi để cho chúa Trịnh có cớ lấy Quỳnh đỗ Trạng nguyên chính thức. Nhưng khi vào thi, Quỳnh tìm cách phá rối chơi : sau khi làm văn bài xong rồi, thấy còn thừa giấy, Quỳnh lấy bút vẽ đầy voi và ngựa rồi để bốn câu thơ trên chửi các quan chấm thi đè quan chấm cho Quỳnh trượt, và quả nhiên, Quỳnh trượt thật.

#### VĂN TẾ HAI BỐ

Ông trấn Bắc-ninh,

Ông tri-phủ Kiến.

Ông thấp lùn chún,

Ông cao nghêu nghện.

Tưởng ông sống tám mươi,

Ông sống chín mươi cho đến một trăm.

Nào ngờ ông chết tháng chín,

Ông chết tháng mười, cùng về một chuyền.

*Than ôi !*

*Hạc tách lên ngàn,  
Rùa bò xuống biển :  
Nhè đâu một đám hai ma,  
Song le nhất cử lưỡng tiện.  
May hai nhà cùng có bát ăn  
Chả có phen này thì biến !*

Thân phụ ông là người lùn, làm tri phủ Kiến-Xương ; còn nhạc phụ ông là người dong dỏng cao, làm Tòng-Trấn Bắc-Ninh. Hai ông cùng mất một năm, cách nhau có mấy ngày. Quỳnh thu xếp đưa hai linh cữu về quê, cho hai đám cùng đưa một ngày, bày bàn thờ chung đê tế chung vào một tuần cho đỡ tốn kém.

Xem bài văn tế trên, đủ thấy ông Quỳnh là người ngang tàng và ngô ngược, ngay bậc cha mẹ cũng còn đem ra mà chế giễu.

○○○

### NGUYỄN-GIA-THIỀU (1741-1798)

Tiểu-sử : Danh-sĩ đời Lê-mạt, quán xá Liễu-Ngan, huyện Siêu-Loại (tức phủ Thuận-Thành), tỉnh Bắc-Ninh.

Năm 19 tuổi, được sung chức hiệu-úy, sau đi đánh giặc có công, được thăng Chỉ-úy Đồng-tri và được phong tước Ôn-như-Hầu.

Tính tình khoáng-đat, tuy sinh trưởng ở nơi quyền quý (thân-mẫu ông là Ngọc-Tuân, hiệu Quỳnh-Liên Quận-Chúa, con gái chúa Trịnh-Cương), nhưng không ham thích công danh, mà chỉ muốn tìm thú vui trong việc nghiên-cứu đạo Tiên, đạo Phật và cùng bạn-hữu uống rượu làm thơ.

Khi Tây-Sơn ra Bắc, ông đi ở ẩn, không chịu ra làm quan.

Tác-giả khúc « Cung-Oán ngâm ».

### KHỐI TÌNH

*Khạc chảng ra cho, nuốt chảng vào,  
Khối tình nghẹn mãi biếc làm sao ?  
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,  
Rằng : « Ông ai ơi nó thế nào ? »*

○○○

## ĐẶNG - ĐỨC - SIÊU

(1750 — 1810)

Tiêu-sử : Người huyện Hoài-Nhơn, tỉnh Bình-Định.

Đỗ Hương-Tiến năm 16 tuổi, đời chúa Định-Vương Nguyễn-phước-Thuần, làm quan trong Viện Hàn-Lâm tại Phú-Xuân. Về sau, vào Nam giúp chúa Nguyễn-phước-Ánh chống Tây-Sơn, chuyên giữ việc từ-lệnh, đặt diền-lẽ và triều-nghi.

Sau khi vua Gia-Long lên ngôi, ông được cử giữ chức Phu-đạo trong Cung rồi lần hồi lên đến chức Lễ Bộ Thượng thư.

Đã sáng tác bài « Văn tế Phò-mã Chưởng-Hậu-Quân Võ-Tánh và Lễ Bộ Thượng-Thơ Ngô-tùng-Châu », là một áng văn kiệt tác.

### VỊNH CON RẬN

*Chuột xạ đồi phen đã khoét đào,  
Lại thêm loài rận ở trong bâu ;  
Áo cơm trên Chúa nhở no ấm,  
Máu mủ ngoài dân hút tồn hao.  
Xếp giáp khi an na bụng túi,  
Giấy bình lúc động thực đầu vào.  
Cơ chi taặng quyền xanh vạc,  
Trứng mén nhà bảy thay tận phao.*

oo

## PHẠM-THÁI

(1777-1813)

Tiêu-sử : Nghia-sĩ đời Lê-mạt, thuộc dâng Cản-vương chống Tây-Sơn.

Tên thật là Phạm-đan-Phượng, người làng Yên-Thường, huyện Đông-Ngàn, phủ Từ-Sơn, tỉnh Sơn-Tây.

Mưu việc khởi-nghĩa chống Tây-Sơn để khôi phục nhà Lê. Bi truy-nã, phải trá hình vào tu ở chùa Tiêu-Sơn, lấy hiệu là Phồ-Chiêu Thiền-Sư.

Việc khởi-nghĩa thất bại, lại thêm buồn chán về cuộc tình duyên trắc-trở với nàng Trương-quỳnh-Như, ông bỏ đi lang thang đó đây, ngày ngày uống rượu làm thơ, tự xưng là Chiêu-Lỳ. Mất năm 37 tuổi.

Là một nhà thơ có biệt tài, đã đề lại :

— Bài « Chiến-tụng Tây-hò phú » (đả-kích bài « Tụng Tây-hò của Nguyễn-huy-Lượng).

— bộ « Phồ-chiêu Thiền-sư thi-văn tập »,

— và một cuốn truyện nôm nhan đề là « Sơ-kính Tân-trang» diễn-tả mối tình của ông đối với nàng Trương-quỳnh-Như.

## TƯ TRÀO

I

Có ai muốn biết tuổi tên gì ;  
 Vì ba chán ba mươi gọi chú Lỳ.  
 Năm bảy bài thơ gãy gõi hạc,  
 Một vài đứa trẻ béo rỗng nghê.  
 Tranh vờn sơn-thủy màu nhem nhuốc,  
 Bầu giặc kiền-khôn giọng bét-be,  
 Miễn được ngày nào cho sướng kiếp,  
 Sống thì nuôi lấy, chết chôn đi.

II

Năm bảy năm nay những loạn ly,  
 Cũng thi duyên phận cũng thi thi.  
 Ba mươi tuổi lẻ là bao nả,  
 Năm sáu đời vua khéo chông ghê.  
 Một tập thơ đầy ngâm sảng-sảng,  
 Vài nai rượu kẽm ních tỳ tỳ.  
 Chết về tiên bụi chờ xong kiếp,  
 Đù oà trân-gian, sống mãi chi !

## ANH NGHIỆN RUỘU

Sống ở dương-gian đánh chén nhè,  
 Thác về âm-phủ cắp kè kè.

Diêm-Vương phán hỏi mang gì đó ?  
 — Be !

## MIỀU NGƯỜI HAY ĐI ĐÁNH BẠC

(Lời cha trách con)

Ác lận xăm xăm tói,  
 Gà kêu lên lên vè,  
 Quan ngắn hết, quan dài hết,  
 — Ghê !

(Con trả lời)

Một năm mười hai tháng,  
 Một tháng ba mươi ngày,  
 Hủ lớn cạn, hủ bé cạn,  
 — Hay !

(Cha con phá nhà, vợ than khóc)

Trông lên nhà đõ doạn,  
 Trông xuống vách tan rã,  
 Cha thế ấy, con thế ấy,  
 — Thôi !

oo

## CÂU ĐỐI

## Gặp đám ma

Chợt thấy xe kim cương ra đi, không thân-thích nhẽ  
dâu mà khóc mướn ?

Tranh tưởng máy âm-dương đừng nghĩ lại, nỗi tâm  
tình phút chốc hóa thương vay.

## Tự sự

Một vài tuần chén trắng lấy làm vui, thủa trước có tho  
tri-thánh rượu.

Ba mươi sáu tàn vàng thi cũng vậy, ngày sau không  
lẽ đáng-thần cơm.

oOo

## HỒ-XUÂN-HƯƠNG

**Tiêu-sử:** Con ông Hồ-phi-Diễn, quán làng Quỳnh-Đôi, huyện  
Quỳnh-Lưu, tỉnh Nghệ-An. Không rõ sinh năm nào mất năm nào,  
chỉ biết nàng sống vào khoảng Lê-mạt Nguyễn-sơ (1788-1802). Cha  
chết sớm, ở với mẹ. Mẹ cho đi học, nàng học rất giỏi, nhưng chẳng  
bao lâu phải từ giã nhà trường. Nàng ở nhà song vẫn theo đuổi tự  
học, tài tình khác thường, nói tiếng hay chữ, văn chương xuất chúng.

Nàng hay lấy văn thơ để tiếp xúc và thử tài văn-nhân trong  
số đó có ông Chiêu-Hồ (tức Phạm-đinh-Hồ, tác-giả tập « Vũ-Trung  
tùy bút ») là tương đắc hơn cả. Nàng rất kén chồng, nhưng duyên  
số lận đận. Xem thơ nàng thì biết: trước nàng làm lẽ ông Phủ-Vinh-  
Tường rồi sau khi ông Phủ chết, lại làm lẽ ông Cai-Tông-Cóc.

Có lẽ vì hoàn cảnh thân thế nên thơ văn của nàng thường  
biểu lộ giọng cay chua hoặc lẳng lơ. Suốt tập thơ « Xuân-Hương thi  
tập », không mấy bài là không có ý lâ-loi dù tâ-cảnh gì cũng vậy,  
nhưng lời thơ rất chải chuốt, giọng thơ rất êm đềm.

So với các nhà thơ khác, Hồ-xuân-Hương có một lối diễn đạt  
ý túc hết sức mới mẻ, phóng khoáng và ẩn chứa một tính cách trào-  
lộng đặc biệt ít thấy ở các thi-nhân khác.

## CÁI QUẠT

## I

*Mười bảy hay là mười tám đây ?*

*Cho ta yêu dấu chẳng rời tay !*

*Móng dày chừng ấy chành ba góc,*

Rộng hép đường nào cầm một cây.

Càng nóng bao nhiêu thời càng mát,

Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày.

Hồng hồng mà phẩn duyên vì cây (1)

Chúa dấu, vua yêu một cái này !

## II

Một lỗ xâu xâu mẩy cũng vừa,

Duyên em dính dáng tự ngày xưa.

Phành ra, ba góc da còn thiếu,

Khép lại, đôi bên thịt vẫn thừa.

Mát mặc anh hùng khi tắt gió,

Che đầu quân-tử lúc sa mưa.

Nâng niu uốn hỏi người trong trường :

Phành phạch trong lòng đã sướng chưa ?

## DỆT CỦI

Tháp ngọn đèn lên thấy trắng phau,

Con cò mấp-máy suốt đêm thâu. (2)

Hai chân đạp xuồng nẵng nẵng nhắc,

Một suốt đám ngang thích-thích mau.

Rộng hép nhỏ to vừa vặn cả,

Ngắn dài khuôn khò vẫn như nhau.

(1) Cây : chất nhựa dẻo lấy ở trái cây ra, dùng để phết lên quạt cho đẹp và bền.

(2) Con cò : con chim làm bằng gỗ treo trên khung cùi, mỏ cò ngắn dày tẩm go xêu sợi lê, đuôi cò thâ dây kéo tẩm go xâu sợi chân.

Cô nào muôn tốt, ngâm cho kỹ,

Chờ đến ba thu mới đổi màu.

## ĐÁNH ĐÚ

Tám cột khen ai khéo khéo trống.

Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông.

Trai giu gối hạc khom khom cật,

Gái uốn lưng ong ngữa ngữa lòng.

Bốn mảnh quần hồng bay pháp phói,

Hai hàng chân ngọc duỗi song song.

Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá ?

Cọc nhò đi rồi lỗ bỏ không !

## CÁI GIẾNG

Ngõ ngay thăm thăm tới nhà ông,

Giếng tốt thanh thời giếng lạ lùng !

Cầu trắng phau phau đôi ván ghép,

Nước trong leo leo một dòng thông.

Có gà lún phún leo quanh mép,

Cá diếc le te lách giữa dòng.

Giếng ấy thanh tân ai đã biết,

Đỗ qì dám thả nạ rồng rồng ? (1)

(1) Nạ là me. Nạ rồng rồng là một thứ cá mà miền Bắc gọi là cá chuối, miền Trung gọi là cá trèu và miền Nam gọi là cá lóc, đè con rất nhiều ; cá con khi nhú gọi là cá rồng rồng.

## VỊNH CHÚ LÁI

Chú lái kia oi, biết chủ rồi!  
Qua sông rồi lại dầm ngay bời. (1)  
Chèo ghe vừa khỏi dòng sông ngược,  
Đầm c... ngay vào ngăn nước xuôi.  
Mới biết lên bờ đà vỗ đít,  
Nào khi giữa khúc phải xo vòi (2)  
Chuyển đò nên nghĩa sao không nhớ?  
Sang nưa hay là một chuyến thôi?

## CHÙA HƯƠNG-TÍCH

Bày đặc khen ai khéo khéo phòn,  
Nứt ra một lỗ hôm-hồm-hom.  
Người quen cõi Phật chen chân xoc,  
Ké lạ bầu Tiên mỏi mắt dom.  
Giọt nước hữu tình rời thánh thót,  
Con đường vô-trạo cui lom khom.  
Lâm-truyền quyến cả phồn-hoa lại,  
Rõ khéo trói già đến dở dom!

(1) Thoát ý ở lời nói thường-tục : « chưa qua sông đã dầm bời vào sông »:

(2) Xo vòi : chỉ sự sợ hãi quá đà.

## QUẢ MÍT

Thân em như quả mít trên cây,  
Vỏ nó xù xì, múi nó dày.  
Quân-tử có yêu thì đóng cọc,  
Xin đừng mân mó nhọa ra tay!

## THIẾU-NỮ NGỦ NGÀY

Mùa hè hẩy hẩy gió nồng đông,  
Thiếu-nữ nằm chơi quá giấc nồng.  
Lược trúc chải cài trên mái tóc,  
Yếm đào trê xuồng dưới nương long (1)  
Đôi gò Bồng-dảo sương còn ngâm,  
Một lach Đào-nguyên suối chừa thông.  
Quân-tử dùng-dắng đi chẳng dứt,  
Di thì cũng dở, ở không xong!

## LỒM QUAN THỊ (2)

Mười hai bà mụ ghét chì nhau,  
Đem cái xuân-tình vứt bỏ đâu? (3)  
Rúc-rích thây cha con chuột lắc, (4)

(1) Nương long : là cạnh sường

(2) Quan-thị : là quan nội-giám túc là hoạn quan.

(3) Chì cõi-quan sinh dục.

(4) Ca-dao : Con gái mười bảy muỗi ba,  
Đem nắm với mẹ chuột tha mắt dở.

Vo-ve, bét mè cái ong bău. (1)  
Đỗ ai mà biết vông hay chóc (2)  
Còn kẻ nào hay cuồng với đầu ?  
Thôi thế thời thoi, thôi cũng được,  
Nghìn năm càng khỏi tiếng nương dâu. (3)

## VỊNH CHÙA QUÁN-SỨ

Quán-sứ sao mà cảnh vắng teo !  
Hồi thăm sư cụ đáo nơi neo ? (4)  
Chày kẽm tiêu đè suông không dám,  
Tràng hạt vai lăn đếm lại deo. (5)  
Sáng banh không kẽ khua tang mít,  
Trưa trật nào ai móc kẽ rêu.  
Cha kiếp đưòng tu sao lắc leo ?  
Cảnh buồn thêm ngán nợ tình deo !

## TIỀN SƯ ỐNG

Cái kiếp tu-hành nặng đá deo,  
Vì gì một chút tẻo-tèo-teo ?

(1) Con ong bău hút nhị hoa (con ong chỉ người đàn ông, cái hoa chỉ người đàn bà).

(2) Vông, : lá cây hình tam giác. Chóc : lá cây có hình thù giống bộ sinh-dục của đàn ông.

(3) Nương dâu : trai gái hẹn hò nhau trong nương dâu, ý nói chuyện dâm bên bờ chánh.

(4) và (5): đọc lái có một nghĩa khác.

Thuyền từ cũng muốn về Tây-trúc,  
Trái gió cho nên phai lện lèo !

Bài thơ trên vịnh một ông sư bị mang tiếng xấu là hoạnh dâm, bị dân làng xua đuổi đi.

## HANG THÁNH-HÓA

Khen thay con tạo khéo khôn phàm !  
Một đỗ giuong ra biết mấy ngoàm.  
Lườn đá cỏ leo, sờ rậm rạp,  
Lách khe nước rỉ, mó lam nham.  
Một sư đầu trọc ngồi khua mõ,  
Hai tiêu lưng khὸm đứng giữ am.  
Đến mới biết rằng hang Thánh-Hoa,  
Chồn chân mỏi gối hãy còn ham.

## HANG CẮC-CỐ

Trời đất sinh ra đá một chòm,  
Nứt làm đôi mảnh hôm-hôm-hom.  
Kè hầm rêu mốc tro toen hoen,  
Luồng gió thông reo vỗ pháp phòm.  
Giọt nước hữu-tình rơi lõm-bõm,  
Con đường vô-ngạn tối om om.  
Khen ai deo đá tài xuyên tạc,  
Khéo hót hênh ra lăm kẽ dòm.

## QUA ĐÈO BA-DỘI

Một đèo, một đèo, lại một đèo,  
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.  
Cửa son đỏ loét tùm-bum nóc,  
Hòn đá xanh rì lún-phún rêu.  
Lắc-lèo cảnh thông, cơn gió thốc,  
Đầm-dìa lá liễu, giọt sương gieo.  
Hiền nhân, quân-tử ai là chẳng?  
Mỗi gối, chồn chân cũng phải trèo,

## ỐC NHỒI

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi,  
Đêm ngày lẩn lóc đám cỏ hôi.  
Quân-tử có thương thì bóc yếm,  
Xin đừng ngó-ngoáy lỗ tròn tôi.

## PHẬN LỄ MỌN

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng.  
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!  
Năm thì mưới họa, nên chẳng chớ,  
Một tháng đôi lần, có cũng không.  
Cố dấm ăn xôi, xôi lại hầm,  
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.

Thân này vì biết đường này nhẽ,  
Thà trước thôi dành ở vậy xong!

## TRỐNG LỦNG

Cửa em bụng bit vẫn bùi-nhùi,  
Nó lủng vì chưng kẻ nặng dùi.  
Ngày vắng đậm tung nấm bảy chiếc,  
Đêm thanh tùng cắc một đôi hổi.  
Khi đang thăng cánh, bù khi cùi,  
Chiến đúng không thôi, lại chiến ngồi.  
Nhắn nhủ ai về thương lấy với,  
Thịt da đâu cũng thế mà thôi.

## TÁT NƯỚC GÀU SÔNG

Đường cơn nắng cực chừa mưa tè,  
Rủ chị em ra tát nước khe.  
Léo déo chiếc gàu ba góc giụm,  
Lênh đènh một ruộng bốn bờ be.  
Xì-xòm đáy nước mình nghiêng-ngửa,  
Nhấp-nhôm bên ghềnh đíc. vắt-ve.  
Ham việc làm ăn quên cả nhạc,  
Dạng hang một lúc đã đầy phè.

## NƠI CHỒNG CON

Hỡi chị em ơi, có biết không?  
 Một bên con khóc, một bên chồng!  
 Bố cu lồm ngồm bò trên bụng,  
 Thằng bé o-oe khóc cạnh hông.  
 Tay nhúng vôi vàng vơ với vén,  
 Miêng liếc rù-ri bỗng cùng bỗng.  
 Chồng con cái nợ là như thế,  
 Hỡi chị em ơi, có biết không?

## LỒM ÔNG CỦ VÔ

Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn,  
 Tối tuy không mắt sáng hơn đèn.  
 Đầu đội nón da loe chớp đỏ,  
 Lưng đeo bị đạn rủ thao đen.

## VỊNH NHA SƯ

Chẳng phải Ngô, chẳng phải ta,  
 Đầu thi trọc lốc, áo không tà.  
 Ông dâng trước mặt năm ba phẩm,  
 Vai nấp sau lưng sáu bảy bà.  
 Khi cảnh, khi tiu, khi chùng-chợe,  
 Giọng hì, giọng hì, giọng hi-ha.

Tú lâu có lẽ lên suz-cụ,  
 Ngắt-nghẽo tòa sen nở đó mà!

## CHÚA HOANC

Cả nẽ cho nên sự dờ-dang,  
 Nỗi niềm, chàng có biết chàng chàng?  
 Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc,  
 Phận liêu sao đà này nét ngang.  
 Cái nghĩa trăm năm, chàng nhớ chưa?  
 Mành tình một khói, thiếp xin mang.  
 Quần bao miệng thế lời chênh lệch,  
 Những kè không mà có mới ngoan! (1)

## BỐN BA LANG KHÓC CHỒNG

Vắng vắng tai nghe tiếng khóc gì?  
 Thương chồng nên nỗi khóc tì-ti...  
 Ngót bùi, thiếp nhớ mùi cam-thảo,  
 Cay đắng, chàng ôi! vị quế chi?  
 Thạch-nhũ, trân-bì sao đè lại?  
 Qui-thân, liên-nhục tầm mang đi.  
 Dao-cẫu, thiếp biết trao ai nhỉ?  
 Sinh ký, chàng ôi! từ tắc qui!

(1) Câu này thoát ý ở câu ca dao:

\* Không chồng mà chưa mới ngoan,  
 \* Có chồng mà chưa thể gian sự thường \*

## SỰ BỊ ONG CHÂM

Nào nón tu, nào mũ thâm,  
Đi đâu không đợi đè ong châm ?  
Đầu sur há phải gì bà cốt,  
Bá ngọ con ong bé cái lâm.

## ĐÁNH CỜ TƯỚNG

Chàng với thiếp canh khuya trắn trọc,  
Đốt đèn lên đánh cuộc cờ người.  
Hẹn rằng đầu tri mà chơi,  
Cám ngoại-thủy không ai được biết.  
Nào tướng sĩ giàn ra cho hết,  
Hai ta cùng quyết chí một phen,  
Quân thiếp trắng, quân chàng đen,  
Hai quân ấy chơi nhau đà đã lũa.  
Thoạt mới vào chàng liền nhảy ngựa  
Thiếp vội vàng vén phứa tinh lên.  
Hai xe hà chàng gác hai bên,  
Thiếp sợ bị thiếp liền ghềnh sỉ.  
Chàng lừa thiếp đang khi bắt ý,  
Đem tốt đầu dù dí vô cung.  
Thiếp đương mắc nước xe lồng,

## HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Nước pháo trắng đã nồ dùng ra chiếu.  
Chàng răng chịu thiếp răng chưa chịu,  
Thua thì thua cõng niu lấy con,  
Khi vui nước nước non non,  
Khi buồn lại dở bàn son quân ngà.

## XƯỚNG HỌA VỚI ÔNG CHIÊU-HỒ

## GẶT VỚI CHIÊU-HỒ

Anh đồ tỉnh, anh đồ say ?  
Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày ?  
Này này chỉ bảo cho mà biết,  
Chỗn ấy hang hùm chờ mó tay.

## CHIÊU-HỒ HỌA LẠI

Này ông tỉnh, này ông say,  
Này ông ghẹo nguyệt giữa ban ngày.  
Hang hùm ví bằng không ai mó,  
Sao có hùm con vòng chốc tay.

## TRÁCH CHIÊU-HỒ

Sao nói rằng năm lại có ba ?  
Trách người quân-tử hẹn sai ra.  
Bao giờ thong thả lên chơi nguyệt,  
Nhờ hái cho xin năm lá đa.

## CHIỀU-HỒ HOẠ LẠI

Rằng giàn thì năm, quí có ba,  
Bởi người thục-nữ tinh không ra.  
Ư, rồi thông thả lên chơi nguyệt,  
Cho cả cảnh đà lẵn cả đà.

Ngày xưa tiêu tiền có quan giàn và quan quý. Quan giàn có sáu tiền mà quan quý thì mười tiền.

## THƠ GỬI CHIỀU-HỒ

Những bầy lâu, nay luồng nhẫn nhẹ,  
Nhẫn nhẹ toan những sự gùn-ghè.  
Gùn-ghè những vẫn còn chưa dám,  
Chưa dám cho nên phải rụt rè.

## CHIỀU-HỒ HOẠ LẠI

Hời hời cõi bay, tờ bảo nhẹ,  
Bảo nhẹ không được gãy ống ghè,  
Ông ghè không được, ống ghè mãi,  
Ghè mãi thì lâu cũng phải rè.

Tiêu-sử Phạm-dinh-Hồ (1768—1839) : Tự Tùng-Niên hoặc Bình-Trực, hiệu Đông-dã-Tiêu; tác-gọi là Chiêu-Hồ. Người xã Đan-Loan, huyện Bình-Giang, tỉnh Hải-Dương. Sinh vào cuối đời Cảnh-Hưng.

Học rộng, có tài làm thơ nôm; ông là bạn văn-chương của sĩ Hồ-xuân-Hương. Vua Minh-Mạng biết tài, nên vời ông ra làm an đến Quốc-tử-Giám Tế-tửu.

Đã để lại nhiều tác-phẩm quý giá về lịch-sử, địa-lý, học-thuật, in-lê, phong-tục vào cuối đời Lê. Có giá-trị hơn hết là sách « Vũ-ông-tùy-bút » (2 quyển) chép về tiêu-truyen các bậc danh-nhân, khảo u về duyên-cách địa-lý, về phong-tục, học-thuật, lê-nghi, v.v... và th « Tang-Thương Ngẫu Lục » quyển 2 in năm 1896, cùng soạn ưng với Nguyễn-An.

oo

## Thi cử dưới thời Tây-Sơn

Giai thoại về bài thơ « Vịnh con cóc » :

Há miệng lừng đất Bắc,  
Nghiến răng động trời Nam,  
Ấy đó là con cóc,  
Chẳng phải trái chàm bàm.

Vua Quang-Trung (1788-1792), sau khi bình-định thiên-hạ, đặt lại việc nội-trị, cho xây dựng trường-học, khuyến khích việc hành, trọng đai-si-phu và đem chữ nôm vào chương-trình thi-cử.

Tương truyền rằng, trong một phiên định-thi văn-dáp, vua bốn-si-tử đã trúng tuyển qua nhất nhì tam-trường, vào phúc ch tại đền rồng. Vua ra đầu để thơ bằng chữ nôm thuần túy: « Vịnh con cóc » và nhơn thấy trước sân rồng một cây chàm bàm, a lại hạn cho vận « bàm ». Điều lệ cuộc thi được ấn định như: Mỗi si-tử bước lên một tam-cấp phải ứng khẩu một câu thơ và chỉ khi tiếng trống điềm là phải làm xong.

Sau khi bắt thăm số thứ tự, sī-tử số một bước lên tam đầu, nghe « thùng », đọc :

« Há miêng lúng đất Bắc »

Sī-tử số hai bước lên cấp nhì, nghe « thùng », đọc tiếp :

« Nghiến răng động trời Nam »

Sī-tử số ba, chân bước lên cấp ba, nghe « thùng » đọc bướ

« Ấy đó là con cóc »

Sī-tử số tư bước lên cấp tư, nghe « thùng », thong thả

« Chẳng phải trái chàm bàm ».

Suy nghĩ hồi lâu, vua ban khen và cho đỗ cả bốn người, phân hạng cao thấp, vua quyết định :

— Sī-tử số bốn đã bí vận mà khéo kết thúc bài thi (ch

phải trái chàm bàm), vua cho đỗ đầu.

— Sī-tử số hai, sau câu « Há miêng lúng đất Bắc » mà

được « Nghiến răng động trời Nam » là rất chỉnh, vua cho

thứ nhì.

— Sī-tử số một, tuy xuất đẽ mau, ý tứ cao siêu, như

không khó lầm, vua cho đỗ thứ ba.

— Sau hết, sī-tử số ba, luận hơi lúng túng, không

đến thanh thoát, vua cho đỗ chót.

Cứ xét theo đầu đề thơ mà vua đã ra, cùng ý và lời thơ

hai sī-tử số 3 và số 4 (Ấy đó là con cóc, chẳng phải trái chàm bàm)

mà vua cũng lấy đỗ, thì dù biết vua Quang-Trung (vị « anh-hùng

vài ») xuất thân ở dân dã, không được theo dõi học hành bao nhiêu

### NGUYỄN - CÔNG - TRÚ

(1778 — 1858)

Tiêu-sử : Hiệu Ngộ-Trai, tự Tôn-Chất, biệt hiệu Hi-Văn, quán làng Uy-Viễn, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh, sinh năm 1778 Lê-Hiền-Tông, Cảnh-Hưng 38) tại xã Địa-Linh, huyện Quỳnh-Cô, ình Thái-Bình. Đỗ thủ-khoa năm Gia-Long 18 (1819) lúc ông

40 tuổi.

Làm quan đến chức Tòng-đốc và Bình-Bộ Thượng-tho, nhưng rong đời làm quan của ông, lúc thăng lúng trâm, có khi bị vu-cáo, riều-dịnh lột hết chức tước và phát đi làm linh thú ở tỉnh Quảng-Ngãi.

Về hưu-trí năm 71 tuổi và mất ngày 14 tháng 11 năm mậu-ngo 1858) tại làng Uy-Viễn, thọ được 80 tuổi.

### THẾ-THÁI NHÂN TÌNH

*Thế-thái nhân tình gồm chết thay,  
Nhạt nồng trong chiếc túi voi đầy.*

*Hè không điều lợi, khôn thành đại,  
Đã có đồng tiền dở hóa hay.*

*Khôn khéo chẳng qua ba tắc lưỡi,  
Hắn hơi không hết một bàn tay.*

*Suy ra cho kỹ hơn chi nữa,  
Bạc quá vôi mà mỏng quá mây.*

## TUỒNG ĐỜI

Một tăm, một vóc kém chi mô ?  
 Cho biết chanh chua khẽ cưng chua.  
 Đã chắc bùa trưa chừa bùa tối,  
 Mà ham con diếc tiếc con rô.  
 Trăm điều đồ tội cho nhà oán,  
 Nhiều sái không ai đóng cửa chùa.  
 Khó bó cái khôn đừng nói khéo,  
 Đò ai nước lâ khuấy nên hổ ?

Trong mỗi câu thơ trên đây, tài sử dụng tục ngữ thật tuyệt kỹ.

## KHÁT NỢ TÒ-TÔM

Thân bát văn tôi đã xác vờ,  
 Cửa nhà còn biết bán chi giờ ?  
 Của trời những muôn không thang bắc,  
 Lộc thánh còn mong lục sách chờ.  
 Thiên tử nhất văn rồi chẳng thiếu,  
 Nhân sinh tam vạn hãy còn thừa.  
 Đã dành thất sách kêu chi nữa,  
 Ông lão tha cho cũng được nhờ.

Trong mỗi câu thơ trên đều có tên một quân bài tò-tôm.

Tò-tom tên chữ gọi hà sào,

Đánh thì không thấp cung không cao,  
 Được thì vor ca, thua thì chạy.  
 Não !

Một hôm ông Nguyễn-công-Trứ đến thăm một cô đầu, nhưng cô đầu tiếp chuyện ông một cách hờ hững. Ông bức mình đọc luôn bài thơ :

Tao ở nhà tao, tao nhớ mi,  
 Nhớ mi nên phải bước chân đi.  
 Không đi mi nói rằng không đến,  
 Đến thì mi hỏi đến làm chi ?  
 Làm chi tao đã làm chi được,  
 Làm được tao làm đã chán khi.

Một hôm khác, khi ông làm Tòng-đốc Hải-Dương, ông đặt tiệc đón khách, có mời cô đầu đến hát. Trong lúc hát, cô đầu đã ngâm câu :

« Giang-sơm một gánh giữa đồng,  
 Thuyền quyền út hụ anh hùng nhớ chặng ? »

Ông bèn nhớ ra rằng lúc chưa hiền đạt, ông có mê một cô đầu, nhưng ve mãi không được, ông mới nghĩ ra kế làm anh kép đòn để cô luôn được gần người đẹp. Một ngày nọ, ông cùng với cô đầu và một đứa hầu nhỏ sang hát ở làng bên. Khi đi đến quãng đồng vàng, ông vờ kêu đã bỏ quên giây đàn và cặp sanh ở nhà, để rồi sai đứa nhỏ trở về lấy, mặc cho ông tha hồ « bắt chẹt » cô đầu ở giữa đồng không mông quạnh.

Nay nghe câu hát trên, ông sực nhớ lại câu chuyện xưa, hồi tên cô đầu, thì chính là Hiệu-Thư, người đẹp ngày trước mà đã làm cho phái kêu «tr hụ» ở giữa đồng. Tuy bây giờ Hiệu-Thư lớn tuổi, không còn đẹp như xưa nữa, nhưng cũng còn có duyên nhất là vẫn còn hát hay, nên ông không ngần ngại lấy cô ta làm thứ sáu một cỗ xe, dùng một con bò cái, cõi đeo nhạc, dề kéo. Ông

Ông bốn đào Hiệu-Thư bằng bài thơ :

#### BỐN CÔ ĐÀO GIÀ

*Liếc trông đáng giá mấy mười mươi,  
Đem lạng vàng mua lấy tiếng cười.  
Trăng xế nhưng mà cung chưởng khuyết,  
Hoa tàn song lại nhịn còn tươi.  
Chia đôi duyên nợ còn hơn một,  
Mà nét xuân kia vẹn cả mươi.  
Vì chút tình duyên nên đầm thắm,  
Khéo làm cho bạn khách làng chơi.*

#### CẨM ƠN HAI CÔ ĐÀO

*Lật đặt qua đèo nắng cực thay !  
Hai cô thương đến lại cho giày.  
Ơn nay biết lấy gì mà trả,  
Xin quỳ hai gối chống hai tay.*

#### VỊNH TRÒ LEO GIÂY

*Nào nào thằng nào sợ thằng nào,  
Đã sa xuống thấp lại lên cao.*

*Hãy còn quanh quẩn trong vòng ấy,*

*Át hẳn ghe phen phải lộn nhào.*

Trước khi về hưu-trí và rời kinh-đô Hué, ông Nguyễn-công-  
Trứ sắm một cỗ xe, dùng một con bò cái, cõi đeo nhạc, dề kéo. Ông  
cõi xe ấy đến từ-giá các bạn bè. Khi đến nhà ông Hà-tôn-Quyền  
một vị đại-thần trước kia đã từng dèm pha ông và gây cho ông  
iều bước thăng trầm, ông lấy một cái mo cau, chép một bài thơ rồi  
vào phía trong đuôi con bò. Thiên hạ xúm lại xem thơ cười rúc  
ch, khiến họ Hà cũng muốn coi. Ông gạt đi và úp sấp tấm mo lại.  
hưng Hà đòi coi cho kỳ được, sán lại lật ngửa tấm mo lên đọc :

Thơ rằng :

#### « BIA MIỆNG THỂ-GIAN

*Xuống ngựa lên xe nọ tưởng nhàn,  
Lợm mùi giáng chức với thăng quan.  
Diễn-viên đạo chiếc xe bò cái,  
Sẵn tấm mo bung miệng thể-gian. »*

Đọc xong, Hà đỏ gay mặt, vì hiểu rằng Nguyễn-công-Trứ  
hơi khâm minh, ví «miệng thể-gian» hay dèm pha như miệng của họ  
là, nằm phía trong đuôi con bò cái.

Trước kia, hai người cũng đã từng chơi xỏ nhau bằng câu đối:

Một hôm, trong một bữa tiệc, Hà nói với Nguyễn :

«Quân-tử ô kỳ văn chi quý Ngài».

Nguyễn đáp ngay :

«Thánh nhân bất đặc dì dụng Cụ lớn».

Câu trên nguyễn là : «Quân-tử ố kỳ văn chí trú» nghĩa là quân-tử ghét những sự lèo loẹt bên ngoài. Hà dùng chữ «quý» để thay cho chữ «trú» là tên của Nguyễn.

Câu dưới nguyễn là «Thánh nhân bất đặc dì dụng quyền» là thánh-nhân bất đặc dì phải dùng đến quyền lực. Nguyễn dùng «cụ lớn» để thay cho chữ «quyền» là tên của Hà.

Năm 73 tuổi, ông Nguyễn-công-Trứ lấy một nàng hầu cõi lâm. Đêm động phong hoa-chúc, ông làm hai câu thơ :

«Tân-nhân dục văn lang niên kỷ ?

«Ngũ thập niên tiền nhị thập tam».

Ông Lãng-Nhân dịch :

Tuổi tớ, tân-nhân như muốn biết :

Năm mươi năm trước tờ hăm ba.

oo

## VŨ-DUY-THANH (1806 - 1833)

Tiểu-sử: Quán làng Kim-Bồng (nay đổi là Vân-Bồng), huyện Yên-Khánh, tỉnh Ninh-Bình.

Tư chất thông minh, phàm sách đã đọc qua một lượt là nhớ, có tài ứng đối mẫn tiệp.

Năm Tự-Đức thứ tư, đỗ «Bảng-nhờn thi Trạng-Nguyễn», nên người ta thường gọi ông là «ông bảng Kim-Bồng». Làm quan đến chức Tế-tửu.

Mất năm Tự-Đức thứ 14 (1833).

### THƠ TÙNG

Cái túng xem ra đẹ nhất ông,

Có ai là bậc thứ nhì không ?

Gió trăng kho săn tiều không hết,

Ngày tháng vẫn xoay mãi chẳng cùng.

Một bộ áo tàu (1) coi cũng «hồ»,

Ba gian nhà khách chậm thời «long».

Nhà vua nếu mở khoa thi túng,

Tất đỗ khôi nguyễn chiếm bảng rồng.

(1) Rách như tàu lá:

Chắc độc-già cũng đã chú ý đến hai câu thơ năm và sáu trên đây, trong đó «tàu» đối với «khách» và «hồ» đối với «long» thật là tài tình.

**HUỲNH-MÃN-ĐẠT**  
(1807—1883)

Tiêu sứ : Quán làng Tân-Hội, huyện Tân-Long, tỉnh Gia-Định.  
Đỗ cử-nhan năm Minh-Mạng thứ 12 (1831). Làm quan iến đến  
chức Tuần-Vũ tỉnh Hà-Tiên dưới triều vua Tự-Đức.

Khi quân Pháp chiếm Nam-Kỳ, ông cáo quan về ở ẩn.

Mất tại Rạch-Giá năm 1883, thọ 77 tuổi.

**TỰ TRAO**

I

Cứu mā dǎm bā dạo cǎp kè,  
Duyên may giải cǎu khéo đè ne.  
Đã toan bit măt cung tròi đất,  
Đâu dám nghiêng mày với ngựa xe.  
Hờn hở trẻ dong đường dǎm liễu,  
Lơ thơ già núp cội cây hè.  
Sự đời thấy vậy thì hay vậy,  
Thà ẩn non cao chǎng thấy nghe.

II

Ngoài tai phải quấy vẫn nhảm nghe  
Cuộc lợi đường danh ỏi giọng ve.

**HUỲNH-MÃN-ĐẠT**

Hăm hở trẻ giọng qua dǎm liễu,  
Thần thơ già núp cội cây hè.  
Đã ham giấu măt cung non nước,  
Đâu dám nghiêng mìn với ngựa xe.  
Chớ nói đồi dời, xao cốt cách,  
Xưa nay nát giò, vẫn còn tre.

Một hôm, Huỳnh-mẫn-Đạt đến Bồn Kèn (tức là góc đường hàng TAX bây giờ), thì thấy Tôn-thợ-Tường ngồi xe song mã đi dạo chơi thành phố. Huỳnh vội núp vào gốc cây, không muốn trông thấy Tôn, nên kéo súp nón xuống. Tôn cũng trông thấy Huỳnh, biết là Huỳnh muốn tránh mình (hai người là bạn thi văn), vội vàng xuống xe đến gặp và chào hỏi ân cần.

Huỳnh đọc cho Tôn nghe hai bài thơ tự-sự trên, mục-dịch ám chỉ vai trò của Tôn bắt tay làm việc với Pháp. Tôn hiểu thâm ý của Huỳnh, đáp lại một bài đề bài bày tỏ tâm-sự đau đớn của mình như sau:

Tình cờ gặp gỡ bạn tiêu-liêu,  
Thi phú ngâm nga hứng gió chiều.  
Thế cuộc đồi dời càng lầm lầm,  
Thiên cơ mău nhiệm hãy nhiều nhiều.  
Nước non đường ấy, tình đường ấy,  
Xe ngựa bao nhiêu, bụi bấy nhiêu.  
Hăm hở nhạc Tây hơi trỗi mạnh,  
Nghe qua ngùi nhớ giọng tiêu thiêng.

## CHÓ GIÀ

Tuy rằng muông cầu có ân ba (1)  
 Rặng rụng lâu năm nó phải già.  
 Bởi đuối hươu Tân nên mới gọi (2)  
 Vì lo khi Sở mới dun da (3)  
 Không ai trấn Bắc ngăn bầy cáo,  
 Ít kẻ ngừa Tây giữ đứa tà.  
 Mạnh mẽ nhở xưa còn hờn hở,  
 Bầy giờ yếu đuối hết xông pha.

## TRÂU GIA

## I

Một nắm xương, một nắm da,  
 Bao nhiêu cái ách đã từng qua.  
 Đuôi cùn biết vẫy Điền-Đơn hỏa,  
 Tai diếc chi nghe Ních-Thích ca.  
 Sớm dạo nội săn đi khắp khơi,  
 Tối về tư lý thở hê ha.  
 Bôi chuông nhở thừa qua đường hạ,  
 Ăn đội Tề-Vương bắt lại tha.

- (1) Do câu : « Khuyên hữu tam ân » là trung thành, tín nhiệm và có nghĩa.  
 (2) Theo tích : Triệu-Cao về đời nhà Tân, rất lông chính ; khi chỉ con hươu mà bảo là con ngựa, để xem các quan lại có nghe theo lời sai lệch của mình không.  
 (3) Theo tích : Sở-bá-Vương thường bị người ta chê là hữu đồng vô muối, thường gọi là « Khi đói mõ ».

## II

Kè từ hội Sứu đã sanh ra,  
 Tại diếc chi nghe Ních-Thích ca.  
 Mấy chọn kỳ-thần ra sức cả,  
 Đòi nơi bái xã rán thân già.  
 Rửa tai Vĩnh-Thụy nhường ngồi báu,  
 Cởi ách Đào-Lâm biếng gác xa.  
 Tề chúa bôi chuông còn chẳng nỡ,  
 Còn đau khó nhọc với nông-gia.

## ĐĨ ĐÌ TU

Lầu xanh thành thót tiếng chuông truyền,  
 Tình giấc ao-Cửu long lúc ngả nghiêng.  
 Mượn chiếc thuyền tình qua bờ ái ;  
 Đưa con sóng sắc đến rừng thiền.  
 Trông gương tri-tuệ lau lòng tục,  
 Lần chuỗi bồ-dề dứt trái duyên.  
 Mát mẻ cửa không trăng gió săn,  
 Dẫu không nên Phật, cũng nên Tiên.

Đề tiện so sánh với bài trên, xin dẫn ra dưới đây bài thơ  
 « Đì già đì tu » của Tôn-thọ-Tường :

## ĐÌ GIÀ ĐÌ TU

Chày kình giống tình giấc Vu-San,  
 Mài tóc kim sinh nửa trăng vàng.

Đài kính biếng soi màu phấn nhạt,  
 Cửa không dành gởi cái xuân tàn.  
 Chạnh niềm hoa liêu vài câu kệ,  
 An cảnh tang du một chữ nhàn.  
 Ngành lái lâu xanh thương những kè  
 Trầm luân chưa thoát nợ hồng nhan.

TÔN-THỌ-TƯỜNG

oo

**BÙI HỮU NGHĨA**  
**(1807—1872)**

Tiểu-sử: Một nho-si cự-phách miền Nam đã làm rạng rỡ cho tông-môn vì tính-khí trung-trực, luôn luôn che chở công-lý chống lại cường quyển dè bênh vực kẻ yếu hèn.

Hiệu Nghi-Chi, đương thời còn gọi là Thủ-Khoa Nghĩa, vì ông dỗ thủ-khoa trường Hương Gia-Định.

Người làng Long-Tuyễn (Bình-Thủy), tỉnh Cần-Thơ. Làm quan đến chức tri-phủ.

Vì che chở công-lý, ông bị quan trên cáo gian, tìm cách hâm hại, may nhờ có bà vợ hết lòng lo việc thân oan, ông mới thoát được cảnh lao tù. Chán nản hoạn-trường, ông xin từ quan, lui về quê quán mở trường dạy học, thường hay uống rượu làm thơ với bạn là cử-nhân Phan-văn-Trị.

Mất năm 1872, thọ được 66 tuổi.

Tác-giả vở tuồng « Kim-Thạch kỳ-duyên » rất nổi tiếng.

Họa bài thơ tự-thuật số I của Tôn-thọ-Tường:

Anh hùng sáu tinh thiếu chi đây ?

Đâu đè giang-sơn đến thế này !

Ngọn lửa Tam Tân phừng đốt cháy. (1)

(1) Tam Tân: Nhà Tân truyền được ba đời, chính-sách hà-khắc, độc-tài.

*Chòm mây Ngũ Quỷ ngắt trời bay. (1)*  
*Hùm nương non rậm toan chờ thuở,*  
*Cáo loạn vường hoang thác có ngày.*  
*Một gốc cám thương dân nước lửa,*  
*Đền Nam trụ cả dẽ lung lay.*

## CÂY VÔNG

*Uồng sanh trong thế mây thu đông,*  
*Cao lớn làm chi vông hối vông?*  
*Trí hóa không dày, dày khúc mắc,*  
*Ruột gan chẳng có, có gai chông.*  
*Rường xoi cột trồ chưa nên mặt,*  
*Giậu mồng rào thưa phải lấp lòng.*  
*Đã biết giòng nào sinh giống nấy,*  
*Xuân qua bốn tớn cũng đơm bông.*

oOo

(1) Ngũ Quỷ: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tần, Hậu Hán, Hậu Chu, năm  
đời loạn lạc nhất trong lịch-sử Trung-Hoa.

NGUYỄN-HÀM-NINH  
(1808-1867)

Tiểu-sử : Danh-sĩ triều Nguyễn dưới các triều vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức. Biệt-hiệu là Tịnh-Trai và Anh-toàn-tử.

— Người làng Trung-Ái, phủ Quảng-Trạch, tỉnh Quảng-Bình.  
 — Đỗ giải nguyên năm Tân-mão (1831). Làm quan đến chức án-sát.

Mất năm 1867, thọ được 60 tuổi.

oOo

Trong một buổi dạ yến ở Đại-Nội, rǎng vua Tự-Đức cần phải ưỡi. Nhơn đó, ngài ra đề thơ: «Răng cắn lưỡi».

Trong các hàng quan dự tiệc, có ông Nguyễn-hàm-Ninh ứng khẩu đọc bốn câu thơ sau đây :

*Sinh ngã chi sơ, nhữ vị sinh.*

*Nhữ sinh chi hậu, ngã vi huynh,*

*Bất tư cọng hướng trán cam vị,*

*Hà nhẫn tương vong cốt-nhục tình.*

Nghĩa là .

*Thuở bác sinh ra, chú chưa sinh.*

*Từ sinh ra chú, bác làm anh,*

*Ngót bùi chẳng đè cùng san sẻ,*

*Cốt-nhục đang tâm nghiên đất tình.*

(một nhà nho dịch)

Vua khen hay, nhưng nghĩ một lúc, vua phán rằng: «Văn-chương của khanh thật lưu loát, Trầm thường mỗi câu một lượng vàng, song ý thơ sâu sắc và bí ẩn, Trầm phạt mỗi chữ một roi».

Sở dĩ phạt vì nhà vua đã hiểu rằng tác-giả mượn bốn câu thơ trên đề ám chỉ việc vua đã dang tâm sát hại anh minh là Hồng-Bio. (1)

oo

(1) Theo di-chiếu của vua Thiệu-Trị, thì Hồng-Bảo sẽ lên ngôi kế vị sau nầy. Nhưng sau khi vua Thiệu-Trị thăng hà, Triều-dinh, do Tuy-Thạnh quản công Trương-đăng-Quê cầm đầu, lại lập em Hồng-Bảo là Hồng-Niệm lên ngôi Hoàng-Đế, lấy niên-hiệu là Tự-Đức.  
Bất mãn về sự phế lập bất công ấy, Hồng-Bảo bèn cùng các đồng-chí âm mưu đảo-chính, nhưng công việc bị bại lộ vì có kẻ tố giác. Hồng-Bảo bị hạ ngục và kết án tử hình, nhưng vua Tự-Đức nghĩ tình anh em, tha cho tội chết, chỉ bắt giam. Nhưng một ngày nọ, người ta thấy Hồng-Bảo chết thất-cố ở trong ngục. Người đương thời cho rằng đó là một cái chết rất khó nghĩ, và không tin Hồng-Bảo tự sát mà là bị ám-sát do lệnh của Tự-Đức.

## NGUYỄN-DÌNH-CHIỀU (1822-1888)

Tiêu-sử: Tục gọi là Đồ-Chiều, hiệu Trọng-Phủ sau đổi là Hối-Trai. Sinh ngày 1-7-1822 tại làng Tân-Khánh, huyện Bình-Dương, tỉnh Gia-Định.

Đỗ tú-tài hán học năm 1843 tại Gia-Định. Năm 1849, trong lúc đang ở Hué để chờ thi Hương, thì được tin mẹ mất ở Gia-Định, ông trở về Nam để cư-tang. Giữa đường, vì quá nhớ thương mẹ, ông sinh bệnh, bị mù cả hai mắt. Năm sau, về đến Saigon, ông mở trường dạy học để sinh sống.

Mất ngày 3-7-1888 tại tỉnh Bến-Tre, thọ 66 tuổi.

Ông là tác-giả truyện «Lục-văn-Tiên».

### CON DÊ

*Ngọn roi Tô-Võ dấu vừa qua,  
Đê của ai nuôi lại thả ra?  
Bờ cõi mấy năm từng dọn vén,  
Râu ria một lũ tới xông pha.  
Năm cao dấu chẳng kiên thần miêu,  
Ăn bảy sao không sợ chù nhà?  
Phải dặng lưỡi gươm người Hùa-Chữ.  
Be he đâu dám giật vùn ta.*

## NGƯA TIÊU-SƯƠNG

Tiếng đồn ngàn dặm ngựa Tiêu-Sương,  
 Lắm đùa gian mưu nghĩ khá thương !  
 Giậm vó chảng mảng ăn cỏ Tống,  
 Quay đầu lại hí nhớ tàu Lương.  
**C**hảng cho chủ khác ngồi lưng cồ,  
 Thà chịu vua ta nǎm khớp xương.  
 Ngựa nghĩa còn cứu nhà nước cũ,  
 Làm người sao nỡ phụ quê hương !

## CHẠY GIÁC

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,  
 Một bàn cờ thế phát sa tay !  
 Bỏ nhà lũ chó xăng văng chạy,  
 Mắt ò bầy chim dáo dát bay.  
 Bến Nghé cửa tiễn tan bọt nước,  
 Đồng-Nai tranh ngôi nhuốm màu mây,  
 Hỡi trang đẹp loạn rày đâu vắng ?  
 Nỡ đè dân đen mắc nạn nấy !

## LÀM THUỐC

Trời động sùi sụt gió mưa tây,  
 Đau ốm lòng dân cây có thay.

Phương cũ vua tôi gìn trước mắt,  
 Mạng nay già trẻ gởi trong tay.  
 Trận đồ tám quẻ còn roi đau,  
 Bình-pháp năm mùi săn cỏ cây.  
 Hỡi bạn y-lâm ! Ai muốn hỏi,  
 Đò xưa bến cũ có ta đây.

oo

**Cuộc bút chiến giữa TÔN-THỌ-TƯỜNG  
và PHAN-VĂN-TRỊ**

Năm 1862, quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, đặt cơ sở đô-hộ. Để mua chuộc lòng dân, người Pháp mời một số văn-thân ra giúp việc, trong đó có Tôn-thọ-Tường. Những người ra hợp-tác với Pháp, với tân triều, mượn thi văn để giải bày tâm-sự cung nỗi khò-tâm của mình. Tôn-thọ-Tường đã làm những bài thơ tự-thuật với mục-dịch ấy. Nhưng phái không hợp-tác với Pháp, đứng đầu là Phan-văn-Trị, phản đối hành-vi và tư-tưởng của phái hợp-tác, bèn họa lại những bài thơ đã được xướng lên của phái đối-lập để châm biếm và mạt sát chua cay, gây thành một cuộc «bút chiến» rất sôi nổi hào hứng;

**TỬ-THỦ QUY TÀO**

(bài xướng)

*Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi,  
Muối xát lòng ai nấy mặn mòi.  
Ở Hán còn nhiều rường cột cờ,  
Về Tào chí sá cụm cây cờ.  
Mảng nghe tin mẹ khôn nâng chén,  
Ngùi tưởng ơn vua khó đục roi.  
Chẳng dặng khôn Lưu đành dại Ngụy,  
Thân nấy xin gác ngoại vòng thoi.*

**TÔN-THỌ-TƯỜNG**

**CUỘC BÚT CHIẾN GIỮA TÔN-THỌ-TƯỜNG và PHAN-VĂN-TRỊ**

**BÀI HỌA**

*Quá bị trên đầu lát búa voi,  
Kinh luân đâu nữa đề khoe mòi.  
Xăng văng ruồi Ngụy mây ẩn đám,  
Ráo ráo xa Lưu gió thời còi.  
Đất Hứa nhớ thân sa giọt tủi,  
Thành Tương mến chúa nhẹ tay roi.  
Về Tào miệng ngậm như bình kin,  
Trân trọng lời vàng đáng mấy thoi.*

**PHAN-VĂN-TRỊ**

**TÔN PHU-NHÂN QUY THỰC**

(bài xướng)

*Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng.  
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-Đông.  
Lia Ngô, bịn rịn chòm mây bạc,  
Về Hán trau tria mãnh má hồng.  
Son phẫn thà cam dày gió bụi,  
Đá vàng chi đẽ thẹn non sông.  
Ai về nhẫn với Chu-Công-Cần.  
Thà mất lòng anh dặng bụng chồng.*

**TÔN-THỌ-TƯỜNG**

## BÀI HOẠ

Cài trâm sáu áo vẹn câu tòng,  
 Mặt ngà trời chiếu biệt cõi Đông.  
 Ngút tỏa đồi Ngô un sắc trắng,  
 Duyên về đất Thục đượm màu hồng.  
 Hai vai tơ tóc bến trời đất,  
 Một gánh cương thường nặng núi sông.  
 Anh hỏi Tôn Quyền ! Anh có biết ?  
 Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.

PHAN-VĂN-TRỊ

## TỰ-THUẬT (số 1)

(bài xướng)

Giang-sơn ba tỉnh vẫn còn đây,  
 Trời đất xui chi đến nỗi này ?  
 Chớp nhoáng thảng bon giây thép kéo,  
 Mây tuôn đèn nghịt khói tàu bay.  
 Xang văng châm tinh, thương đòi chõ,  
 Khắp khởi riêng lo, biết nhũng ngày.  
 Miệng cọp hàm rồng chưa dễ chọc,  
 Khuyên dàn con trẻ chờ thay lay.

TÔN-THỌ-TƯỞNG

## BÀI HOẠ

Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,  
 Chẳng đã nên ta phải thế này !  
 Bên Nghé quản bao cơn lửa cháy,  
 Cồn Rồng đầu mặc bụi tro bay.  
 Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở,  
 Bùa lười săn nai cũng có ngày.  
 Đừng mượn hơi hùm rung nhát khí,  
 Lòng ta sắt đá há lung lay.

PHAN-VĂN-TRỊ

## TỰ-THUẬT (số 2)

Thay lay lại chuốc lấy danh nhơ,  
 Ai mượn mình lo việc bá vơ,  
 Trẻ dại giêng sâu lòng chẳng nỡ,  
 Đang xa ngày tội tuỗi không chờ.  
 Áo xiêm chán thay xăn tay thợ,  
 Xe ngựa nào toan gõ nước cờ.  
 Rủi rủi may may đâu đã chắc ?  
 Nhẹ chí, nặng bắc hẩy tai ngơ.

TÔN-THỌ-TƯỞNG

## BÀI HOẠ

*Lung lay lòng sắt đã mang nhơ,  
Chẳng xét phận mình khéo nói vor.  
Người chí mảng lo danh chẳng chói,  
Đứa ngu luống sợ tuổi không chờ.  
Bài hòa đã sẵn in tay thơ,  
Việc đánh hơn thua giống nước cờ.  
Chưa trả thù nhà đèn nợ nước,  
Dám đâu mắt lấp lại tai ngo.*

PHAN-VĂN-TRỊ

## TỰ - THUẬT (số 3)

(bài xướng)

*Tai ngo mắt lấp thuở tan tành,  
Nghĩ việc đời thêm hờ việc mình.  
Nghĩ ngút tro tàn nến đạo nghĩa,  
Lờ mờ bụi đóng cửa trâm-anh.  
Hai bên vai gánh ba giềng nặng,  
Trầm tạ chuông treo một sợi mành.  
Trâu ngựa, dẫu kêu chỉ cũng mặc,  
Thân còn chẳng kè, kè chi danh.*

TÔN-THỌ-TƯỞNG

## BÀI HOẠ

*Tai ngo sao được lúc tan tành?  
Luống biết trách người chẳng trách mình.  
Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa,  
Như vầy cũng gọi cửa trâm-anh.  
Khe sâu vụng tinh dung thuyền nhỏ,  
Chuông nặng to gan buộc chỉ mành.  
Thân có át danh tua phải có,  
Khuyên người ái trọng cái thân danh.*

PHAN-VĂN-TRỊ

## TỰ - THUẬT (số 5)

(bài xướng)

*Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn,  
Bán dạng khua môi cũng một phường.  
Tơ vẫn cánh chuồng kính chú nhện,  
Gió đưa hơi cợp khiếp oai chồn.  
Siêng lo há đợi cơm kẽ miệng,  
Vụng tinh nào dè nước đến trôn.  
Hay dở chuyện đời còn rồi răm,  
Múa men khuyên hãy chờ bôn chồn.*

TÔN-THỌ-TƯỞNG

## BÀI HỌA

*Khoe khoang việc phải mới rắng khôn,  
Kẻ vạy người ngay há một phờng ?  
Hồng dầu hử lồng đâu sợ sè,  
Hùm như thắt thế dễ thua chồn ?  
Người Nhan há sợ dao kẽ lưỡi,  
Họ Khuất nào lo nước đến trôn ?  
Thay mày gấp thời ta sẽ động,  
Muốn nên việc lớn chớ bôa chôn.*

PHAN-VĂN-TRỊ

## TỰ - THUẬT (số 7)

(bài xuướng)

*Cũng gọi là người át phải lo,  
Từng hay chịu khó mới nên trò.  
Bạc mêt mông biền, cầu toan bắt,  
Xanh mít mù trời, thước ráp do.  
Nước ngược chống lên thuyền một chiếc,  
Gác cao bó lại sách trăm pho.  
Lòng này dẫu hỏi mà không hö,  
Lặng xét thăm soi đã biết cho.*

TÔN-THỌ-TƯỜNG

## BÀI HỌA

*Rắng là người trí cũng xa lo,  
Nhuần nhã kinh luân mới phải trả.  
Ngay vạy nê ra cho biết mực,  
Thấp cao trông thấy há rắng đó ?  
Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,  
Nếp Tông vừa đầy sách nứa pho.  
Chuốc miệng khen người nên cắc cớ,  
Đạo trời ghét vạy há soi cho.*

PHAN-VĂN-TRỊ

## TỰ - THUẬT (số 9)

*Kè mẩy mươi năm nước lẽ vẫn,  
Trời đà xui thế, thế khôn ngắn.  
Bốn đời chung đội ơn nuôi dạy,  
Ba tinh riêng lo việc ở ăn.  
Hết sức người theo trời chẳng kịp,  
Hoài công chim lấp biền không bằng.  
Cho hay đã vạy thôi thì chớ,  
Nhắm mắt đưa chân lối đạo hăng.*

TÔN-THỌ-TƯỜNG

## BÀI HỌA

Một đôi mươi uồng tênh xăng văng,  
Đặt lở ai mà dẽ dám ngăn?  
Nong nã dốc vun nền đạo nghĩa,  
Xốn xang nào tưởng việc làm ăn!  
Thương người vì nước ngồi không vững,  
Trách kẽ cầm cân kéo chẳng bằng.  
Gió xăng mới hay cây cỏ cứng,  
Dối theo người trước giữ năm hằng.

PHAN-VĂN-TRI!

oOo

TÔN-THỢ-TƯỜNG  
(1825-1877)

**Tiểu-sử:** Sinh năm 1825 ở huyện Bình-Dương, phủ Tân-Bình, tỉnh Gia-Định. Vì tổ tiên ông có công lớn với triều Nguyễn nên ông được tập ấm quan võ, tuy không đỗ đạt gì. Năm 1862, quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, đai cơ-sở đô-hộ, Đè mua chuộc lòng dân, người Pháp mời các văn-thân ra giúp việc. Tôn-thợ-Tường nhận lời ra giúp họ. Được sơ bồ tri-phủ Tân-Bình, ông lần lượt thăng đến chức đốc-phủ-sứ. Ông có đi theo phái bộ Phan-thanh-Giản sang Pháp điều đình về việc chuộc lại ba tỉnh miền Đông. Năm 1875, được phái ra Bắc giúp viên lãnh-sự Pháp ở Hà-nội.

Mất ở Hà-nội năm 1877.

oOo

## PHAN-VĂN-TRI!

**Tiểu-sử :** Ông người làng Hưng-Thịnh, huyện Bảo-An, tỉnh Vĩnh-Long. Đầu cử-nhân năm 1849, nên người ta thường gọi ông là Cử-Trị. Nhưng ông không ra làm quan. Khi người Pháp chiếm miền Nam, có mời ông ra hợp tác, nhưng ông cương quyết từ chối, ở ẩn dạy học và thường xướng họa cùng ông thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa lúc đó cũng lui về ở ẩn. Đối với những kẻ ra giúp Pháp, ông lên tiếng công kích kịch liệt, nhất là bằng thi văn.

## HÁT BỘI

Đứa mắc ghẻ ruồi, đứa lát voi.  
Bao nhiêu xiêm áo thảy tro mòi.

*Người trung: mắt đỏ đôi tròng bạc,  
Đứa nịnh râu đen mẩy sợi còi.  
Trên đỉnh có nhà còn lợp lợng,  
Dưới chân không ngựa lại giao roi.  
Hèn chi chúng nói: bội thì bạc.  
Bội mặt đánh nhau đá lại thoi.*

Một hôm, Tông-Đốc Trần-bá-Lộc cho mời ông đến có ý định  
trừng-trị thái-độ ương ngạnh và chống đối của ông. Lộc bắt ông phải  
ứng khẩu làm một bài thơ. Ông xin đầu đền. Lộc buông lời thô lỗ:  
« Cục phân ! » Ông ngâm ngay bốn câu:

*Đương cơn lộn xộn ló đầu ra,  
Người thấy ai mà chẳng sợ va!  
Cậy thế khom lưng ngồi dưới đất.  
Biết đâu sắp bị chó liền tha!*

Lộc nghe xong, biêt mình bị chửi khéo, mắc cở, đuổi ông về.



### VĨNH-LONG THẤT THỦ

*Tù-te kèn thòi, tiếng năm ba,  
Nghe lợt vào tai ruột xót xa...  
Uốn khúc sông Rồng mờ-mịt khói,  
Vắng hoe thành Phụng ủ rau hoa.  
Tan nhà, căm nỗi cău ly-hận,  
Cắt đất thương thay cuộc giảng-hòa !*

*Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cõ,  
Ngậm cười hết nói nỗi quan ta !*

### CON RÂN

*Mặt mũi mẫn ri cũng có râu,  
Cả đời không biết dụng vào đâu.  
Xôn xao trên mao chưa nên mặt,  
Lục dục trong chăn cứ gục đầu.  
Khuấy nước gãy dân chi khác rệp,  
Ra công béo nước chẳng bằng trâu.  
Khéo sanh trên thế chi cho nhện,  
Có có không không cũng mặc dầu.*

PHAN-VĂN-TRỊ

### CON CÓC

*Cóc hỏi mẩy sao cứ một ngồi?  
Vợ chồng đồng mặt cả và đôi.  
Nghiến răng nhiều thuở oai trời động,  
Mở miệng đôi phen lũ kiến lui.  
Phận khó bốn mùa nhờ chiếu đất,  
Danh vang tám tiết biết thời trời.  
Mưa tuôn một trận dày lai láng,  
Cóc nhảy ra ngồi khuấy nước chơi.*

oo

**CAO-BÁ-QUÁT**  
( ?-1854)

Tiêu sứ : Tự là Mân-Hiên, hiệu là Chu-Thần, quán làng Phu Thị, huyện Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh. Không rõ sinh vào năm nào. Sinh-trưởng trong một nhà khoa-bảng. Đỗ á-nghuyên kỳ thi Hương Hà-Nội năm Minh-Mạng thứ 12 (1831), nhưng vào khinh-đô thi Hầu nhiều lần không đỗ.

Năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841), được vời vào Kinh sư vào chức hành-tầu Bộ Lê. Hai năm sau, được sung vào phái do Đào-tri-Phú đi sứ Tân-gia-Ba.

Năm Tự-Đức thứ bảy (1854), bị bỏ ra làm giáo-thụ Quốc-0 tinh Sơn-Tây. Tại đây, ông âm-mưu khởi nghĩa ở Huyện Mỹ-Lưu chống lại Triều-định, tôn Lê-duy-Cự lên làm minh chủ. Cuộc khởi nghĩa thất bại, ông bị bắt và bị xử tử (1854).

Đã để lại cho nền văn-học Việt-Nam nhiều văn-thơ rất có giá trị, đặc biệt là tập thơ nhan đề là «Chu-Thần Thi Tập» gồm phần bài thơ văn-vừa chữ Hán vừa chữ Nôm. Thơ của họ Cao hay đến mức người đương thời phải chịu là «Thánh-Quát» và vua Tự-Đức cũng phải khen :

«Văn thư Siêu, Quát vò Tiên-Hán...»

Khi còn nhỏ, ông Cao-bá-Quát rất nghịch ngợm. Khi xuất tiền giao cho Lý-trưởng đắp đôi voi phục trước cửa đình, hoàn thành, ông Quát ra chơi trông thấy, để ngày bài thơ :

**THƠ VOI**

*Khen ai khéo khéo đắp đôi voi,  
Đủ cả đầu đuôi, đủ cả vòi.  
Chỉ có cái kia sao chẳng thấy?  
Hay là thấy Lý bớt đi rồi.*

Một hôm đi qua một huyện kia, tiền ăn đã cạn, Cao-bá-Quát chợt nhớ viên tri-huyện ở đấy là bạn cũ, định xin yến kiến, nhưng viên tri-huyện cho lính ra trả lời là quan huyện đang «ngơi» (ngủ), đè lăn khác hấy vào, tuy lúc đó y còn thức. Ông liền viết bài thơ sau đây đưa lính đem vào trình viên huyện :

**GIẾU QUAN HUYỆN**

*Một buổi chầu rồi một buổi ngơi,  
Đâu còn nhớ chữ «viễn phương lai».  
Mới sang chừng ấy ngơi chừng ấy,  
Sang nữa thì ngơi biết mấy đời!*

Xem xong, viên tri-huyện sai lính ra mời vào, nhưng ông đã đi xa rồi.

Lúc ông làm quan ở Huế, một hôm vua Tự-Đức nằm mê thấy ngâm hai câu thơ chữ nho, câu nào cũng có hai tiếng nôm xen vào :

*«Viên trung oanh chuyền khè khà ngữ,  
Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai.»*

Nghĩa là : Trong vườn, chim oanh học nói tiếng khẽ k  
ngoài nội, hoa đào nở lấm tấm. Vua truyền cho các quan chép

Cao-bá-Quát, muôn trêu vua, liền quỳ tâu :

« Muôn tâu, hai câu thơ ấy không có gì lạ. Đó là hai câu từ ở một bài thơ mà thần đã được nghe. »

Vua truyền đọc toàn bài, ông ứng khẩu đọc rằng :

« Bão mã tây phong huếch hoác lai,  
« Huênh hoang nhân tự thác đê hối.  
« Viên trung oanh chuyền khẽ khà ngử,  
« Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai.  
« Xuân nhất bắt văn sương lộp bộp,  
« Thu thiên chỉ kiến vũ bài nhài.  
« Khù khờ thi tú đa nhân thức,  
« Khệnh khạng tương lai văn tú tài. »

Tiêu-Lang dịch :

Gió đưa ngựa huếch hoát về,  
Huênh hoang người cũng tự đi theo vào.  
Khẽ khà oanh hót vườn nào,  
Ngoài đồng lấm tấm muôn đào nở hoa.  
Xuân không sương lộp bộp sa,  
Trời thu chỉ thấy giọt mưa bài nhài.  
Khù khờ thơ đã quen tai,  
Còn đem khệnh khạng hỏi người làng văn.

Nghe xong, vua biết là ông Quát có ý bịa ra bài thơ dè  
gièu vua, nhưng cũng phải chịu là có tài.

Lúc bấy giờ, có Tùng-Thiện-Vương lập ra Mạc-Vân Thi-Xã  
có nhiều vị công khanh và quan chức tham gia như : Tuy-lý-Vương  
Tương-An-Quận-Vương, Thọ-Thanh-Giản, Hà-tôn-Quyền, Trương-  
đăng-Qué, Nguyễn-đăng-Giai, Nguyễn-văn-Siêu, v.v...

Một hôm, được xem những bài thơ xướng họa của thi-xã,  
ông lắc đầu bất mãn ngâm rằng :

« Ngán cho cái mũi vô duyên,  
« Câu thơ thi-xã, con thuyền Nghệ-An ! »

Nghĩa là ông vì cái mũi thơ của thi-xã với mũi nước mắm  
Nghệ-An, Thật là ngạo và xác hết chỗ nói.

Một hôm khác, ông Nguyễn-văn-Khai (một vị hiền quan thời  
ông Quát) cưới một nàng hầu nguyên là một đào nương có tiếng ở  
tỉnh Bắc-Ninh, có mời bạn bè và ông Quát đến uống rượu. Trên  
tiệc, có người mời ông Quát làm một bài thơ chót nhả cho vui tiệc  
cưới, ông bảo hãy đem thêm rượu. Uống xong một chén, ông  
ông liền đọc :

« Trước đã mặc lừa cùng cái vịt,  
Sau càng thêm thiện với con công.  
Sự đâu có sự lạ lùng,  
Ô Tướng quân cùng Mao động chủ,  
Sách có chữ « Âm Dương đào chủ »

*Thay hóa công mà đúc lấy nhân tài.*

*Càng già càng dẻo càng dai.»*

Hai câu thứ tư và thứ năm có nghĩa là quan tướng quân Q  
gặp bà chúa động Lồng đề mà âm dương nung đúc. Cử toạ c  
vang và khen là tài tình.

Năm 1854, sau khi khởi loạn chống lại triều-định, ông Cao  
Quát bị bắt giam, chân tay đều bị xiềng xích. Tuy vậy, nhà  
cách-mạng vẫn còn bị giặc mộng đế-vương ám ảnh nên đã tức c  
ngâm hai câu thơ :

*« Một chiếc cùm lim chân có đẽ,*

*« Ba vòng xích sắt bước tì vương.»*

Và đến khi bị khép vào tử tội, lưỡi gươm đã kề vào cổ, C  
bá-Quát còn ứng khẩu đọc rằng :

*« Ba hồi trong dục dù cha kiếp,*

*Một nhát gươm đưa đeo mẹ đời.»*

oOo

### TỰ-ĐỨC (1828-1883)

Tiểu-sử : Húy Hồng-Niệm, miếu-hiệu. Đức-Tôn-Anh Hoàng-  
Đé, niên hiệu Tự-Đức lên ngôi năm 1847, trị vì được 36 năm, là  
một ông vua rất chuộng văn-học, thường hay ngâm vịnh. Đã đặt ra  
Tập-hiền-Viện và Khai-kinh-Diên để cùng các quan bàn sách vở và  
làm thơ phú.

Ngài sai sứ-quán soạn bộ Khâm-Định Việt-Sử là bộ sử lớn  
nhất nước ta và quyền « Đại-Nam quốc-sử diễn ca ». Ngài có sáng tác  
một tập thơ vịnh sử bằng chữ nho gọi là « Ngự Chế Việt-sử tông vịnh  
tập », « Thập điều diễn ca » và « Tự học giải nghĩa ca ».

Mất năm 1883, thọ được 55 tuổi.

Về ngự chế châm biếm các quan :

Tháng 4 năm qui-dậu (1873), vua Tự-Đức ngự giá Thuận-An,  
có nhiều quan văn, võ và binh lính theo hộ giá. Thuyền rồng đến  
Thuận-An thì có chín chiếc tải-thuyền (vận tải đồ vật của nhà nước)  
cũng vừa ra khỏi cửa biển. Bỗng có hai chiếc tàu ô (của bọn cướp  
biển người Tàu đóng sào huyệt ở các đảo Cát-Bà, Đô-Sơn, v.v...  
trong Vịnh Bắc-Việt) xuất hiện, đến tấn công các tải-thuyền. Vua liền  
ra lệnh cho quan quân hộ giá bắn vào Tàu ô, nhưng vô hiệu. Tàu ô  
bắt đầu đi mất hai chiếc tải-thuyền, còn binh lính của Ngài thì bị  
thương rất nhiều. Vua giận lắm, về Nội làm một bài về trách mắng  
quan quân, rồi dạy cho cung nhân, thị nữ trong Nội hát, làm cho  
triều-định rất xốn xang khó chịu.

Bài về ấy như sau :

Răng năm Quý-Dậu tháng tư,  
 Đều vâng Hoàng-Thượng thánh từ sắc ban :  
 Mười hai giá ngự Thuận-An,  
 Triều-dinh vẫn, vô, quân quan hộ tùng.  
 Tung bừng, cờ phất, trông rung,  
 Chèo ba mái nhẹ, thuyền rồng như bay.  
 Càng nhìn càng đẹp càng say,  
 Dẫu mà trăm cảnh không tùy Thuận-An.  
 Ai ngờ một phút tự nhiên,  
 Bỗng đâu chín chiếc tái-thuyền chạy ra.  
 Ngọn buồm trông thấy xa xa,  
 Gần vời nghe tiếng súng ra đúng đùng,  
 Tàu Ô hai chiếc buồm gióng,  
 Đều, buông tiếng súng gầm cùng to gan !  
 Trường buồm chạy dọc chạy ngang,  
 Cầm hòn mây lũ mây đoàn Tàu Ô,  
 Tung hoành « bõ-may », « xi-lô »,  
 Đứa đậm, đứa chém, đứa xò xuồng tàu.  
 Các quan khi ấy gởi tàu :  
 « Ngửa trông Hoàng-Thượng lên lầu ngự ra. »  
 Lệnh truyền hộ-vệ thần-cơ :  
 « Ai mà bắn đặng Tàu Ô nó rày,

Quyển ban lọc thường cao dày, »  
 Sắc vùa ban xuống nắp ngay súng liền.  
 Bắn thời phát thẳng phát xiêng,  
 Bắn ra chẳng trúng vào thuyền Tàu Ô,  
 Hờ ra thì nó chạy vô  
 Bắt đi hai chiếc ai mô chẳng tường !  
 Thay thôi nùa giận nùa thương :  
 Giận thay chúng nó, thương đường quân ta :  
 Đứa thời bị thuốc cháy da,  
 Đứa thời bị đạn máu ra dầm mình.  
 Làm cho chúng nó dễ khinh,  
 Nghĩ lại giận mình chẳng biết cứu nhau.  
 Phải chi diệu voi nơi đâu,  
 Đã toan lập lượng chước màu tâu vô.  
 Chẳng qua sự đã sờ sờ,  
 Ai ai cũng lặng như tờ nín hơi.  
 Nghĩ đời mà ngán cho đời,  
 Làm tôi ăn uống lọc tròn lấm ru !  
 Nghênh ngang vông vông dù dù,  
 Bài vàng thêm mao xuân thu tháp đấu.  
 Gầm không tài cán gì đâu,  
 Rời ra múa mỏ, vênh ráu chôm chòe !

*Phen nay mắt thấy tai nghe,  
Tham sanh, úy từ một bè như nhau.*

*Ăn thời giành trước giành sau,  
Đến khi có giặc rút đầu rút đuôi !*

*Cũng xưng là đẳng làm tôi,  
Có sao chẳng biết hồn người trong mình ?*

### NHÀ VUA CHƠI CHỮ

Một hôm nhàn rỗi, vua Tự-Đức cao hứng làm một bài thơ chữ Hán rồi, trong một buổi họp bàn luận văn-chương, vua đọc cho các quan chép :

- « Tiêu-hà tá hán khởi ư phong,
- « Sán nhập trùng vi nhiễu trường trung.
- « Bắt luận huân tiêu phàn khoái lực,
- « Hốt văn hàn tin tự tiêu khong. »

Các quan ai nấy đều hiểu như sau :

Tiêu-Hà giúp nhà Hán ở đất Phong-Báy, không dùng tới sức mạnh của Phàn-Khoái, chỉ cần ở tài Hán-Tin là nên việc.

Ai ngờ trong bài thơ trên, nhà vua dụng ý tà con muỗi :

« Tiêu hà » có nghĩa là tàu chuối, lá sen; « phong » là gió, « hán » là nó; « hàn tin » là tin lạnh; « phàn khoái » là hun đốt.

Ông Lãng-Nhân Phùng-tất-Đắc dịch bài thơ trên ra thơ nôm như sau :

*Bè chuối, dài sen nồi cánh vung,  
Bay vào màn trường quấy lung tung.  
Chẳng cần phải tốn công hun đốt,  
Tin lạnh vừa đưa tầu tán cùng.*

oo

**ONG-ÍCH-KHIÊM**  
**(1828 — 1883)**

**Tiểu-sử :** Sinh năm 1828 tại làng Phong-Lê, quận Hòa-Vang, tỉnh Quảng-Nam. Dân-gian thường gọi Cụ là Cụ « Sơn Phong-Lê » hay là Cụ « Tiều Phong-Lê ». Có tài võ, đánh giặc giỏi, nên năm Tự-Đức 28 (1875) được vua cử ra Bắc-Hà coi việc phòng-thủ ở tỉnh Hải-Dương. Đã lập được nhiều công-trận, nhất là việc dẹp giặc Lý-Dương-Tài ở Hồ Ba-Bè. Lại có dự vào trận chống Pháp ở cửa biển Thuận-An. Về sau, được giao phó việc phòng giữ kinh-thành. Có tinh-thần tích-cực chống Pháp, nhưng lại có tính khảng khái và ngạo mạn nên bị hai quyền-thần đương-triều là Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết vu hâm và đày vào tỉnh Bình-Thuận, khiến ông uất ức mà uống thuốc độc tự tử vào ngày 19 tháng 8 năm quý-vị (1883).

**THUÊ TÀU ĐÀNH TÂY**

Ao chúa cõm vua đã bấy lâu,  
Đến khi có giặc phải thuê Tàu )  
  
Từng phen vông giá mau chân nhảy,  
Đến bước chòng gai thấy mặt đâu ?  
  
Tiền bạc quyền hoài dân xác mướp,  
Trâu dê ngày hiến đứa răng bầu.  
  
Ai ôi ! hãy chống trời Nam lại,  
Kéo nứa dân ta phải cạo đầu (1)

**ONG-ÍCH-KHIÊM**

Hồi giặc Pháp ra quấy phá ở ngoài Bắc, vua Tự-Đức mệt thuê quân Cờ-Đen Lưu-vịnh-Phúc sang giúp quân ta chống Pháp. Nhưng quân Tàu sáu nhiều dân ta rất là tàn ác, khiến dân chúng oán-thán. Ông Ích-Khiêm được vua cử ra Bắc kháng Pháp, thấy tình-cảnh khốn-khổ của dân ta, cho rằng việc mượn quân Tàu sang đánh Pháp là thất-sách, nên có làm bài thơ trên đề mia mai các quan ta xúi vua Tự-Đức cầu viện quân Tàu.\*

Vì không luôn lùn lút quan-trên, hay xắc-xược, nên ông bị Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường kiềm-cớ hạ ngục. Trong lúc gi-giam, ông có làm hai bài-thơ và hai câu đối sau đây :

Thơ :

Mình ôc tai rêu rửa sạch ai ?  
Rung cây nhác khỉ thói quen hoài.  
Mèo cáo xuề vách còn chi sức,  
Súra nhảy qua dăng mới gọi tài.  
  
Hiểm chưa gặp đường dung vó ngựa,  
Dẽ đâu lấy thủng úp mình voi.  
Truồng qua chưa khỏi đường khinh khái (1)  
Chim sò lồng ra đè đó coi.

•  
Úa ! úa ! lầm sac đến thế này,  
Ư ! Giấy danh lợi buộc mình đây.  
Bên tai rồn ràng đường đeo ngọc,  
Truoret bụng xuennifer tựa thắt dai.

(1) Cạo đầu theo tục của nhà Mäng-Thanh.

(1) Khái là cạo.

Cái tháp Trần-Phòn ngồi bên đít,  
Khúc đàn Dù-Lý khảy bên tai.

• • • • • • • •

Câu đối :

« Nhứt giang lưỡng quốc nan phân thuyết,  
« Từ nguyệt tam vương triệu bất tường ».

Nghĩa là :

Sông Hương chia hai dòng nước, thì khó mà nói chuyện (vì một bên là Tòe Khâm-Sứ, một bên là Nam-Triều).

Trong bốn tháng mà thay đổi đến ba vua (Dục-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Phúc) là điểm chẳng lành.

Nhưng dụng ý dùng hai chữ cuối câu « Thuyết » và « Tường » là để ám chỉ hai ông Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường.

Cái tính ngạo nghẽ của ông đã nổi tiếng. Ông xem Triệu-dinh như không có người, nên thỉnh thoảng thò lò ra lầm cùi chỉ mỉa mai, ngạo mạn vì lòng nhiệt thành yêu nước. Người ta kè chuyện rằng :

Khi ông ra nhậm chức ở Bắc-Hà, ông đến trình diện viên Tống-Đốc Ninh-Thái Tôn-thất-Thuyết. Ông này tiếp đãi ông Khiêm rất tử tế, coi ông như là anh em bạn, cùng ngồi ăn một bàn. Trong lúc ăn, ông Khiêm nói ; « Biết nhau đã lâu, nay tôi xin can anh : nghe nói anh đánh giặc hăng nhưng giết dân ta nhiều quá, dân lấy làm khổ sở. Còn tôi, Khiêm này chỉ giết giặc Tầu và quân Phi mà thôi, không khi nào giết dân ta. » Ông Thuyết cười gằn không trả lời. Mỗi lần khích

Sở dĩ có lời cản ngăn trên là vì lý do sau đây : Ông Thuyết có tánh khó ngủ, hè có tiếng chó sủa hay tiếng run rít kêu là không thể nào ông ngủ được ; mà hè đêm nào ông không ngủ được là nội ngày mai, thế nào cũng có sự chém giết dân, dù chỉ vì một cớ rất nhỏ mọn. Cho nên ông Thuyết ngủ lại đêm nơi nào, thì nơi đó dân gian lo giết hết chó và lấy nước sôi tưới lên đất để giết run rít.

Có lần ông Khiêm thết tiệc các quan to trong Triều, nhưng ông dặn trước đầu bếp không pha trà như thường lệ sau bữa ăn. Ăn xong, ông gọi nước, chẳng thấy nước đâu. Ông quát ầm lên : « Mẹ cha bay. Gực đầu xuống ăn không lo gì nước. Ăn cho no, không nước, ăn làm gì ? » Đám quan khách mới biết họ đã bị ông « chơi » cho một vỗ đau, vì đám quan lúc bấy giờ chỉ làm quan ăn bòng lộc, chẳng biết gì đến việc nước nhà.

Lại một lần nữa, ông đãi cơm các quan đại-triều, nhưng dọn toàn thịt chó nấu rất ngon, không ai biết là thịt chó. Có người hỏi ông thịt gì mà ngon thế, ông bèn đưa tay chỉ và nói lớn : « Trên cũng chó, dưới cũng chó, toàn là chó cả ! » Các quan lại bị ông « chơi » cho một vỗ nữa. Chả trách ông bị các quan ghét và bị hai ông Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết hăm hại.

oOo

**NGUYỄN - KHUYẾN**  
(1835 - 1909)

Tiểu-sử : Hiệu Quế-Sơn, sinh năm 1835 ở làng Yên-Đồ, huyện Bình-Lục, tỉnh Hà-Nam. Năm Tự-Đức thứ 17 (1864), thi Hương, đỗ giải nguyên. Năm 1871, thi Hội đỗ đầu rỗi vào thi Đinh cung đỗ đầu. Cả ba kỳ thi, ông đều đỗ đầu, nên người đương thời gọi ông là « Tam-Nguyên Yên-Đồ ».

Sau khi thi đỗ, ông được bồ ra làm quan thăng đến chức Tòng-Đốc, nhưng đến năm 1885 (năm ông 50 tuổi), nhân bị đau mắt nặng, ông cáo quan về nghỉ tại nơi quê nhà. Mất năm 1909, thọ được 74 tuổi.

**CUA CHƠI TRĂNG**

Vắng vặc đêm thu ánh xế chừng,  
Ham thanh, cua mới muốn chơi trăng.  
  
Nghiêng mai lách ngược qua dòng biếc,  
Ghé yếm bờ ngang nhòn bóng Hằng.  
  
Cung Quế chờn vờn hương mới bén,  
Vườn đào thoang thoảng gió như nâng.  
  
Một mai cá nước cua vui phản,  
Trăng muốn tìm cua, dễ được chặng ?

Năm ông còn ít tuổi, Nguyễn-Khuyết hay trêu ghẹo cô con gái một ông cử ở làng bên. Cô nấy mách cha, ông cử cho mời ông đến, bắt ông làm một bài thơ, lấy đầu đề là « Cua chơi trăng » và lấy chữ

« trăng » làm văn. Nguyễn-Khuyết bèn làm bài thơ trên. Nghe thơ xong, ông cử đem lòng mến phục, đổi ngay thái độ và tiếp đãi ân cần. Đến khi họ Nguyễn cáo về, ông cử còn tiễn ra mãi tận cõng làng.

**NHẤT VỢ NHÌ TRỜI**

Nghĩ chuyện trăn-gian cũng nực cười,  
Trời khôn hơn vợ, vợ hơn trời.  
  
Khôn đến mẹ mày là có mệt,  
Khéo như con Tạo cũng là hai.  
  
Trời dẫu yêu vì nhưng có phận,  
Vợ mà vụng dại đêch ăn ai.  
  
Cớ sao vợ lại hơn trời nhỉ ?  
Vợ chỉ hơn trời có cái trai.

**GIѢU ÔNG ĐỐC-HỌC**

Ông làm Đốc-Học mấy năm nay,  
Gần đó mà tôi vẫn chưa hay.  
  
Tóc bạc rặng long chừng bậc cụ,  
Khăn thảm áo thụng cũng ra thay.  
  
Học trò kẻ chợ trâu dầm miếng,  
Khảo khóa ngày xưa quyền mệt chầy.  
  
Bồng lộc như ông không mấy nhí,  
Ăn tiêu nhở được chiếc lương tây.

## NHÀ SƯ

Đầu trọc lóc bình vôi,  
Nhảy tốt lên chùa ngồi,  
Y-a kinh mội bộ,  
Lốc-cốc mồ ba hôi.  
Com chẳng thèm cá thịt,  
Ăn những oán chuối xôi.  
Không biết câu tình dục,  
Đành chịu tiếng bô-cô-i.

•

Vào cuối thế-kỷ XIX, sau khi đánh chiếm Hà Nội, Nam-Định, Phù-Lý, Hải-Dương, Ninh-Bình thuộc Bắc-Kỳ, tướng Pháp Phò-răng-Xi Gác-ni-Ê (Francis Garnier) đang ngông nghênh tự đắc về những thắng lợi quá đỗi dàng, thì y bị quân Cờ Đen của Lưu-vịnh-Phúc giết chết ở Ô Cầu-Giấy.

Võn là một nhà ái-quốc, Nguyễn-Khuyển đang vui mừng trước cái chết của tên tướng giặc, thì ông được lệnh của Triều-Đinh Huế phải làm một bài văn tế Phò-răng-Xi Gác-ni-Ê. Ông bèn làm bài văn tế sau đây để chửi xỏ tên tướng giặc :

## VĂN TẾ NGẠC-NHI (FRANCIS GARNIER)

Nhớ ông xưa :

Cái mắt ông xanh,  
Cái da ông đỏ,  
Cái lóc ông quắn,

## NGUYỄN-KHUYẾN

Cái mũi ông lõi.  
Đít ông cưỡi lừa,  
Miệng ông huýt ché.  
Lưng ông đeo súng lục liên,  
Chân ông đi giày có mõ.  
Ông ở bên Tây,  
Ông sang bảo-hộ.  
Ông đẹp Cờ Đen  
Đề yên con đò.

## Nào ngờ :

Nó bắt được ông,  
Nó chặt mất sô.  
Cái đầu ông kia  
Cái mình ông đó.  
Khôn khồ thân ông,  
Đù mẹ cha nó.

## Tôi :

Vâng lệnh quan trên  
Cùng ông một cỗ.  
Này chuối một buồng  
Này rượu một hủ.  
Này xôi một mâm.

Này trúng một rồ.

Ông có linh thiêng,

Mời ông xơi hộ.

Ăn uống no say,

Nằm cho yên chỗ.

Ơi ông Ngạc-Nhi ơi!

Nói càng thêm khò!

•

Ghét Tây, ông khinh ghét luôn cả những cô gái lấy Tây, nên đã làm bài thơ sau đây để mỉa mai những kẻ đã vì tiền mà bán rẻ tấm thân cho giặc :

Con gái thời nầy gái mới ngoan.

Quyết lòng đầu chiến với Tây quan.

Ba vuông pháp phái cờ bay dọc,

Một bức tung hoành vây xắn ngang.

Trời đất quá thương chàng bạch quy,

Giang-sơn riêng sướng ả hồng nhan.

Nghĩ càng thêm chán trai thời loạn,

Con gái thời nầy gái mới ngoan.

•

Vì ai mỗi lái bởi vì ai?

Con gái Nam ta lấy nước ngoài,

Ơi cụ Hồng ơi, phù hộ với,

Không thì con cháu hóa ra lai!

Nguyễn-Khuyến ghét Tây, ghét những kẻ lấy Tây, Nguyễn-Khuyến còn ghét cả Hội Tây nữa (tức là ngày hội 14-7 mà ngày xưa ta vẫn gọi là ngày Hội «Chính-Truug»), cho nên nhân ngày hội Tây, ông mới sáng tác bài thơ sau đây để chế giễu những kẻ cộng tác với Tây để kiếm lợi một cách nhục nhã :

## HỘI TÂY

Kla hội thăng bình tiếng pháo reo,

Bao nhiêu cờ kéo với đèn treo.

Bà quan tênh nghêch xem bơi trải (1)

Thăng bé lom khom nghè hát chèo

Cây súc, cây đu nhiều chi bám,

Tham tiền, cột mõ lầm anh leo.

Khen ai khéo vẽ trò vui thế,

Vui thế bao nhiêu nhục bấy nhiêu!

Ba mươi năm sau, Cụ Á-Nam Trần-tuấn-Khai cũng có làm bài thơ «Hội Tây» sau đây, không kém mỉa mai châm biếm :

## HỘI TÂY

Nô nức đua nhau hội với hè,

Văn-minh Nam-Việt tiến mau ghê.

Nhảy đầm ăn tiệc ông Tây sướng,

Liếm chảo leo đu đưa trẻ mè.

Trời nắng lợi riêng phường bán nước,

(1) Bơi thuyền ở Hồ Hoàn-Kiếm

Bụi mù khô chết lũ buôn xe.

Anh-mù nợ biết trò chi cả,

Cú bập bùng bung cú cỏ ke.

1926

A-Nam TRẦN-TUẤN-KHẢI

Đối với bọn quan lại làm tay sai cho Pháp, Nguyễn-Khuyển khinh bỉ chúng, coi chúng chỉ là bọn «bồi Tây». Lê-Hoan, một tên «đao-phủ» của giặc, đã tham-gia đắc lực vào việc đàn áp phong-trào kháng-chiến của Việt-Nam. Trong khi làm khâm-sai quân thứ ở Hưng-Yên, Hoan có tồ chức tao-dàn, mời các danh-sĩ đương thời đến dự thi vịnh truyện Kim-Vân-Kiều bằng chữ Hán của Thanh-Tâm-Tài-Nhân. Nguyễn-Khuyển và Dương-Lâm được mời vào ban giám-khảo. Nhân dịp này, Nguyễn-Khuyển có làm bài thơ Vịnh Kiều trao cho Lê-Hoan để chửi khéo bọn quan lại tham nhũng đương thời:

Thằng bán tơ kia giờ giải ra,

Làm cho bạn đến cụ Viên già.

Muốn xong phải kiểm ba trăm lạng,

Khéo xếp nên liều một chiếc thoa.

Đón khách mượn màu son phấn mỵ,

Bán mình chuộc lấy tội tình cha.

Có tiền việc ấy mà xong nhỉ !

Đời trước làm quan cũng thế a ?

Có một viên Tuần-phủ, hối đang tại chức, hay đục khoét nhân dân, khi về hưu-tri bị cướp. Nguyễn Khuyển đã làm bài thơ sau

dây đề hỏi thăm quan Tuần, hay nói đúng hơn đề hỏi thăm kẻ cướp bị mất cướp :

Tôi nghe kẻ cướp nó lèn ông,

Nó lại lôi ông đến giữa đồng.

Cướp của đánh người quân tệ nhỉ !

Xương già da cóc có đau không ?

Bảy giờ đã trót trầy da trán,

Ngày trước đi đâu mất mấy lông.

Thôi cũng đừng nên kỵ cớp nữa,

Kéo mang tiếng dại với phường ngõng.

Đề chẽ giêu một viên đốc-học hay đục khoét học trò, Nguyễn-Khuyển tặng bài thơ sau đây :

Ai rằng ông dại với ông điện ?

Ông dại sao ông biết lấy tiền ?

Cây cái bằng vàng treo nhị giáp (1)

Nẹt thẳng mặt trắng lấy tam nguyên. (2)

Dẫu nhà vừa thoát vòng trâu đỗ (3)

Phép nước xin chừa móng lợn đen (4)

(1) Viên Đốc-học đỗ nhị giáp tiến-sĩ.

(2) Tam nguyên là ba đồng bạc cũng có nghĩa là đỗ đầu thi Hương. thi Hối và thi Đinh nữa.

(3) Ý muốn nói vừa thoát khỏi cảnh bần hèn đã lên mặt với đời.

(4) Tứ móng giò hay cái đá.

*Chỉ cõt túi mình cho nặng chắt,  
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.*

○

Có một tên nhòe dư ấm của bõ làm bõ-chánh mà được bõ làm tri-huyện. Tên tri-huyện này gian ngoan, một mặt bõp nặn nhân dân, một mặt làm ra vẻ thanh-liêm, thương yêu dân như con đẻ. Một hôm, y mở cuộc thi thơ ra để là «bõ tiên thi», lấy văn «bõ». «Bõ» chữ Hán là cõ bõ, tiên là roi, roi làm bằng cõ bõ thì đánh không đau, ý viên tri-huyện muốn nói y có lòng thương dân. Việc đến tai Nguyễn-Khuyển, ông liền làm bài thơ sau đây gửi cho viên tri-huyện:

*Chú Huyện Thanh-Liêm khéo vẽ trò.  
Bõ tiên thi lại lấy văn bõ.  
Nghênh ngang xe ngựa nhò oai bõ,  
Ngọng nghèo văn-chương giờ giọng ngô.  
Bõ chưa miệng dồn chừng bặt cạp,  
Tiên là ý chú muốn vòi xu.  
Từ vàng sao chằng từ luon bạc?  
Không khéo mà roi nó phết chẽ*

○

Nguyễn-Khuyển cho rằng những kẻ ra làm quan với giặc là một lũ hè múa may quay cuồng để múa vui cho giặc và để phục vụ giặc, chứ thực ra không có quyền lực gì. Bài thơ sau đây của ông nói lên sự khinh bỉ ấy:

## LỜI VỢ NGƯỜI HÁT CHÈO (trú phu tử)

*Xóm bên đông có phường cho trọ,  
Đang nửa đêm gọi vợ chuyện trò,  
Rằng « Ta thường làm quan to,  
Sao người coi chẳng ra trò trống chi? »  
Vợ cà giận mắng đi mắng lại:  
« Tuổi đã già sao dại như gì?  
Đêm hôm ai chẳng biết chi,  
Người như biết đến thiếp thì hồ thay!  
Đời có hai điều này nên sợ:  
Sống chết quyển người ở tại tay.  
Thế mà chàng đã chẳng hay,  
Còn ai sợ đến phường này nữa chàng?  
Và chàng vẫn lảng nhăng túng kiết,  
Sớm hôm chèo kiếm xác qua thì,  
Tướng chèo còn chẳng ra gì,  
Quan chèo chi nữa khác chi thằng hề! »*

Nguyễn-Khuyển còn cho những người khoa bảng như ông cũng là vô ích cho xã-hội. Ông đã nói lên cái ý nghĩa đau xót ấy trong hai bài thơ sau đây:

## ÔNG NGHÈ THÁNG TÁM

*Cũng cò cũng biến cũng cân đai,  
Cũng gọi ông nghè có kém ai.*

Mảnh giấy làm nên thân giáp bǎng,  
Nét son điểm rõ mặt văn khôi.  
Tâm thân xiêm, áo sao mà nhẹ,  
Cái giá khoa danh ấy mới hời.  
Ghé chéo lọng xanh ngồi bành chọe,  
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi !

## TIẾN-SĨ GIẤY

Khéo chú hoa-man khéo vē trồ,  
Bờn ông mà lại dù thằng cu.  
Mày râu mặt đó chừng bao tuổi,  
Giấy má nhà bảy dáng mấy xu ?  
Bán tiếng mua danh thây lũ trẻ,  
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu.  
Hỏi ai muốn ước cho con cháu,  
Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.

Luôn luôn giặc Pháp cho mồi ông ra làm quan đê mua chuộc  
nhân tâm, nhưng trước sau ông vẫn kiên quyết từ chối. Sau cuộc  
thi vịnh Kiều ở Tao-Đàn Hưng-Yên, ông và một số nho-sĩ bị nghe  
ngờ và theo rời, Ông đã giả điếc để gạt hết những lời cám dỗ hay  
đe dọa :

## GIÁ ĐIẾC

Trong thiên hạ có người giả điếc,  
Khéo ngơ ngác ngác ngơ là ngây.

Chẳng ai ngờ sáng tai họ điếc tai cầy,  
Lỗi điếc ấy sau này em muốn học.  
Tạo trung đàm tiếu nhân như mộc  
Dạ bán phan viễn kỹ tự hầu (1)  
Khi vườn sau, khi sân trước, khi điếu thuốc, khi  
miếng trầu, khi trà chuyên năm ba chén, khi Kiều  
lày một đôi câu.

Sáng một lúc lâu lâu rồi lại điếc,  
Điếc như thế, ai không muốn điếc ;  
Điếc như anh, dễ bắt chước ru mà ?  
Hỏi anh anh cứ ậm à.

Hoặc ông già đóng vai mẹ mộc đê giữ gìn tiết thảo và che mắt  
thiên hạ :

## MẸ MỘC

So danh giá ai bằng mẹ mộc,  
Ngoài hình hài gấm vóc chẳng thêm ra.  
Tâm hồng nhan đem bội lâm xoa noà,  
Làm thế đê cho qua mắt tục.  
« Ngoài mạo bắt cầu như mỹ ngọc  
« Tâm trung thường thủ tự kiên kim » (2)

(1) Nghĩa là : Trong chỗ nói cười thì ngây ra như tượng gỗ. Đêm khuỷa thì  
nghề leo trèo lại giỏi như khỉ.

(2) Nghĩa là : Bé ngoài không cần đẹp như ngọc. Trong lòng thường giữ bền  
như vàng tốt.

Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,  
 Giữ son sắt êm đêm một tiết.  
 Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết.  
 Mành gương trinh vắng vặc quyết không nhơ,  
 Đắp tai, ngảnh mặt làm ngọt,  
 Răng khôn cũng kẽ răng khò cũng thây.  
 Khôn em dễ bán dại nấy.

Hoặc ông gởi tâm sự của ông, cái tâm sự biết mà không  
 thè nói ra được, ở bài :

### ÔNG PHÒNG ĐÁ

Người đâu tên họ là gì?  
 Khéo thay chich chich chi ngực cười.  
 Giang tay ngừa mặt lên trời  
 Hay còn lo tình sự đời chi đây ?  
 ●  
 Thấy phồng đá lợ lùng muôn hỏi,  
 Cớ làm sao len lỏi đến chi đây ?  
 Hay tưởng trông cây cổ nước non nấy  
 Chí cũng rắp giang tay vào hội lạc  
 Thành sơn tự tiểu đầu tương hạc  
 Thương hải thùy tri ngã diệc áu (1)

(1) Nghĩa là : Đáng cười ta đầu da bạc như con hạc mà vẫn thích cuộc đời  
 nhưng ai biết ta cũng như con chim êu thường dung tú tại, không  
 chuyện rắc rối ở đời.

Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu  
 Túi vũ-trụ mặc đàn sau gánh vác.  
 Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác  
 Chén chú chén anh chén tôi chén bác,  
 Cuộc tỉnh say say tỉnh một vài câu.  
 Nên chẳng đá cũng gật đầu.

Lúc về già, mắt Nguyễn-Khuyến bị lòa. Có một viên quan lại  
 (có người nói là ông Chu-mạnh-Trinh) muốn xỏ ông chơi, đem đến  
 tặng ông một chậu hoa trà là một thứ hoa chỉ có sắc mà không có  
 hương, khiến ông không thè thường thức được cái đẹp của màu sắc.  
 Sau khi nhận được chậu trà và hiểu rõ thâm ý người cho hoa, ông  
 làm bài thơ sau đây để tạ ơn viên quan lại kia, nhưng thực ra thi  
 để chửi xỏ lại :

Tết đến người cho một chậu trà,  
 Dương say ta chẳng biết răng hoa.  
 Da mõi tóc bạc ta già nhỉ?  
 Áo tía dai vàng bạc đầy a?  
 Mưa nhỏ những khinh phường xô lá, (1)  
 Gió to luồng sơ lúc rời già.  
 Xem hoa ta chỉ xem bằng mũi  
 Đêch thấy mùi hương, một tiếng khà !  
 ●

(1) Hai câu thơ thứ năm và thứ sáu có nghĩa là : những trận gió to làm cho  
 quế rụng mầm rồi ai cũng dễ thấy (tiêu sét thời phong khùng lạc giả) ; còn  
 như mưa bụi dần dần làm cho lá thủng thì ít người biết, cho nên nguy  
 hiểm (tầm thường vì vũ khí xuyên diệt).

Ra đường, nhiều người chào ông, nhưng ông không biết  
ai. Tức mình, ông làm mấy câu thơ :

*Hỡi hỡi đi đâu lũ lạy dài ?*

*Chào ta, ta chẳng biết là ai.*

*Khoan ! khoan ! đứng lại cho ta mờ,*

*Mó thử, không làm gái lắn trai.*

Bất lực trước cuộc tư tưởng yêu nước của  
Nguyễn-Khuyển, là tư tưởng yêu nước tiêu cực, vì  
Nguyễn-Khuyển đã đầu hàng địch, cho nên ông viết :

#### TỰ TRÀO

*Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,*

*Chẳng gầy chẳng béo chỉ làng nhàng.*

*Còn đương giờ cuộc không còn nước,*

*Bạc chừa thâu canh đã chạy làng.*

*Mở miệng nói ra gần bát sách,*

*Mềm môi chén mài tít cung thang.*

*Nghĩ mình lại góm cho mình nhỉ,*

*Thế cũng bia xanh nũng bảng vàng,*

hay là :

#### CHÂU CHẨU ĐÁ VOI

*Châu chấu làm sao dám đù voi,*

*Xem ra nghĩ cũng nực phì cười.*

*Xung xoe chạy lại giương hai cánh,*  
*Ngứa ngáy không hề động nửa đuôi.*  
*Hơn kém cuộc này ba chén rượu,*  
*Được thua trận ấy một trò chơi,*  
*Nghi ra ta cũng thương mình nhỉ,*  
*Theo dit còn hơn một lũ ruồi.*

#### BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

*Đã bấy lâu nay bác tới nhà*  
*Trẻ thời đi vắng chờ thời xa.*  
*Ao sâu nước cà khôn chài cá,*  
*Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà.*  
*Cải chừa ra cây cà chừa nụ;*  
*Bầu vừa rụng rốn mướp đương hoa*  
*Đầu trò tiếp khách trầu không có,*  
*Bác đến chơi đây ta với ta.*

#### QUA CHỖ LỘI LÀNG NGANG

*Đầu làng Ngang có một chỗ lội*  
*Có đèn ông Cuội cao vòi voi.*  
*Đàn bà đến đẩy vén quần lên*  
*Chỗ thì đến háng chỗ đến gối.*  
*Ông Cuội ngồi trên mím mép cười :*  
— Cái gì trắng trắng như con cúi ?

Đàn bà khép nép đứng liền thưa :

— Con trót hờ hênh ông xá tội.  
— Không, không con có tội chi mà,  
Lại đây ông cho giỗng ông Cuội.  
Từ đây làng Ngang đẻ ra người,  
Đẻ tật nhũng thằng hay nói dối.

## TẶNG CÔ ĐÀO LUU

Ngày xưa Lưu muốn lấy ông,  
Ông chê Lưu bé, Lưu không biết gì.  
Bây giờ Lưu đã đến thì,  
Ông muốn lấy Lưu, Lưu chê ông già.  
Ông già ông khác người ta,  
Những cái nhí nhắt ông ma bằng mười.

## DỖ NGƯỜI LẮT LÊ

Hãy nín đi, hãy nín đi,  
Lấy chồng làm lẽ có can chi !  
Tôi đòi, phận trước còn nhiều kẻ,  
Hầu hạ, duyên sau chẳng một gi.  
Vì được sành duyên người lich-sử,  
Còn hơn chánh thất kẻ ngu si,  
Đâu rằng con người, nhà ngoài đó,  
Cũng đủ phong-lưu chẳng thiếu gì.

## CẮT TÓC

Trải gió, dầm mưa đã lấm rồi,  
Phen này, cắt tóc đẽ làm tôi.  
Tron-tru chẳng có còn ai cù,  
Lông-lõc tha hồ mặc mẹ bõi.  
Cái lược từ đây khôn lối gõ,  
Con đèn thôi cũng hết đường chui.  
Cũng toan tấp tề làm sự cụ,  
Nghỉ lại, song mà chưa chính ngôi,

## PHÚ ĐÁC

« Bà già đã bảy mươi tư,  
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng ».

Đã trót sinh ra kiếp má đào,  
Bảy mươi tư tuổi có là bao ?  
Xuân-xanh xắp-xỉ hàm răng rụng,  
Ngày tháng ân-cần mảnh giấy trao,  
Chữ nhất-nhi-chung dành đã vậy,  
Câu tam-bát-hiếu nữa làm sao ?  
May mà chim được ông chồng trẻ,  
Họa có sinh ra được chút nào.

## BỐN CÔ TIỀU NGỦ NGÀY

Ôm tiu gối mõ ngáy khò khò,  
Gió lọt buồng thuyền mát-mè cô.  
Then cửa từ-bi cài lồng chốt,  
Nén hương tết-độ đốt đầy lò.  
Cá khe lảng kê đầu ngọt-ngác,  
Chim núi nghe kinh cổ gật-gù.  
Nhắn bảo chúng-sinh như muôn đ<sup>i</sup>  
Sẽ quỳ, sẽ niệm, sẽ nam-võ.

## ĐƯA NGƯỜI LÀM MỐI

Tri-âm xin tỏ với tri-âm,  
Một tình-tình-tình miệng lỡ làm.  
Nhấp-nhoáng hạt trai ngọt hồ phách,  
Mơ màng núc-nác ngọt vàng-tâm !  
Bản tin bướm nhạn hoa còn đỏ,  
Nghe nói vườn xuân sắc đã thâm.  
Nhắn-nhủ bà hàng đứng đóng ghế,  
Bầu non kia đã phái ong châm !

## THẦY ĐỒ ĐI VE

Người bảo rằng thầy yêu ch âu đây,  
Thầy yêu mẹ cháu có ai hay !  
Bắc cầu, cầu cũ không hờ hững,

Cầm kính, tình xưa vẫn dang cay.  
Ở góa thế-gian nào mấy mụ ?  
Đi ve thiên-hạ thiêng chi thay !  
Yêu thầy cũng muốn cho thầy dạy,  
Dạy cháu xong rồi mẹ cháu ngày.

## TẶNG BẠN MỞ TY-RƯỢU

Rày xem bác đã thoa lòng chưa ?  
Chớp mắt làm nên biến với cờ.  
Mùi thế thú chơi không chênh-choáng,  
Giọng tình mới nhấp chưa say sưa,  
Ghen vòng tranh-cạnh xoay đương tit,  
Gióng cuộc ăn chơi thế cũng vừa.  
Quả đất Hoài-châu tôi mới biết,  
Mừng ông đọc bốn mấy câu thơ.

○○○

**DƯƠNG-KHUÊ**  
(1835 - 1898)

**Tiểu-sử :** Hiệu là Văn-Trì, tục gọi là ông nghè Văn-Đinh, Quán làng Văn-Đinh, phủ Úng-Hòa, tỉnh Hà-Đông.

Đỗ tiến-sĩ năm 1868. Làm quan đến Tòng-Đốc. Khi hưu-trí được hưởng hàm Bình-bộ thượng-thư. Em là Dương-Lâm đồng thời nỗi tiếng văn hay. Bạn là cụ Tam-nguyên Yên-Đò, cùng nhau hay ngâm vịnh.

Mất năm 1898, thọ được 63 tuổi.

Thường dùng thi-ca, nhất là thè hát nói, đề tiêu khiền. Thi văn có giọng êm-ái nhẹ-nhàng, chứa đựng tình-tứ thiết-tha nhưng tờ rõ một quan-niệm nhân-sinh rất phóng-khoáng tự-nhiên.

◎  
**NHÂN VONG CẦM TẠI**

*Nghe đàn nhớ lão Chung-Kỳ,  
Vợ mi ở đó mi đi mô chừ ?  
Sớm khuya xe tầu phụng thờ,  
Góá chồng cũng thè như chưa có chồng.*

**MƯỜU:**

*Lấy ai làm khách đồng-tâm,  
Lấy ai làm khách tri-âm với nàng ?*

*Đêm khuya luồng những bàng hoàng,  
Người đi đâu mất mà đàn còn đây ?*

**HÁT**

*Nhân vong cầm tại,  
Nhớ chàng Hai mà lại hỏi cô Hai,  
Tiện đây hỏi một đôi lời :  
Đàn bản ấy cùng ai tor phiếm cũ.  
Hồng-phän kỵ nhân vi quà-phụ,  
Bạch đầu nan lão Trác-văn-Quân.  
Thế thì khi gió gác lúc trăng sân,  
Chừng bạch-tuyết dương-xuân còn tưởng nhớ.  
Gương ngồi lại hát chơi khúc nữa,  
Ai trách chi tang chở xóm Bình-Khang.  
Xưa nay nghề-nghệ thường thế thường.*

Một hôm, Cụ Dương-Khuê cùng đi với một người bạn đang cù tang, đến hát à đầu nhà cô Hai, vừa mới góa chồng là anh Hai, một anh kép nghiệp gốc miền Trung. Trước tình cảnh cắt cớ ấy, cụ Dương cao hứng làm tại tịch bài hát-nói trên cho cô đầu hát.

Vì ông bạn đang cù tang mà cô Hai cũng đang đè tang chồng, nên Cụ mới hạ câu « Ai trách chi tang chở xóm Bình-khang » để gờ cho bạn và cho cả cô Hai.

Và cũng vì chồng cô Hai gốc miền Trung nên Cụ mới dùng những chữ « mi », « mô », « chừ » là những tiếng miền Trung.

Một hôm khác, ông Dương-Lâm, em ruột cụ, đi hát nhà cù  
đầu Oanh, bị phu-nhân ghen, cụ làm bài sau đây để giêu :

## SƠ VỢ GHEN VỚI ĐÀO OANH

Góm cho cái nợ tình đòi !  
Đem gương iỗ-nữ dõi người phòng-huê.  
Tin xuân thỏ-thê đi về,  
Mảng vui oanh hót mà e liêu hờn.

## HÁT

Gợm xin thưa lại :  
Hỏi tình-quân rằng : phải thế hay không ?  
Buồi tân-tri chưa vướng lục lây hồng,  
Mà phòng trong đã Hà-Đông sang-sáng tiếng.  
Ngắm vẻ anh-hào coi cũng mến;  
Truyện ghen tuông còn đè tiếng khi xưa ;  
Chén khuyên chàng ngoảnh mặt làm ngơ,  
Đừng liêu cợt trăng mờ chi thóc-mách.  
Một mai hỏi tiêu thư mượn sách,  
Giật mình vể nỗi khách đa-mang.  
Nước đời được mấy Thúc-lang ?

## THĂM CÔ ĐÀO ỐM

Trông nắp bồng ra chiếu liêu-yếu,  
Bệnh động-phong sao khéo nực cười ;

Trộm nghe sương tuyêt hơi hoi,  
Cơm xoi mẩy, thuốc xoi đặng mẩy ?  
Thức hay ngủ, có sao nằm vậy ?  
Hãy tung màn gượng dậy làm vui.  
Tiện đây hỏi một đôi lời :  
Lòng chiều khách đã xuôi-xuôi thế chừa ?  
Đàn cầm-sắt gầy chơi lúc nữa,  
Rượu hồng-hoa, còn trứa nữa hay không ?  
Nàng vâng xin cũng chiều lòng !

oo

## TRƯƠNG - VĨNH - KÝ

(1837 - 1893)

**Tiêu-sử :** Sinh ngày 6-12-1837 ở thôn Cái-Mơn, xã Vĩnh Thành, huyện Tân-Minh, tỉnh Vĩnh-Long (nay thuộc tỉnh Bến-Tre)

Tự là Sĩ-Tài, tục gọi là Pétrus Ký. Là một nhà hiền-sĩ, một nhà đại-văn-hảo, có công rất lớn trong việc đặt nền móng cho nền văn-học Việt-Nam vào hậu bán thế kỷ thứ 19, khi Việt-ngữ còn ở thời-kỳ phôi-thai.

Thân-phụ mất sớm, năm lên 11 tuổi, được một linh-mục Pháp (tục gọi là Cố Long) nâng đỡ, cho vào học trường Pinhalu ở Cao-Mên rồi học ở trường Pinang.

Tư chất thông-minh; tinh thông Pháp-văn, Hán-văn và nhiều ngoại-ngữ khác như Xiêm, Lào, Môn, Hy-Lạp, La-tinh, Anh, Nhật, Ấn-Độ, v.v...

Năm 1863, được cử làm thông-ngoôn trong sứ-bộ Phan-thanh-Giản sang Pháp. Lúc về, được bồ làm giáo-viên rồi làm giám-đốc trường Thông-ngoôn, rồi giám-đốc trường Sư-Phạm, và dạy các thứ tiếng ở trường Hậu-Bồ.

Năm 1886, giúp việc cho Toàn quyền Paul-Bert rồi sung Cơ-Mật-Viện để giúp vào việc giao-thiệp giữa hai chính-phủ Pháp-Nam. Được ít lâu, xin từ chức để về Nam-Ký và từ Cố cho đến khi mất, chỉ chuyên về việc trú-tác.

Mất ngày 1-9-1898.

## TRƯƠNG - VĨNH - KÝ

### BÀI THƠ TUYỆT BÚT

Sống vào lúc quốc-gia nguy-vong, lúc mà ngoại-ban dùng vũ-lực đe dặt nền thống-trị lên tồ-quốc thân yêu, người trí-thức, nếu không làm được người anh-hùng círu-quốc, thì phải từ tài-sức của mình mà giúp đỡ đồng-bào và tồ-quốc, được chừng nào hay chừng này. Đó là tâm trạng của nhà hiền-sĩ Trương-vĩnh-Ký vào lúc Pháp bắt đầu đánh chiếm mấy tỉnh miền Nam Việt-Nam. Thời-cuộc đã xô đẩy họ Trương đứng ra làm giây liên lạc giữa hai chính-phủ Pháp—Nam trong lúc tình-hình giao-thiệp giữa hai nước cực kỳ khẩn-trương.

Trong khi hai bên nghi-ky nhau, nếu chẳng có sự thông-minh khôn khéo, sự chơn-chất ôn-hòa thành thật, làm cho hai bên yêu-mến vị nè tin dùng mình như nhau, thì cái vai-trò của họ Trương nguy-hiem biết bao !

Nhưng dù cố gắng đến mức nào đi nữa đe làm tròn sứ-mạng khó khăn, họ Trương cũng không khỏi bị cả hai bên nghi-ky và miệng thề mai-mà, đến nỗi phải xin từ chức mà lui về tìm vui thú trong văn-chương và trú-tác.

Sau khi họ Trương nhắm mắt, những tiếng thị-phi đều lắng đi một lượt mà chỉ còn có một tiếng ca-tụng và than tiếc tài-đức của nhà bác-học và hiền-sĩ Trương-vĩnh-Ký mà thôi.

Trước khi lâm-chung, họ Trương đã ký-thác tâm-sự của mình vào bài thơ tuyệt-bút sau đây, đầy ý tứ hóm-hỉnh và triết-lý sâu xa :

Quanh quanh quẩn lối đường quai,  
Xô đẩy người vô giữa cuộc đời.

Học-thức gởi tên con sách nát,  
 Công-danh rốt cuộc cái quan-tài.  
 Dao hòn, lũ kiến men chørn bước,  
 Bò xối, con sùng chắt lười hoài !  
 Cuốn sổ bình-sanh công với tội,  
 Tìm nơi thầm-phán đè thửa khai.

oOo

## NGUYỄN HỮU HUÂN

(1841-1875)

Tiểu-sử : Quán làng Tịnh-Hà, tỉnh Định-Tường. Chưa đầy 20 tuổi đã đỗ thủ-khoa, nhưng không ra làm quan. Người ta thường gọi là Thủ-khoa Huân.

Năm 1861, đứng ra tồ-chức nghĩa-quân trong các tỉnh Định-Tường, Kiên-Giang, Hà-Tiên, Chợc-Đốc để chống Pháp.

Năm 1863, bị Pháp bắt và đày đi Côn-đảo, rồi sau đày sang đảo Réunion.

Năm 1874, sau khi Nam-Triều đã nhường sáu tỉnh miền Nam cho Pháp, ông được tha về, nhưng rồi cũng lại tồ-chức nghĩa-quân.

Năm 1875, ông lại bị Pháp bắt và lần này, ông bị đem ra hành hình. Năm ấy, ông mới 35 tuổi.

## TƯ TRÀO

Nghị thưen râu mày với nước non,  
 Mừng nay tùng cúc, bạn xưa còn.  
 Miếu-đường cách trở bẽ tôi chúa.  
 Gia-thất riêng buồn nỗi vợ con.  
 Áo Hán nhiều phen thay vẻ la,  
 Rượu Hô một mặt đậm mùi ngon.

Giang-Đông nồi tiếng nhiều tay giỏi,  
Cuốn đất kia ai dám hỏi đơn!

Năm 1874, nhơn dịp nhà cách-mạng Nguyễn-Hữu-Huân được Pháp tha về và giao cho Tông-Đốc Đô-hữu-Phương quản-thúc, sau mấy năm bị lưu đày ở đảo Réunion (Đông-Nam Phi-Châu), ông Phương, vốn là bạn cũ của Huân, tò chước một bữa tiệc mừng, có mời đông đủ cách quan người Việt đến dự.

Tiệc xong, nhân có người yêu cầu ông Thủ-khoa làm thơ cho nghe, ông liền đọc bài thơ «Tự trào» trên đây, trong đó, ông dung ý mỉa mai một cách kín đáo những người theo Pháp bằng hai câu luận « áo Hán thay vè lụ, rượu Hồ dấm mùi ngon ».

Trước kia, khi sắp đi đày, ông làm bài thơ cảm khái :

Muôn việc cho hay số bởi trời,  
Chiếc thân hờ hải biết đâu nơi ?  
Mấy hồi tên đạn ra tay thử,  
Ngàn dặm non sông dạo gót chơi.  
Chén rượu Tân-Đinh nào luận tiệc,  
Văn thơ cõi-quốc chẳng ra lời.  
Cương thường bởi biết nên mang nặng,  
Hết đứng làm trai trả nợ đời.

Mà ông trả nợ đời thật : sau khi được trả tự-do, ông lại ngầm tò-chức nghĩa-quân chống Pháp. Tháng tư năm 1875, ông bị quân Pháp vây bắt và sau đó đem ra hành hình tại chợ Phú Kiết tỉnh Định-Tường.

Trước khi lên đoạn-dầu-dài, ông còn khắng khái ngâm to bài thơ :

Hai bên thiên-hạ thấy hay không ?  
Một gánh cương-thường, há phải gông ?  
Oắn oại hai vai quân-tử trúc,  
Long lay một cõi trượng-phu tòng.  
Sống vè đất Bắc danh còn rạng,  
Thác ở thành Nam tiếng bỏ không.  
Thắng bại, doanh thâu trời khiến chịu,  
« Phản thắn », đ.m. đứa cười ông !

oo

HỌC-LẠC  
(1842-1915)

**Tiểu-sử :** Nhà thơ trào-phúng nòi tiếng nhất miền Nam. Sinh năm 1842 ở làng Mỹ-Chánh, tỉnh Mỹ-Tho. Chính tên là Nguyễn Văn-Lạc, biệt hiệu Sầm-Giang.

Học giỏi, nhà nghèo, nên được chọn vào ngạch học-sinh, ngạch của triều-định nhà Nguyễn đặt ra. Vì thế, tục gọi ông là học-sinh Lạc, rồi sau biến mất chữ « sinh », còn lại hai chữ « Học-Lạc ». Tuy học giỏi, nhưng thi mãi không đỗ, và nạn nước đến hồi nghiêng-ngửa, ông dời nhà về ở tại chợ Thuộc-Nhiêu, lấy nghề dạy học và bốc thuốc làm kế sinh-nhai.

Mất năm 1915.

CON TÔM

*Chẳng phải vương công chẳng phải hầu,  
Học đòi dài kiếm lại mang râu.  
Khoe khoang mắt đỏ trong dòng bích,  
Chẳng biết mình va cứt lộn đầu!*

ÔNG LÀNG HÁT BỘI

*Chi chi trong khám sấp ngang hàng,  
Nghĩ lại thì ra các bợm làng.  
Trong bụng trống tròn mang cõi giữa,*

*Trên đầu trọc lóc bịt khăn ngang.*

*Vào buồng gọi tồ chau đầu lạy,*

*Ra rạp rặng con nít nách mang.*

*Dám hỏi hàm ân người lớp trước,*

*Hay là một lũ những quân hoang?*

Mỗi gánh hát bội đều có thờ một ông Tồ gọi là ông Làng trông giống như con búp-bê.

CON TRÂU

*Mài sừng cho lâm cũng là trâu,*

*Ngầm lại mà xem thật lớn đầu.*

*Trong bụng lam nhам ba lá sách,*

*Ngoài cẩm lém nhém một chùm râu.*

*Mắc mưu đốt đít tai bời chạy, (1)*

*Làm lẽ bôi chuông nhớn nhác sầu. (2)*

*Nghè ngọ già đời quen nghè ngọ,*

*Năm giây đàn gầy biết chỉ đâu, (3)*

CHÓ CHẾT TRÔI

*Sống thì bắt thó, thó kêu rêu,*

*Thác thả dòng sông xác nồi phèu.*

(1) Điện-Dan tướng nước Tề xưa dùng kẽ tăm đầu vào đuôi trâu, rồi đốt cho cháy sang hàng ngũ quân địch.

(2) Tục đời xưa thường lấy huyết trâu bôi vào chuông cho khói nứt.

(3) Do câu tục-ngữ « đàn gầy tai trâu » mà ra.

Vẫn vẹn xác còn phơi lửng-dừng,  
Thúi tha danh hầy nồi lếu bều.  
Tôi lui bịn rịn bầy tôm tép,  
Đưa đòn lao xao lũ quạ điêu.  
Một trận gió dời cảng sóng dập,  
Ten tành xương thịt biết bao nhiêu !

Với những bài thơ con tôm, ông Làng hát bội, con trâu, chó chết trôi, ông Học-Lạc có ý châm biếm những kẻ giả áo túi cơm, cậy quyền cậy thế, lên mặt với đời, nhứt là bọn quan lại và hương chức hối hả giờ.

## ĂN TIÊU-LÂU

Dẽ muốn ăn chơi thế vậy a ?  
Người dời thăm thoát bóng câu qua.  
Tháng ngày thoi trở năm cùng thúc,  
Tơ tóc sương bay tác đã già.  
Khiền hứng no nê mùi Quảng-Tổng,  
Tiêu sầu quay mặt rượu Lang-sa.  
Trái xem ai nấy đều mê mệt,  
Há dẽ mình ta tinh đặng mà.

Trong bài thơ trên, sáng tác sau khi quân Pháp đã lấy được miền Nam, tác-giả bộc lộ một nỗi buồn man mác trước cảnh non sông bị chìm đắm. Cho nên tuy no nê mùi Quảng-Tổng, nhưng mà phải quay mặt cầm chén rượu Lang-Sa, thì vui sao cho được.

## GÀ ĐÁ ĐỘ

Hai bên chưa chắc đặng cảng không,  
Thiên hạ ngày tròn mỏi mài rồng.  
Một trận quyết đến ơn tam măng,  
Hai người chờ ngại nắm xưng lồng.  
Rủi may đã có người hương khói,  
Khuya sớm cho cam kẻ ấm bồng.  
Lửng lẫy lẩy danh trong mấy nước,  
Làm sao năm đức giữ cho đồng (1).

Bài thơ « gà đá độ » làm vào năm 1862, tỏ ý giục người ta ra ứng-mộ đi đánh Pháp để lấy lại ba tỉnh miền Đông mà triều đình Huế đã cắt nhượng cho Pháp.

## NGỒI TRĂNG (2)

Hoa An-nam, lứ khách trú, (3)  
Trăng trói lảng xảng nhau một lũ.  
Ngoài mặt ngõ ngang lợ Bắc, Nam ;  
Trong lai, các cớ xui đoàn tụ. (4)  
Bợm láng chẳng vị sỉ năm kinh. (5)  
Ông Bồn không thương người bảy phủ. (6)

(1) Gà có năm đức: là uy-vũ, can đảm, gáy sảng, tháo ăn và khéo nuôi con.

(2) Trăng là trăng trói, bị bắt đóng nọc.

(3) Hoa, lứ nghĩa là tôi, anh (tiếng Triều-Châu).

(4) Tai nạn.

(5) Người học trò giỏi hay thầy ngồi dạy học.

(6) Bảy ban Huê-Kiều ở miền Nam.

Phạt tạ xong rồi trở lại nhà,  
Hoa thời hốt thuốc, lú bông-vụ.

Ngày xưa, trong nhiều làng Việt-Nam, có tục cúng xôi. Đến ngày làng kỳ yên thì chức sắc trong làng mỗi người phải đem ra đình một cỗ xôi để cúng Thần. Ông Học-Lạc là một chức sắc trong làng nên cũng phải theo tục lệ ấy. Có một lần, trên vành mâm xôi ông đem ra đình, thay vì dề chức tước và tên họ của ông, ông chỉ dề hai chữ « Thắng Lạc » để ngạo đùi chơi. Vốn đã sẵn hờn ghét vì tính ngạo đùi ấy, nay được dịp trả thù, làng bắt tội ông phải ngồi trăng vì cho rằng ông đã giễu cợt thánh thần và khinh khi hương chức. Lúc đó, có một anh Chết bông vụ cũng bị phạt ngồi bên ông, ông tức cảnh làm bài thơ « ngồi trăng » nói trên ngâm cho anh Chết nghe. Xong đám kỳ yên, làng bắt ông phải xin lỗi cả hương chức mới được tha. Lúc ra về, ông vừa đi vừa ngâm bài thơ sau đây:

## TẠ HƯƠNG-ĐẢNG (1)

Vành mâm xôi dề « thắng Lạc ».

Nghĩ mình ti tiện không dài các.

Văn-chương chẳng phải bơm mèo quào,

Danh lợi không ra cái cóc rác.

Bởi thế bơ thờ thận núi sông,

Dám đâu vúc-vács ngạo cõi bác.

Việc này như có thấu lòng chàng,

Trong có ông Thần, ngoài cắp hạc.

oOo

(1) Hương-đảng là các viên-chức trong làng.

## NHIÊU-TÂM

Tiêu sứ : Một nhà thơ trào-phúng miền Nam, cùng thời với ông Học-Lạc. Chính tên là Đò-Thanh-Tâm, sau đổi là Như-Tâm, rồi Minh-Tâm, biệt hiệu là Minh-Giám.

Ông người tỉnh Vĩnh-Long, học giỏi nhưng thi mãi không đậu. Vì có chân trong Nhiêu-học, nên người ta thường gọi ông là Nhiêu-Tâm.

Tuy văn-học của ông không được xuất sắc như ông Học-Lạc, nhưng đối với các si-phu và đồng-bào miền Nam thời bấy giờ, ông cũng đã nức danh là một nhà thơ cự-phách với những bài thơ trào-phúng còn truyền tụng cho đến ngày nay.

## VỊNH KIỀU

Sắc tài có một đinh đinh đinh,

Khắp cả giang-san tiếng nồi phình,

Duyên chi mà em theo lêo dêo,

Nợ chàng rồi thiếp sạch sành sanh.

Ra đi dấu đội muôn phần hiếu,

Trở lại vai mang một chéo tình.

Mười mấy năm trời nhớ rửa sạch,

Khúc đờn nhàn gầy tịch tình tinh.

## HỎI CON CHỊ CƯỚI CON EM

Xi bụi bao giờ ngẫm mới hay,  
Vàng đồi dì nó dặng đeo tay.  
Cười ra nước mắt là đường áy,  
Khóc lại hờ người vốn sự này.  
Ráy nấu bao lâu chưa hết sương,  
Gừng đâm mấy nước cũng còn cay.  
Sắm sanh gương lược phòng nâng đỡ,  
Tưởng dặng kêu anh, té dương mày.

## KHÓC CHÚ CHỆT CHẾT

Cảm thương chú Chết ở Đông-Ngô,  
Một giặc đâm đâm khứ tộ lõ.  
Xưa ở dương-gian còn xinh xái,  
Nay về âm-phũ hết lõ xõ.  
Trời Nam một phút siêu hồn phách,  
Đặt Bắc ngàn thu lạc mà mê,  
Hia hờ hia đi bộ cháo khụ,  
Đè cho chẽ nhớ tiếng ai ô.



« Đêm nằm mơ tưởng tưởng mơ,  
Chiêm bao thấy bậu dậy rờ chiếu không. »  
Mỗi tình ai dè rồi như tơ ?

## NHIÊU-TÂM.

Tình giấc chiêm bao chối dậy rờ,  
Hiệp mặt còn mơ đào thơ thó.  
Xảng tay hối tinh lác tro tro.  
Ngõi là hương lửa đang nhen nhúm,  
Hay nỗi trăng hoa khéo phỉnh phò,  
Chớp nhoáng bóng loan vừa nháy mắt,  
Trêu người cắc cớ hối ông Tơ ?

Chẳng những ông Nhiêu-Tâm làm thơ rất hay, rất hóm hỉnh, rất châm biếm ngạo đời, mà lại còn làm rất nhanh, có thể nói là « xuất khẩu thành thi » nữa. Tí dụ như những câu chuyện sau đây :

## « CHUYỆN « ĐỦA BÁ-HỘ NỌN »

Ông Nhiêu-Tâm có một người bạn là ông bá-hộ Nọn mà vốn ông không tra. Một hôm, ông Nọn hỏi thăm ông Tâm về đời sống hiện thời, ông Tâm liền ứng khẩu đọc bài thơ tú-tuyệt sau đây để trả lời :

Thấy anh tôi nghĩ lại tôi buồn,  
Tôi khó, anh giàu đã quá muôn.  
Anh vậy, tôi vầy trời khiến vậy,  
Chúc cho con cháu vầy luôn luôn.

Phần nhiều người miền Nam đọc chữ « quá » ra chữ « hóa » và chữ « muôn » thành chữ « muòng ». Mà muông nghĩa là chó. Vậy « quá muỗng » là « hóa chó ». Và ông Tâm lại chúc cho con cháu ông Nọn về sau này cũng « hóa muỗng » hết. Ít lâu sau, ông Nọn mới hay ông Tâm chúc xỏ mình nên giận lắm.

## CHUYỆN « THƠ XỎ THẦY ĐỒ »

Nhà ông bá-họ Nọn có rước một ông thầy Đồ về dạy học ~~chữ~~  
Nho. Ông này ở xa đến, tưởng mình là người văn-chương nhất  
chúng ở trong vùng, nên lên mặt kiêu ngạo. Muốn xỏ thầy Đồ chơi,  
một hôm, ông Tâm khăn áo chỉnh tề đến ra mắt thầy Đồ. Ông này  
tưởng ông Tâm là một người xoàng xỉnh, nên dương dương tự đắc,  
cho mình ở vào một địa-vị tiên-sinh. Nhân nói về thơ, ông Tâm mới  
xin thầy ra cho một bài thơ để tập làm. Với tính kiêu ngạo, thầy chỉ  
vào một cục phân mà ra để cho ông. Ông Tâm liền ứng khẩu  
đọc ngay :

## CỤC PHÂN

Bao-tử là cha mẹ ruột dõi,  
Đè không nên chỗ để mẩy trôi.  
Chặt chân chẳng nỡ, thầy nhảm đạp,  
Bit mũi mà qua đã góm rồi.  
  
Chẳng chó bắt mèo, ngồi ngửa mặt,  
Có tong cùng chốt rước tràm môi.  
Lần thay cho lão ngồi câu quẹt,  
Chấp chứa làm chi những giỗng hôi.

Nghe xong, thầy Đồ đỏ mặt vì đã hiểu rằng ông Tâm cho  
mình là cục phân và sờ-dỉ ông bá-họ đã dùng thầy là vì không có  
chó nên phải bắt mèo. Ở hai câu kết, ông Tâm lại còn trách ông  
bá-họ Nonen sao lại đi rước cái hạng người như thế. Biết kẻ đối  
thoại với mình không phải là tay vừa, thầy đồ đứng dậy xin lỗi  
ông Tâm ở chỗ đã lấy đè « cục phân » mà ra cho ông làm.

## NHIÊU-TÂM

## CHUYỆN « THƠ GHẸO CON BÉ BÁN CAU »

Một hôm, ông đang ngồi nói chuyện với một người bạn ở  
trong nhà, bỗng nghe tiếng người con trai ông chọc ghẹo cô hàng  
bán cau, ở ngoài ngõ. Ông bạn thấy thế bảo ông hãy làm một bài  
thơ tức cảnh. Ông ứng khẩu đọc ngay :

Hỏi cau ai bán tiếng nghe rao,  
Tốt vóc mà trong biết thế nào ?  
Giấu đè trong buồng e đóng đục,  
Phanh ra trước mặt thầy ngon dao.  
  
Giặc mua nên phải coi từ vú,  
Có bán thì cho thử chút nào.  
Chuốt ngót của mình ai dám chắc,  
Biết lòng biết mặt, xia tiền trao.

Chuyện « Thơ đứa ông Huyện Lê-chí-Thành » : ông Nhiêu-Tâm  
có một người bạn tên là Lê-chí-Thành tuy đã già nhưng có rất nhiều  
vợ bé, có bà chỉ độ 15 hay 16, còn kém cả tuổi con của ông, cho  
nên có nhiều ông cha vợ chỉ bằng tuổi con của chàng rẽ mà thôi.  
Trước cảnh đời trớ trêu ấy, ông Tâm cảm hứng làm một bài thơ  
lấy đề là « Trẻ cha già con » để đứa ông bạn già gân :

Của đời thầy vạy dưng dưng dưng,  
Cha trẻ con già, ngô quá chừng.  
Nợ nợ ông già khờ khít mặt,  
Này này chàng rẽ rung trơn răng.  
Tham vui chịu lận, thương vì lão,

*Khéo gã làm chi lạ cái thằng.*

*Chuyện ở giữa đường ai chẳng nói;*

*Nói chơi, đeo oả đứa cắn nhăn.*

•

Cùng thời với hai ông Học-Lạc và Nhiêu-Tâm ở Nam-Kỳ lục tỉnh, còn có hai nhà thơ trào-phúng khác là ông huyện Nguyễn-thiện-Kế mà tục gọi là ông Huyện Móm và ông giáo Nguyễn-trung-Hậu, mà hai bài thơ nổi tiếng sau đây còn truyền tụng cho đến bây giờ :

## VỊNH KIỀU

*Lúc tung thần tiên cũng hóa liêu,*

*Duyên đâu hờ hững, nợ đâu nhiều.*

*Bán mình nào thấy chàng Kim hỏi,*

*Đánh đĩ tha hồ mụ Bạc tiêu.*

*Đàn chưa giải oan cho tướng giặc,*

*Thành còn nghiêng nước với quan triều.*

*Nghìn năm ai chẳng phuờng trăng gió,*

*Danh tiếng phẫn riêng một Thúy-Kiều.*

## NGUYỄN-THIỆN-KẾ

## LẤY CHỒNG CHÀ VÀ

(hạn vận : « chà và la ma tà »)

*Chẳng lấy An-Nam lại lấy Chà,*

*Ăn cơm không dũa đè mà và.*

*Dẫu mè em bậu vui lòng ướp,*

*Thịt mỡ anh chàng thấy sợ la.*

*Ngày ngầm da đen in hết quỷ,*

*Đêm trông răng trắng khác chi ma.*

*Khá tua chốn khác vầy duyên thăm,*

*Phòng cây nhở nhau buồi xé tà.*

## NGUYỄN-TRUNG-HẬU

oOo

LÊ-LƯỢNG-THỂ  
(1847-1920)

**Tiểu-sử :** Hiệu Thảo-Trang, sinh năm 1847 tại giáp Tiêu-Hà, huyện Thọ-Xương, tỉnh Hà-Nội (tỉnh Hà-Đông bây giờ) tục danh là quan án Hào. Đồ cử-nhân, làm quan đến chức án-sát-sứ, bị đau móm cáo quan về lập biệt-thự tại Thái-hà-ấp. Mất năm 1920, thọ 75 tuổi, có đè lại một tập thơ nhan-dề là « Thảo-trang Thi tập ».

## TỰ TRÀO

Tinh khí hơi ương việc chửa tròn,  
Mười năm sáu tinh gối không chồn.  
Năm mươi tám tuổi già mà lảng,  
Trăm rưỡi lương tăng nợ chửa mòn.  
Chắt nhỏ hàng hai theo nhẳng nhẳng,  
Hầu non năm mốt đẻ sòn sòn.  
Thể mà hào kiệt anh-hùng nhỉ?  
Cũng đã mang danh với nước non.

« Vào chùa xem tượng mới tô,  
Xem chuông mới đúc xem cõi lộn chồng ».

Tới xem chuông tượng cảnh nhà chiền  
Lại có cõi nào mới trái duyên.

Son phẵn vừa khi tròn quả phúc,  
Hòn hoa đậu đèn lǎn tòa sen.  
Trăng nương bóng Phật gương còn tõ,  
Gió lột buồng trai tiêng chừa quen.  
Chuông khánh thôi về tu với lão,  
Này chùa Nhất-trụ rước cõi lên !

## NUỐC LỤT BỤT TRÔI

Mòng-mênh chùa đó ngập nồng sâu ?  
Bè khὸ sao không sớm bắt cầu ?  
Tượng gỗ muôn về Tây-Trúc cả,  
Nào thuyền Bát-nhã của ông đâu ?

oOo

## TÔN-THẤT-DIỆM

(1853 - 1922)

Tiêu-sử : Quán tỉnh Thừa-Thiên. Hiện là Mộng-Phật. Đỗ tú-tài Hán-học năm 1878. Làm quan từ chức tri-huyện (1881) cho đến chức Tham-tri. Năm 1910, về hưu-trí với hàm Thượng Thủ. Mất năm 1922.

o

## GIÓNG MẸ

(mỗi câu có một điền ngạn-ngữ)

Ciồng mẹ không sai chút béo-beo,  
 Cuồng đầu tò dang lúc chồng cheo.  
 Chợ hờ giữa chợ phơi ba vạ,  
 Nút nót trong cườì (1) trượt một keo.  
 Đánh giắc mê man tha kê chuột,  
 Nồi cơn quay quắt dữ hơn mèo.  
 Đì nhai, đứng ngâm, ngồi cườì gầm,  
 Róc rách bên cồn ngọn gió heo.

## BÙNG BINH

Chỉ biết tiền thời có biết gì?  
 Bụng to mà miệng thi thì thi.

(1) Tiếng Huế : cườì nghĩa là sắn.

Chành bành ra thế đeo ăn mãi,  
 Đút nhét vô thời chẳng nói chi.  
 Mây thuở đua tài người gọi tướng,  
 Cả đời giữ của mọi là mi.  
 Lâu nay lúc lắc nghe chừng đã,  
 Lúc lắc nghe nhiều phải đậm đì.

●

« Mẹ ơi, con muốn lấy chồng  
 Con ơi, mẹ cũng một lòng như con. »  
 Mẹ đây cũng rứa ó con ơi !  
 Con hờ tình riêng mẹ hờ hơi.  
 Ý mẹ toan day thuyền bá đậu,  
 Xuân con nào đè quả mai rơi.  
 Gặp tuần trăng tốt con ưng nhởn,  
 Sợ nỗi hoa tàn mẹ phải chơi.  
 Con muốn cái gì mà mẹ chẳng,  
 Ai thương con rước, mẹ đi mòi,

oOo

**TÔN-THẤT-MỸ**  
(1860-1913)

**Tiêu-sử :** Sinh năm 1860 ở làng An-Cựu Huế. Hiệu là Tam-Xuyên. Đỗ cử-nhơn Hán-học và làm quan đến chức Tá-Lý Bộ Lã dưới triều Tự-Đức. Về hưu-trí năm Thành-Thái nguyên-niên.

Mất tại Quảng-Bình năm 1913.

**PHÚ ĐẮC**

« Con ai đem bỏ chùa này,  
Nam mô Di Phật con thầy thay nuôi. »  
(Nhơn chuyện thầy chùa Túy-Vân)

Nghe tiếng ù oa trước cửa chùa,  
Nam mô di Phật phải phân bua.  
Một là em bậu hay cầu tự, (1)  
Hai nứa ông thầy khéo đội tu. (2)  
Quét sạch lá đa rồi thí nghiệm,  
Xây tròn quả phúc lâm công phu, (3)

(1) Cầu tự : Những bà hiếm hoi đến chùa tụng kinh niêm Phật để cầu xin cho có con.

(2) Đội tu : Đội lốt tu hành. Đọc lái lại có nghĩa khác.

(3) Xây tròn quả phúc nghĩa là tu hành đặc đạo, nhưng nghĩa bóng có tính cách trào phúng (làm cho dân bà có chửa).

Tay chuông tay mõ rì rì tụng,  
Oan hối mà ưng Phật chứng cho. (1)

**ĐUA O ĐOÀI BÁN BÁNH**  
(mỗi câu có tên một thứ bánh và bát quái)

Vé ngọc CÀNG say rượu IT nồng,  
Kìa ai vòng KHẨM ĐỨC hình dung.  
CĂN nơi quán khách e DÀY dựa,  
CHẨN bức màn ba những UỐC mong.  
Chiếc LÁ TỐN công đồng bích thủy,  
Dấu BÈO LY hận ngọt đồng phong.  
Nhắm em xem chợ lời KHÔN HỎI,  
Ngảnh mặt non ĐOÀI màn RĂNG hồng.

**ĐÈ NHÀ ĐÀN BÀ GÁ TÒ-TÔM**

Cuộc tồ-tôm bày thú vẫn xinh,  
Hơn thua lèo lái của vòng quanh.  
Bóng hường lấp loáng đèn đôi ngọt  
Sen bạch thơm tho rượu một bình.  
Chiều rộng giường cao nhà sạch rách,  
Màn che sáo phủ cửa treo tranh.  
Nực cười ông lão lang thang đến,  
Còn muôn chi chi rửa hối mình.

(1) Ưng : có nghĩa là không oan, nhưng cũng có nghĩa là muộn).

Trong mỗi câu thơ trên, đều có dùng danh-từ về cuộc chơi tò-tôm hay tên một con bài tò-tôm.

### VỊNH BÀI TÚ-SẮC

*Chị em xuân nhạt gọi là chơi,  
Tú-sắc kia ai khéo đặt bài.  
  
Xanh, đỏ, trắng, vàng theo một cặp,  
Sanh, khui, khàn, khap sắp từng nơi.  
  
Tam hường trước gấm còn hơn một,  
Nhứt lục sau xem lại kém hai.  
  
Vui thú hóa ra màu đồ bác,  
Chị em xuân nhạt gọi là chơi.*

### CỜ TƯỚNG

*Hơn kém trong cờ một nước tiên,  
Chừng chàng sắp sẵn tướng đối bên.  
  
Si kia lên chẳng nhờ nhân đứng,  
Tượng nợ đi không lỗi chữ diễn.  
  
Mòn bánh xe còn nghe động địa,  
Chuyền ngôi pháo cũng bắn huyên thiên.  
  
Ai cho thất mã là phi phúc,  
Đắc thê khen cho tốt có quyền. (1)*

○○○

(1) Nghĩa bóng của câu thơ này là : những kẻ không ra gì lúc gặp thời cũng có quyền trong tay. Thơ Đặng-Dung cũng có câu : « Thời lai dở điều thành công dj ».

### CHU-MẠNH-TRINH (1862 – 1905)

Tiêu-sử : Tự Cán-Thần, hiệu Trúc-Vân. Quản làng Phú-Thị, huyện Đông-Anh, tỉnh Hưng-Yên.

Ngay từ hồi còn đi học, đã nổi tiếng tài-hoa, văn hay chữ tốt. Năm 25 tuổi, đỗ giải-nguyễn; năm 31 tuổi, đỗ tiến-sĩ (1862, Thành-Thái thứ 4). Được bồ tri-phủ Lý-Nhân (Hà-Nam), rồi thăng án-sát (Hà-Nam ; Hưng-Yên ; Bắc-ninh ; Thái-Nguyên).

Năm 1903, ông cáo quan về dưỡng bệnh. Hai năm sau thì mất, thọ được 44 tuổi.

Là một nhà thơ lãng-mạn, có lối thơ thiên về tình-cảm, lối văn tươi đẹp nhẹ-nhàng.

Thi văn Chu-mạnh-Trinh gồm có :

— Một số thơ chữ Hán;

— Một số thơ và ca-trù quốc-âm (hầu hết bị thất-lạc); nay chỉ còn ba bài ca « Hương-Sơn Phong-cảnh », « Hương-Sơn nhật-trình » và « Hương-Sơn hành-trình »;

— Và một tác-phẩm đặc-sắc là « Thanh-Tâm Tài-Nhân Thi-tập », tập thơ vịn Kiều trúng giải quán-quân do Hội Tao-dàn Hưng-Yên tổ-chức.

○○○

**MỘT GIAI-THOẠI VĂN-CHƯƠNG**  
**CÂU ĐỐI KỶ THÚ CỦA CHU-MẠNH-TRINH**  
*Hương-Thủy thuật*

Ngày xưa, ở tỉnh Nam-Định, cứ ba năm một lần, nhà Vua mở khoa thi Hương để tuyển các bậc Cử-Nhơn và Tú-Tài.

Nhiều bà mẹ có con gái đến tuổi lấy chồng, thường dựng quán ở cạnh trường thi, cho con gái đứng bán, để may ra «câu» được một chàng rể bậc khoa danh.

Năm Bính-Ngo ấy, có một nho-sinh, dung mạo khôi-ngô tuấn tú, vác lều chồng từ một tỉnh xa về thành Nam dự thi. Chàng vào treo trong quán của một cô hàng xinh xắn đương tuổi dậy thì.

Lạ gi, «người quốc-sắc, kè thiên-tài», mới gặp nhau lần đầu, họ cảm mến nhau ngay, rồi chẳng mấy chốc mà trở thành đôi tình-nhanh khẩn khít....

Thế rồi, đến khi xướng danh và treo bảng, cô hàng quán không thấy tên chàng nho-sinh và từ đấy, nàng cũng không thấy chàng nho sinh trở lại nữa. Có lẽ xấu hổ vì thi trượt mà chàng không muốn gặp lại nàng chàng?

Chết một nỗi: nàng đã trót «khôn ba năm, đợi một giờ» rồi! Bụng nàng càng ngày càng to, mà tin tức người yêu thì tuyệt nhiên vắng bặt. Nàng hối hận đã quên không hỏi quê-quán của chàng từ trước.

— «Làm thế nào bây giờ? Thôi thì dành đợi ba năm nữa, mong sẽ gặp lại chàng trong kỳ thi tới.... Ba năm; »

Ba năm thâm thoát trôi qua. Ba năm, dài dằng dẳng đối với nàng, đã trôi qua trong bao nỗi nhớ niềm thương.... cùng muôn vàn tủi nhục...

Rồi kỳ thi Hương năm nay cũng đã đến trong quang-cảnh tung bừng rộn rịp các sĩ-tử tấp nập vác lều chồng kéo về thành Nam, khiến cho con tim của nàng của cũng rộn rịp theo.

Kỳ này, nàng cũng dựng lều quán ở chỗ cũ, mong người yêu trở lại. Quang-cảnh quán nàng bây giờ không khác gì ba năm về trước mấy. Có khác chăng là giờ đây, bên cạnh nàng, có một đứa con trai lên ba tuổi, mặt mũi khôi ngô, trông giống chàng nho-sinh thừa nő như khuôn tạc.

Nàng hồi hộp đợi chờ....

Nhưng sắp đến ngày «xướng danh» rồi mà nàng chẳng thấy bóng người xưa đâu cả!

Hôm ấy, quang-cảnh trường thi bỗng trở nên tung bừng rộn rịp: lễ xướng danh các ông cử nhân-khoa sắp được cử hành.

Nàng bồng con len lỏi vào đám đông dân-chúng và sĩ-tử đang chen chúc nhau trước khán-dài danh-dự, trên đó các quan chưởng và giám-khảo trong bộ trào-phục rực rỡ, đã tề-tựu đông đủ cùng các quan khách đến dự!.

Bỗng một hồi trống nồi vang: một lê sinh đứng lên, bước ra phía trước khán-dài, trong tay cầm một tập giấy, rồi đưa lên thông báo đọc to tên cáo vị cử-nhơn tân khoa.

Tim nàng đập mạnh...

Khi nghe xướng tên của người yêu, nàng vui mừng muôn

Nhưng, lạ thay ! Khi ban giám-khảo mời các vị tân khoa đến  
lãnh áo mao, thì người yêu vắng mặt.

Đến khi bangle vàng được treo lên, nàng mới biết quê-quán của  
chàng thuộc tỉnh Hà-Nam, gần động Hương-Tích.

•

Chiều hôm đó, nàng bồng con về tinh-ly Hà-Nam hỏi dò là  
tin-tức, thì được biết: hiện chàng đang có tang mẹ, và tang-lê sắp  
cử-hành nay mai. Người ta còn kẽ thêm rằng: chàng vừa thi xong,  
thì được tin mẹ mất, nên phải vội vàng trở về quê ngay, không chờ  
ở nán lại chờ kết quả kỳ thi.

Nàng bèn nhờ một viên-chức quen biết, tung-sự tại tinh-  
đường Hà-Nam, giới-thiệu nàng với quản Án-sát Chu-mạnh-Trinh, là  
một bậc đại-khoa rất nổi tiếng về thi-văn lúc bấy giờ, để xin quan  
án làm giúp nàng đổi câu đối điếu.

Sau khi nghe nàng giải bày tư-sự, quan án họ Chu, vốn là  
một «nỗi tình thương người đồng diệu» thông cảm ngay, và tự-tay  
viết hộ nàng đổi câu đối điếu trên một bức vải nàng mang theo sẵn.

•

Tại một làng nọ ở gần Động Hương-Tích, trong nhà ông cử  
tân-khoa đang có tang mẹ, khách khứa đến phúng điếu ra vào tấp  
nập rộn ràng.

Bồng người nhà ông Cử đến gọi ông Cử ra một nơi riêng  
đưa cho ông Cử một gói giấy dài cuộn tròn có buộc giây cẩn thận  
nà nói khẽ rằng: «Có một người đàn bà trẻ và đẹp lắm, tay bồng con,  
nước mắt ràn rụa, hiệu đang đứng ngoài cổng, nhớ tôi đưa  
vào ông đổi câu đối điếu. Tôi mời vào nhà, thì người ấy bảo rằng:  
«Đợi quan Cử nhận và xem câu đối điếu trước đã.»

Ông Cử lấy làm ngạc nhiên lắm, vội vàng bóc câu đối ra đọc.  
Đọc xong, ông oàng hoàng, tái mặt, rồi tức tốc chạy ra cổng...

•

Qua hôm sau, đám cưới âm-tang của ông Cử được cử hành  
một lúc với đám tang mẹ.

•

Về sau, những khách khứa đến thăm ông Cử, ai cũng đều  
chú ý đến một đôi câu đối chữ thật tột viết trên một bức vải  
rèo tiền, treo trên vách giữa hàng chục bức đối trường khác.

Đó là bức đối của người thiêu phụ, hôm qua còn bồng con  
rụt rì đứng khóc thút thít ngoài cổng nhà ông Cử, mà hôm nay đã  
trở thành bà Cử tân-khoa.

Câu đối kỳ thú ấy như sau :

« Thủ thân dĩ hý phục hà ngôn ! Hu ta hồ ! Năng dường  
nhân chi tử, nhi bất năng cung nhân chi thân, đáo đê không hoài  
giang nguyệt đậm. »

« Nhất khắc na tri thành huyền mộng ! Tối khò thị ! Năng  
hoan nhân chi tình, nhi bất năng hoàn nhân chi hiếu, lâm đinh  
ám khấp vụ tinh di. »

Nghĩa là :

Thân này thôi biết nói sao ? Ngậm ngùi thay ! Nuôi được con  
ai, không phụng-dưỡng được mẹ ai. Nồng nỗi này, trông hao trên  
sóng vàng nguyệt nhật.

Một phút mà thành mộng ào ! Đau đớn bấy ! Chiều được  
tình áy, không đền đáp được hiếu áy — ngao ngán nhẽ, khóc thầm  
trước cửa bóng sao rơi !

(D.-X. tạm dịch)

LÊ-TRUNG-DÌNH  
(1863-1885)

**Tiểu sử:** Quán làng Phú-Nhơn, quận Bình-Sơn (nay là quận Sơn-Tịnh), tỉnh Quảng-Ngãi.

Đỗ cử-nhơn Hán học năm 1881, nhưng không ra làm quan mà lại làm cách-mạng, ngầm tờ chức nghĩa-binh để khôi phục gianh-sơn thoát khỏi ách đô-hộ của Pháp.

Tháng sáu năm Ất-Dậu (1885), ông cầm đầu nghĩa-quân đánh chiếm được thành Quảng-Ngãi trong bốn ngày. Qua ngày thứ năm, quân Pháp từ Ba-Tơ kéo về vây thành, đánh tan nghĩa-quân. Ông bị bắt và bị hành quyết ngay tại Quảng-Ngãi. Lúc đó, ông mới 22 tuổi xuân.

NUỐC LỤT

Mưa từng chập, gió từng hối,  
Bốn mặt non sông nước phủ rói!  
  
Lũ kiến bắt tài tha trúng chạy,  
Đám rêu vô dụng kết bè trôi  
  
Lửng lơ rùng thẳm không chim đậu,  
Ngắt ngưỡng lầu tây có chó ngồi,  
  
Nơi đê dân đen vùi máu đỏ,  
Nào ông Hạ-Vũ ở đâu, ôi!

LÊ-TRUNG-DÌNH

Bài thơ « Nước lụt » trên đây là một bài cảm tác của thi-sĩ ngâm ngùi trước cảnh nước mắt nhà tan, vào buổi giao thời Pháp-Nam với nhiều hạng người luôn cui, nịnh bợ, hay những người chỉ biết tư lợi cầu sang, lo ăn, lo sống riêng mình.

Ông có tài xuất khầu thành thơ. Người ta còn kể những giai-thoại lý-thú sau đây về ông :

Cô con gái thầy học của ông (Án Cung) vì mê tài ông mà thường hay đến lân la trò chuyện với ông. Một hôm, ông Án bắt gặp, nghĩ con mình đã thất tiết, nên cho nọc ông ra để đánh. Ông ứng khầu đọc ngay bốn câu thơ :

« Khoan khoan côn nói đê thầy nghe,  
Trót đã yêu thơ ý rụt rè.  
Hai cánh hường môn còn khép chặt,  
Ngọn cờ xích xi chẳng lo le. »

Nghé thơ, ông Án bật cười, hết giận và làm lành với ông.

Năm Nhâm-Ngọ (1881), ông vác lều chỏng vào trường thi Bình-Định, quyết tâm giặt ngôi thủ-khoa, nào ngờ khi treo bảng, ông chỉ đậu cử-nhơn thứ nhì. Ông giận lắm vì cho rằng người đậu Thủ-khoa kém tài ông nhiều. Sẵn quạt cầm tay, ông đánh ông tân Thủ-khoa mấy cán quạt vào đầu. Ông Chánh chủ-khảo liền bắt nọc ông ra đánh mấy roi vào mông. Khi đứng dậy, ông đọc hai câu thơ :

« Đầu Thủ-khoa năm ba dấu quạt,  
Đít Cử Đinh sáu bảy lần roi »

Mọi người đều cười và phục tài khầu khí và châm biếm của ông.

**SƯƠNG-NGUYỆT-ANH**  
**(1864-1922)**

**Tiểu-sử :** Tên tục là Nguyễn-thị-Khuê, sinh năm 1864 tại làng Tân-Khánh, huyện Bình-Dương, tỉnh Gia-Định, con thứ 5 của danh-sĩ Nguyễn-định-Chiều (tác-giả truyện « Lục-Văn-Tiên »).

Hiệu là Nguyệt-Anh. Sau khi chồng chết, mới thêm vào chữ « Sương », thành « Sương-Nguyệt-Anh ».

Rất hay chữ, giỏi thơ văn, từng làm chủ-bút tờ « Nữ-Giới chung » (Saigon) là tờ báo phụ-nữ đầu tiên ở nước ta.

Tiết-liệt đoan-trang, chồng chết sớm, nhưng một mực thủ tiết thờ chồng. Lại có tinh-thần yêu nước rạt rào, thật xứng đáng là con cháu bà Trưng, bà Triệu, nêu một tấm gương sáng cho phụ-nữ Việt-Nam.

●  
**VUA THANH-THÁI NGỰ VÀO NAM**

*Nghìn thu may gặp hội minh-lương,  
Thiên-hạ ngày nay tri mở mang.  
Tắc đất ngọn rau tràn dưới mắt,  
Đai cơm bǎu nước chật ven đường.  
Vui lòng Thánh-đế nơi xe ngựa,  
Xót dạ thǎn-dân chốn lừa than !  
Nước mắt cơ cùng trời đất biết,  
Biền dâu một cuộc nghỉ mà thương !*

**SƯƠNG-NGUYỆT-ANH**

Năm 1899, nhơn dịp vua Thánh-Thái ngự giá vào Nam, các quan địa-phương bắt dân-chúng đi dón rước đông đảo, ai không đi thì bị phạt vạ. Thấy dân chúng cơm dùm cơm bối đứng chờ chục khò sở hàng giờ hai bên lề đường, dưới ánh nắng gay gắt như thiêu như đốt, trong khi vua ngự trên xe ngựa thật là sung sướng, nữ-sĩ Sương-Nguyệt-Anh chạnh nghĩ đến nỗi lầm than của nhân-nhân Việt-Nam dưới hai cái ách thực-dân và phong-kiến, bèn ký thác cảm tưởng của mình vào bài thơ trên đây, có giọng châm-biếm, tuy là nhẹ nhàng kín đáo, nhưng thật là chua cay thâm thúy.

○○○

Trong oí (1) sùi sụt đít co đầu.

Nhớn rồng ta bảo đừng quen thói,

Một nhủi (2) là xong lựa tất cả.

Một hôm, tại nhà một đồng-chí, trong lúc chờ đến giờ khai hội, các Cụ bày ra đánh cờ tướng. Cụ Trần-can-Vân thắng luôn mấy ván, nhân đó Cụ làm bài thơ dưới đây, nói lên ý chí quyết cường của mình trước cái ách thống-trị của thực dân Pháp :

### VỊNH BÀN CỜ THẮNG

Đừng quen pháo mạnh vọt ngang cung,

Mệnh tướng truyền ra sĩ vãy vùng.

Voi ngự thân chinh toan mở nước,

Binh triều ngự giá giục sang sông.

Xe liên vạn sát kinh tài cả,

Mã nhợt song trì mặc sức tung.

Sau trước trong tay rành rồi nước,

Cờ cao Hán Tồ dễ đua cùng.

Sau hết, nói đến nhà thi-sĩ cách-mạng Trần-cao-Vân, linh hồn của cuộc « vua Duy-Tân khôi nghĩa chống Pháp », tưởng không thè nào bỏ qua được hai bài thơ bắt hũ sau đây mà thi-sĩ đã sáng tác vào những giờ phút trọng đại nhất của đời mình : ấy là bài thơ ra mặt hiệu khôi nghĩa chống Pháp, nhan đề là « Hòa-xa Huế-Hàn » và bài thơ làm trước khi ra pháp-trường để đến nợ nước :

(1) Oí : tiếng miền Trung là cái giỗ đựng cá.

(2) Nhủi : cái nhủi đẽ bắt cá tôm.

### HÒA-XA HUẾ-HÀN

Một mối xa thư đã biết chưa ?

Bắc-Nam hai ngả gặp nhau vừa.

Đường rầy đã sẵn thang mây bước,

Ống khói càng cao ngọn gió đưa.

Sấm dậy từ bể trăm mây chnyễn,

Phút thâu muôn dặm một giờ trưa. (1)

Trời sai ra dọn xong từ đây,

Một mối xa thư đã biết chưa ?

Bài thơ làm trước khi ra pháp-trường :

Trung lập kiền khôn bắt ý thiêng,

Việt-Nam văn vật cõi lai truyền.

Quân dân cõng chủ tính thần hội,

Thần tử tôn châu nhật nguyệt huyền.

Bách Việt sơn hà vô bạch xỉ,

Nhất trang trung nghĩa hữu thanh thiên.

Anh hùng đẽ cục hưu thành bại,

Công luận thiên thu phó sứ biên.

Ô. Hoành-Sơn dịch :

(1) Bài thơ này làm để ra mặt hiệu cho nghĩa-binhh Thuận-Hoa và Nam-Ngãi khôi nghĩa chống Pháp vào giờ ngọ (một giờ trưa) ngày 8-6-1916, nhưng về sau, vì cơ mưu đã bị lộ, nên phải khôi-nghĩa sớm đi một tháng, trong đêm 3-5-1916.

*Giữa trời đứng vững không thiên,  
Nghìn năm nước Việt còn truyền xanh.  
Chu Vương nhân chính đại thành,  
Quân dân hợp sức lũy thành đắp xây.  
Người thù nom nước còn đây,  
Trời xanh với tấm lòng nay thương tri.  
Anh hùng thành bại sa già,  
Nghìn thu lịch-sử còn ghi lại đời.*

oo

**PHAN-BỘI-CHÂU**

(1866 — 1940)

**Tiểu sử :** Sinh năm 1866 tại làng Đan-Nhiêm, huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An. Biệt-hiệu là São-Nam.

Đỗ cử-nhơn Hán học nhưng không ra làm quan mà suốt đời chỉ làm cách-mạng để chống thực-dân Pháp. Đã hoạt động chính-trị từ Nam chí Bắc và nhất là ở hải-ngoại.

Năm 1925, bị bắt ở Thượng-Hải và giải về Hà-nội. Bị thực-dân Pháp kết án tử-hình, nhưng được Toàn-Quyền Varenne ân-xá và đưa về giam lỏng ở Huế.

Mất tại Huế ngày 29-10-1940.

**PHÚ - ĐẮC :**

« Ăn sung nằm gốc cây sung,  
Lấy anh thì lấy, nằm chung không nằm ».

Thời thế xui nên già vợ chồng,  
Lấy anh chưa dẽ đã nằm chung.  
Ừ ! chơi cho nótoi đồng bạc,  
Há đẽ cho ai ném má hồng.  
Cười gượng lắm khi che nửa mặt.  
Khóc thầm vì nói khác hai lòng.

Bao giờ duyên mới thay duyên cũ,  
Thỏa thuận cùng nhau tát bè đồng.

Trong lúc bị giam lỏng ở Hué, vào những ngày hè nóng bức, cụ Phan-Bội-Châu thường hay xuống nằm nghỉ mát dưới gốc cây sung ở gần đầu cầu Bến-Ngự, trên một chiếc thuyền con. Phan Bao nghe một cô lái đò hát vèo von :

« Ăn sung nằm gốc cây sung,  
Lấy anh thì lấy nằm chung không nằm »,

Cụ cao hứng làm bài thơ trên đây để nói đến tình cảnh nước Việt-Nam lúc bấy giờ, chẳng khác nào một cô gái Việt bị ép duyên với anh chàng lùn Nhật-Bồ (lúc đó đã có quân lính đồ bộ lên bán đảo Đông-Dương).

●

## BIA KỶ-NIỆM CHÓ

Người hơi có đức nhân, hơi kém về phần trí,  
Người hơi có đức-trí, hơi kém về phần nhân.  
Vừa trí vừa nhân, thật là ít thấy.

Ai ngờ con Ky này,  
Lại đủ hai đức ấy.

Chung nhau chờ một chủ, thời xem nhau là anh em, chẳng  
bao giờ như mèo với chó, thực là nhân đó.  
Thấy không phải chủ, thời xem bằng cừu thù, chẳng bao  
giờ vì miếng ngon dẩn dụ, thực là trí đó.

Trí vừa nhân, nhân vừa trí,  
Trông giống súc mà người e, đến mà mỉm thấy.

Sao mày vội chết !  
Hỡi trời hỡi trời !  
Lòng ta đau đớn,  
Phải tặc mẩy lời,

Đau đớn quá, đau đớn quá !  
Kia những họng muông người !  
Vì có dùng nên liều chết phán đấu.  
Vì có nghĩa nên trung thành với chủ.  
Nói thời dễ, làm thực khó.

Người còn vây, huống chi chó !  
Ôi !

Con vâ, mẩy đủ hai đức đó.  
Há như ai kia,  
Mặt người lòng thú,  
Nghĩ thế mà đau !

Dựng bia mộ chó.  
PHAN-BỘI-CHÂU

Hồi cụ Phan bị giam lỏng ở Hué, cụ bị mật thám tay sai của thực dân Pháp bao vây. Lúc đó, cụ có nuôi một con chó vâ khôn lâm tên là « KY » mà cụ rất quý. Đến khi nó chết, cụ chôn cất tử tế, lại dựng cho nó một tấm bia trên đó cụ cho khắc bài văn ghi trên đề kỷ-niệm.

Đọc bài văn ấy, chắc ai cũng rõ thâm ý của cụ nói đến những cái hay của chó đẽ mạt sát những kẻ lòng người dạ thú, cam tâm làm tay sai cho thực dân Pháp đẽ đàn áp các nhà ái quốc Việt-Nam.

## GÀ DÁ

Vẽ mặt làm chi mẩy cụ gà,  
Đá nhau thời có ích gì mà!  
  
Dưới chân má vịt tranh ba miếng,  
Trước lưỡi dao trâu nghèn một ma,  
  
Cựa sắt thà khoe cùng kè la,  
Lông vàng xin nhớ cũng con nhà.  
  
Phá lồng nứa có khôn ngoan nứa,  
Xin đất dùu nhau ta với ta.

## BA - DE (1)

Ba-de nay mới dội tên nầy,  
Kẻ cắp ngày xưa cũng tui mẩy,  
Mắt ngược mắt xuôi cò lén tép,  
Chân sau chân trước khi leo cây.  
  
Bà già gấp gò trời chưa sút,  
Hàng xóm lao xao chợ đã đầy.  
  
Ghé nứa ba-de cao đẳng tột,  
Cắp ban đêm lại cắp ban ngày!

(1) Ba-de : do tiếng Pháp panier, chỉ những đứa đói rã mướn, <sup>đ</sup>cắp ở chợ.

## CÁI TRỐNG

Khen khéo cho ai chế tạo mẩy,  
Có danh mà thật chẳng ra gì.  
Mặt lì thay kệ hai đầu đánh,  
Bụng rồng không trơn một tí giày.  
  
Ra lệnh ba hồi vang tiếng ác,  
Kê rồng nǎm sắc phỉnh người ngây.  
Da trâu tang mít thôi đừng lão,  
Chờ sám trời kêu sẽ biết tay.

## ĐỒNG HỒ NÁO

Vì sợ người ta ngủ quá say,  
Liêu công đánh thức cả đêm ngày.  
Nhờ trời ghi nhớ mười hai tiếng,  
Máy thánh thiêng liêng một sợi giây.  
  
Chuông có hồi kêu mà phải tĩnh,  
Phút không khi nghĩ đất hẳng xoay.  
Khen cho tài ngủ người mình nhỉ!  
Ren đã bao nhiêu cũng kệ thay.

oo

**TRẦN-TẾ-XƯƠNG**  
(1869 — 1907)

**Tiêu-sử :** Nhà thơ trào-phúng cận-đại nỗi tiếng vào bậc nhất nhì trong lịch-sử văn-học Việt-Nam từ trước tới nay.

Sau đổi tên lại là Cao Xương. Tục gọi là Tú-Xương; hiệu Vị Thành, Tử-Thịnh.

Người làng Vị-Xuyên, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định. Sinh năm canh- ngọ (1869, Tự-Đức-thứ 23). Học giỏi, thơ hay. Đỗ tú-tài năm 23 tuổi (Thành-Thái thứ 6), nhưng thi mãi không đỗ cử-nhơn. Cảnh nhà càng ngày càng nghèo túng, mặc dù có vợ tảo-tần buôn bán đè nuối nǎng bầy con và cung phụng tiền bạc cho ông sống một cuộc đời phong lưu; lại thêm gặp thời-thế đổi thay, trong xã-hội phát sinh nhiều hạng người ti-tiện bỉ-ồi : ông bất mãn uất-ức, nên thường lấy thơ văn đè ché giêu.

Mất năm 1907 ở huyện Mỹ-Lộc tại từ-đường nơi quê ngoại, thọ được 37 tuổi.

**TỰ TRÀO**

Vị-Xuyên có Tú-Xương,  
Đờ đở lại ương ương.  
Cao lâu thường ăn quít,  
Thở dì rặt chơi lường.

**TÀI NGÓN CHẦU**

Có phải rằng Ông chẳng học đâu,  
Mỗi năm ông học một vài câu.  
Vì dù vua mở khoa thi trống,  
Lạc nhạn xuyên tâm đủ ngón chầu.

**ĐI HÁT BỊ MẮT Ô**

Hôm qua anh đến chơi đây,  
Giày dòn anh diện ô tây anh cầm.  
Rạng ngày sang trổng canh năm,  
Anh dậy em vẫn còn nằm tro tro,  
Hỏi ô, ô mắt bao giờ,  
Hỏi em, em những ấm ờ không thưa.  
Sợ khi rày nắng mai mưa,  
Lấy gì di sớm về trưa với tình.

**CÔ ĐẦU TRÀ LỜI**

Chiếc ô là của mấy mươi,  
Ngắn ngày xin chờ dài lời làm chi.  
Nắng thì nắng cũng có khi,  
Mưa thì mưa cũng có kỳ mà thôi.  
Vì dù anh có thương tôi,  
Thì xin anh cứ đợi trời anh lên...

*Hay là anh quyết bắt đèn,  
Thì đây sẵn có cái đèn bùng ba.*

### CHÚC TẾT CÔ ĐẦU

*Mừng xuân mừng lăm khách  
Quanh năm rộn đàn phách,  
Chuyện nở như gạo rang,  
Chuyện dai như chảo rách,  
Đồ cẩn bốn chân giùng  
Xiêu cẩn hai bức vách.*

### GỎI CÔ ĐẦU

*Nếu có khôn ngoan đã vợ nhỡ,  
Dại mà nhỡ vợ, vợ làm ngơ.  
Sáng nem, bừa tối đòi ăn chả,  
Nay kiệu, ngày mai lại giờ cờ.  
Ngõi đáy chả hơn gì chú cuội,  
Nói ra thì thẹn với ông tor.  
Nhắn nhẹ chồn ấy tìm nơi khác,  
Ta chẳng ra chi chờ đợi chờ.*

### VỊNH CÔ ĐẦU

*Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,  
Cùng nhau dan díu mẩy đêm nay.*

*Năm canh to nhỏ tình ma chuột,  
Sáu khắc mơ màng chuyện nước mây.  
Em ái cung đàn chen tiếng hát,  
La đà kẻ tỉnh dắt người say.  
Thú vui chơi mãi mà không chán,  
Vô tận kho trời hết lại vay.*

### QUAN TẠI GIA

*Một ngọn đèn xanh một quyền vàng,  
Bốn con làm lính bốn làm quan.  
Câu thơ câu phú sưu cùng thuế,  
Nghiên mực nghiên son tồng với làng.  
Nước quạt chưa xong con nhảy ngựa,  
Trông hầu chưa dứt bỗn lên thang.  
Hồi ra quan ấy ăn lương vợ,  
Đem chuyện trăm năm giờ lại bàn.*

### ÔNG CÒ (HÀ-NAM TÚC SỰ)

*Hà-Nam danh giá nhất ông Cò,  
Trông thấy ai ai chẳng dám ho.  
Hai mái trông tung đành chịu dột,  
Tám giờ chuông đánh phải năm ca.  
Người quên mất thẻ âu trời cãi,  
Chó chạy ra đường có chủ lo.*

*Ngót ngắn đi xia may vớ được,  
Chuyến nãy át hẳn kiém ág to!*

## THÂN CÙNG

*Người bảo ông cùng mãi,  
Ông cùng đến thế thôi.*

*Vợ lâm le ở vú,  
Con tấp tèn đi bồi.*

*Ai trói voi bỏ rọ,  
Đời nào lợn cao ngõi.*

*Khách hỏi nhà ông đến,  
Nhà ông đã bán rồi!*

## THAN NGHÈO

*Cái khó theo nhau mãi thế thôi.*

*Có ai hay chỉ một mình tôi?*

*Bạc đâu ra miệng mà mong được,*

*Tiền chưa vào tay đã hết rồi.*

*Van nợ lâm khi tràn nước mắt,*

*Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.*

*Biết thân thuở trước di làm quách,*

*Chẳng ký, không thông cũng cậu bối.*

## ĐÊM BUỒN

*Trời không chớp bẽ với mưa nguỗi,  
Đêm nào đêm nao tờ cũng buồn;  
Ngủ quách sự đời thay kẻ thức,  
Bên chùa chú trọc đã hối chuông.*

## ĐÁNH TÒ TÔM

Bực chằng nhẽ anh hùng khi vị ngộ, như lúc đèn chơi cuộc tờ tôm; bài chạm thành cuối cánh phòng ăn ấm, ngồi thoi chằng bốc quân dác-danh. Cũng có lúc thông chí thời bát-sách, cũng có khi bạch-dịnh bốc yêu hồng; cắt bài lên ông lão vẫn lần vè, không đâu cả gập kè năm bảy phòng. Cũng có ván tôm lèo nên chờ rộng, vở phải thắng bạch-thủ phòng tay trên. Góm ghê thay đèn thật là đèn, sắc như mác cũng thua thắng vận đỏ; may mắn nhẹ hữu duyên năng tái ngộ, bí-cực rời đến hội thái-lai; tiếng tam khôi chi đè nhường ai, hết bạch lại hồng thông mãi mãi. Nào những kẻ tay trên tờ ban nãy, tới bảy giờ thay-lày dưới tay ta; tiếng bài cao lừng lầy khắp gần xa, bát vạn người là ai dám đọ. Thế mới biết tờ-tôm đèn có đỏ, thời anh hùng vị ngộ có lo chi. Trước sau sau trước làm gì.

## HÁT ÔNG TRỜI

*Ta lén ta hỏi ông Trời,  
Trời sinh ta ở trên đời làm chi?  
Biết chằng cùng chằng biết gì,  
Biết ngồi nhà hát biết di ả đầu,  
Biết thuốc lá biết chè tầu,  
Cao-lâu biết vị hồng lâu biết mùi.*

## CHÙA GÁI

Một chè, một rượu, một đàn bà,  
Ba cái lăng nhăng nó quấy ta.  
Chùa được cái gì hay cái nấy,  
Có chẳng chùa rượu với chùa trà.

## ĐUA ÔNG PHÙ

Tri-phù Xuân-Trường được bốn niên,  
Nhờ trời hạt ấy được bình yên.  
Chữ y, chữ chiếu không phê đến,  
Ông chỉ phê ngay một chữ tiền !

## NGẦU HỨNG

Xấp xỉ ba mươi mấy tuổi đầu,  
Trăm năm tính đốt hẳn còn lâu.  
Vi dù thi đỗ làm quan lớn,  
Thì cũng nhỏ to cưới chị hầu.  
Đắt nợ vẫn thường hay có chạch,  
Bè kia nhiều lúc cũng trống dâu.  
Hôm nay rồi rải buồn tình nhỉ,  
Thứ xuống hàng Thao đậm ngón chầu (1)

(1) Một tên phố ở Nam-Định, nơi có nhiều cô dâu.

## CƯỜI MÌNH

Chẳng phải quan mà chẳng phải dân,  
Ngơ ngơ ngần ngần hóa ra dân.  
Hầu con chè rượu ngày sai vặt,  
Lương vợ ngô khoai tháng phát dân.  
Có lúc vèn râu vai phụ lão,  
Cũng khi lên mặt dáng vẫu nhân.  
Sống lâu, lâu đẽ làm gì nhỉ ?  
Lâu đẽ mà xem cuộc chuyễn văn.

## RUỘU SAY

Đời này thức thình những ai đây ?  
Ai tình cho ta chịu tiếng say.  
Buồn ruột cho nên men phải nhấp,  
Đồ mõm nào biết giọng là cay.  
Bạn cùng quý đầy chi cho bạn,  
Vui với ma men thế cũng hay.  
Ngất ngưỡng hai tay vor đua chén,  
Đó ai đã được cái say này.

## ĐUA BẠN TRONG NHÀ PHA

Cái cách phong lưu lọ phải cầu,  
Bồng dâu gấp những chuyện đâu đâu.  
Một ngày hai bữa cơm kẽ cửa,

Nửa bước ra đi linh phái hẫu.  
Trong tinh mẩy tòa quen biết mặt,  
Ban công (1) ba chữ gác trên đầu.  
Nhà vuông thong thả nằm chơi mát,  
Vùng vây tha hồ thế cõng áu.

## GIỂU NGƯỜI THI ĐỖ

Một đàn thằng hóng đứng mà trông,  
Nó dỗ khoa này có sướng không?  
Trên ghế bà dầm ngoi đít vịt,  
Dưới sân ông cử ngông đầu rồng.

## NHÀ HÁT TUỒNG

Nào có ra chi cái lũ tuồng,  
Cũng hò cũng hát cũng y uống.  
Đầu rằng đòi được đàn con trẻ,  
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn!

## GỎI CHO BẠN THÂN

Ông có đi thi kỷ-lục không?  
Nghe ông quốc-ngữ học chưa thông,  
Vi dù nhà nước cho ông đồ,  
Thì hạng lương ông được mấy đồng?

(1) Cái gông.

## CHÚC NĂM MỚI

Bắt chước ai ta chúc mẩy lời,  
Chúc cho khắp hết cả trên đời,  
Vua quan sĩ thứ người muôn nước  
Sao được cho ra cái giỗng người.

## THAN SỰ HỌC

Cái đạo nhà Nho đã hỏng rồi,  
Muời người đi học chín người thôi.  
Cô hàng bán sách lim dim ngủ,  
Thầy khóa trư lương nhấp nhồm ngồi.  
Si-khí rụt rè gà thay cáo,  
Văn chương liều linh dầm ăn xôi,  
Tôi đâu dám mỉa làng Nho thế,  
Trình có quan tiên thứ-chỉ tôi.

## GÁI Ở CHÙA

Con gái nhà ai đáng thị thành,  
Cớ chi nở phụ cái xuân xanh?  
Nhạt màu son phấn say màu đạo,  
Mở cánh từ-bi khép cánh tình.  
Miệng đọc nam-võ quên chin chữ,  
 Tay lẩn bõ-tát phụ ba-sinh.

Tiếc thay thục-nữ hồng-nhan thế,  
Nỡ cắt tóc thề với quyền kinh.

## VUA BẾP CHƠI XUÂN

Bà ông vua bếp đạo chơi xuân,  
Độ mǔ đi hia, chẳng mặc quần.  
Trời hỏi làm sao ăn vận thế?  
Thưa rằng hạ-giới nó duy-tân.

## THƠ TẾT

Anh em đừng nghỉ Tết tôi nghèo,  
Tiền bạc trong kho chưa lanh tiêu.  
Rượu các nhẫn đem, hàng biển quẩy,  
Trà sen mượn hỏi giá cồn kiệu.  
  
Bánh đường sắp gói e nồng cháy,  
Giò lụa toan làm sơ nắng thiu.  
Thôi thế thì thôi dành Tết khác,  
Anh em đừng nghỉ Tết nghèo.

Khéo bao nhau rằng mới với me,  
Thấy ai mặc rách chẳng ai nghe.  
Khăn là bác nợ to tát rẽ,  
Vây linh cõi kia quét khắp hè.  
Cõng dắt tu hành sư cõi lòng,

Xu hào rồng rinh mán ngồi xe.  
Chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết,  
Kiết cù như ai cũng rượu chè.

## ĐỀ ÂNH

Cử Thắng, Huấn Mỹ, Tú Tây-Hồ,  
Ba bác chung nhau một cái đỗ;  
Mời biêt trời cho sum-hợp mặt,  
Thôi đừng chè nhỏ lại cười to.

(Ông Cử Thắng, ông Huấn Mỹ-Lộc, ông Tú Tây-Hồ, cùng nhau chụp chung một bức ảnh. Các ông nhờ ông Tú-Xương để một bài thơ vào bức ảnh ấy cho thêm hoa. Ông ưng khẩu đọc ngay bài thơ trên).

## CÔ TÂY ĐI TU

Dứt cái mề đay ném xuống sông,  
Thôi thôi tôi cũng mét xi ông.  
Ấu dành chùa đó ấu dành bụi,  
Cũng chẳng con chi cũng chẳng chồng.  
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ,  
Ai ngờ chữ sắc hóa ra không.  
Tôi đây cũng muốn như cô nhi,  
Cái nợ trần duyên gõ chưa xong

## LẤY LỄ

*Cha kiếp sinh ra phận má hồng,  
Khéo thay một nỗi lấy chung chồng.  
Mười đêm chị giữ mười đêm cả,  
Suốt tháng em nằm sao tháng không.  
Hầu hạ đã cam phần cát lũy,  
Nhặt khoan còn ỏi tiếng Hà-dông.  
Ai về nhẫn bão đòn em nhé,  
Có ẽ thì tu chó chớ chung.*

## MÙA NỰC MẶC ÁO BÔNG

*Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông,  
Trồng rằng ôm nặng hóa ra không.  
Một tuồng rách rưới con như bô,  
Ba chữ nghêu ngao vợ chán chồng.  
Đất biết bao giờ sang vận đỏ,  
Trời làm cho bỏ lúc chơi ngông.  
Gần chùa gần cảnh ta tu quách,  
Cửa Phật quanh năm vẫn áo sòng.*

## MÚT RẬN

*Sắm sửa năm nay khéo thực là !  
Một mâm mứt rận mới bày ra !  
Xanh đồng thẳng lại đèn rưng rức,  
Áo vải bò ra béo thật thà !*

## TRẦN-TẾ-XƯƠNG

*Kẹo chủ Triều-Châu đâu đọ được,  
Bánh bà Hành-Tụ cũng thua xa.  
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt,  
Lại tưới thêm vào ít nước hoa !*

## CHƠI Ả ĐÀO

*Nhơn sinh quý thích chí,  
Còn gì hơn hú hí với cô dâu,  
Khi vui chơi năm ba á ngồi hầu,  
Chén rượu cúc đánh chầu đôi ba tiếng,  
Tửu hậu khán hoa nhàn bắt yếm, (1)  
Hoa tiền chước tửu hứng vô nhai. (2)  
Thôi ai ơi chơi lấy kèo hoài.  
Chơi cũng thế mà không chơi thời cũng thế,  
Của trời đất xiết bao mà kè,  
Nợ công danh biết thế nào xong ?  
Chơi cho thẳng trống tầm bông.*

## TẾT DÁN CÂU ĐỐI

*Nhập thế cục bắt khả vô văn tự,  
Chẳng hay ho cũng nghĩ một vài bài.  
Huống chi mình đã đồ tú-tài,  
Ngày Tết đến cũng phải một vài câu đối.*

(1) *Rượu xong xem hoa mai không chén.*

(2) *T្រước hoa rót rượu uống, hứng thú vô hạn*

## ĐỐI: RĂNG

Cực nhân-gian chi phàm giá, phong nguyệt tình hoài (1)

Tối thế thượng chi phong-lưu giang-hồ khí cốt (2).

Viết vào giấy dán ngay lên cột,

Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay ?

— Răng hay thì thực là hay,

Chẳng hay sao lại đỗ ngay tú-tài.

Xưa nay em vẫn chịu Ngài !

## BÀI PHÚ THẦY ĐỒ

(Tức ông Tú-Xương)

Có một cô lái, nuôi một thầy đồ, quấn áo rách rưới, ăn uống xô-bồ, cơm hai buổi cá kho rau muống, quà một chiêu khoai lang lùn ngô ; sao dám khinh mình, thày đâu thày vậy, không biết trọng đạo, cõi lõc cõi lõi. Thầy đồ thày lẽ, dạy học dạy hành, mấy quyền sách nát, bù thằng trẻ ranh ; vẫn có hay thì đã làm quan, võng điệu võng thăm, vũ có giỏi đã ra giúp nước, khổ đồ khổ xanh ; ý hắn thày vừa gàn vừa dở ; ý hắn thày vẫn dốt vú dát, cho nên thày lẩn quẩn loanh quanh ; trông thày phong vận ở chốn thị thành ; râu rậm bắng chòi, đầu to hơn dành ; cũng lâm phen đi đó đi đây, thất diện bất dão ; cũng lâm lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh ; thày ngồi chêm chệ, trờ đứng xung quanh ; trước thày ngồi có án-thư bàn độc, bên thày nằm có cánh xếp mành mành ; bạn thày là ông Băng ông Nghè ông Hoàng ông Thám, con thày là tên Uông tên Bá tên Bột tên Bành ; dạy cầu Kiều lầy, dạy khúc lý kinh, dạy những khi xuống ngựa lên xe đứng ngồi phải phép, dạy những lúc cao lâu chiếu hát ăn nói cho sành.

(1) Phàm-giá tốt hơn người, lòng mến gió trăng.

(2) Phong-lưu nhất đời, khí cốt giang-hồ.

## BÀI PHÚ HỒNG THI

Đau quá đòn thù, rát hơn lửa bỏng ; túi bút túi nghiên, hồ lầu hồ chỏng. Nghĩ đến chữ nam-nhi đặc chí, thêm nỗi thẹn thùng ; ngầm đến câu quyền thồ trùng lai, nói ra ngập ngọng. Thế mới biết học tài thi phận, miệng đàn bà con trẻ nói vậy mà thiêng ; chẳng ai ngờ chữ tốt vẫn hay, tài băng-nhỡn thảm-hoa lỡ ra cũng hỏng.

Có một thày : dốt chẳng dốt nào, nhưng hay chữ lồng ; nghiên chè nghiên rượu nghiên cà cao-lâu ; hay hát hay chơi, hay nghề xuống lồng (1). Thời nhà phiệt duyệt, áo hàng tầu, khăn nhiều, ô lục-soạn xanh ; ra phố xênh-xang quần tố-nữ, tất tơ, giày gia-dịnh bóng.

Tú vẽ bảng trong năm giáp ngọ, nổi tiếng tài-hoa ; con nhà hào ở xã Vị-Xuyên, ăn phần cảnh nòng. Răng vua Thành-Thái năm năm thứ mười hai, lại mở khoa thi ở làng Mỹ-Trọng. Văn đệ tam viết đã xong rồi, bảng đệ nhất chưa ra còn ngóng. Thày chắc hẳn vẫn-chương có mực, lễ thánh xem giờ, vợ mừng thăm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng. Ngày đi Lễ Phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong, đêm dậy lạy trời qua mồng bốn mồng năm cho chồng.

Nào ngờ. Bảng nhỏ thày tên ; ngoại hàm còn trống. Kè đến sáng vẫn còn được chấm, bảng cót nghênh ngang ; người ngồi khuya tên hay được vào, áo dài lụng thượng. Thi là hết, sự tình là thế, nói chuyện cùng ai ? Người mệt nơi hồn phách một nơi, than thân với bóng.

Vì phỏng châm nghề nghiên bút, thì mười ba mười bảy đỗ những bao giờ ; những là mãi việc đùa chơi, nào một tuổi một già hóa ra lồng đồng.

Thôi thì thôi, sách vở mập mờ, văn chương lồng ngóng. Khoa

(1) Lồng là thayền.

trước đã chảy, khoa sau hẳn chóng. Ý sẵn kẻ chăm nom việc nước, vua chưa dụng hiền; hay không ai dạy đồ đàn em, trời còn bắt hỏng.

### VĂN TẾ SỐNG VỢ

«Con gái nhà dòng, lấy chồng kẻ chợ. Tiếng có mà không, gặp chặng hay chó. Mặt nhẵn nhụi, chân tay trắng trẻo, ai dám chê rằng béo rằng gầy; người ung dung, tính hạnh khoan hòa, chỉ một mầu hay giàn hay dở. Đầu sông bãi bến, đua tài buôn chín bán mười; trong họ ngoài làng, vụng lè chào dơi nói thợ. Gần xa nô nức, lầm gái nhiều trai; sớm tối khuyên răn, kẻ thay người tú. Ông (1) tu-tác cửa cao nhà rộng, phô mặc tay đâu; anh (2) lầm le bia đá bằng vàng, cho vui mặt vợ.

Thế mà, mình bỏ mình đi, mình không chịu ở; chẳng nói chặng rằng, không than không thở. Hay là mình thấy tú nay hàng Thao mai phố Khách, mà bụng mình ghen; hay là mình thấy tú sáng Chàng-lạc tối Viễn-lai, mà lòng mình sợ.

Thôi, thôi. Chết quách yên mồ, sống càng nặng nợ. Chữ nhật phàm ơn vua vinh-tú, ngày khác sẽ hay; duyên trăm năm ông Nguyệt xe tú, kiếp này đã lỡ. Mình tu cho thành Tiên thành Phật, đê đồng chơi lảng-uyên bồng-hồ; tú nuôi con có rè có dâu, cho chọn vẹn đao chồng công vợ».

oOo

Ngoài những bài thơ quen thuộc mà độc-giả vừa thường thi ở trên, nhà thơ miền Non Côi Sông Vị còn có những câu thơ trào lộng, cay độc đê mỉa-mai bọn thống-trị thối nát và bè lũ tay sai hèn mặt đương thời, chẳng hạn như mấy câu thơ sau đây:

(1) Ông là ông thân sinh ông Tú

(2) Anh là ông Tú.

Người ta kè lại rằng: dưới thời Pháp thuộc, đê thực hiện chủ trương bịa bợm của viên Toàn-Quyền Albert SARRAUT, TỒNG-ĐỘC NAM DINH Trần-Tấn-Binh có tồ chức một buổi lễ kỷ niệm NGUYỄN-DU. Nhân dịp ấy, Tú-Xương đi ngang qua trông thấy nấm mồ già của tác-giả truyện kiều do Bình sai đắp, liền ứng khẩu đọc bốn câu:

Hỡi Cụ Tiên-Điền có biết cho.

Hôm nay có kẻ khóc trên mồ.

Khóc đây nào phải rằng thương Cụ,

Thương bạc quan thay lầm món to.

Thơ lọt đến tai viên TỒNG-ĐỘC Thành Nam, khiến tên này căm tức vô cùng, nhưng không thể làm gì được. Một hôm, Tú-Xương đi chơi khuya quá giờ nghiêm, bị viên TỒNG-ĐỘC bắt giam, ông bèn làm tiếp bốn câu nữa:

Oi hỡi nàng Kiều hỡi có hay!..

Vì nàng tú phải chịu tai bay.

Nàng còn bán được ba trăm lạng,

Tú bán cho ai khổ rách nay!!.

oOo

**PHAN-CHÂU-TRINH**  
**(1872 — 1926)**

Tiêu-sử : Nhà chính-trị thủ-xướng dân-quyền và có đường đấu-tranh ôn-hòa giống thánh Cam-Địa ở Ấn-Độ.

Quán làng Tây-Lộc, huyện Tiên-Phước, tỉnh Quảng-Nam.

Hiệu Tây-Hồ, tự Tử-Cán, biệt hiệu Hy-Mã.

— Đỗ cử-nhan năm 1900 và Phó-bảng năm 1901. Lùm thìn biện Bộ Lê một thời gian. Năm 1903, treo ấn từ quan đè dân thân và con đường cách-mạng cứu-quốc, hoạt động từ Nam chí Bắc và hải-ngoại.

— Năm 1908, nhân dịp dân Quảng-Nam nổi lên «xin xâu» (thì bị bắt và đày ra Côn-Lôn).

Năm 1911, sau khi được tha về nhờ sự can thiệp của Hội Nhân Quyền Pháp, cù sang Pháp và lưu lại ở đây 14 năm, sinh sống bằng nghề sửa ảnh.

— Năm 1914, gặp lúc Đức-Pháp chiến trang, bị tình nghi gián thông với Đức nên bị Chính-Phủ Pháp bắt giam vào khám «Sant» một thời gian.

— Năm 1922, gửi thơ cho Tòng-Trưởng Thuộc Địa-Pháp trình bày nguyện vọng của nhân-dân Việt-Nam.

— Cùng năm 1922, khi vua Khải-Định sang pháp xem dấu-xảo thuộc-địa ở Marseille, cù gửi «thư thắc điếu» hỏi tội nhà vua làm cho nhà vua phải vội vàng trở về nước.

**PHAN-CHÂU-TRINH**

— Năm 1925, trở về saigon. Tại đây, đã dăng đàn diễn thuyết hai buổi với đề-tài «quân-trí dân-trí chủ-nghĩa» và «luân lý và đạo-đức Đông-Tây».

Mất ngày 24-3-1926, thọ được 55 tuổi.

Đã để lại những áng văn bất hủ sau đây :

- TÂY-HỒ THI TẬP,
- SANTÉ THI TẬP
- GIAI-NHÂN KỲ NGỘ.

**HÁT BỘI**

*Đồng là, trông chiến đánh vang rầy,*

*Ưa ! ưa ! Coi ra cũng lũ này :*

*Ba lão kép già ngồi vèn mồ,*

*Mấy thằng hiệu đói đứng khoanh tay.*

*Áo xiêm lợt thượt tuồng anh khách,*

*Dùi gậy nghêng ngang khác chú Tây.*

*Lạy kiém ít đồng rượu rồi thịt,*

*Hết còn nhà chủ biết gì đây.*

**CỜ TƯỚNG**

*Một ông tướng lác đứng trong cung,*

*Sĩ tượng khoanh tay chẳng vẩy vùng.*

*Pháo đờ hai cây nằm dưới gốc,*

Tốt đau năm chúa đứng bên sông.  
Lờ khờ cắp ngựa đi tam cǎ,  
Lạc xác đôi xe chạy tứ tung.  
Đương cuộc ai xui mê đến thế,  
Họa là tiên xuống giúp cho cùng.

## LỤT CHỐ NGỒI GIÀN GÁC

Kia trên giàn gác ôi chao ôi!  
Nước lụt nên chí chó nhảy ngồi.  
Rủi nhíp khỏa trán đôi thước đầy,  
May thì chờ hò mây tăng cõi.  
Liếm chân liếm đít xẳng vắng mãi,  
Trông dưới trông trên nhớn-nhác thèo.  
Ít bùa mân cơm đâu lại đây,  
Roi mây quất tưới, nhảy cong đuôi.

## CẨM TÁC

Gió tố giông mưa đồ lộn phèo,  
Trời già chí nỡ thắt khi eo!  
Ngãm mùi trung hiếu nên cay đắng,  
Giờ túi văn-chương đã mốc meo.  
Bợm điểm lảng xẳng lo chợ cháy,  
Con hoang lơ lửng khóc cha nghèo.

Non cao biền rộng mênh mông cǎ,  
Mặc sức bơi chơi mặc sức trèo.



Năm 1905, Cụ Phan-châu-Trinh cùng hai nhà chí-sĩ Huỳnh-thúc-Khang và Trần-quý-Cáp nam du. Khi đi ngang qua tỉnh Bình-Định, thì tại nơi đây có mở hội thi «tuyễn thí sinh». Cả ba Cụ đều trèo vào đám thi-sinh để vào trường, rồi lấy tên giả là «Đào-mộng-Giác» nộp bài thi «Chí thành thông Thánh» và bài phú «Danh Sơn lượng ngọc» để tỏ bày tâm-sự và lòng yêu nước của mình. Hai bài thi và phú ấy, hồi bấy giờ chẳng khác nào hai quả bom văn-hoc-mà ba cụ đã đặt ngay ở trường thi, gây ảnh hưởng rất lớn trong đám sĩ-phu tại vùng Bình-Định. Bài thơ như sau :

## CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH

« Thê sự hồi đầu nhất dỉ khōng,  
Giang-san vô lệ khăp anh hùng.  
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,  
Bát cỗ văn-chương túy mông trung.  
Trường thử bách niên cam thoa mạ,  
Bất tri hà nhặt xuất lao lung.  
Chư quân vị tất vồ tâm huyết,  
Bằng hướng tư văn khán nhất thông. »

Nghĩa là ;

Thê sự thôi rời một cái khōng,  
Giang-san hết lệ khóc anh hùng.

Muôn dân tôi tú phuờng quyển mạnh,  
 Tâm vế văn-chương giắc mộng trong.  
 Cứ vậy chịu lì người mảng nhiếc,  
 Bao giờ ra khỏi cảnh chuồng lồng ?  
 Các ngươi chưa dẽ không tâm huyết,  
 Đọc đến văn này át suốt thông.

(Bản dịch của Trần-gia-Thuật)

•••

### PHAN-DIỆN (1874 — 1945)

Tiểu sử: Quán làng Tùng-Ânh, xã Châu-Phong, huyện Đức-Thọ, tỉnh Hà-Tĩnh.

Học giỏi, hay chữ, nhưng thi trượt hoài, vì khoa nào cũng phạm trường quy. Phải xoay ra làm nghề dạy học. Tinh ngông nghênh, hay làm thơ châm chọc kẻ qnyễn thế.

Mất ngày 14-5-1945, thọ được 72 tuổi.

### VỊNH ĐÁM TANG BÀ BÔNG (1)

Hồi đám nhà ai ấp Thái-Hà?  
 Người xem nô nức khắp gần xa...  
 Toàn-quyển, Thông-Sử nâng tay cụ,  
 Nam-Định, Hà-Đông nề mặt cha. (2)  
 Xe điện đông nêm người tú xúr,  
 Ô-tô đè chật bãi tha ma.  
 Tàu bay vẫn lái bay qua lại,  
 Cái gái làng Bông sướng dữ a ?

(1) Vợ lẽ Hoàng-cao-Khai.

(2) Hai con của Hoàng-cao-Khai là Hoàng-mạnh-Trí, Tòng-Đốc Nam-Định, và  
 Hoàng-trọng-Phu, Tòng-đốc Hà-Đông.

Thay cả quốc-dân khóc cụ Bà,  
Non sông nay chỉ thấy ông già !  
Biết bao đau đớn người Nam-Việt,  
Há những xôn xao đất Thái-Hà !  
Lầu đá ngàn năm tơ tưởng ngọc,  
Cầu ô một giải ngậm ngùi hoa.  
Khen con cháu cụ nhà gia pháp, (3)  
Cụ nghĩ làm sao phải đạo cha.

### ĐỀ ĐỀN TRUNG-LIỆT

Các cụ liều thân bỏ chiến-trường,  
Ai đem « Trung-Liệt » đổi « Trung-Lương » ?  
Thờ bên trung-trực, bên gian-nịnh,  
Thế cũng đèn dài cũng khói hương !  
Thơm thối lẫn nhau mùi tắc họng,  
Ngọt ngọt đầu miệng lưỡi không xương,  
Nhà nho lại có thằng nào đó ?  
Luôn cái ra vô bợ cụ Hoàng !

Ở Thái-hà-Ấp, bên cạnh dinh cơ của Hoàng-cao-Khai, có đèn « Trung-Liệt » thờ các liệt-sĩ Hoàng-Diệu, Nguyễn-tri-Phương và Nguyễn-Cao. Họ Hoàng cho đổi tên đèn thờ « Trung-Liệt »

(3) Trong dịp đám tang này, Hoàng-mạnh-Trí đánh Hoàng-trọng-Phu trước mặt Hoàng-cao-Khai vì một sự xinh mích. Chữ « Pháp » trong câu này còn ám chỉ nước Pháp.

« Trung-Lương » với hậu ý về sau này mình chết cũng sẽ được thờ chung vào đó, vì đèn « Trung-Lương » là đề thờ trung-thần và lương-tướng.

Bằng bài thơ trên, Phan-Điện chửi cả họ Hoàng lẫn nhà nho đã xúi họ Hoàng đổi tên đèn.

Khi vua Bảo-Đại và Nam-Phương hoàng-hậu, trên đường ngự giá ra Bắc, đi qua huyện Đức-Thọ (Hà-Tĩnh), viên tri-huyện bắt trai tráng bên lương dựng cồng chào và cho các cô gái bên giáo xếp hàng đầu đền mừng Hoàng-Hậu. Trẻ nít đi xem rất đông, chen lấn nhau làm đồ một bức tường đè chết mấy đứa. Nhơn dịp này, Phan-Điện làm bài thơ :

Xiếc vùng Đức-Thọ có vui không ?  
Có nhái hôm nay được thấy rõng !  
Gái đạo phát tài cười túm tim,  
Trai lương phải tội chạy long dong.  
Mè day xiết kè ơn Hoàng-Thượng,  
Tường đồ thương thay lũ tiêu-dồng !  
Đó biết vì ai nên nỗi thế ?  
Vì quan sở-tại khéo tăng công !

Lúc ông Phan-Điện được cụ Thiếu Văn-Đình mời về nhà dạy học, ông được đối đãi rất tử tế : nào là cho ở nhà hai tầng, nào là cho con ông quà bánh luôn. Khi vợ ông chết, cụ Thiếu cũng lo chôn cất tử tế. Thế mà khi chủ-nhân làm lễ mừng thọ, ông đi hai câu đối :

« Sung sướng thay cụ Thiếu Văn-Định, con đỗ cống,  
cháu đỗ nghè, ngoài bảo-hộ, trong triều-định, trời riêng một  
nhà, gặp hội bông đua đà phỉ chí.

« Khốn khổ quá, ếng nghè Liên-Bạt (1), chõng một  
nơi, vợ một nőo, nay trời âu, mai biển Á, đặt chung cả nước,  
một mình gánh vác có ai khen ! »

Xem hai câu đối châm biếm, cụ Thiếu giận lắm, đuổi ông  
ra khỏi nhà và thế từ nay không rước thầy đồ Nghê nữa.

Trước khi ra đi, ông còn làm một bài thơ thay lời cụ Thiếu:

Ông chủ xung lên : « Đ.M. thầy ; »

Cha con mình phải vỗ này cay.

Quanh năm nhà ở hai tầng mát,

Mỗi bữa cơm bưng một phan đầy.

Con trẻ lấy đâu quà cáp mãi,

Vợ già hờ dễ chết chôn ngay !

Bao nhiêu tử tế tuôn xuôi cống,

Thanh-Nghệ từ đây buộc chỉ tay.

○

Bị một « vỗ cay » như thế mà ông vẫn không chừa cái tánh  
ngông nghênh, cứ làm thơ châm biếm người này, xô xiêng người  
khác, mà toàn là những kẻ có quyền thế, nên không ai dám rước  
ông nữa, khiến ông lâm vào cảnh túng thiểu. Ông đã tự thú trong  
bài thơ sau đây :

(1) Ông Nguyễn-thượng-Hiển.

### TỰ VỊNH

Ăn chơi như Điện hết khôn ngoan,

Khen Điện làm thơ chỉ nói càn !

Đêm lại với đầm không kém nước,

Ngày ăn chỉ gạo đã hơn « quan » !

Hầu xia thay đổi hai thầy cùu,

Gác cửa vào ra mấy chục hàn.

Một tháng lấy đâu ba lão sứ, (1)

Ngoài sân lũ kiến, đứng kêu oan !

Ông Hoàng-mạnh-Trí, con ông Hoàng-cao-Khai, lúc còn ngồi  
ghế Tòng-Đốc Nam-Định, một hôm về thăm quê nội ở Hà-Tĩnh,  
đúng vào dịp trong lang đang có lễ tế thần. Theo tục lệ ở địa-phương,  
thì các quan trong Triều, dù chức tước to đến đâu, khi ra đình làng,  
cũng phải ngồi dưới các vị có khoa-giáp cao hơn. Vì vậy, trong buổi  
ra mắt làng nhơn dịp tế Thần, ông Hoàng-mạnh-Trí được xếp ngồi  
dưới một vị hoàng-giáp. Bị chạm lòng tự-ái và vốn nóng tánh, họ  
Hoàng không dám được cầm túc, bèn hăm đốt nhà văn-chỉ của làng và  
đào mả tò-tiên vị đại-khoa ngồi trên mình. Họ Hoàng cũng đã từng  
bắt giang em vợ và đánh cả thông-gia nữa. Nên ông Phan-Điện mới  
làm bài thơ sau đây gởi họ Hoàng :

### GỬI HOÀNG-MẠNH-TRÍ

Điện ở Hà-Đông mới lại nhà,

Nghe đồn Cụ Lớn tính chua ngoa .

(1) Ba lão sứ : ba nǎi chuối sứ.

Lửa tim toan đốt nhà văn-chỉ,  
 Xuồng miệng ngâm đào mả đại-khoa.  
 Ba tháng bắt giam con bồ vợ,  
 Một trăm đòn đánh chúa thông-gia.  
 Muôn tâu Cụ Lớn xin đừng cầu,  
 Có cầu ông Tây mới gọi là!

oOo

## HUỲNH THÚC KHÁNG

(1876 — 1947)

Tiêu-sử : Quán làng Thanh-Bình, huyện Tiên-Phước, tỉnh Quảng-Nam. Tự Giới-Tử, hiệu Minh-Viên. Đỗ tiến-si năm giáp-thìn (1904), nhưng không chịu ra làm quan.

Năm 1908, nhân cuộc dân « xin xâu » phát sinh từ tỉnh Quảng-Nam rồi lan khắp mấy tỉnh miền Trung, Cụ bị bắt và kết án chung thân khổ-sai, đày ra Côn-đảo.

Năm 1921, được ân-xá tha về sau 13 năm ở Côn-Lôn.

Từ năm 1925, đắc cử viện-trưởng Viện Dân-Biều Trung-Kỳ, nhưng bất đồng ý kiến với chính-phủ bảo-hộ, cho nên khóa thứ ba xin từ chức dân-biều.

Làm chủ-bút báo « Tiếng-Dân » ở Huế từ ngày 16-8-1927 cho đến ngày 28-4-1943 là ngày báo ấy bị đóng cửa.

Sau khi Việt-Minh cướp chính-quyền (19-8-1945), giữ ghế Bộ-trưởng Nội-Vụ trong Chính-Phủ Liên-Hiệp của Hồ-Chí-Minh.

Năm 1947, rời Hà-nội về Quảng-Nam vì đã chán bộ mặt thật của Việt-Minh cộng-sản.

Mất ngày mồng một tháng 3 năm Đinh-Hợi (1947), thọ được 72 tuổi.

## TRÒ ĐỜI

Lộn xộn trên đời lắm cuộc chơi,  
Lao nhao sân khấu diễn nhiều vai.  
Mõ reo trống giục vang tai đất,  
Bảng dựng cờ rung chóa mắt trời.  
Nước cứu lửa xe cắm lửa gáo,  
Thịt không bát xáo tiếng mười voi.  
Hạ màn ai nấy rờ mình thử,  
Cái túi đồng xu đã cháy rồi !

Lỗi học không tẩy cũng chả đồng,  
Quốc-văn nửa dốt nửa phẫn thòng.  
Vàng chôn dưới đất toan khai mỏ,  
Chuyện cách ngoài trời đặc nói ngông.  
Phô láo tưởng đâu đời dễ gạt,  
Hùa vui rành những chuyện không công.  
Thanh-niên ai có lòng hăng hái,  
Phải săm thuyền sau sẽ lội sông.

1937

oo

Quanh khóa bầu-cử dân-biểu  
(Trúc chí từ)

## THẦY TỘNG, QUAN BANG ỦNG CỬ

Khóa cử nghị-viên đã đến nơi,  
Phường tân phường cựu nhện đua bơi,  
Tổng làng danh giá thua dân-biểu,  
Minh quyết ra tranh một gkẽ chơi.  
Bán mẹ ngay đi mấy mầu vươn,  
Đăm sào ruộng họ cũng cầm luồn.  
Vứt tiền mua quách vài trăm phiếu,  
Đắc cử rồi ta diễn dù tuồng.  
Nay nấy mẹ đi chờ phàn nàn,  
Dân-biểu ngày nay chả khác « quan ».  
Rồi đây mình được lên bà Nghị,  
Tàng tòng trống vào lâm vẻ vang.

## BÁC THẦU ỦNG CỬ

Lãnh biện lâu nay vẫn có xu,  
Chỉ hiềm mang tiếng một anh « thầu ».  
Chi bằng vận động làm « quan Nghị »,  
Vào Tỉnh ra Tòa có lắm câu.  
Thường-trực ban kia bồng khá hiếu,  
Hội-đồng chính-phủ cắp càng dào,

Dẫu không vẫn giữ chân « quan Nghị »,  
 Tiền cắp tiền xe cũng chán tiếc.  
  
 Mùi ném đã quen khó vứt ra,  
 « Méc-xì », « biếng » « ủy » khó gì mà.  
 « Đít-cua », « la-phết » rành tay thạo,  
 Há nhường cho ai cái ghế ta !

Tháng chụp mướt lấm đóng sô rồi,  
 Thiếu-niên mấy chú hết chơi vời !  
 Nghị trường ghế đã mòn đâu đó,  
 Mang tiếng « bình hoa » mõa cứ ngồi.

## VĂN-SĨ ỦNG CỨ

Sức học thua ai vẫn có bằng,  
 Kiếm không ra việc chạy lăng nhăng.  
 Bán văn mấy lúc nghè ra é,  
 Dân-biều tranh xem có khá chặng !  
  
 « Bình-dân », « lao-động » săn phong-trào,  
 Một món văn tây dễ bán rao.  
  
 Thìra dịp nghị-trường tranh một ghế,  
 Thiếu-niên thanh giá lại càng cao !  
  
 Lớp cựu ngày nay đã hết thời.  
 Cột ruồng xã-hội phải trò chơi.  
 Cử-tri còn đợi gì gi nữa ?  
 Nào có ai hơn phái học tây !

## NGƯỜI BỎ THĂM

Sư nói sư hay, vãi vãi hay,  
 Biết đâu chọn lựa khó lòng thay !  
 Chi bằng ta cứ người chân thật,  
 Không ích cho ai chả hại ai.

1937

## TÙ CÔN LÔN

Đày hoang đảo, trước thế người sâu,  
 Mũ áo ta nay cũng chúc tù.  
 Thôi chó Tần-Đinh rơi giọt lệ,  
 Ngàn năm sứ Việt ấy trang đầu.  
  
 Một chắc làm bia vạn mũi tên,  
 Dè đâu lầm kẻ nỗi chân liền.  
 Góc trời ở luống thân nhàn quá !  
 Tiếc chặng quay chèo lại núi tiên.

oOo

**CAO - THỊ - NGỌC - ANH**  
**(1878)**

**Tiểu-sử:** Sinh ngày 22-12-1878 (năm Tự-Đức 31) tại làng  
Thạnh-Mỹ, phủ Diên-Châu, tỉnh Nghệ-An.

— Ai nǚ cụ Đông-Các Cao-xuân-Dục, bào muội cụ Hiệp-ti  
Cao-xuân-Tiểu.

— Năm 19 tuổi, kết duyên với cụ Án Nguyễn-đuy-Nhiếp vì  
về làm dâu cụ Căn-Chánh Nguyễn-trọng-Hiệp.

— Năm 26 tuổi, góa chồng. Thủ tiết nuôi con cho đến  
ngày nay.

— Năm 1953, đã xuất bản tập « Khuê sầu thi thảo » gồm  
những bài thơ Hán-văn và Việt-văn.

●

**PHẬT DI-LẠC**

*Ăn chi to béo lầm ông ơi !*

*Chẳng biết chi chi chỉ biết cười.*

*Bè khồ mênh mông dương mắt ngó,*

*Tòa sen ngọt ngướng xếp chân ngồi.*

*Hương khuya hoa sóm vui cùng đạo,*

*Kẻ khóc người kêu mặc kệ ai.*

*Hai chữ Nam-Vô quên nhớ nhỉ ?*

*Hay là ngọng miệng chỉ vì xôi ?*

**VỊNH CON CÁI GHÈ**

*Khốn nạn mẩy ơi, tờ lạy mẩy !*

*Sao mẩy lẩn-quất mãi chi đây ?*

*Trước còn đục ruồng lẩn da mỏng,*

*Sau lại ăn sâu thór thịt dày.*

*Da trắng bóc ngầm không kẻ biết,*

*Nước vàng chảy mãi có ai hay !*

*Chân ngôn, móng chó không nhảm mặt,*

*Quyết lấy diêm-sinh đè trị mẩy...*

Bài thơ trên ám chỉ thực-dân Pháp hút máu mủ dân Việt-Nam. Mấy chữ « da trắng » và « nước vàng » rất ý nhị. Và câu chót tỏ ý nói dùng súng đè đuổi Tây.

oo

**NGUYỄN - QUANG - DIÊU**  
**(1880 - 1936)**

**Tiểu-sử :** Quán xã Tân-Thuận, quận Cao-Lãnh (nay được đổi làm tinh-ly Kiến-Phong).

Năm 1907, gia nhập phong-trào Đông-Du rồi sáng lập Khuyến-Du Học-Hội để vận động học-sinh sang du học tại Nhựt-Bản.

Năm 1908, bị Pháp truy nã quá gắt gao, phải trốn qua Cao Mên, rồi qua Thái Lan, Quảng-Đông, Hồng-Kông, Thượng-Hải và Hàng-Châu để liên lạc với các đồng-chí.

Năm 1913, bị bắt tại Hồng-Kông và giải về Hà-nội, rồi quay năm 1914, bị đày sang Guyane (Nam-Mỹ).

Năm 1917, vượt ngục trốn sang đảo Trinidad thuộc Anh Quốc. Năm 1920, trở về Trung-Hoa. Qua năm 1927, trở về Saigon để hoạt động chính-trị trở lại. Lúc này, cụ viết những bài thơ tuyên-truyền chống Pháp, như là những bài: « Chiêu hồn dân ruộng », « Vợ nhà nông khuyên chồng », « Chồng nhà nông khuyên vợ » được truyền tụng khắp nơi. Vì vậy, Cụ bị thực-dân Pháp lùng bắt rất gắt gao, nên cụ phải lẩn tránh tại biên-thùy, tìm chỗ ngồi dạy học cho qua buổi và làm thơ châm biếm bọn tay sai của thực-dân và tham-quan ô-lại.

Mất năm 1936.

Trong khi lẩn trốn ở Tân-An, một làng hẻo lánh ở biên-thùy Miền-Việt, cụ gởi cho bọn mật thám tay sai của Pháp bài thơ sau đây, đầy giọng mỉa mai :

**CHÓ CHẾT HẾT CHUYỆN**

*Muôn vật đều còn đè dấu roi,  
 Buồn cười thân chó chết rồi thôi !  
 Ăn cǎn mǎn kiếp ba ơn mọn (1)  
 Thỏa mạ ngàn năm một tiếng đời.  
 Nội trong gấp hùm xa hắn đuôi,  
 Hang sâu hết thỏ nấu chàng xơi !  
 Ai ơi ! phải biết người hơn vật,  
 Chớ đè mày râu thiện đất trời !*

**PHẠM - LÃI DU NGŨ - HỒ**

*Đen lòng danh lợi mặc ngu phu,  
 Tâm-sự toan dem gởi Ngũ-Hồ.  
 Hết sức giữ còn nòi giống Việt,  
 Ra tay đánh đỗ nước nhà Ngô.  
 Nghênh ngang trời bể thân nhân tán,  
 Khuây khỏa rồng mây chí viễn-đồ.  
 Gởi nhẫn bao nhiêu phường mặt nạ,  
 Thời đừng mượn mỏ phấn son tô !*

**CON MUỖI**

*Lắm kẻ dương cung chực phát tên,  
 Thế mà bầy muỗi vẫn bay khén.*

(1) Chó có ba ân : không quên chủ, không lộn đường về, và chẳng sai việc giữ nhà ban đêm.

Mè thây trâu lợn deo lăn miết,  
Thích máu người tanh bău lúc lén.  
Thấy khói tai bời chui xuồng cỏ,  
Nghe doi lăm lét lăn vào phên.  
Tài chi dọ dám đém khuya mai,  
Nữ khiến dân nghèo giấc chẳng yên !

## CÁ NÓC CĂN

Độc địa thay cho lũ cá bău,  
Cắn ai thì chờ, cắn thẳng đau !  
Bụng to nỡ chẳng dung già trẻ,  
Răng bén đành không kè trước sau.  
Ngứa miệng phá tan chài lưới chúng,  
Đói lòng khoét lún giống nòi nhau.  
Nhờ hơi máu thịt no nê vậy,  
Có thuở chảy sảng giã nát đầu !

## BẮT CHUỘT

Tài gì không mệt dám to gan ?  
Cố sức tìm cho thấy mặt chàng.  
Nhẹ gót truy tầm theo tận ô,  
Nhanh tay tàn sát dọ tìm hang.  
Quét thanh lũ giặc loài vô dụng,  
Cứu khỏi dân nghèo nỗi khùng oan.

Hồi lũ độc-trùng đùng lấp lững,  
Tài gì không mệt dám to gan ?

## CUA GÃY CÀNG

Dưới trời có mấy mặt đi ngang,  
Sa sút giờ ra gãy cả càng.  
To mắt bia truyền nêu cửa miệng,  
Thiếu ngoe thế phải nép vào hang.  
Cá tôm nhớ nhởn khinh oai hắn,  
Trời bè mènh mông vắng mặt chàng.  
Cò thế đã dành thao-hối đỡ, (1)  
Dại gì bè bạn lũ bung-chang. (2)

oo

(1) Thao-hối : đầu kín  
(2) Bung-chang : sò vẹm.

**NGUYỄN - KHOA - VY**  
(1881)

Tiểu-sử Sinh năm 1881 tại làng An-Cựu, tỉnh Thừa-Thiên.  
Hiệu là Thảo-Am.

— Cựu công-chức Phủ Toàn-Quyền Đông-Dương, Sở Hỏa-Xa  
và sau hết là Sở Bưu-Điện. Về hưu năm 1936

— Đã trước-tác :

- Hồng-nhan Mộng (xuất bản năm 1924)
- Hồ mái dày (xuất bản năm 1960)
- Tục-ngữ và ca-dao (chưa xuất bản)
- Ngạn-ngữ tú tự đối (chưa xuất bản)
- Thảo-Am thi tập (chưa xuất bản)

**KHUYÊN NGƯỜI ĐA TÌNH**  
(độc văn)

*Chạy chửa chai chân chẳng chịu chờ,  
Chín chờ chua chát chán chê chờ?  
Cha chài chú chớp chơi chung chạ,  
Chẳng chính chuyên chi, chờ chực chờ !*

**VUI THÚ ĐIỀN-VIÊN CÀM KỲ THI TỬU**  
(độc văn)

*Cui cút cùng cây cỏ cận kề.  
Cung cầm cứng cỏi cũng cò ke,  
Cuộc cờ cao kém cơn cười cợt,  
Cái cốc, cỗ ca cứ cặp kè.*

**ĐÊM KHUYA ĐỢI TÌNH NHÂN**  
(nói lái)

*Nực cõi chỉ ra nỗi cực lòng,  
Dòng chảy lai láng dìa dẫu chong.  
Khó đi tìm hỏi nhau khi đó,  
Công khó chờ nhau biết có không?*

**ĐI CHƠI THUYỀN Ở ĐẬP ĐÁ (Huế)**  
(nói lái)

*Đập cũ thuyền đưa dù cặp rời.  
Trời cho sức khỏe lâm trò chơi.  
Có đôi khi rảnh lên cõi đó,  
Cười ngả nghiêng vui ngọt cả người.*

**TÌNH ĐỜI NAY**

*Nói tình ngẫm nỗi có tình đâu !  
Duyên nợ chỉ chỉ ngó cũng rầu.  
Tiền bạc phải xin cho thấy trước,*

Đá vàng rồi sẽ tĩnh theo sau.  
 Hẹn hò lúc đứng lên quên phứt,  
 Trò truyện khi nằm lại hối mau.  
 Có nhớ thương ai thôi chờ khóc,  
 Dầm đì nước mắt có ai lau!

## KHAI BÚT NĂM 56 TUỔI

Tuổi già năm sáu tác đương non,  
 Sức khỏe ăn ngon lại ngủ ngon.  
 Họ giữ đồng vàng hay sợ mất,  
 Mình ưng kho bạc chứ cho còn.  
 Tu tâm chẳng chuộng màu nâu mực,  
 Bồ thận thường gia vị phẫn son.  
 Chẳng muốn làm giàu mang ác nghiệp,  
 Không tiễn nén đè đức cho con.

TRUNG-THU 1948

Trung-thu sao thấy vắng người chơi?  
 Thơ thẩn con trăng bộ chán đời.  
 Núi Ngự không cây, cù ngủ đất,  
 Sông Hương vắng khách, dì kêu trời!  
 Thơ không tốn kém tha hồ đọc,  
 Rượu săn lì bì mặc sức xơi.

Say muốn lật trời cho đồ nước,  
 Trời cao lồng lộng nước với voi.

## MÈO TÓI CỘP LUI

(năm dần qua năm mão tối)

Trò đùi trông thấy cũng vui vui,  
 Tới lợp mèo qua lợp cọp lui.  
 Đặc thể nghêu ngao lèn múa mép,  
 Thất thời lâm lét chạy cong đuôi.  
 Không lo vỡ trách dùi phang chó,  
 Chẳng hẹn qua trường chúng trò buổi.  
 Một lũ ham ăn tươi nuốt sống,  
 Mấy đùi thay thịt mỡ đi xuôi.

## LỤT BÃO NĂM CANH-DẦN (1950)

Vừa rời cây cỏ nắng khô rang,  
 Lụt bão bảy giờ lại tiếp sang,  
 Nước bạc dõi dào sông mát ruột,  
 Lá vàng xao xác núi sôi gan.  
 Chó mèo vầy đất nhơ bàn ghẽ,  
 Cóc nhái kêu trời ngập lỗ hang.  
 Lũ vớt cùi rêu không sợ chết,  
 Ra với sóng gió cứ nghênh ngang.

## BÀI VĂN TẾ SỐNG CỤ ỦNG-BÌNH

(nhơn dịp lễ Sanh-diếu Cụ Ủng-Bình Thúc-Gia-Thị  
vào mùa Xuân 1951 khi Cụ Ủng-Bình được 75 tuổi)

Ai ơi !

Nhân dục vô nhai,

Thiên cơ mạc liêu.

Vẫn biết sống già mệt xác, trăm người cũng muốn  
sống dài.

Tuy rằng chết trẻ khoẻ ma — mấy kẻ mà ưng chết yêu?

Kinh duy tiên-sinh :

Mến cảnh diễn-viên,

Nặng tình lăng miếu.

Niên xỉ tuy cao,

Tinh thần chẳng yếu.

Làm thi ca đầy đủ tính tình,

Đặt tuồng văn dành rành âm-diệu.

Trước xuất sĩ vô Tòa Bảo-hộ, đậu cử-nhơn qua chức Nam-Triều.

Sau hồi hưu thay mặt nhân-dân, làm Viện-trưởng <sup>nên</sup>  
tài Đại-Biểu.

Hay dè đặt lời ăn tiếng nói, vẫn không ngọng bởi xôi chua

Cử thẳng tay nước bước đường đi, nào có oan như tre miếu

Ba bốn tinh làm quan thanh bạch, vàng thoi bạc nén không đứt

Mấy mươi năm vui thú giang-hồ, gió mát trăng thanh  
chẳng thiếu.

Có ngôi mạng-phụ, đã lo âu giữ mối cầm giòng.

Thêm vị tiêu-tinh, lại săn sóc quạt màn sáu chiếu.

Trai lớn khôn Bửu-Tường, Bửu-Bá, cũng tài ba sẵn tính  
thông minh.

Gái ngày-thơ Hỷ-Thọ, Hỷ-Khương, đủ công hạnh có bể yêu-diệu.

Tiêu-thảo đình cảnh cũ, thêm tươi màu ngọc-diệp kim-chi,

Tuy-lý Phủ gương xưa, thường tỏ vẻ thần-trung tử-hiếu.

Quận triều trọng vọng, đã là ông chức tước cao-cao,

Sơn thủy nhàn du, lại có vẻ thần tiên tiêu tiều.

Hôm nay :

Gặp tiết xuân quang,

Lễ bày Sanh-diếu.

Rượu trà có sẵn đầy ve,

Trường liên treo lên đủ kiều.

Kè câu thi, người câu đối, văn-chương khác thè gấm thêu,

Kia sắc đỏ, nõa sắc xanh, phên vách nhuộm màu vóc nhiều.

Bạn bè lui tới, nghe ngâm nga nào có nghe than,

Con cháu vô ra, thấy vui vẻ mà không thấy mếu.

Bàn bàn tiệc tiệc, ngọt ngào hương rượu cúc trà sen,

Hát hát ca ca, tươi tốt sắc má đào mày liễu.

Khi sống thử làm khi chết, Cụ ưng chơi mà họ chẳng  
dám chơi,

Chuyện buồn đem diễn chuyện vui, minh tưởng giêu mà  
ai cho là giêu,

Ba vạn sáu ngàn ngày có mấy, dẫu hèn dẫu quý, đồ âm-dương  
một chuyen phải qua,

Một trăm hai chục tuổi là ai, nào dại nào khôn, lẽ Tao-hội  
mười phần đã hiểu,

Gặp gỡ nay đà đủ mặt, chén kim bôi rượu thọ chúc mừng,  
Dở hay chi cũng tiếng minh, bài văn tế món quà xin biếu.

Phục duy phủ giám.

oOe

### PHẠM - ỦNG THUẦN (1885)

Tiểu-sử : Người làng Vi-Xuyên, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-  
Định. Tự là Hiếu-Khanh, tục gọi là Cà Thuần.

•

### Bài phú

#### THẦY ĐỒ HỌC QUỐC-NGỮ ĐỀ ĐI THI

Này cu-a-cua, này ô-c-ốc.

Vác lều vào trường, cặp sách đi học.

Văn-chương mặt kiếp, thẳng bé hết hơi,

Âu Á chuyện đời bác đồ tịt ngóc.

Thầy khóa khom lưng kiếm gạo, mặt tay lệnh, cõi tay con.

Ông Tây dá đít lấy tiền, câm như hến, nín như thọc.

Nguyên phù thầy chi vi thầy dã ;

Nghênh ngênh ngang ngang, dở dở dang dang.

Râu ria một nạm, văn sách ba trường.

Thầy chi mặt hèn nhẫn hàng thịt,

Thầy chi văn hèn viết sát xương.

Thi thi một hỏng một vào, o-a-c-h-oách.

Tính lại nửa giàn nửa dở, u-o-n-g-ương.

U thị hồ :

Thầy nằm thầy kêu, thầy ngồi thầy gõ,  
Nách cắp vở đồ, tay xách cái lọ.  
Học-trò kia kia, quan trùrường đó nọ.  
Thằng vào thằng ra, vẫn dễ vẫn khó.  
Thằng thì kêu trời, thằng thì chửi chó.  
Hỏi rằng xong chưa ? la-m-lam-huyền-làm.  
Hỏi rằng nhục không ? c-o-co-sắc-có.  
Hỏi rằng giám-trường là ai ? Thưa rằng viên công  
sứ Đạc (Darles).

Hỏi rằng quan-trường là ai ? Thưa rằng mấy ông  
trạ-gạc (1)

Thôi thì : Cũng chẳng đi học, cũng chẳng đi thi  
Thi cũng không đồ, đồ cũng không đù  
Túy lúy càn-khôn hè rượu thầy đánh ti-ti.  
Khoan-hoài vũ-trụ hè mồm thầy cười khì khì.

Thôi tài lạy thầy trăm lạy, thầy xếp bút nghiên  
lều chỏng, thầy đi về

### ĐỨC ĐÁ

Năm ngoài, ông lên đục bốn vần,  
Năm nay ông lại đục hai chân.  
Khen cho đá cũng bền gan thật,  
Chịu mãi cho ông đục mấy lần !

Thời Pháp thuộc, có ông Tử-Đạm, lúc đó đang ngồi ghế án-sát tỉnh Nam-Định, một hôm lên chơi núi Dục-Thúy tức là núi Non-Nước ở tỉnh Ninh-Bình, cao hứng làm bốn câu thơ (1) rồi cho thợ khắc vào đá. Ít lâu sau, ông lại đến chơi núi Non-Nước và lần này, ông cho thợ khắc dấu hai bàn chân của ông vào dưới bài thơ.

Ông Phạm-ứng-Thuần lên chơi núi Non-Nước, thấy vậy, bèn làm bài thơ « Đục-dá » trên đây để miêu họ Mừ một cách thâm thúy và chưa cay.

oOo



(1) Bài thơ của họ Tử như sau :

Phong nguyệt dù câu thích  
Đỗ thân thùy không ai  
Sở lạc tại sơn thủy  
Tạo cầu duy phúc giài.

Họ Tử tự dịch ra nôm :

Trăng gió vui cùng hồn  
Lầm than bận kệ ai  
Vui chơi non với nước  
Gó phúc được ngồi dài.

(1) Trợ lực : tên gọi người dân Nghệ Tĩnh.

**PHAN - KHÔI**  
**(1887 - 1959)**

Tiểu-sử : Hiệu Chương-Dân, quán làng Bảo-An, quận Điện-Bản, tỉnh Quảng-Nam. Đỗ tú-tài Hán-học năm 19 tuổi, nhưng không ra làm quan.

Đã tham gia phong-trào Đông-Kinh Nghĩa-Thục. Về sau, cũng có hoạt động cho phong trào văn-thân với cụ Huỳnh-thúc-Khang.

Năm 1908, nhân dịp dân Quảng-Nam biểu tình « xin xá », Cụ bị bắt giam cho đến năm 1914 mới được tha. Từ đó, Cụ chuyên nghě viết báo.

Trong khi viết cho các tờ « Thần-Chung » và « Phụ-nữ Tân-Văn » ở Saigon, cụ bút chiến với Hải-Triều, nhà văn cộng-sản, về văn-de duy-tâm và duy-dật. Cuộc bút chiến này đã làm sôi nổi dư luận trong toàn quốc lúc bấy giờ.

Sau khi Việt-Minh nắm chính-quyền, Cụ được mời lên Việt-Bắc, để phiên-dịch sách chữ Hán hoặc chữ Pháp sang chữ Việt.

Không tán thành chính-sách của Việt-Minh, Cụ tỏ rõ thái-độ ngang ngạnh bất khuất và thường viết báo chỉ-trích chế độ miền Bắc. Đặc biệt, Cụ đã làm chủ-nhiệm kiêm chủ-bút báo « Nhân Văn » ở Hà-Nội để đấu-tranh với Việt-Minh trên lãnh-vực chính-trị.

Mất năm 1959 tại Hà-nội.

Đã xuất bản : « Nam-Âm thi thoại » (về sau tái bản đổi tên là « Chương-Dân thi thoại. »).

Trở vò lừa ra (tiểu-thuyết).

Trước kia, trong giới văn-học, Cụ Phan-KhôI thường nổi tiếng về những bài bình luận hay những bài bút chiến đăng trên các báo hơn là về thơ, ngoại trừ bài thơ mới nhan đề là « Tình Giả » đăng trong « Phụ-nữ Tân-Văn » năm 1932, rất được người ta chú ý vào lúc sơ khai của phong-trào thơ mới.

Mãi về sau, trong lúc Cụ gần như là bị giam lồng ở ngoài Bắc, trong thời kỳ kháng Pháp, dưới chế độ hà khắc của Hà-nội, một đỗi kinh, vì quá phản uất, cụ làm thơ để ký-thác tâm-sự chua xót của mình. Cho nên phần nhiều thơ ấy đều có tính cách châm biếm hoặc hài hước.

Tí dụ như năm 1951, Cụ làm bài thơ « Hồng gai » sau đây để vi cuộc kháng Pháp như hoa hồng và vi Việt-Minh như gai. Đại ý Cụ nói vì yêu kháng chiến mà phải chịu đựng Việt-Minh.

**HỒNG GAI**

*Hồng nào hồng chẳng có gai  
Miễn đừng là thứ hồng dài không hoa,  
Là hồng thì phải có hoa,  
Không hoa chỉ có gai mà ai chơi ?  
Ta yêu hồng lầm hồng ơi !  
Có gai mà cũng có mùi hương thơm.*

Hay là sau khi nằm bệnh-viện một thời-gian vì ốm đau do khí-hậu độc của miền thượng-du Bắc-Việt, Cụ đi hớt tóc và cảm hứng làm bốn câu thơ :

*Tuổi già thêm bệnh hoạn,  
Kháng chiến thấy thừa ta.  
Mỗi sầu như tóc bạc,  
Cứ cắt lại dài ra.*

Hay là sau khi bạn bè cho Cụ biết chính-quyền Hà-nội sắp sửa bắt giam Cụ đến nơi, Cụ vẫn bình tĩnh tiếp tục cuộc đấu tranh, và làm bốn câu thơ hài hước như sau :

*Làm sao cũng chẳng làm sao,  
Đâu có thể nào cùng chẳng làm chi.  
Làm chi cũng chẳng làm chi,  
Đâu có làm gì cũng chẳng làm sao.*

Vì chống đối chế độ Hà-nội, nên Cụ bị gán là phản-động, việt-gian, phá hoại, tờ-rốt-kit, hút thuốc phiện, chơi gái, v.v... và nhà cầm quyền định bắt giam Cụ, nhưng chưa kịp thi hành thì Cụ đã qua đời vào năm 1959.

906

### NGUYỄN-KHÁC-HIẾU (1889 — 1939)

Tiêu-sử : Quán làng Khê-Thượng, huyện Bát-Bạt, tỉnh Sơn-Tây, Hiệu là Tân-Đà (núi Tân, sông Đà ở Sơn-Tây).

Khi còn đang đi học ở Hà-nội, đã nổi tiếng nhờ bài « Âu Á nhị châu hiện thê » (được các báo Tàu ở Hồng-Kông đăng tải).

Bị thất vọng trong mối tình đầu, ông lang thang trên miền thượng-du Bắc-Việt.

Sau khi cha mất và anh cả mất, ông lập gia-dinh và phải tự lo lấy sinh kế bằng nghề bút.

Năm 1921, ông làm chủ-bút tờ « Hữu-Thanh tạp chí ». Sau đó, ông cho in thơ, dịch sách, khi ra Bắc, lúc vào Nam. Đời sống của ông thật vất vả và gia-cành rất nghèo khó. Có khi túng quẩn, ông phải vừa làm thơ đăng báo vừa xem bói để kiếm thêm.

Mất ngày 17-6-1939 tại Hà-Nội.

### VỊNH BỨC DƯ ĐỒ RÁCH

*Này bức dư-đồ thử đừng coi,  
Sông sông núi núi khéo bia cười.  
Biết bao lúc mới công vòn vẽ,  
Sao đến bây giờ rách tả tơi ?*

Ấy trước ông cha mua đè lại,  
Mà sau con cháu lấy làm chơi !  
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,  
Thôi đè rồi ta sẽ liệu bõi.

## SỰ ĐỜI

Gió gió mưa mưa đã chán phèo,  
Sự đời nghỉ đến, lại buồn teo.  
Thôi om sot phẫn, nhiều cõi gánh,  
Tanh ngắt hơi đồng, lầm cậu yêu.  
Quần tía dùi non anh chiệc vỗ,  
Rừng xanh cây quế chú mường leo !  
Phố phường nghe có vui chàng tá ?  
Áo mũ, râu ria, mấy đám chèo.

## THUẬN BÚT

Mười mấy năm xưa ngọn bút iêng,  
Xác xơ chẳng bợn chút hơi đồng.  
Bây giờ anh đồi lông ra sát,  
Cách kiêm ăn đời có nhọn không ?

## VỊNH CÁNH HOA ĐÀO

Trời đè trời nuông trời phải dạy,  
Đầu rằng bé bông khéo kiêng khem.  
Trái bao đêm vàng cùng mưa móc,

Vâng một màu son với chị em.  
Cười trận gió đông hăng hái thổi,  
Thương con bướm trắng phết phờ thèm.  
Xin ai yêu đến đừng ham mó :  
Hỗn mó tay vào ố nhọ nhem.

## VỊNH SỞ KHANH

Xở lá ai bằng cậu Sở-Khanh,  
Kiếm ăn lại ở đám lầu xanh.  
Mảnh tiên « Tích-Việt » vừa khô mực,  
Con ngựa « truy phong » đã phụ tình.  
Thôi với thanh lâu người một hội,  
Chẳng qua hổng phẫn nợ ba sinh.  
Ba mươi lạng bạc đời Gia-Tỉnh,  
Đè mãi ngàn thu tiếng Sở-Khanh.

## ĐÙA CÔ SU

Ấy ai đứng khuất bóng giăng mờ,  
Cô sứ cô sứ khéo thần thờ.  
Cứa Phật những mong tròn quả phúc,  
Cõi trần sao nỡ dứt duyên to !  
Vãi già, tiều bé, đâu đâu cả,  
Chùa vàng, sân không, thế thế ư ?

Tờ dấu không tu dấu dở trọc,  
Phết này ôm trọc cũng ra sur.

## BỐP VÚ ĐAU TAY

Hàng xú đòn lèi lắm chuyện hay,  
Con người như thế hóa non tay.  
Góm cho cô bé liêu gan tệ,  
Chết nỗi làng chơi phải miếng cay.  
Hùm đã biết hang sao cứ mó ?  
Chim chưa vỡ bụng dễ mà bay.  
Từ đây buộc chỉ thôi chừa nhẹ,  
Đừng dám chơi dao lại có ngày.

## CHỦI THAM QUAN

Thái-Bình chưa dứt tiếng kêu oan,  
Lại tiếng kêu trời đất Nghệ-An.  
Một phủ Anh-Sơn trong mấy tháng,  
Mà tay Phan-Tử lấy ba ngàn.  
Cũng phuруг dõi nước quân ăn cắp,  
Cũng lũ tàn dân giống hại đàn.  
Lạnh lẽo hơi sương tòa tạp-chí,  
Lệ ai dàn dựa với giang-sang !

## THEO VOI ĂN BĀ MÍA

Vì bọn chức dịch tác oai tác quái ở thôn xã, sự cụ chùa Đông-Lien đã mất một con trâu, còn bị lũ chức dịch cậy thế quan bắt nạt nhà chùa, nên sự cụ tức mình mở cuộc thi thơ đầu đề. Theo voi ăn bā mía » lấy văn « dơ » (dơ bần). Sự cụ treo giải thưởng nhờ Tân-Đà chấm thi và làm cho một bài. Sau đây là bài của thi-si:

Ăn mía theo voi tiếng đến giờ,  
Vì chi miếng bā đè trò dơ !  
Rón chân những chức khi voi nhả,  
Rát lưỡi đánh xơi cái ngọt thừa.  
Áy đã theo đuôi thời phái hít,  
Còn đâu nên tăm nữa mà vơ.  
Nghìn năm bia miệng là câu thế,  
Những khách ăn tàn đã biết chưa ?

## TRỜI MẮNG

Tinh riêng trăm ngăn mười ngờ,  
Ngồi buồn lẩy giấy viết thơ hỏi trời,  
Xem thơ, Trời cũng buợch cười,  
Cười cho hạ-giới có người oái-oăm !  
Khách hà nhân già ?  
Có làm sao suông-sâ dám đưa thơ !  
Chôn Thiên-cung ai kén rề bao giờ ?

*Chi những sự vẫn-vơ mà giãy má !  
 Chúc-nữ tảo tùng gai tê giá,  
 Hàng-Nga bắt nại bảo phu miên (1).  
 Mở then mây quăng giả bức hồng tiên,  
 Mọi khách hãy ngồi yên trong cõi tục.  
 Người đâu kiếp trước Đông-Phương-Sóc, (2)  
 Ăn trộm đào quen học thói ngày xưa,  
 Trần gian đầy mãi không chừa !*

oOo

(1) Hai câu chữ Hán nầy nghĩa là :

*Chúc-Nữ đã gả sớm cho đi theo chồng.  
 Hàng-Nga không quen ôm chồng mà ngủ.*

(2) *Đông-Phương-Sóc*: một người nồi tiếng về tài khôi-hài đời Hán-Võ-Đè  
 Tục truyền rằng *Đông-Phương-Sóc* vốn là tiên ở trên trời, vì ăn trộm đào tiên bị  
 lắn, nên bị Trời đày xuống hạ-giới.

Đại-ý bài hát nói trên : *Tân-Đà viết thơ xin hỏi con gái Trời, bị Trời  
 ném trả thơ và mắng.*

### PHAN-VĂN-HY (1890)

*Tiểu-sử : Sinh ngày 14-2-1890 tại tỉnh Quảng-Trị.*

*Hiệu là Kinh Chỉ. Bác-sĩ hưu-trí. Có chôn trong Hương-Bình  
 Thi-Xã (Huế).*

### VỊNH ANH PHU XE KÉO

*Công việc phu xe chẳng khó gì,  
 Người đi không nỗi kéo người đi.  
 Già làm tôi mọi cho qua buồi,  
 Đánh dỗ quan quyền cưng có khi.  
 Phố xá đua chen cùng võng giá,  
 Phong trần lem luốc cả tu mi.  
 Người ngồi người kéo đều người cả.  
 Có khác nhau chăng một chữ thi !*

Hồi cũ Phan-văn-Hy làm bác-sĩ công ở bệnh-viện Huế dưới  
 thời Pháp thuộc, phương-tiện di chuyển thông dụng nhất ở đế-kinh  
 là xe kéo, tức là xe hai bánh do người kéo. Thời bấy giờ, phần đông  
 các quan Tây và quan ta ở Huế đều dùng thử xe ấy để xê dịch.

Đau đớn trước tình cảnh nô lệ của dân ta, Cụ đã khéo gói  
 ghém tâm sự của mình trong bài thơ « Vịnh anh phu xe kéo » trên đây  
 mà hai câu :

« Giả làm tôi mọi cho qua buồn,  
Đánh đồ quan quyền cũng có khi. »

đã nói lên ý chí nhẫn nhục và quật cường của dân-tộc ta dưới  
thống-trị của thực-dân và bọn quan lại thối nát.

Chẳng may cho Cụ, có kẻ muốn dâng công với Pháp, đã  
bài thơ trên mách với trùm mật-thám Pháp ở miền Trung thời  
giờ là Sogny, suýt làm cho Cụ mất chức và tù tội, nếu không có  
thể lực bênh vực Cụ.

Cụ Kinh-Chỉ có kè lại cho tôi nghe giai thoại sau đây về  
thi-sĩ của Cụ rất là lý thú :

Số là sau khi Cụ về hưu-trí đã khá lâu, Cụ vào Saigon  
một phòng mạch của một bạn đồng-nghiệp. Bao nhiêu vốn liếng  
Cụ đã trút cả vào đấy, nhưng phòng mạch của Cụ rất ít khách, t  
thu được hàng ngày không đủ cho Cụ chi dụng. Cho nên, Cụ  
muốn trả lại phòng mạch cho chủ cũ, nhưng không dám hỏi mãi,  
ngại làm méch lòng người bạn cõ-tri.

Trong lúc nhàn rỗi, Cụ nghĩ đến đời bác-sĩ tư của mình  
chiều không khác gì đời của các à giang-hồ đã luống tuổi, đầu c  
son điêm phấn bao nhiêu cũng không « đòi được màu da », khiến kh  
làng chơi không còn đoái hoài đ<sup>1</sup> nữa. Cụ cao hứng làm bài  
« Tự trào » sau đây :

### TỰ TRÀO

Lầu xanh tháng lụn lại ngày qua,  
Buồn bực thương chờ phận đã già :  
Sương tuyêt cứ dồn thêm mái tóc,

Phấn son không đòi được màu da.

Canh tàn luống nhũng than cùng nguyệt,  
Xuân muộn thêm càng tủi với hoa.  
Mày bạc ông Thẩn như chiếu giám,  
Đoạn-trường trong sò rút tên ra !

Rồi Cụ gởi bài thơ ấy đến ông bạn cõ-tri. Đọc xong, ông hiểu ý  
của Cụ, bèn vui vẻ hoàn tiền lại cho Cụ để lấy lại phòng mạch.  
Thật là :

« Tương-tri nhường ấy mới là tương-tri »

Theo Cụ, phòng mạch bên ngoài sơn xanh. Cho nên, hai chữ  
« lầu xanh » trong bài thơ thật là ý nhị vô cùng.

### HÀN-GIANG VĂNG ĐIẾU

Trên sông một bầy vịt  
Dưới sông một bầy vịt.  
Thấy con dại thời nhiều,  
Chó con khôn thời ít.  
Con thời lội chui đầu,  
Con thời chạy quăng đít,  
Không biết họ nuôi mình,  
Cót là đè ăn thịt !



## XE LỬA

*To đầu mà chạy thật đà mau !  
 Chỗ gọi rằng xe chỗ gọi tàu.  
 Đi khắp tỉnh này qua tỉnh nọ,  
 Nối liền đoàn trước với đoàn sau.  
 Nước sôi than nóng không nài khồ,  
 Lối vay đường cong đã thuộc lầu.  
 Lui tới đều quyền tài-xế cả,  
 Bảo gì làm nấy biết gì đâu !*

1933

oo

NGUYỄN ĐỀ  
(1891 — 1946)

Tiểu sử : Sinh năm 1891, tại làng Hành-Sơn, huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An. Biệt-hiệu là Ái-Liên.

— Làm một viên chức nhỏ ở Nam-Triều (hai chức cuối cùng là Lại-Mục rồi Bang-tá).

— Mất năm 1946.

## ĐUA ONG TÁO

*Vài mâm quả phảm, nhánh hoa tươi,  
 Đưa bác lên cho đến tận trời.  
 Trên đó bác chơi chừng bảy bửa,  
 Dưới nầy tờ đợi tới ba mươi.  
 Trời mà có hỏi đời chỉ lợ,  
 Bác cứ tâu rằng họ vẫn chơi.  
 Xong việc bác mau về với tờ,  
 Kéo e vắng bếp sơ gà buoi.*

## NGẦU THÀNH

(mỗi câu có tục-ngữ và tên thú vật)

*Ai sá đem gươm đè giết ruồi,  
 Mấy đời cóc nợ lại sanh đuôi.*

Cua chưa nóng nước toan hừng cọng,  
 Khái tránh qua truồng đãi trả buổi.  
 Góm mặt thò tay mò dài ngựa,  
 Cả gan lẩy thúng úp mình voi.  
 Lăm le chủ vắng gà bươi bếp,  
 Sứa nhảy qua đặng được mấy hồi.

## CỜ TƯỚNG

Quân đêm băm hai chằng lẻ loi,  
 Người thời ngồi đánh kẻ ngồi coi.  
 Tới lui lui thùi bình cùng tốt,  
 Qua lại xông xanh ngựa với voi.  
 Chịu thấp há vì xe tung nước,  
 Khoa cao khó ý pháo không ngời.  
 Vênh vang tướng sĩ khi đương thế,  
 Đến cuộc tàn rồi thảy bỏ oi.

## EM LẤY CHỒNG CHUNG VỚI CHỊ (1)

Đi đâu lang xao nứa rồi ra...  
 Em nhỏ thời cô, chị lớn bà.  
 Sẽ ngọt chia bùi con ấy cháu,  
 Quạt nồng ấp lạnh dương là cha.

(1) Chính cụ Nguyễn-Đề đã lấy hai chị em ruột,

## NGUYỄN-ĐỀ

Đời nay mấy kẻ chăn chung một,  
 Ai được như mình dẫu có ba.  
 Khi sống vầy vui, khi chết khóc,  
 Anh a, mấy tiếng lại chõng a !

## VỊNH ÔNG LẠI (1)

Đầu chưa đến, đuôi không thông,  
 Ông lại cười ông, lại chán ông.  
 Đơn vẫn có phê, phê đỡ đỡ,  
 Kiện thời cưng xỉ, xỉ ngông ngông.  
 Kêu thầy cũng được, kêu quan cũng...  
 Chữ khảo không thời chữ khán không.  
 Ngắt ngưỡng sau nha cùng trước lệ,  
 Oai quyền chỉ nhượng một ông trong.

## NGẦU HỨNG

Trỗi kẻ dành nhau phận với duyên,  
 Ngắt ngor như tờ chằng ai phiền.  
 Khi ngâm thi Hán con cười hủ,  
 Lúc đọc văn Tây vợ tướng diên.  
 Đã biết quăng dao thì hóa Phật,  
 Chưa hay nhẹn gạo khó thành Tiên.

(1) Lại là Lại-mục. Ông Nguyễn-Đề có làm Lại-mục huyện Hòa-Vang, tỉnh Quảng-Nam.

Công-danh sự-nghiệp áu lả thê,  
Cũng muôn như ai, sợ tốn tiền ! (1)

## PHÚ ĐẮC :

«Nhà rường mà lợp tranh mây,  
Thân anh hai vợ như giây buộc mình » (2)  
Lăn liu làm chi thiệt đã rầy !  
Thân anh hai vợ rồi như giây,  
Ngơ duyên mây đoạn vảy vò bẩy,  
Ân ái đỗi dang lận đận thấy !  
Chắp nỗi sợi mành nên cắt cớ,  
Vường chân tơ nguyệt khéo thay lay.  
Trong vòng mắc phải đành khôn dirt,  
Chàng Thúc (3) ngày xưa cũng bó tay.

## MÃ-TƯỚC

Vui thay mã-tước,  
Khắp bốn phương lần lượt khách tìm hoa.  
Hết Xuân về, Hạ lại, Thu tối với Đông qua,  
Vầy Cúc, Trúc, Mai, Lan làm tú hưu.

Xoọc sồ, Thùng khuyên, Màn viết chữ,  
Trung hường, Bạch trăng, Phát bôi xanh.  
Cuộc hờn thua đen đõ đõ đành,  
Cơn cao hứng năm canh cùng mó mãi.  
Cờ đã săn một trăm tư tám cái,  
Đủ tay rồi «chấp vảy» thử xem nào.  
Biết rằng ai thấp với ai cao.

ĐÁNH MÃ TƯỚC TỨC CẢNH  
(nói tiếng Tàu)

Màng màng, xoọc xoọc lại thùng thùng.  
Ăn : xưởng, khui : coon, phồng gọi phùng.  
Góm kẽ xám duyn kêu pach-pản,  
Cười mình xy-hý mó hồng-chung.  
Tán-tiêu sướng nhất coong-xưởng-phá,  
Chón cái may ra xón-phán-tông.  
Cầu-chướng loãc-tỳ ai tả-páo,  
Phình-bù áu phải xác tui-phung.

oo

(1) Tác-giả muốn nói đến cái nạn hối-lộ trong quan-trường thời bấy giờ  
Ai muốn mau thăng quan-tiền chức phải đem tiền đi lo lót cấp trên

(2) Chính trường-hop của tác-giả.

(3) Chàng Thúc là Thúc-sinh trong truyện Kiều của Nguyễn-Du, cùng hai  
vợ : Hoạn-Thư và nàng Kiều.

NHƯ-KHÔNG  
(1899)

Tiểu-sử : Sinh tháng giêng năm 1899 tại làng Vỹ-Dạ, huyện Phú-Vang, tỉnh Thừa-Thiên. Thuộc giòng dõi Hoàng-tộc : con cự Hường-Thương, cháu nội Tuy-Lý-Vương.

Nữ trợ giáo hữu-trí.

CÔ GIÁO GIÀ

*Không miếng nhưng mà tiếng thật to,  
Hết lá sáp trẻ óc đen mờ.  
Cả ngày dạy dỗ ghê đau rắn,  
Tôi tháng tiền lương ngóng cõi cõ.  
Bồng hạc chìn e tiêu thiếu thốn,  
Lưng tôm đành phải uôn tròn vo.  
Tay vò miệng lùm bura vừa dù,  
Liếm láp chi nơi lũ học trò.*

THUA TÀI-BÀN

*Tài-bàn chỉ khác món đồ chua,  
Không đánh như thèm đánh lại thua.*

*Trợ-giáo lương hèn vay họ bì,  
Văn-chương hàng ẽ bán ai mua.  
Chầu rìa ngồi xó e mòn chiếu,  
Cạo tóc đi tu sợ nhớp chùa.  
Ngứa miệng đòi khi toan chỉ chỏ,  
Kẻ nầy người nọ đuổi hòa xua.*

oOo

**TÚ-MŌ  
(1900 — ?)**

**Tiêu-sử :** Tên thực là Hồ-trọng-Hiếu, sinh năm 1900 ở Hà-Nội

Năm 1918, sau khi đỗ bằng thành-chung ở trường Trung-Học Bảo-Hộ (mà người ta vẫn quen gọi là trường Bưởi vì ở cạnh làng Bưởi), được bồ làm thư-ký Sở Tài-Chánh Đông-Dương, và giữ chức-vụ này cho đến năm 1947 mới bỏ hẳn để chuyên công tác sáng tạo văn-nghệ.

Từ năm 1925, đã đăng thơ trào-phúng trên :

— Tờ Tập-san của Hội Việt-Nam Thanh-Niên (do một người Pháp là Paul Monet sáng lập) ;

— Tờ Tú-Dân Tập-chí. Trên Tập-chí này, Tú-Mō đã khai-sinh cho một nhân-vật diền-hình của giới cường-hào kỳ-mục thời nay ở nông-thôn : Lý-Toét.

— Báo « Phong-Hóa » của Nguyễn-tường-Tam trong mục « Dòng nước ngược ». Trong báo này, Tú-Mō đăng thơ trào-phúng sắc sảo, đánh vào quan-lại, nghị-viên cùng các đối phong bại-tục đang phát triển dưới chế-độ thực-dân và phong-kiến.

Sau khi tờ « Phong-Hóa » bị thực-dân Pháp đóng cửa, Tú-Mō tiếp tục cung cấp thơ trào-phúng cho báo « Ngày Nay » (tờ « Phong-Hóa » đổi dạng).

Năm 1938-1939, trước khi đại-chiến thứ hai bùng nổ, Tú-Mō viết những truyện có tính cách ngụ ngôn, ngầm vạch mặt gian ác của

bọn áp bức bóc lột; cho nên khi đại-chiến thứ hai bùng nổ, viên Giám-đốc Sở Tài-Chánh Đông-Dương bắt ông phải viết giấy cam-doan bỏ nghề viết báo, nếu không thì bắt bỏ tù.

Từ đây, Tú-Mō bị ép phải treo bút cho đến ngày đảo-chính  
Nhật 9-3-1945.

Hiện nay, Tú-Mō sống ở bên kia vĩ-tuyến 17.

**TỔNG CỤU, NGHÊNH TÂN**

*Cụ Võ ra đi. cụ Thiếu vè, (1)*

*Hà-Đông đưa đón rộn rãm ghê !*

*Nơi đây xứng xoang bày bàn nước,  
Chỗ nọ lăng quăng đặt tiệc chè.*

*Ba cồng khái-hoàn cao ngắt nghêu,  
Dăm câu chúc tụng đọc lè nhè.*

*Cụ vè xem ý còn thương tiếc...*

*Quan nhậm xem chừng rất hả hê.*

**NAM HẢI DỊ NHÂN**

*Nước Nam có hai người tài :*

*Thứ nhất xù Vinh, thứ hai xù Quỳnh.*

*Một xù béo mập rung rinh,*

*Một xù lêu dêu như hình cò hương.*

(1) Võ-Hiển Hoàng-trọng-Phu, Thái-tử Thiếu-Bão Vi-văn-Định.

Không vốn liêng, chẳng ruộng nương,  
 Chỉ đem dư luận bán buôn làm giàu.  
 Bây giờ đang xả xói nhau,  
 Người câu lập hiến, kẻ câu trực quyền (1)  
     — Thưa các ngài thực vì tiên,  
 Muốn xem chiến đấu quáng tiễn vào đây!  
 Xù Quỳnh xưa bụng còn vơi,  
 Đang đàn diễn thuyết những lời thiết tha.  
 Núi Nùng, sông Nhị, tỉnh Hà,  
 Như còn vắng vắng tiếng nhà nho Tây.  
 Xù Quỳnh nay bụng đã đầy,  
 Kè đã lâu ngày, lặng tiếng im hơi.  
 Tri-Tri, Khai-Tri đôi nơi,  
 Vắng bóng con người tràng cảnh đại thanh.

## QUAN THỊ NGUYỄN-TIỀN-LÃNG

Quan tôi khuôn mặt lười cày,  
 Nước da tái xám mình gầy xác ve.  
 Lung gù lượn khúc tôm he,  
 Sống mềm khum núm, sun soe tài tình !  
 Xưa còn là một thư-sinh,

(1) Quỳnh chủ-trương lập-hiến và trao quyền cho Triều-dinh  
Vịnh chủ-trương trực-trị (administration directe) theo kiểu  
Pháp thuộc ở Nam-kỳ.

Trong Nam ngoài Bắc nổi danh văn-hào.  
 Văn ngài đọc sướng làm sao,  
 Véo von như hót, ngọt ngào như ru.  
 Các « xù » mặt lớn tai to,  
 Nghe câu tán tụng tựa hõi lên tiên.  
 Người ta hả, người ta khen,  
 Người ta cắt nhắc Lãng len vào triều.  
 Sắm vai quan... thị mĩ miều,  
 Công danh toại chí ra chiều hả hê.  
 Rồi ra ấm tử phong thê,  
 Tặng phong hai cỗ để huề vinh hoa !  
 Rõ ràng xu phụng danh gia,  
 Nghẽ văn như rúa mới là nghẽ văn !

## QUAN SU NGUYỄN-NĂNG-QUỐC

Ông « Quah Lớn » ấy vẽ già,  
 Ăn dung ngồi rồi đâm ra.., tu hành,  
 Sửa chùa, sắm mõ, in kinh,  
 Làm ra phết mặt tâm thành chân tu !  
 Chỉ còn kém vẽ sư mõ :  
 Đầu không trọc chẳng ở chùa ăn chay.  
 Rượu ngon gái đẹp vẫn say,  
 Trông cháu tom chát hoa tay vẫn tình;  
 Ông tu khi muộn đã dành,

Muôn còn hơn chẳng tu hành cứ tu.  
 Vả chẳng tu sướng lu bù,  
 A di đà Phật nam vô dẽ dàng,  
 Tu cho thăng phàm to hám (1)  
 Thể thì chán vạn kẻ phàm muôn tu !

## SƯ ĐI HÁT Ả ĐÀO

Có hai « sư cùu » Chùa Bà,  
 Ăn no dìng mờ la cà rong chơi.  
 Tình chay mãi cõng chán đời,  
 Nên sư phá giới ném mùi phong-lưu.  
 Lần mò đến xóm hồng lâu,  
 Ở Ngã-Tư-Sở cô đầu tìm chơi.  
 Kinh ân ái, Phật mày ngài,  
 Sư đang tụng niệm là lời với tình,  
 Ngón chầu tom chát đang xinh,  
 Bỗng thầy Chánh-Tòng thình lình tạt qua.  
 Nhát tròng bóng sãi kẽ hoa,  
 Bạch sư hồ lửa : « Đâu mà đến đây ? »  
 Sư rằng ; Chơi gió chơi mây,  
 « Nhỡ đường vào tạm chốn này trú chân.

(1) Khi Tú Mơ viết bài này, thì ông Nguyễn-năng-Quốc vừa được thả  
hàng Thái-tử Thiệu-bảo.

« Rượu chay nhấp chén tầy trẫn,  
 Hát chay đi duỗi tinh thần miên man. »

## SƯ CÒ Ở CŨ

Chùa Yên-Lạc, phủ Khoái-Châu,  
 Tên sao khéo đặt nên câu hữu tình !  
 Có bà sư trẻ xinh xinh,  
 Tuổi chừng ba chục xuân xanh đang vừa.  
 Vẻ người bầu bình dẽ ưa,  
 Nôn nà tay ngọc, mòn mờ má hồng.  
 Tuy duyên lộ vẻ mặn nồng,  
 Sư bà vẫn muôn hết lòng chân tu.  
 Nhưng rồi một sáng mùa thu,  
 Người ta thấy vị ni cô sương sùng,  
 Bụng đeo cái trống cà rùng,  
 Đến nhà thương đề tìm phòng khai hoa.  
 Các ngài bồ-tát Thích-ca  
 Độ trì phù hộ sư bà trẻ son,  
 Đề ra một câu sư con,  
 A-di-đà Phật ! Mẹ tròn con vuông !  
 Đề xong từ giả nhà thương,  
 Gởi con nhà nước lên đường lại tu.

Dốc lòng tu.., hú tu... múa,  
Tại miền Khoái Lạc cảnh chùa yên vui.  
Phật thương rồi cứ quen mùi,  
Sẽ năm một, ba năm đôi xòn xòn.  
Sinh năm đẻ bảy sư con,  
Càng ngày quả phúc càng tròn hơn xưa.  
Ngâm ngày mồng tám tháng tư,  
Bạn còn đẻ, nũa là sư, ngượng gì?...

ÔNG TRẠNG MẸO PHẠM-DUY-KHIÊM  
An-Nam kè bợn nhân tài,  
Ông Khiêm thạc-sĩ là người lừng danh.  
Đi Tây du học du hành,  
Học thi, thi đỗ đã đành phục thay!  
Chiếm bằng trạng mẹo áu tây,  
Giỏi ghê giỏi góm xưa nay mấy người?  
Trở về trạng bước ra đời,  
Mẹo Tây lại trả đem nhồi sop Tây. (1)  
Sự đời lộn ngược đến hay,  
Học Lang-Sa lại làm thầy Lang-Sa!  
Hiếm vì khác tí màu da,  
Tây con nghịch ngợm chòng la thầy đỡ.

Thầy dù chữ nghĩa hay ho,  
Gõ đầu học troẹt học trò chẳng xong!  
Bao năm đèn sách luống công,  
Học nhờ viết mướn như ông cũng sầu!  
Tiếng Tây ông nói lùa lùa,  
Hỏi văn quốc-ngữ lắc đầu rằng « noong »!

## BỘ HÀM CỦA ÔNG ĐỒ-THẬN

Ông Đồ-Thận nghị vùng ta,  
Nhờ ơn thiên địa được ba cái hàm;  
Hai hàm thực của trời ban,  
Tam thập nhị xỉ đôi hàng song song.  
Xưa ông có chi lập công,  
Người ta lại tặng thêm ông một hàm.  
Ấy là hàm huyền, hàm quan,  
Đè ông trưởng-già làm sang với đời.  
Mỗi đầu hàm nhỏ xíu thôi,  
Nhưng theo tiến hóa mỗi thời đổi thay.  
Hai hàm thiên tạo lung lay,  
Còn hàm nhân tạo mỗi ngày mệt to.  
Năm nay lộc nước ơn vua,  
Ông thăng hàm bô tha hổ mà oai!  
Trăm năm ông lảnh cõi đời,

(1) Ông Phạm-Duy-Khiêm thi đỗ thạc-sĩ mẹo ở Pháp về được bô làm giáo sư ở trường Pháp Albert Sarrault Hà-Nội.

Hai cái hàm thục thì trời lấy đi,  
 Vùi sâu dưới đất đến sì,  
 Của thiên trả địa khác chỉ mọi người.  
 Duy còn hàm giả kia thời  
 Vẫn ghi bia miệng muôn đời lưu danh !

## QUAN BA ĐỒ-HỮU-VỊ

Người Nam-Việt quan ba họ Đồ,  
 Bước đầu tiên cưỡi gió đi mây,  
 Gặp hồi Đại chiến Âu Tây,  
 Đến ơn nước mẹ bỏ thây sa-tràng.  
 Chết như vậy cho rằng vang vẻ,  
 Là tiếng tăm ghi đè sữ xanh,  
 Người ta kỷ-niệm công lênh,  
 Quyền tiền dựng ở Tây-Ninh tượng đồng.  
 Mặc dẫu vị yên hùng ngày trước  
 Đã theo về quỷ quốc Lang-sa,  
 Người ta theo tục dân ta,  
 Tâu vua phong sắc quan ba thành hoàng,  
 Đề thờ phụng đèn nhang bái lê,  
 Và xuân thu cúng tế rộn ràng.  
 Hồng ông vẽ ngự ngai vàng  
 Khôn thiêng chứng giám việc làm thôn quê,

Nhin Xã Xệ, Nhiêu Khê, Lý Toét  
 Chiếu giữa đình tranh thịt tranh xôi,  
 Thần linh phải đến sắc cười,  
 Bỏ đình bỏ đám tung trời mà bay.

## BẦU CÙ

Thiên hạ nôn nao họ rủ nhau,  
 Người ra ưng cử kẻ đi bầu.  
 Phen này lầm cậu gia tài vỡ,  
 Mà chúc «ông dân» đã chắc đâu !  
 Họ kéo từng đàn xuống xóm hát,  
 Lu bù ngày ấy sang đêm khác,  
 Phen này ông quyết xuống Khâm-Thiên,  
 Mở tiệm cô đầu có lê phát.  
 Họ mời nhau chén tại coo-lâu,  
 Thả cửa sâm-banh với rượu Tầu.  
 Các chú phen này càng béo bở,  
 An-Nam còn lầm cuộc đi bầu !  
 Lắng lặng mà nghe họ diễn thuyết,  
 Công tâm, công ích, lời tâm huyết...  
 Phen này mở hiệu viết văn thuê,  
 Đầu chẳng làm giàu cũng đỡ kiết.

Họ quẳng tiền ra đè cạnh tranh,  
Nghe đâu mỗi vé một « rồng xanh » (1)  
Phen này có lẽ mura ra bạc,  
Mà nghị-viên ta khôi phồng sành.

Họ lại ra công làm quẳng-cáo,  
Đen ngòm cả cột mẩy tờ báo,  
Chương trình đem đọc thật là kêu.  
Thứ nghĩ sau này ai nói lão.

Họ kè xấu nhau như hát hay,  
Hàng rau hàng cá cũng thua tài,  
Phen này bào-chẽ tha hổ đất,  
Thuốc tim cần mua đè rùa tai.

## HÁCH

Có hai ông nghị ma bùn,  
Nghị cảm nghị gật cùng môn nghị hề.  
Tưởng mình to gớm to ghê,  
Thiêng như Thần ở gốc đẽ, gốc đa.  
Các ông không muốn người ta.  
Nói động nói chạm sướt qua tên hèm.  
Này ông thử nghĩ mà xem,

(1) Giấy bạc năm đồng dưới thời Pháp thuộc.

Ra nơi ăn nói ngồi im lì lì,  
Miệng như gang trám đồ chì,  
Khác nào phồng thịt ich gì cho ai ?  
Trách chí miệng thế mìa mai,  
Lại còn đỏ mặt tía tai hách xẳng.  
Hầm hè gây chuyện bắt bằng,  
Đề cho thiên hạ tưởng rằng ta oai.  
Ngán thay ! bắt chuột chẳng tài,  
Lại hay là bếp mèo ori là mèo !

## CÁC ÔNG NGHỊ ĐI XEM ĐỒN ĐIỀN DI DÂN

Người ta mời các nghị-viên  
Lên Yên-Bái xem đồn điền di dân.  
Có quan Công-sứ đại-thần,  
Mời vể nhà « Xéc » ăn cần thết cơm.  
Cơm thường đặc biệt An-Nam,  
Cô tuy lòng dẩm, món làm cũng tuom.  
Nào là lòng lợn mắm tôm,  
Nào là bò tái chấm tương diêm gừng.  
Thịt đê nướng chả thơm lừng !  
Tiết đê pha rượu vồ cùng bồ dương !  
Vịt hầm nhừ biến cả xương,  
Thịt női mộc nhĩ nấm hương ngọt lành,

Cô bàn đủ cả tam sinh,  
Rượu ngon nhắm tốt thỏa linh các ngài.  
Bữa nay được dịp trò tài,  
Nói thời khi vụng ăn thời rất hay !  
Của ngon thức thức săn bày,  
Bát nay đĩa nọ hết bay rầm rầm !  
Tiệc tan khi đã triệt mâm,  
Mặt to tai lớn đỏ hăm hồng hào.  
Các ngài chênh choáng lao đảo,  
Ra ga bước thấp bước cao lên tàu.  
Bội bàn một lũ theo hầu,  
Nước chanh, nước đá, chè tàu, rượu bia.  
Bấy giờ men ngâm háo ghê,  
Sắn đồ giả rượu hả hê dạ dày.  
Kẻ hầu tiu tit luôn tay,  
Các « Ông Dân » cũng ngót say tinh thần.  
Đi xem công cuộc di dân,  
Hắn nhìn mọi sự bội phẫn lớn to !  
Khi về nhớ... bữa say no,  
Ghi lòng tac dạ tái bò chả dê !

## CÁI CHUÔNG ÔNG TRÙM

Bắc Kỳ có cái chuông rất quý,  
Đè ở trong Khai-Trí bảo tang,

Chẳng là chuông bạc chuông vàng,  
Chẳng là chuông cồ euc ngàn muôn thu,  
Cũng chẳng phải là đồ vua vật,  
Hoặc công trình mỹ-thuật tinh vi,  
Kiều không lạ, đáng không kỳ,  
Cái chuông ấy chẳng có chi khác thường.  
Nó cũng như kiều chuông xe rác,  
Cũng như chuông của các hàng rong.  
Thế mà nó quý lạ lùng,  
Bởi là chuông hiệu của ông Nghị Trùm.  
Trong những cuộc om sὸm cải vá,  
Hội-dồng như cảnh chợ ngày phiên,  
Ông Trùm mà lắc chuông lên,  
Mõm loa mép dài cũng yên tức thì.  
Tiếng chuông ấy, uy-nghi lả thế,  
Người lắc chuông quan nề dân vì,  
Ai mà lâu cá thao nghề,  
Lắc chuông đúng nhịp kiểm nê ra tiền ;  
Mỗi năm kè tiền nghìn bạc mở,  
Sống một đời phồn phở đế vương.  
Ngôi khèn mát ăn bát vàng,  
Bên danh bên lợi hai đàng ven hai.  
Nền mỗi khóa các ngài dân biều

Trồ hết tài trăm khéo nghìn khôn,  
Thường khi tốn đến bạc muôn,  
Đề tranh nhau giật cái chuông ông Trầm.

## NỮ-SĨ NGỌC-HỒ BIỆT HIỆU BĂNG-TÂM

Tưởng băng trắng muốt tuyết trong veo,  
Tuyết lấm băng như rỏ chán phèo !  
Tuyết sạch coi nhảm, trắng gió nhởn,  
Hoa tàn vẫn nhử bướm ong theo.  
Hồ tù ngàn nỗi con rồng lộn,  
Ngọc vết thương tình kẻ cõi deo !  
Nhắn khách băng-tâm ai đó từ,  
Mỹ danh hai chữ nghĩ buồn teo !

## ĂN CỠ ĐÁM MA

Bên đồng rác có con chuột chết,  
Đồng thịt xương rữa bét nát be,  
Nấm lồng nhũng máu nhũng me,  
Lắn cùng bùn đất bê bê nhụa nhầy.  
Giòi với bọ một bầy nhung nhúc  
Nó nê rồi chui rúc len tranh,  
Vò ve một đám ruồi xanh  
Bay lên đậu xuống lượn quanh lắn vào....

Làn gió thoảng đưa phao qua mũi  
Một thứ mùi hôi thối lợm nôn.  
Khách qua rảo cẳng bước dồn.

Rùng mình đi quá vẫn còn khiếp kinh.  
Dưới một mái nhà tranh vách đất,  
Trong một gian buồng chật điêu tàn,  
Kè dài một cỗ áo quan,  
Cái thây ma vẫn còn quằn đợi chôn.  
Mùi khói nhạt hương tuôn phảng phất,  
Lẫn với mùi ẩm thấp hôi tanh.  
Chập chờn ngọn nến rung rinh.  
Khi âm lạnh lèo khiếp mình sờn gai,  
Chung quanh chiếc quan tài quằn đú,  
Độ vài mươi mâm cỗ ngồi ngang.  
Tiết canh, lòng lợn, mỡ màng,  
Bò thuỷ thịt tái còn loang máu đào,  
Người tấp nập ồn ào rộn rã  
Trẻ lắn già chéi đã ngà say.  
Rượu ty tờm tợp chén đầy,  
Hơi nồng ngùn ngút mặt màu đỏ vang.  
Họ ăn uống nhồm nhồm khạc nhè,  
Áo uớt đậm người đồ mồ hôi,

Hơi men xông lẩn hơi người,  
Pho vào hơi chết thành mùi gom ghê.

Trông thấy cảnh rượu chè be bét,  
Quanh cái thấy người chết tanh hôi,  
Khiến ta nghĩ đến đàn giòi  
Bầu vào đồng thịt chuột toi bên đường.

## TRỜI ĐÀY NGUYỄN - KHẮC - HIẾU

Trong phòng khách cụ Trời,  
Cậu nhỏ dựng ván bối.  
Sày tay đánh roi võ,  
Nguyễn-khắc-Hiếu ra đời.  
  
Từ khi Hiếu xuất thể,  
Vẫn nhớ cảnh thiên tiên.  
Bữa cơm thường phải rượu,  
Nhưng túi lại rỗng tiền.

Liển xoay nghẽ văn-chương,  
Viết bùa bán phô phuwong.  
Thơ chạy tha hồ uống,  
Say khuất suốt đêm truwong.  
  
Rượu ngon thức nhắm ngon  
Giọng văn lại càng dòn :

Khỏi tình con, tình lớn,  
Giặc mộng lớn, mộng con.

Thích chí nằm ngâm-nga,  
Tiếng động vang Ngân-hà.  
Trời hỏi « Ai ngâm thế ? »  
Muôn tâu : « Ấy Tân-Đà. »  
  
Trời nài trận lôi-định,  
Rằng : « Cái thăng tiên ranh !  
Ta đày xuống hạ-giới,  
Đè hắn chịu nhục hình.

Ai ngờ hắn vẫn nhàn,  
Ngày tháng ngâm thơ tràn.  
Các ngươi, ai có cách,  
Bắt hắn phải gian-nan ? »

Chư tiên đồng thanh nói :  
« Tôi nặng nhất trần phàm,  
Là bắt anh Khắc-Hiếu,  
Làm chủ-bút « An-Nam ». »

## BẢN THAN

Bài thơ này Tú-Mõ lấy bút-hiệu « Bản Than » giấu cợt Tân-Đà bị Trời phạt, đăng ở báo Phong-Hóa.

**NGUYỄN-TRỌNG-CẨN**  
(1900 — 1947)

**Tiểu-sử :** Sinh năm 1900 tại tỉnh Quảng-Bình. Bút hiệu là Hoài-Nam. Năm 1918, vào Huế dự thi khoa Mậu-Ngo rớt rồi lưu lại luôn ở Huế để viết báo. Năm 1927, làm chủ-bút tạp chí « Thần-Kinh ». Năm 1929, tạp-chí này đình bản, thì về thôn quê làm thầy thuốc Bác và dạy Hán tự, nhưng thỉnh thoảng cũng viết bài gởi đăng báo,

Năm 1947, bị quân đội Pháp bắn chết trong một cuộc « bốc ráp » ở thôn quê.

Đã xuất bản « Tiếng quốc canh khuya » (1937).

Nổi tiếng nhờ « Bài văn truy diệu các Nghĩa-sĩ Cách-Mạng hồi xưa và các chiến-sĩ trận vong trong cuộc Việt-Nam độc-lập ngày 9-3-1945 » (đã đăng trong tập « Hương-Bình Thi Phẩm » của ông Hoàng-trọng-Thược xuất bản năm 1962).

•

**CUỘC CHÍNH BIẾN NGÀY 2-5-1933**

« Giắc Nam-Kha khéo bắt bình,  
Bìng con mắt dậy thấy mình tay không »  
(Cung Oán Nâm)

Năm trù khi không ngã cái inh !

Đất bằng một tiếng thầy đều kinh :

**NGUYỄN-TRỌNG-CẨN**

141

*BÀI không đeo nuga đem dưng LẠI (1)*

*ĐÀN chẳng ai nghe khéo dờ HÌNH (2)*

*LIỆU thế không xong BINH chẳng được (3)*

*LIÊM dành giữ tiếng LỄ dưng rinh (4)*

*CÔNG danh thời thế là hưu hỉ..! (5)*

*ĐẠI sự xin nhường lớp hậu sinh. (6)*

Nếu đề ý, bạn đọc sẽ nhận thấy trong bài thơ trên, trừ hai câu thơ đầu, mỗi câu đều có tên của một cụ Thượng-Thơ và tên của Bộ liên hệ.

**TƯ THÁN**

*Con tạo e khi cõng muồn đùa !*

*Khiến anh hào phải chịu cay chua :*

*Văn lùa quỷ đòi đi không nỗi,*

*Rượu đánh ma sầu mãi cứ thua.*

*Mỗi nợ đa tình vay chửa trả,*

*Tâm thân vô dụng bán ai mua ?*

*Của riêng còn có kho vô tận :*

*Tuyệt, nguyệt, phong, hoa dù bốn mùa.*

(1) Nguyễn-hữu-Bài, thượng-thơ Bộ Lại.

(2) Tân-thát-Đàn, thượng-thơ Bộ Hình.

(3) Phạm-Liệu, thượng-thơ Bộ Bình.

(4) Võ-Liem, thượng-thơ Bộ Lễ.

(5), (6) Vương-tứ-Đại; thượng-thơ Bộ Công.

*Người giàu săn bạc săn tiền,  
Ta giàu săn của tự nhiên giữa trời.  
Chớ nên cười lẩn ai ơi !  
Giàu ta, ta chuộng, giàu người, người ham.*

## TỰ TRÀO

*Có bệnh chi mà từ muôn diên !  
Chẳng tham quan tước chẳng tham tiền,  
Trăm khôn e mắc trăm đường mệt !  
Một đại là xong một chuyện phiền.  
Rắn rít góm ghè lòng độc địa,  
Rồng mây trôi kệ chuyện huyền thiên.  
Người đời cười từ là diên thật !  
Tớ lại cười ai giả thánh hiền.  
È khi từ thật là diên,  
Chẳng diên sao lại không tiền không quan.  
Nực cười cho khách trần-gian :  
Có tiền, tiền mọi, có quan, quan lớn.*

## CẨM TÁC

*Sấm sét, mưa dồn, cát bụi bay,  
Thanh-bình riêng một cõi Nam này.  
Non sông đất cũ vùng trăng mới,*

*Hoa cỏ trời xuân ngọt gió tây.  
Hót hót chim lồng gánh cá chậu,  
Nghênh ngang ngực cõi nhạo trâu cày.  
Bực mình muôn đánh tan cơn mộng,  
Một tinh mà mười vẫn cứ say.*

## CHÉN RƯỢU ĐÊM TRƯỜNG

*Suốt năm canh,  
Chuốc chén quỳnh.  
Tắc long lai láng một hố thanh.  
Ngửa lên sao Bắc-Đầu,  
Cúi xuống bờ Nam-Minh.  
Ngang tàng thân bảy thước,  
Man mác giữa cao xanh.  
Trời mông mênh !  
Đất mông mênh !  
Rút lại đều trong cõi hữu hình !  
Cơm mây kéo trên nóc ;  
Luồng gió thổi bên mành.  
Bốn bề người ngủ cả,  
Hơi đâu thức một mình.  
Sầu vạn cõi,*

Nợ ba sinh  
 Một chén tiêu tan khôi bát bình.  
 Núi cũng vô tình!  
 Sông cũng vô tình!  
 Núi sông như có biết...  
 Sao còn đeo mái giồng hôi tanh!  
 Gươm cũng không linh!  
 Bút cũng không linh!  
 Núi sông như có sức...  
 Loài gian lũ nịnh đã tan tanh!  
 Trước ta đó.. Ai là người trí thức?  
 Sau ta đây.. Ai là bậc tài danh?  
 Hãy cùng nhau dốc bầu nhiệt huyết,  
 Không lên cho thấu tột thiên-dinh.  
 Xé toang màn hắc-ám,  
 Mở toác cửa văn-minh.  
 Cho nhứt thiết chúng sinh trong thế giới,  
 Thoát vòng khổ ái, bước tới cõi bông-dinh.  
 Thị ta cũng:  
 Thay hồn Lý-Bach,  
 Cõi lết Lưu-Linh,

Sáng quách cả bình,  
 Thơm nức men nồng thôi chẳng kè,  
 Lạt phèo nước lã cũng là vinh.  
 Nhưng mà nay:  
 Người đương cơn thủy-mộng,  
 Đời gặp bước linh đinh.  
 Xem sau không hậu thuẫn,  
 Ngó trước thiếu tiền-trình.  
 Biết cùng ai mõ chiểu chuông sầm?  
 Buộc lòng ta phải chịu làm thính!  
 Thời thì thôi:  
 Tới đâu hay đó,  
 Tạm vội cho đành!  
 Lấy trăng làm bạn,  
 Mượn rơu làm bình.  
 Lẩn lóc giữa màn trời chiếu đất,  
 Đề phá tan mây lớp sầu thành.  
 Ngoảnh lại hõ dốc cạn,  
 Nghe qua gà gáy inh.  
 Èè Đông ác hùng bóng,  
 Non Tây thỏ ngậm vành.  
 Bóng con mắt dày ngó chung quanh;

Một luồng thán-khí lẩn hơi rượu,  
Bao phủ sông Hương núi Ngự-Bình.

•

## NGHE CÓC KÊU

(điệu sa-mạc)

Đêm hôm qua, bực mình ra dạo bờ ao.  
Trời thanh bẽ lặng, thoạt nghe con cóc kêu gào inh ỏi  
bên tai.  
Này cóc ơi !  
Mi kêu chí mà kêu mãi kêu hoài ?  
Kia trời cao thăm thăm, kêu biết mấy đời cho thấu tối  
tùng xanh ?  
Sao không xem ? Giữa bầu trời hết thay kiếp chúng sinh,  
Sông dày thác dọa, nào phải một mình cóc đó mà thôi.  
Khóc than chi thì sự cũng đã rồi !  
Hao hơi rất cò, cái kiếp cụt đuôi nó cũng lai hoàn.  
Hay là mi muốn vì hồn Tinh-vệ kêu oan,  
Sinh ra chỉ cái bứu đê xương tàn chìm giữa dòng khơi ?  
Trót ra công ngậm đá lấp đời đời,  
Mà nước sâu sóng că, chẳng thấy voi voi được chút đỉnh nǎo.  
Hay là mi muốn kêu cho thân trân ngựa cắn lao ?  
Miệng kèm cõi ách, chịu lao dao suốt cả mọi ngày.  
Đem thân ra cho người cõi người cày,

Mà roi trả giây buộc, nó đọa dày đến chết mới thôi.  
Hay là mi muốn kêu cho thân nhện mồ côi ?  
Xác gầy phận mõng, thật thương ôi cái nỗi sống còn.  
Dẫu vò vò nhận lấy làm con,  
Hoài công xây tồ, nào có tròn đâu được mà xây.  
Hay là mi muốn kêu phận trùn rế ngu ngây ?  
Nhao nhao nhúc nhúc, rõ một bầy vô giác vô tri.  
Tha hồ cho người ta dày đạp chí chí,  
Cong lưng mà chịu, trót một bẽ chẳng chút ngu ngơ.  
Cõi trần-gian còn chán vạn chuyện éo le.  
H, kêu van đã lắm, và cũng chẳng hề bớt được một hai.  
Này cóc ơi !  
Vẫn biết mi kêu cũng có tài.  
Đến tuần hạn hán, mi gào hoài trời cũng phải mưa.  
Nhưng mà nay, trông ra nước chảy qua bờ.  
Mi kêu sao cho nắng, thì ta cũng quyết chờ cho mẫn tiết  
mưa đông.  
Chỉ sợ e, ông trời kia chẳng chút chịu lòng,  
Cóc kêu mặc cóc, công việc ông thi ống cứ làm.  
Ngọn gió tây dẫu thời tới trời Nam,  
Mà hang cũng ngỏ hẻm cũng dành cam chịu phản thiệt thù.  
Này cóc ơi !  
Khuyên mi đừng học thói bài vôi

Dẫu thay hình đổi dạng, nó trắng rồi cũng trở lại đen.  
 Mời rồi đây, nghe mi kêu khóc huyền thiên,  
 Chắc tai long óc người ta đã muộn chêm cái miệng mi lại rồi  
 Nếu bây giờ mà mi chẳng khéo lựa lời,  
 Gặp cơn giông tố, thì cái đời mi cũng chẳng xong.  
 Kêu làm chi cho áo nǎo tǎm lòng.  
 Cúc kêu dưới giếng, nó nằm chong vân đẽ đợi thời.  
 Nin đi thôi, đừng còn kêu nữa cúc ơi !  
 Nầy nầy ! Vừng đông tang rạng, bóng mặt trời nó đã  
   muốn lên.  
 Cúc ơi ! Cúc chờ có phiền !

BÊN MÁY NƯỚC

Ngoài miếng ăn ra cái gì cẩn ?  
 Nước là sinh mệnh của nhân dân.  
 Một ngày không nước tất không sống,  
 Có lúc lại cẩn hơn miếng ăn.  
 Cách mươi lăm năm trở về trước,  
 Dân ta ít lo đến iệc vnước ;  
 Nhờ trời rơi xuống đất phun lên,  
 Miền cho có đủ dùng là được.  
 Đời văn-minh nước cũng văn-minh,  
 Cái thuật lấy nước ngày càng tinh !

Tự nhiên trong máy vụn vụt chảy,  
 Khiến người trông thấy phải dứt mình !  
 Cái phận thôn quê dành chịu cũ,  
 Nước mới dành cho dân thành phô.  
 Mỗi nhà nếu có một máy riêng,  
 Lấy đâu sinh có chuyện gây gổ ?  
 Èo le vì nỗi nước còn nghèo !  
 Trăm nhà chung một gánh tèo teo,  
 Khiến cho anh chị ra gánh nước,  
 Giành trước dành sau sớm đến chiều,  
 Người sau không chịu nhường người trước,  
 Quyết săn túi gần güt lấy được !  
 Nước là nước chung của mọi người,  
 Ai có quyền chi mà lấn lướt ?  
 « - Mày không biết ông chủ tao à ?  
 « Oai vang quyền thế hơn mọi nhà.  
 « Máy dám đánh tao đi nước trước,  
 « Tao về thưa chủ, quyết chẳng tha. »  
 « - Ông ! Ông chủ tao, ông chủ Tây,  
 « Oai quyền gấp mấy ông chủ mày !  
 « Máy này là máy ông Tây đặt,  
 « Nói thật cho mày mày biết tay. »

Một câu ở đâu vụt chạy lại,  
 Xem qua bộ dạng rất hăng hái,  
 Đầy quách hai đứa ra hai đường,  
 Tay thì vặn máy, miệng thì cãi.  
 « - Đồ khốn ! Khéo khoe chủ anh hùng !  
 « Cái thân nô lệ không thiện thùng !  
 « Tao đây dêch biết ai là chủ,  
 « Nước tao, tao gánh đè tao dùng. »  
 Đầu còn đánh nhau bằng lỗ miệng,  
 Hao hết cả hơi khan cả tiếng.  
 Nung gan ai chẳng chịu thua ai,  
 Kết cuộc gây ra cuộc huyết chiến !  
 Ba đứa đều rút đòn gánh ra,  
 Choảng thẳng vào đầu cả và ba,  
 Vừa đánh vừa la : nước ! nước ! nước !  
 Đứa sưng... đứa toát,.. đứa trầy da.  
 Thoạt đâu một bác phú-lit đến,  
 Tát tai, đá đít đủ mọi chuyện,  
 Rồi thì xách cõi cả ba thẳng,  
 Đem về nhốt bót luôn một chuyến.  
 Thương thay ! Thân phận ba đứa này,  
 Vì nước... dành nhau mà sinh rãy.

Nếu cả chúng bây biết nhẫn nhục,  
 Thay nhau gánh nước lại càng hay.  
 Rõ ràng lõi dai cả ba đứa.  
 Mình bị giam rồi nước đâu nữa ?  
 Cũng một nước này một kiếp này,  
 Sao không nhường nhau mà ăn ở ?  
 Miếng ăn dành nhau cái đã rồi !  
 Đến một miếng nước cũng không trôi.  
 Suy ra nước nhỏ... đến nước lớn,  
 Không trách gì đâm nhau, chém nhau  
 Mai chặng thôi !!!

oo

**ĐẠM - NGUYÊN**  
(1906)

Tiêu-sử : Ông Đạm-Nguyên sinh năm 1906 tại làng Yên-Đồ, quận Bình-Lục, tỉnh Hà-Nam (Bắc-Việt), con thứ cụ Phó-Bàng Nguyễn-cúc-Sơn và là cháu cụ Tam Nguyên Yên-Đồ Nguyễn-Khuyễn.

Đã biên soạn và xuất bản những sách có giá trị sau đây:

- Chính-đạo với tà-thuyết;
- Nợ bút, duyên văn ;
- Nkững cơn đau bè;
- Bà chúa Phú-Giầy ;
- Cơn khói lửa mối tơ lòng ;
- Thi ca bình giảng ;

Đã dịch :

- Tang thương ngẫu lục (do Bộ Quốc-Gia-Giáo-Dục  
xuất bản).

PHƯỜNG CHÈO

Rõ khéo anh trùm giờ giòi ra,  
Trò vè chi rặt những trò ma.  
Bánh bao xiêm áo coi màu mè,

Nhẵn nhụi râu mày đượm phấn hoa.  
Ấm ớ cũng nên danh Tướng Tá,  
Ngây thơ mà nỗi tiếng ông bà.  
Mưa Ấu, gió Ái đâu đâu mặc,  
Mùa mây quay cuồng thế mãi a !

**NHẮN XUÂN (1)**

Đầu đầy chờ xuân những thiết tha.  
Mong xuân tô điểm lại sơn-hà.  
Đất dai, xuân sớm hàn đói mảnh,  
Nam Bắc, Xuân mau hợp một nhà.  
Chờ cây Xuân quang còn chán vạn,  
Mà đem Xuân sắc dứt trăm hoa.  
Xuân này vi phỏng hơn Xuân trước,  
Ta chúc mừng Xuân mãi chẳng già.

**VỊNH CÁI GIẾNG**

(họa thơ Hồ-xuân-Hương)

Giếng này đâu phải của riêng ông ?  
Mà ngại chăm nom đê lạnh lùng !  
Nợ cảnh Bồng-Lai, chim vắng bóng,  
Kìa khe Thiên Tạo, nước chưa thông.

(1) Ấm chỉ Trần-thị-lệ-Xuân, vợ Ngô-dinh-Nhu, trong lúc đang là đệ-nhất phu-phân nắm nhiều quyền hành trong tay.

Rậm rì cỏ gấu quanh bến mép.

Thăm thăm hang trê suối dây đồng.

Trong dục nào ai ai dễ biết.

Khoi ra cho nước chảy ròng ròng.

### VỊNH CÁI QUẠT

(họa thơ Hồ-xuân-Hương)

Trong cơn nóng nực có ta đây,

Ưa chuông nên người phải mó tay.

To nhỏ vành ra ba cái góc,

Sâu nồng cầm chặt một cành cây.

Lá rơi cánh bướm, thu cùng hq.

Áp ủ lưng ong, tối lại ngày.

Rét đến tìm về ngay núi Thủ, (1)

Y, chu đắc chí đợi sau này. (2)

### MÙNG BÀ NGHỊ

Ai thế? khen ai thế cũng màu!

Đức tài ngang sảnh bạn mày râu.

(1) Nơi ống Bá-Di, Thác-Tè ở ăn đè chờ thời.

(2) Y-Chu là Y-Doãn, Chu-Công. Điền lầy ở câu thơ vịnh cái quạt của người xưa: « Uân long trùng trùng Y-Doãn chu Công: Đông hèn thê thê, Bá-Di Thác-Tè. » Nghĩa là mùa nóng thì đắc dụng như Y-Doãn chu-Công, mùa rét thì bị bỏ như Bá-Di Thác-Tè.

Ba chìm bảy nồi, hay chăng chờ,

Năm nắng mười mưa, quản ngại đâu.

Quốc-Hội chen chân vui với bạn.

Nghị-trường tỏ mặt kém chi nhau.

Một bầu tâm sự, tình non nước,

Hả có như ai chỉ gật đầu!

oOo

**ĐÔNG-XUYÊN**  
(1906)

**Tiểu-sử :** Sinh ngày 30-10-1906 tại làng Đông-Ngạc, Phủ Hoài-Đức, tỉnh Hà-Đông. Giồng dối nhà Nho. Tên thật là Nguyễn-gia-Tri.

Năm 1929, đỗ kỳ thi thư-ký Thương-chánh (Quan-thuế) và làm công-chức trong ngành này cho đến năm 1967 thì về hưu.

Từ năm 19 tuổi, đã bắt đầu làm thơ. Từ năm 1930, thơ đã đăng trên các tạp-chí : Nam-Phong, Phụ-Nữ Tân-Văn, Văn-Học tạp-san, Bách-Khoa, Sinh-Lực, Văn-Đàn, Phò-Thông, Văn-Hóa nguyệt-san, v.v...

**Đã xuất bản :** « Mây văn thơ » (1936) và « Thuyên thơ » (1958).

**SU-TỬ THÁNG TÁM**

*Tưởng rằng tài giỏi, tưởng rằng khôn,  
Ồ ! Cũng đỡ chơi lũ trẻ con !  
  
Quai miệng hóp tiễn, râu trắng rụng,  
Lao đầu cướp pháo, khói xanh hun.  
  
Thanh-danh mượn tiếng thằng khua trống,  
Hùng dũng nhờ oai bọn múa côn.  
  
Ấy thế mà vênh vênh cái mặt,  
Trung-thu hết Tết, liệu bay còn !*

1960

**NĂM « HỒ » VỊNH HỒ**

*Bắt chó, săn hươu, hại cả ngưới,  
Cái gì cũng nuốt sống, ăn tươi !  
Tham-tàn không kém loài sư-tử,  
Độc-ác còn hơn giỗng lợn-lồi.  
  
Nấp dưới cỏ cây cho kín tiếng,  
Sống trên xương máu lầy làm oai.  
Bộ da hôi hám dành chi mai ? (1)  
Tồ chuốc nghìn thu sự mỉa mai !*

1962

**MUỖI**

*Cũng đâu, cũng mắt, cánh, chân, vòi,  
Bay dọc, bay ngang buỗi tối trời !  
Ranh nước sanh ra tuy nhỏ bé,  
Máu người hút chẳng biết tanh hôi !  
  
Đã châm trè nít sưng da thịt,  
Lại dốt bà con ngừa dách-doti.  
Sắn quạt đêm trường ai thức giấc ?  
Bật đèn đập chết chúng đi thôi !*

1963

(1) Chữ Nho có câu : « Hù tử lưu bì, nhenh tử lưu danh » nghĩa là « cop chết đè dà, người ra chết đè tiếng ».

## CÁI DIỀU

Sướng có gì hơn kiếp cái diều?  
 Gió lên, vùng-vụt... nó lên theo...  
 Vo-ve sao trúc, trời nghe tiếng,  
 Lồng-thông giấy tờ, trẻ giật lèo.  
 Cánh giấy mà bay tài thế nhỉ!  
 Ngày hè chẳng biết nóng ra sao.  
 Diều ơi! Ta hỏi chơi diều nhé:  
 Thăm thăm trời xanh mây trượng cao?

1963

## SEN NHẬT-BẢN

Mặt hồ, mặt giếng nòi lênh-dênh,  
 Không biết từ đâu nó phát-sinh?  
 Như năm trời lên, hoa tim tim,  
 Từng bè kết lại, lá xanh xanh.  
 Thuyền, ngăn hẫu hết đường liên-lạc,  
 Sóng, chấn bao nhiêu đợt bất bình.  
 Sen Nhật, bèo Tây, âu cũng nó,  
 Đồi phên nước đục nó tung hoành.

1963

## TÌNH CẢHH HỒI CÚ

Từ bùa hồi cu rật nhũng lo,  
 Lo quanh lo quần, đách ra trò!

## ĐÔNG-XUYÊN

Việc xin mấy cửa, đơn còn xếp,  
 Vợ chưa bao giờ? bụng đã to!  
 Áo diện: anh Văn, anh Đỉnh biếu,  
 Cơm xài: chú Huệ, chú Doanh cho.  
 Mặt này đáng mặt hy-sinh chưa?  
 Lần-thần người ta hỏi Cụ Hồ!

1951

oo

## NGUYỄN - ĐÔN - DƯ

Tiêu sứ : Sinh ngày 15-1-1908 tại làng Thiê-lại-Thượng, huyện Hương-Trà, Tỉnh Thừa-Thiên. Biệt hiệu là Quỳ-Uu.

- Cựu công chức.
- Có chân trong « Hương-Bình Thi-Xã ».

### TRÒ SÂN KHẨU

Sân khấu, trường-đời chẳng khác đâu,  
Có anh múa nhảy, có anh chầu.  
Đỏ, đen khéo vẻ trò bôi mặt,  
Hay, dở nên xem lớp đạo đâu.  
Giả-dối Điều-Thuyền trao nắm tóc,  
Trên-trot Tào-Tháo hót chòm râu.  
Vua tôi, chẳng vợ, cha con dở,  
Hết nhỡn nhau rồi, lại đánh nhau !

### CHÁY NHÀ RA MẶT CHUỘT

Điếc khoét xura rày núp ở đâu?  
Cháy nhà thấy chuột chạy lao nhao.  
Đương oai bà Hỏa vừa lên mái,

## NGUYỄN - ĐÔN - DƯ

Khiếp via ông Thiêng vội ló đầu.  
Rường cột rá rời phơi mặt địa,  
Cổng chù quay quắt chồng hàm râu.  
Tai bay và gió đà ra rứa,  
Chinh nếp dòn vồ đã sạch lầu !

### VỊNH CÁI MỒ

Khoác áo vàng son rực rỡ màu,  
Cả hơi nhở thơ khéo đrowsing trau.  
Đã đem khúc mit làm nên miệng,  
Lại sắm dùi dâu đẽ gõ đầu.  
Tăm tiêng vang lừng đồi chốc đó,  
Ruột rà trống rồng có gì đâu.  
Nhặt khoan cảnh tinh người mê mộng,  
Lâm lúc nghe vui, lâm lúc sầu.

### VỊNH ANH THỢ CẠO

Đè đầu thiênh-hạ lấy tiền chơi,  
Khen khéo lanh tay cao gợt hoài.  
Dao mới buông ra liền nún kéo,  
Tóc vừa rìa sạch vội vanh tai.  
Vuốt ve cốt đẽ cho đầy túi,  
Tém-tüm còn khoe săn đặc-tài.

Mượn chút phẩn son loè loẹt chúng,  
Trẻ già cui cồ đè ra oai.

## VIÑH CON NỘM NAN

Dị doan truyền thuở chú Tàu sang,  
Lưu vết thắn-quyền cái nộm nan.  
Mặt vẽ mày râu trông nhẫn nhại,  
Sườn mang xiêm áo ngó xuê xoang.  
Tô son điểm phẩn chung hào dáng,  
Có óc không hồn khéo dở dang.  
Linh ứng nhờ hơi thay Pháp thời,  
Bày trò mê tín như dân-gian.

## GÀ ĐÁ NHAU

Con ngoài lồng, con trong lồng,  
Một mẹ mà ra, một sắc lồng.  
Có sự vì đâu nên đến nỗi.  
Phùng mang, trọn mắt đá lung tung.  
Phùng mang, trọn mắt đá lung tung.  
Bởi mặt sao không hề thẹn lòng?  
Nói giông tiêu mòn nào có biết!  
Tình chung máu mù hóa thù chung.  
Tình chung máu mù hóa thù chung,  
Ta bảo gà ơi! phải xét cùng:

Kìa lũ bạch-miêu ngồi đợi đó,  
Nhài xương cá cặp chờ tranh hùng.

## THĂM CỤ THÈ-NGÔ ĐAU MẮT

(cảm tác)

Vầy cá chưa lành, mỉ lại công,  
Xốn xang nhứt nhối cả đôi tròng.  
Đỏ mong đỏ quách nhưng không đỏ,  
Trong muôn trong hoài cũng chẳng trong!  
Mồ xé thêm thương tình cốt nhục,  
Bit bụng nào thấy dạng non sông.  
Thuộc Tây diêm mãi càng nô nhục,  
Thuộc Mỹ đòn hay Cụ thử dùng.

1954

« Năm cụ Thè-Ngô đau mắt, chính là năm nước nhà bị chia đôi. Lần ranh Bến-Hải ghi đậm vào địa dư và lịch-sử một nét đau thương. Bài thơ này nhiều ý ngoại. « Lời chú của tác-giả). »

## THĂM CỤ THÈ-NGÔ LÀNH MỘT CON MẮT

(cảm tác)

Trái thì đỏ nọc, phải thì trong;  
Hai mắt hai màu cụ xốn không?  
Mờ tỏ cùng chung trên một mắt,  
Lành đau riêng biệt giữa đôi tròng.

Mi kia bit lại e bầm tim,  
 Người nợ bày ra sợ hóa hổng.  
 Thuốc Mỹ, thuốc Tây dùng đủ thuốc,  
 Thuốc dùng non sức hãy còn công.

1954

## VỊNH CÁI BẬT LỬA CÙ

Lẹt xẹt hối lâu lửa chẳng ra,  
 Ngán thay cái quẹt của ông già!  
 Con cò chắc đã mòn khu ốc,  
 Viên đá e khi hỏng ruột gà.  
 Đè xuống kéo lên thêm lồng trực,  
 Bầm qua bóp lại muỗn trầy da.  
 Dầu đà xì bậy, tim đà uốt,  
 Toan vất nhung mà có kẻ la!

oo

HƯƠNG - THỦY  
(1911)

**Tiểu-sử :** Sinh năm 1911 tại làng Nguyệt-Biều, Huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên.

- Tác-giả — Tuyển tập « Hương-Bình Thi-Phẩm (cuốn I - 1962).  
 — Tuyển tập Hương-Bình Thi-Phẩm (cuốn II chưa xuất bản).  
 — Thi Ca Châm-biếm và Trào-lộng Việt-Nam (1969).  
 — Mấy điều tơ lòng (Thơ — chưa xuất bản)

## VỊNH LÃO TƯỚNG QUẦN-VỢT

(Honni soit qui mal y pense)

I

Càng già càng dẻo lại càng dai,  
 Lão tướng ra quần chẳng kém trai.  
 Đầu mẩy hiệp liền không đuôi sức,  
 Tranh ba ngày tiếp chửa mòn hơi.  
 Khi mau, khi chậm, khi mơn ngắn,  
 Lúc xuống, lúc lên lúe thọc dài.  
 Gác lại gác qua phô đủ kiều,  
 Mòn lồng banh nỉ lão còn chơi.

## II

Mòn lồng banh nỉ lão cὸn chơi,  
 Cân sức cho nên chẳng dám lui :  
 Chỗng đỡ gay go trào bọt mép,  
 Cò cưa dai dẳng toát mồ hôi.  
 Choi trưa chua phỉ cὸn chơi tối,  
 Đánh chiếc xong rồi lại đánh đỗi.  
 Phút chốc mưa đâu tuông xối xả,  
 Cuộc vui hào hứng tạm ngưng rồi.

## III

Cuộc vui hào hứng tạm ngưng rồi,  
 Chốc nữa lau khô lão lại chơi ;  
 Biều diễn sân quen hay đáo đẽ,  
 Nắn dỗi banh mới suróng mê tori.  
 Người trên ập xuống phèu phào thở,  
 Ké dưới nâng lên khúc khích cười.  
 Đối thủ gặp nhau mùa nắng cực,  
 Quần lầu thắm mệt ngả lăn nhoài.

x960

## TÂM BIỀN HỒ (Pleiku)

Cao hứng đưa nhau tới Biền-Hồ,  
 Đề chừng néo cũ bước lăn vỡ :

## HƯƠNG THỦY

Hồ xuân nép dưới hai bồng đảo,  
 Cỏ rậm đơm quanh một nấm gò.  
 Muôn tắm nước trong : tìm thú lợ,  
 Còn e đáy hầm : cảm sào dò.  
 Cạn sân rày đã nhường thông lối,  
 Hụp xuồng, nhoi lên suróng thấy mồ !

1969

## NÚI NGỰ-BÌNH (1)

Núi Ngự khen ai nắn một hòn,  
 Trèo lên trên đỉnh đứng chon von :  
 Trọng sau thoai thoái hình như méo (2)  
 Ngó trước thuông thuông dáng vẫn tròn.  
 Tôi xuống lắng nghe dòng suối chảy,  
 Sáng lên vời ngắm đám mây dồn.  
 Cỏ cây mây bộ dù xơ xác,  
 Vượng khi ngàn năm cũng vẫn còn.

## ĐẦU NĂM XEM HÁT BỘI

Sao bồn tuồng xưa cùi diễn hoài ?  
 Diễn đi diễn lại quá nhảm tai !

(1) Người ta nói rằng hình đất Núi Ngự-Bình hao hao giống như bộ phận sinh dục của phụ-nữ; nên người dân xứ Huế rất đa tình.

(2) Do cầu hồ Huế; « Núi Ngự-Bình trước tròn sau méo, sông An-Cửu nẩy đặc mực trong, hai ta như chỉ lõn vông, xe chở hàng mải trong lòng ngai nghỉ ».

Đỏ đen lui tới chừng dăm mặt,  
Trung nịnh ra vào vẫn mẩy vai.  
Trống gióng chiêng khua nghe đã rộn,  
Đào già kép dở ngó càng gai.  
Thôi vể đi ngủ chờ ban khác,  
Trót dạitoi tiễn biết hỏi ai ?

1959

## NON NƯỚC

Non vẫn còn đây Nước vẫn đây !  
Có sao Non Nước hận voi đây ?  
Triều dâng Bến-Hải ngăn bờ cõi,  
Lửa dâng Hoành-Sơn loạn cõi cây !  
Rú động, tiểu-phu còn àn mặt,  
Sóng xang, ngư-phủ chừa ra tay.  
Sài-lang, kinh ngạc dù thao túng,  
Mắc lưới, vuông tên hân có ngày !

1964

## TRỞ VỀ CỐ-ĐÔ HUẾ

Mười năm trở lại chốn Thành-đô,  
Đạo cảnh mong tìm kỷ-niệm xưa :  
Núi Ngự còn tro ông Phồng đá, (1)

(1) Sau biến-cố năm 1945, núi Ngự-Bình bị chặt hết cây cối, chỉ còn tro mà thôi. Ý nói ở Huế, bây giờ chỉ còn tro lại bù-nhin.

Sông Hương đà khác chí đồ đưa (1)  
Cẩm-Thành ngai trống hồn ma hiện, (2)  
Biệt-Diện lầu không bóng nguyệt mờ.  
Cuộc thế hưng vong là thế thế,  
Tình này cảnh ấy dễ buôn chửa ?

1953

BIỆT HÀN-GIANG (Đà-Nẵng)  
Ra đi trong dạ những bài ngùi.  
Ly biệt nhìn nhau cõi gượng vui.  
Hiện-tại đã buôn cơn lửa cháy, (3)  
Tương lai còn ngại cảnh dầu sôi. (4)  
Đã không cuỗi hạ chờ tin én,  
Thì chẳng đâu thu đợi bóng mai.  
Trong Bến Hàn-Giang đau chuyện cũ,  
Biết đem tâm-sự ngó cùng ai ?

1964

## RÁC ĐÔ THÀNH

(lời của một người phu hốt rác sở Vệ-Sinh)

Rác rến sao mà lắm vây ôi ?  
Hốt hoài hốt mãi vẫn không vơi !

(1) Ý nói : Người lèo lái con thuyền quốc-gia đã bị thay thế.  
(2) Ý nói : Vua đã đi rồi, những người lên thay vua không ra gì.  
(3) Vụ hai làng Thành-Bồ và Đức-Lợi bị đốt ở Đà-Nẵng.  
(4) Vụ các sư sãi tự thiêu bỗng dầu xang.

Lặng xanh dựa thế tha hõ bám,  
 Chuột cống xu thời mặc sức xơi.  
 Ăn bẩn muỗi mòng đâu biết lợm,  
 Rúc bùn giòi bọ quắn gì hôi.  
 Một mai Sở Rác canh tân lại,  
 Quét sạch Thành Đô lũ nhặng ruồi !

1965

## LÀM THƠ BỊ KIỆN

Vào khoảng cuối năm 1961, nhân dịp đại-hội của một cơ-quan nọ, thi-sĩ Hương-Thúy đã cao hứng chọn những danh-từ dùng trong hội-nghị ghép lại thành bài thơ trào-lộng sau đây :

## ÂM THĂM

Nam nữ nhân-viên Sở Điện-Cơ,  
 Âm thầm làm việc lặng như tờ.  
 Đôi bên cởi mở cùng chung sức,  
 Kết quả rồi ra sẽ thăng-dư.

Sau khi bài thơ trên được đăng vào nguyệt-san của cơ-quan, mấy cô nữ-nhân-viên Sở Điện-Cơ Kế-Toán bèn hè nhau làm đơn đệ-lên vị Trưởng cơ-quan thưa thi-sĩ Hương-Thúy về tội « xuyên-tẠC » các cờ. Kết-quả, thi-sĩ được cấp trên miễn-nghị. Tuy vậy, thi-sĩ cho rằng mình đã bị thưa túc là có tội, nên đã làm tiếp bài thơ sau đây để « tạ tội » với các người dẹp đòi trừng-trị mình :

## NỘP MÌNH CHỊU TỘI

Làm thơ bị kiện tính sao đây?  
 Lạy cũng không tha thế mới rầy!  
 Thời nộp thân già cho các cờ,  
 Luân phiên hành hạ suốt đêm ngày!

oOo

**ĐỒ - PHÒN**  
(1912 — ?)

**Tiểu-sử:** Tên thật là Bùi-huy-Phòn, sinh năm 1912 ở xã Mai-Đinh, huyện Úng-Hòa, tỉnh Hà-Đông.

Trong thời-gian theo học ở trường trung-học tư-thục Gia-Long ở Hà-Nội, đã làm thơ châm biếm đăng trên các báo « Đông-Tây », « Ngọ-Báo », « Đông-Pháp »... dưới những bút danh « Cười-suông », « Việt-Lệ », « Bùi-như-Lạc ».

Năm 1934, sau khi học xong chương-trình trung-học, Đồ-Phòn bắt đầu sống bằng nghề viết văn chuyên nghiệp. Ông làm thơ, viết tiểu-thuyết phỏng-sự và bình luận cho các báo do ông chủ-trương hoặc do người khác chủ-trương.

Đồ-Phòn là một nhà văn trào phúng. Ông đã sáng tác : « Lá-huyết thư » (tiểu thuyết dã-sử), « Một chuỗi cười » (tiểu thuyết), « Khao » (tiểu thuyết), « Tình quân ngù » (truyện ngắn), « Tay người đàn bà » (kịch), « Bia miệng » (thơ).



**TỰ GIỚI THIỆU**

Ở đất Hà-Đông, tôi : khóa hủ,  
Con cha, cháu ông, chắt bà cụ.  
Hán-văn chưa bén cửa tam trường,  
Quốc-học biết mẫn văn bát cù,  
Nghĩ phần nhân tài bị nước quên,

**ĐỒ - PHÒN**

Quyết về dật sĩ cho đời đồ.

Chẳng may gặp buổi tối ăn nấy,

Đầu gối bắt bò ra bán chữ.

1936

**CHÚC ỐNG**

Lạch tách ! Đùng đùng ! Lạch tách đùng !

Xuân về rồi đó có vui không ?

Vìра pha được ấm chè tam-hỷ,

Họ đã đưa nhau đến ám ống !

Không ! Họ đưa nhau đến chúc ống,

Chúc ống ống bớt thói kêu ngông,

Chúc ống ống nè lời xiên xõ,

Năm mới năm me họ khôi... rồng.

Họ chúc cho ông được phát giàu,

Hoa xòe, bạc giấy chất nhà sau.

Ông mừng, nhưng chỉ lo riêng nỗi :

Phúc đức ba đời cắt đẽ đâu ?

Họ chúc cho ông được hiền vinh.

Hiền như-ông Võ, vinh như Quỳnh, (1)

Ông mừng, song chỉ lo riêng nỗi :

Chẳng biết cha ông có thỏa linh.

(1) Trước « Võ-Hiền » của Hoàng-trọng-Phu. Quỳnh là Phạm-Quỳnh.

## THI CA CHÂM BIẾM và TRÀO LỘNG V.N

Họ chúc nho ông được sống dai,  
Sống dai như đỉa dưới nương khoai.  
Nhưng thằng khố rách rày khan máu,  
Ông bám vào ai? Đề hút ai?  
  
Họ chúc cho ông được làm con  
Thằng cu cái đỉ đẻ xòn xòn.  
Ông mừng, song chỉ lo riêng nỗi:  
Khô đò, lầu xanh, chỗ có còn?  
  
Họ chúc cho ông được tốt tay.  
Nuôi trâu không chết, lợn không giây.  
Ông mừng, song chỉ lo riêng nỗi:  
Trâu lợn quanh ông sống đã đầy!  
  
Họ còn toan chúc nữa chưa thôi.  
Năm mới mà sao đã làm lời?  
Kẻ nói có người nghe mới phải:  
— Cái ngài xoi nước, đến phiên tôi.

1939

## PHIAM-LÊ-BỒNG BÀ... OÁN

(nhại Tân Cung Oán)

Trải một khoá như ngòi pháo tắt,  
Tủ cõp-pho lạnh ngắt hơi đông.  
Ngán thay bọn nghị cùu lồng.

## ĐỖ PHÒN

Bơm chi bạc vạn vào túi này.  
Vận đã thấy sao rày lại xúi?  
Gầm chồng con giờ giải sao đang?  
Tranh chuông vào Viện lắc vang  
Như thằng bán kèo thêm thương nỗi mình!  
Nhó từ thuở thân hình chưa béo,  
Về trượng-phu mặt tréo ngón tay,  
Bán buôn kè một gái này.  
Gầm hàng lam mặc thêm ngày ung dung.  
Ngày hai bùa đậm lông rừng mờ,  
Bảo Tây, Nam nó mở tung hoành,  
Tiếng rao qua phố hàng Mành,  
Chị em cũng phải tắt tình mây mưa!  
Ngồi đây Viện mắt lờ dờ thận,  
Lắc chuông kẽm tay lớn rón run!  
Về nhà nạt vợ lèo con,  
Gái già bờ via, trẻ con giật mình!

1939

## CÁI MỀ-ĐAY

Mày ở nơi nào đến nước ông?  
Phong hàm tặng trước đã lung tung!  
Nét son, khoái kè đeo đầu lộn,

*Cuồng tía, trêu người ghé mắt trông.  
Lão khom rùng Thanh ra thú tội,  
Tên Nùng xú Lạng xuống tầng công.  
Còn ông với đệ... mươi thằng nữa  
Chửi đồng quen mõm, ngực trông không.*

1936

## MẮT LỒM

(Tặng T.T. nhóm Hân-Thuyên)

*Bao năm xe cát đắp nén bờ,  
Đảo hải, di sơn chí những chờ!  
Lại tháng bò già xơi ngọt xót,  
Cơm ngày cậu cả sống ngon o.  
Đại danh đại nghĩa cậu tầm phất,  
Duy vật duy tâm chuyện bô vờ.  
Cái giá thằng ông, a! cũng đất,  
Không dung dẽ được chúng đầu cơ!*

1944

## CHIỀU-HỒN CÁC NHÀ BÁO... HẠI

*Năm băm bảy, hăm hai, tháng sáu,  
Ta lòng thành bát cháo năm cơm.  
Hời ơi chúng đãng cô hồn,  
Đông, Tây, Nam, Bắc có khôn thì về!*

*Hoặc những kẻ theo phe mâu quốc,  
Kết đèn người trót buộc tay vồ,  
Nay hồn đã được ấm no.  
Trông cờ ngôn luận tự do hồn về!  
Hoặc những kẻ theo phe mật thám,  
Bán mình cho ông Cầm Ác-Nu,  
Nay hồn đã được ấm no  
Trông cờ ngôn luận tự do hồn về!*

*Hoặc những kẻ theo phe phát-xít,  
Nặng lời thề trọn kiếp bộc nô.  
Nay hồn đã được ấm no  
Trông cờ ngôn luận tự do hồn về!  
Hoặc những kẻ chuyên nghề buôn bán,  
Món hàng văn nhất bản vạn lời,  
Nghịệp đoàn cảm thấy khó chơi,  
Đề khi bóc lột mới chơi tưng thảng.*

*Hoặc những kẻ tài sorse thiện,  
Nhờ báo chương vinh hiển toàn gia,  
Chuyên môn dõi trẻ lừa già,  
Tự do ngôn luận có mà thác non!*

Ôi hối chúng cô hồn kia hối !  
 Kiếp người xưa đã lỗi đường tu,  
 Bảo nhau liệu kiềm bè từ,  
 Cải tà quy chánh đợi giờ hối sinh.  
  
 Nay áo mă, vàng dinh dăm mó,  
 Nay bồng rang, chuỗi ngự vài tai.  
 Hối oi những kẻ lạc loài !  
 Đông, Tây, Nam, Bắc vể đồi tự do.

1937

TƯỞNG NHỚ CỤ THỐNG-SỨ TÔ-LĂNG-XƠ  
 (Nhại thơ Nguyễn-Khuyễn khóc Dương-Khuê)

Cụ Tô thôi đã hưu rồi,  
 Tây, Nam xa cách thỏa đời làng văn.  
 Nhớ chính-sách thực dân ngày nọ,  
 Văn cản rǎng tôi cụ cùng nhau  
 khắc xung từ trước tối sau,  
 Coi duyên văn tự khác đâu duyên thù.  
 Cũng có lúc bối tủa kiềm duyệt,  
 Tiếng nói nǎng bóp nghẹt hơn xưa.  
 Cố khi mượn cờ vu vơ,  
 Rút chơi giấy phép mươi tờ báo chương.  
 Cũng có lúc triệt đường kính-té,

## ĐO PHÒN

Cầm người mua cho ẽ chết dần.  
 Có khi lục lợi câu văn,  
 Lôi ra pháp luật để hăm dọa tù.  
 Bàn tay sắt bao giờ thoát nạn ?  
 Quyển tự-do đã khán cồ đài.  
 May mà cụ bỗng già rồi,  
 Lệnh trên cho phép vče người cái nhà.  
 Những thay bọn quan nha lớn nhỏ,  
 Trải năm nǎm ơn cụ muôn phần,  
 Kéo co chè chén xa gần,  
 Sụt sùi chút nghĩa tử thần bơ vơ.  
 Dân làng báo cũng nhờ lượng cụ,  
 Cũng lo toan báo... bồ có ngày,  
 Không ngờ cụ tốt vže ngay,  
 Được tin ai nấy múa tay lên giờ !  
 Ủr cụ sớm lựa thời là phải,  
 Nhưng chờ chi nay mới cuốn xiêm ?  
 Sâm banh muôn thết sớm hiền,  
 Không mua vì kiết không tiền không mua.  
 Câu thơ tiễn những do dự viết,  
 Viết đưa ai ai thiết mà đưa ?

## THỰC DÂN PHÁP

*Bay cậy rắng bay mạnh lẩn khôn,  
Lưng không quản mỗi gối không chôn.  
Tử cường lão dèo theo sau đít,  
Thuộc địa lăm le ngừa săn mồi.  
Đức tới thay trò khom cật đón,  
Mỹ vào thê thiếp xúm mồi hôn.  
Nhà bay chật đất nhiều mồ hôi,  
Nên đến nơi nãy kiêm lỗ chôn !*

1947

CÂU ĐỐI KHÓC VŨ-TRỌNG-PHỤNG  
(bằng dân dề tiêu-thuyết của Vũ Trọng Phụng)

« CẠM BẦY NGƯỜI » tạo-hóa khéo cẩn chi ? Qua  
« GIÔNG-TỐ » tưởng thêm « SỐ ĐỎ ».  
« SỐ ĐỘC ĐÁC » văn-chương vừa trúng thẻ, nỡ « DỨT  
TÌNH » « KHÔNG MỘT TIẾNG VANG ! »

## CÂU ĐỐI DÁN NHÀ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Trái bốn đời cắt cổ nhân dân, phong-kiến lừng danh  
Thống Diêm.  
Từng ba chuyến liếm giày đế-quốc, bù nhìn nhẫn mặt  
trùm Ngô.

oOo

## THỰC DÂN PHÁP

PHAN-MINH-PHỦ  
(1913)

**Tiểu-sử :** Sinh năm 1913 tại làng Thanh-Lương, quận Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên, do đó đã lấy biệt-hiệu là « Thanh-Hương ». Cháu của Thượng-tân-Thị tức là Phan-quốc-Quang, tác-giả mười bài thơ nổi tiếng « Khuê-Phụ-Thán ».

Hiện phục-vụ trong ngành Tư-Pháp tại một tỉnh miền Cao-nghuyên Trung-Việt.

## CÔNG CHỨC TỰ-TRÀO

*Không tu cũng phải ráng ăn chay :  
Sáng muối chiều dưa lót dạ dày.  
Cá thịt è hể dành nganh mặt,  
Lương tiễn ít ỏi dám mò tay !  
Hàng rao điếc óc không buồn gọi,  
Quần rách lồi tròn chẳng muốn may.  
Đau ruột nay không cần đến thuốc,  
Xơi rau suốt tháng tư lành ngay !*

## ĐIỆN LU

*Ai cũng than phiền ánh điện lu !  
U u ám ám tợ mây mù.*

Đêm xuân sao nhuộm màu thu đậm ?  
 Lòng đã u buồn, điện cũng u !

VỊNH MỘT TỜ BÁO... HẠI

Chỉ đáng vòi đè độn lò,  
 Câu dây móc đó đọc buồn xo !

Phao đi đồn lại nhiều tin quấy,  
 Vùi lòn chôn lầm lầm hậm to.

Bịa cảnh canh khuya cô tú đợi,  
 Bày trò đêm tối linh đồn lo.

Hãy xem đạo Dụ ghi điều luật,  
 Đồn lạc tin sai phạt mấy bờ !

oo

### CAO-XUÂN-ĐẰNG (1920)

Tiểu-sử : Sinh năm 1920 tại làng Thịnh-Mỹ, phủ Diễn-Châu, tỉnh Nghệ-An.

Cựu công-chức.

### HÁT BỘI

Ba hồi trong đồ, tiếng hô ran,  
 Áo mõ lõ nhõ, kéo một đàn.  
 Vương-tướng mấy vai : thừa sự-nghiệp,  
 Triều-định một góc : dù giang-san.  
 Tuy không thi-cử, không suu-thuế,  
 Mà cũng cân-dai, cũng lọng-tàn.  
 Làm cái trò chơi thiên-hạ ngó,  
 Hỏi rằng chi đó ? Bội Tràng-An!

Ai cũng có thể đoán ra rằng với bài thơ « Hát Bội » trên đây, tác-giả muốn ám-chỉ vua quan Triều-Định Huế dưới thời Pháp thuộc. Hai chữ « Tràng-An » ở câu kết chẳng nói rõ lên đều đó là gì ? Đại ý của bài thơ : Triều-Định Huế chỉ là một trò tuồng hát bội, đóng vai một bù-nhin đẽ làm trò cho thiên-hạ xem. Tại sao lại là Triều-Định Huế dưới thời Pháp thuộc ? Điểm này được gọi ra một cách khéo léo trong hai câu thơ thứ 5 và thứ 6 : Dưới thời Pháp

thuộc, việc thi-cử Hán-học để tuyển c c bậc khoá-giáp đã bãi bỏ (vì đã được thay thế bằng thi-cử Tây-học do Pháp chủ-trương) và việc thu thuế cũng do các cơ-quan Bảo-hộ phụ-trách, thế mà trong Triều-dinh Huế, vua quan vẫn có cân-đai và lọng-tàn.

Nghệ-thuật ám-dụ đã được tác-giả vận-dụng một cách tài tình : trong bài thơ, chỉ nói đến hát-bội mà thôi, nhưng ai cũng hiểu là tác-giả muốn nói đến Triều đình Huế dưới thời Pháp thhọc. Cái hay của bài thơ là ở chỗ đó.

oOo

### TÚ QUỲ túc HUỲNH-QUỲ

Tiểu-sử : Người làng Giảng-Hòa, quận Đại-Lộc, tỉnh Quảng-Nam. Không biết sinh vào năm nào. Đỗ tú-tài Hán-học cho nên thường được gọi là Tú-Quỳ. Sẵn tỏ ra có nhiều năng khiếu về quốc-văn. Có tài xuất khau thành thơ. Đã đề lại tác-phẩm đủ loại: thơ lường, thơ lục-bát, ca-trù, liễn, đối v.v. loại nào cũng xuất sắc, có pòng khi thì trào-phúng dí-dỏm, khi thì trang nghiêm chứng-chắc, có lúc ngũ-ý, có lúc trữ-tinh, muôn màu muôn sắc.

### HÁT BỘI

*Nhỏ mà không học lớn làm ngang,  
Trổng đánh ba hồi đã thấy quan.  
Ra rạp, ngồi trên ba đứa hiệu,  
Vô buồng, đứng trước mẩy ông làng.  
Mượn màu son phấn, ông kia nọ,  
Cởi lột cân đai, chú diếm đàng.  
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng :  
Đã từng trợn mắt lại phồng mang.*

Ngoài ra, còn truyền tụng câu đối sau đây ông làm để châm biếm Tông-Đốc Trần-bá-Lộc (người Nam) đã giúp Pháp rất đắc lực trong việc đánh dẹp phong-trào Cần-Vương ở Nam-Phần và Nam-Trung-Phần :

« Tả Quân quốc ư Lưỡng-Kỳ, Nam tảo Bắc trừ thứ nhát  
niêu hùng nan dụng võ;  
Bảo lê dân ư Ngũ-Hiệp, tử quy sanh ký triêm chiêu chấp  
phát hận võ văn».

Nghĩa là :

Không phải là quan võ mà cũng đánh Nam dẹp Bắc ở  
hai kỳ;

Không phải là quan văn mà cũng cai-trị được dân Ngũ-Hiệp.

Có một người chột mắt khuyên ông ra làm quan, ông đọc ngay  
hai câu thơ :

*Đề binh khiền tướng thiếu chí người,  
Nhắm lại anh hùng có một người!*

oo

**BA-GIAI**  
Tiểu-sử : Tức là Nguyễn-văn-Giai, một nhà thơ trào  
lộng sống vào khoảng cuối đời vua Tự-Đức.

Người làng Hồ-Khầu, huyện Vĩnh-Thuận, tỉnh Hà-Nội (nay  
là Hoàn-Long, tỉnh Hà-Đông). Từ nhỏ đã nổi tiếng thông-minh học  
giỏi, nhưng gặp thời loạn lạc, ông không thích khoa cử chỉ sống một  
cuộc đời phóng túng, lãng mạn.

Có tài thơ nôm, nổi tiếng về sự trêu cợt, ngạo mạn, nên người  
đương thời đã có câu « Thứ nhất Ba-Giai, thứ hai Tú-Xuất ».

Tác giả bài « Hà-Thành thất-thủ chính khí ca ».

•

Dưới triều Tự Đức, khi quân Pháp đến đánh thành Hà  
Nội, quan án-sát chạy trốn, quan đế-đốc cũng bỏ chạy nốt,  
nên Ba-Giai mới có bài thơ trào phúng sau đây :

### DIỄU QUAN ĐỀ

*Nhắc câu Thái-Linh với hồng mao,  
Chỉ khi quan Đề kháng khái sao,  
Thắt cổ chân lê buông xuồng đắt,  
Trầm mình đầu ngọc nghèn lên cao,  
Sờ lưng thuốc độc rơi đâu mất,  
Lấy hốt làm gươm thích chẳng vào.*

Tú bắt túr rồi, ngờ ngần mãi,  
Hồi thăm quan án chạy nơi nào ?

### HÀ THÀNH HIẾU VỌNG

Bốn bên hàng phố tiếng xôn xao,  
Giờ đây mà xem những thế nào.  
Lục sở bày trò trong rạp rối,  
Tam tài cờ cắm ngọn thành cao.  
Giầy tàu bịt gót, Ngô đi bääi,  
Váy linh phơi trôn, đí rùa hào.  
Nhuôm, vện, khuênh, vãi, võ sõ chó,  
Ra tuồng đặc ý chạy nhồn nhao.

### CHÈ GÁI LẤY CHỒNG GIÀ

Tội chi hơn tội lấy chồng già !  
Duyên nợ mõ mà mãi thế a ?  
Ngán nỗi trăng tà lồng bóng liễu,  
Buồn tinh ong quyền rút bong hoa.  
Thường thường tuy có mà không mãi,  
Thoáng thoảng nên chẳng mới họa là.  
Đầu bạc tóc xanh dang dở quá,  
Ra đường ai biết bạn hay cha !

oOo

### HỒ-BIẾU-CHÁNH

**Tiểu-sử :** Tên thật là Hồ-văn-Trung, tự là Hồ-biều-Chánh.  
Làm quan lên đến chức Đốc-phủ-sứ.

Nhà văn cận đại ở miền Nam rất được đám bình-dânưa chuộng. Tác-giả những tập tiểu-thuyết :

- Cay đắng mùi đời,
- Cha con nghĩa nặng,
- Khóc thăm,
- Con nhà giàu, v.v...

•

Làm quan rất thanh-bạch, có tánh cương-trực, không chịu triệt để tuân theo mệnh lệnh của cấp trên, nhất là những mệnh lệnh có hại cho dân cho nước, nên khi ông làm chủ-quận tại một tỉnh nọ ở miền Nam, viễn công-sứ địa-phương tim cách trừng-trị ông và đòi ông đi nơi khác. Do đó, ông bị thuyên-chuyển về thủ-đô Saigon.

Chẳng những ông không buồn vì sự bất công ấy, mà ông còn lấy làm mừng là khác. Nhơn dịp ấy, ông cảm hứng làm bài thơ hài hước sau đây còn truyền tụng cho đến bây giờ :

### HỐI KINH

Tám năm chủ-quận phản vuông tròn,  
May được hồi kinh hết cui lòn.  
Công-nghiệp dựng gầy nay kiêm lại ;  
Mấy pho tiểu-thuyết, một bầy con !

oOo

**NGUYỄN-VĂN-TRỊ**  
 (Tướng và phò-mã triều Tây-Sơn)

VỊNH CÁI MIỀNG SÀNH

Sa cơ một phút hóa tan tành,  
 Thiên-hạ đều kêu cái miệng sành.  
 Sắc lém như gươm người gorm mặt,  
 Rán sao ra mõi chúng hay danh.  
 Ghe phen sắp cật nằm trên cát,  
 Có thuở làm chông đứng vách thành.  
 Chuông khánh dù không ai dám sánh,  
 Gõ chơi cũng có tiếng canh canh.

Trên đây là bài thơ khâu khí « Tuyệt mạug » của tướng và phò-mã Tây-Sơn Nguyễn-văn-Trị, mượn cái miệng sành để ký thác chí-kí của đảng trưởng-phu sa vào tay kẻ thù (chúa Nguyễn).

oo

**PHẠM-NHƯ-XƯƠNG**

Tiểu-sử : Chưa biết rõ.

Lúc Cụ Phạm-như-Xương làm đốc-học ở tỉnh Quảng-Trị, thì ông Đồng-sĩ-Vui làm tuần-vũ và ông Thân-trọng-Điềm làm án-sát ở tỉnh này. Nhơn dịp ông Án-Điềm đi tỉnh khác, các quan lại trong tỉnh đặt tiệc tiễn hành. Giữa tiệc, hai ông án-sát và tuần-vũ cãi cọ nhau kịch liệt vì có sự xích-mích từ trước. Cụ Phạm-như-Xương, vốn không tra cả hai ông, bèn nhơn dịp này làm một bài thơ châm biếm cả hai :

**PHÚC ĐẮC**

\* Lươn ngắn mà chê lệch dài,  
 Lờn bơm méo miệng chê cá chai dẹp đầu. \*

Khéo khéo cưởi nhau chuyện dở hay.  
 So đo cho lầm đó như đây,  
 Cũng đều gang tấc chui bùn lấm,  
 Trưởng đã tròn vuông nở mặt mà.  
 Được nước khoe mình ngang với dọc,  
 Nhờ mưa mửa mép mỏng hơn dày.  
 Rời ra lèn cạn dor vi vây,  
 Hành muối tra vô sướng cả bầy.

Nhờ tài làm thơ, Cụ bắt nhân tình với công-chúa Phú-Lê (góa chồng) cũng là một nhà thơ có danh tiếng. Khi nghe phong phanh công-chúa có người yêu mới, Cụ gởi Công-chúa bài thơ sau đây theo lối « song thanh điệp vận » :

### GỬI CÔNG CHÚA PHÚ-LÊ

Biu riu-đương thương chờ nỡ lìa,  
Trong lòng bồ rợ khó bề kia.  
Người đời rời nỗi không đồng mồng,  
Miệng tiếng dẫu đâu đè thể chè.  
Ước trước chưa vừa tình bức túc,  
Sau lâu đã lỡ bệnh tê mè.  
Khoan toan phụ cũ tham lam mới,  
Thuở nó vì chi cột thốt thề.

Công-chúa Phú-Lê trách Cụ bằng bài thơ (cũng theo lối « song thanh điệp vận ») :

Lái xúi lò mò khéo lựa thừa,  
Cười người mặt sắt cũng đóng đura.  
Khôn ngoan khéo léo xuôi dài chối,  
Mặt dạn mày dày bi si chưa !

Cụ họa lại :

Biết thiệt cùng không cõ đồ thừa,  
Lời chơi nói với gió chưa đưa.  
Soi coi đã quả tờ thơ nó,  
Giữ chữ thê tê hẳn đặng chưa ?

oo

### VÕ-LIÊM-SƠN

**Tiểu-sử:** Quán làng Phù-Ninh, huyện Can-Lộc, tỉnh Hà-Tĩnh. Hiếu Ngạc-Am. Đỗ cử-nhơn Hán học. Có ra làm tri-huyện, sau làm giáo-sư Hán và Việt-văn tại trường Quốc-Học Huế. Năm 1926, bị tài hồi vì bị tình nghi có dính líu đến cuộc bãi khóa của học-sinh trường Quốc-Học.

Mất năm 1947 ở Hà-Tĩnh.

Đã soạn và xuất bản :

- Hài-văn (truyện hài hước)
- Cô-Lâu-Mộng (tiểu thuyết)
- Duyên Thơ.



### VÕ ĐỀ

Trời không cùng !  
Đất không cùng !  
Núi người chồng chật,  
Biển người mênh mông.  
Ồ ! Sao núi toan thành vực !  
Biển toan thành đồng !  
Tấn tuồng tranh-cạnh xông mưa gió,  
Giọt máu oan cùu đồi núi sông !

Thôi thôi ! Thôi thánh hiền, thôi tiên Phật,  
 thôi hào kiệt, thôi anh hùng !  
 Ngàn năm sự-nghiệp, nước vĩ Đất !  
 Trời biết cho không ?  
 Đất biết cho không ?  
 Năm canh giọt lệ õ khăn hồng.  
 Nghe gà cuôn màn kêu trời hỏi,  
 Vừng nguyệt đầm song lăng không nói.

Trời khó hỏi !

Đất khó hỏi !

Sự thế đảo điên,

Kiếp người chìm nồi !

Ai giàu, ai mạnh, ai hiền vinh ?

Ai khó, ai hèn, ai tội lỗi ?

Máu ai chảy thành sông ?

Xương ai chong tay núi ?

Mà ai cơ-nghiệp vừng đời đời ?

Mà ai tượng đồng cao vời ?

Thần phật hết thiêng liêng,

Thánh hiền hết tài giỏi !

Không phải giáo Lò-Dương kéo lại mặt trời, tím  
 không chơi lợn

Không phải nước sông Ngân giội rửa sơn-hà, sạch  
 mùi tanh thối.

Phải chẳng nhơn-loại đến hồi cùng, tiến-hóa vòng  
 quanh về vực tối ?

Ai người phẫn đại ?

Cầu ca cầm khái,

Xui khách giang-hồ thêm ái ngại !

Trông vời con nước những mènh mang.

Triều đâu như nỗi sóng dùng dùng.

(Trích ở tiêu-thuyết « Cô-Lâu-Mộng »)

### BÀI VĂN TRUY-ĐIỆU ANH TÙNG

(một học-sinh trường Quốc-Học Huế bị tử nạn xe hơi)

Ôi ! Trời quạnh sao sa, đất bằng sóng nồi,

Núi ngã non nghiêng, tai kỳ vạ quái.

Con đường ưu-hoạn, du-tử đau lòng.

Cái máy văn-minh, ma-vương dắt lối.

Phật đất khôn thiêng, trời già khó hỏi ;

Năm canh tiếng quốc, máu nhuộm ba thu,

Chin khúc ruột tằm, tơ chia trăm mối.

Sao anh chẳng chết cho một trường oanh liệt, đè cho chúng  
 tôi khóc hóa ra cười ; anh chết gì một cách gớm gớm ghê  
 ghê, đè cho chúng tôi nói càng thêm tội.

Vì ai nên nỗi nước này ?

Nghĩ lại càng thêm tức tối !

Thôi ! Từ đây lưng bầu máu nóng, đất dập cát vùi ;

Một nấm cỏ xanh, nắng chiều trăng tối.

Cha già tựa cửa, hình trúc lung lay ;

Vợ trẻ nương song, bóng lê quạnh cọi.

Anh em mất một bạn hiền,

Lũ trẻ thiếu một thầy giỏi.

Nước nhà đau vì thiếu niên,

Thế-giới buồn cho cơ hội.

Chúng tôi

Lấp bè không xong, và trời khô nỗi

Đau đớn trăm năm sự-nghiệp, như hoa nở trái, nào mưa sa  
nào gió táp, ngán nỗi tan tành

Có chăng một sợi tâm hồn, hóa hạc bay vče, nọ thành quách  
nọ nhân dân, nặng tình mong mờ

Rạch mệt đôi hàng, hu hồn chín suối,

Anh Tùng ! Anh Tùng ! Đồng chau như xối !

oOo

Nghĩ lại càng thêm tức tối !

Thôi ! Từ đây lưng bầu máu nóng, đất dập cát vùi ;

Một nấm cỏ xanh, nắng chiều trăng tối.

Cha già tựa cửa, hình trúc lung lay ;

Vợ trẻ nương song, bóng lê quạnh cọi.

Anh em mất một bạn hiền,

Lũ trẻ thiếu một thầy giỏi.

Nước nhà đau vì thiếu niên,

Thế-giới buồn cho cơ hội.

Chúng tôi

Lấp bè không xong, và trời khô nỗi

Đau đớn trăm năm sự-nghiệp, như hoa nở trái, nào mưa sa  
nào gió táp, ngán nỗi tan tành

Có chăng một sợi tâm hồn, hóa hạc bay vče, nọ thành quách  
nọ nhân dân, nặng tình mong mờ

Rạch mệt đôi hàng, hu hồn chín suối,

Anh Tùng ! Anh Tùng ! Đồng chau như xối !

## LÊ - ĐẠI

Tiểu-sử : Quê quán ở ngoài Bắc. Hiệu là Tử-Long, sau đổi là Mộng-Lam. Môn-đệ của Vũ-Phạm-Hàm.

Có tài đặt ca-nôm. Tham gia hoạt-động cho Đông-Kinh Nghĩa-Thục. Đã dịch sách « Hải-ngoại Huyết-thư » của cụ Phan-bội-Châu n thơ nôm song-thất lục-bát.

Bị Pháp bắt xà kêu án 15 năm khổ-sai đày đi Côn-Đảo về tội đồ-dâng của Đề-Thám » và « dự cuộc âm-mưu đầu-dộc ở Hà-nội. »

Mãn hạn tù về, mở hàng viết cau đối và làm văn mướn ở Hà-nội cho đến khi chết.

Trong đệ-nhị thế chiến, khi quân-đội Nhật-Bồn đã chiếm  
đông ở Việt-Nam, ở Hà-nội, có tổ-chức một cuộc thi Tao-Đàn với  
cụ đề thi là :

« Thương-nữ bắt tri vong quốc-hận

« Cách giang do xuướng Hậu-dinh-hoa. »

Bài ca-trù sau đây của cụ Lê-Đại được chấm giải nhất. Bài ca  
đã nói lên một cách kin đáo sự tủi nhục của nhân-dân Việt-Nam  
trong ách thực-dân pháp và dưới sự đô-hộ trá-hình của quân-đội  
Nhà-Tang.

## TRÁCH CHI

mười

Sáu mươi năm mẩy đoạn-tràng ?

Nghỉ bao thèm lại bể bàng xót xa !

Cách sông khúc « Hậu-dinh-hoa »

Trách chi cõ gái làng ta vô tình !

Nói

« Thương-nữ bắt tri vong quốc-hận »

Thôi trách chi thèm bận tắc lòng ai.

Kiếp nam-nhi tai mắt ở đời,

Mà lấp bè vá trời đâu vắng cả ?

Giọt lệ Tân-dinh ai đó tá !

Giọng ca Sở-quốc luống mộng hoài !

Sáu mươi năm hơn tri dùng nào ai ?

Nhin dì-vắng ngắm tương lai thèm ngán nỗi !

Ơn ai đó sò lồng phá cùi,

Mừng có mừng mà tui cũng đài phen !

Trách chi cõ nội hoa hèn !

)

## TÙ-DIỄN-ĐỒNG

**Tiểu-sử:** Hiệu Long-Tài, người làng Hà-Hồi, Phủ Thường-Tin, tỉnh Hà-Đông.

Đồ tú-tài Hán-học, nhưng gặp lúc quốc-vận ngửa-nghiêng vào đầu thế-kỷ thứ XX, ở làng dạy học và bốc thuốc để sinh sống.

Có tài làm thơ nôm, có giọng khi thi trào-lặng, khi thi ái-quốc.

## CÔ ĐÀM

Cô ở nước nào dì trăng hung ?

Hỏi cô, cô chẳng nói năng cùng.

Nước đời được mấy người như thế ?

Mời nữa trên mà đã muốn trông.

## ĐÊM DÀI

Đêm sao đêm mãi tối mò mò !

Đêm dễ bao giờ mới sáng cho ?

Con trè u-ơ chừng muôn dậy,

Ông già thủng thảng vẫn còn ho.

Ngọn đèn giũ trộm khêu còn bé,

Tiếng chó nghi người cần vắn to.

Hàng xóm láng giềng ai đã dậy?

Dậy thì lên tiếng gọi nhà Nho.

### LẠC ĐƯỜNG

Mặt trời đã gác, quảng đường xa,  
Lững thững non sông chưa đến nhà.

Muốn bước, xa chân toàn đất khách,  
Hồi thăm, lạ mặt những người ta.

Bóng cây nghiêng-ngửa coi rầu-rỉ,  
Tiếng dế vo-ve giọng thiết-tha.

Ngânh lại thử xem trời đất tí,  
Tôi lâu, lâu cũng sáng lẩn ra.

oOo

### NGUYỄN-HỮU-CHU

Tiêu-sử : Chưa biết rõ. Tục gọi là Đồ-Liên, người huyện  
Chương-Mỹ, tỉnh Hà-Đông. Có tài làm thơ trào-phúng.

### DỞ DANG

Nửa dở ông Tàu, nửa dở Tây,  
Dở dang biết tình thế nào đây?  
Toan đi vỡ ruộng, cày không biết,  
Chực nhảy làm quan, học chẳng hay.  
Buôn muốn tranh quyền, nhà hẹp vốn,  
Nghè mong đoạt xảo, nước không thầy.  
Thôi thôi ta chịu mình ta dở,  
Ta dở còn tay vạn chúng bay.

### NHẮN CÔ TIỀU NON

Sách vừa trong cửa bước chân ra,  
Trông thấy người đâu đáng thưởt tha.  
Hồi mới biết là cô tiều trẻ,  
Gởi về bạch với mụ sư già.  
Tôi gì vương lấy giây oan ấy,  
Đã chắc vo tròn quả phúc a?

Thôi chờ ăn chay nằm mộng nữa !  
Gì hơn tu chợ với tu nhà !

## DÀY NHẤT MẶT ĐÀN ÔNG

Mười hai bà mụ vụng về thay,  
Nặn mặt đàn ông cưng quá tay.  
Dao kéo cắt luôn nào thấy khuyết,  
Râu ria cao mãi vẫn còn dày.  
Tro mà đến nỗi bầm không lô,  
Rắn quá như ai vạc vẫn dày.  
Râu đẽ tự nhiên thấy kê nó,  
Đẽ thường mọc lấp mắt mồm ngay.

## MỎNG NHÚT MẶT ĐÀN BÀ

Mặt các cô sao vẫn mỏng quèn ?  
Hay là bà Mụ nặn không nén.  
Tốn bao son phấn tô vào mãi,  
Chẳng thấy xương da mọc nữa lên.  
Trẻ vẫn già công bồi với trát,  
Già còn đái tật lóm và đen !  
Từ nay có muôn thêm dày dặn,  
Đừng rửa, đừng chùi, cứ đẽ nguyên.

Có một dạo, ông Đỗ-Liên làm thơ đăng báo Công-Luận Saigon, nhưng tiền nhuận bút thường chẳng được trả sòng phẳng. Ông bất mãn làm bài thơ sau đây :

## BỊ VỢ MẮNG

Thưa ông tôi biết tông ra rồi,  
Đọc nữa làm chi tờ điếc tai !  
Nửa chữ nửa nôm lòe vợ dốt,  
Vừa ngâm vừa vịnh nưng con cười.  
Đồi thơ lấy rượu sao không đồi ?  
Mái chữ mà ăn được chẳng mai !  
Làm báo không làm ăn báo mai !  
Lấy gì cho đùa gái này xài ?

oOo

## NGUYỄN-HỒ-TRÙU

Tiểu sử : Chưa biết rõ.

## XEM CỜ ĐÈ MÃNH PHỦ

(Hạn vận : đè, ra, mãnh, ơi)

Tiên-sinh đường-bệ, đa sỉ tè tè (1) ;

Nhi khúc-khúc nhiên, nhi khích khích nhiên ; nhất nhựt  
phó tiên-sinh chí quách kệ ;

Tiên-sinh giận lầm, hỏi rằng : làm sao ?

Đè-tử đứng lên, thưa thầy con kè :

Cái Huệ nó đè...

Nhân ngày hôm qua, Thầy đi vắng nhà !

Đương mùa hè chi vô sự, viễn (2) bàn cờ hể giờ ra ;

Bất ý : chị ta ngồi lê ngồi la, bèn giương mép rải, bèn  
cứng mào gà ;

Người chẳng ra người, ma chẳng ra ma ;

Nhi bành bành ra, nhi chành-chành ra ; úc ông mảnh ra,  
úc ông kệnh ra, úc ông hồ-mang chí cồ bành ra ;

Tại-sử (4) : Tướng muốn thượng lên, pháo tranh nước  
cạnh, tốt hữu ý ư nhập cung, sĩ manh tình ư nhất ghèn ;

(1) Nhiều lầm. (2) bên — (3) Hay là — (4) Bên kia.

Thế mà không cười, có họa ông Thánh ;

Tiên-sinh nghe rồi, nãi mím kỵ môi, nãi vỗ kỵ đùi, nãi  
quẳng kỵ roi,

Thán túc ngôn viết (1) : ơi giờ ôi ! ơi đất ôi ! chết nỗi !  
Thế mà hôm qua không có tôi !

Bài phú trên của ông Nguyễn-hồ-Trùu, ghi trong sách « Cồ  
nuy nguyên âm » của Đông-Châu Nguyễn-hữu-Tiến, thuật lại một  
chuyện khôi hài như sau :

Tại trường học của một ông Đồ kia, một hôm, thầy Đồ  
lì vàng, học-trò bày bàn cờ ra đánh, có cô con gái hàng xóm là cô  
Huệ sang ngồi xem, vô ý mặc cái quần rách đáy đè lộ chồ kín ra. Hôm  
này thầy về, học-trò cười khúc-khích hoài, thầy giận lầm, hỏi duyên  
ở, một học-trò buộc lòng phải đứng lên kè thật sự tinh, thầy rất  
đông cảm.

oOo

(1) Than rằng.

## VÕ-THÁI

Tiểu sử : Chưa biết rõ.

Năm 1933, nhơn dịp vua Bảo-Đại hối loan và thay đổi nội-cá, cụ Võ-Thái sáng tác bài văn tế có tính cách trào-phúng sau đây để tế sống năm cụ thượng-tho hồi hưu bắt đắc dĩ :

## BÀI VĂN TẾ SỐNG NĂM CỤ (1)

Hồi ơi ! Nắng héo cành hoa, sóng xiêu cột trụ.

Hội văn-minh nên giữ lẽ công, tài lão luyện khá thương  
người cũ,

Năm quý-dậu (2) canh gà gáy thức, thôi tinh rồi một giấc  
hoàng lương.

Tiết Nam-Phong (3) ngọn gió thổi dồn, bỗng trốc cả năm  
cây đại thụ.

Nhớ các Cụ xưa :

Trí lực thông minh.

Khôn ngoan tài ngo.

Minh trai bốn triều,

Quan trên sáu Bộ.

(1) Năm Cụ : Nguyễn-hữu-Bài, Tào-thất-Đàn, Phạm-Liệu, Võ-Liêm &  
Vương-tứ-Đại.

(2) Năm Quý-dậu : 1933.

(3) Ý nói ông Phạm-Quỳnh, chủ-bút tạp-chí Nam-Phong.

Chức Bình-Chương đều xứng mặt Đại-Thần ; tài kinh-tế  
đã nêu vai Thạc-Phụ.

Vận-hội gặp cơn mưa gió, lạnh rặng chi dám hở môi.

Công-hầu say miếng đinh-chung, lắp miệng vì chưng  
cả vú.

Sóng hoàng-hải không yên cũng lặng, lo chi thế ấy thế này.

Nợ tang-bồng chưa trả đã vay, khắp cả ngõ kia ngõ nọ.

Tháng hai trước áo xiêm trói buộc, mới tết trời theo lợ  
Nam-Giao.

Tháng ba sau xe ngựa dập dìu, lại hầu ngự làm chay  
Thiên-Mụ.

Kiệu Hoàng-Đế đã về trị nước, bảy tám năm mừng thấy  
mặt trời.

Sò hưu-quan chẳng động tới mình, hai ba tháng tưởng  
qua luồng gió.

Cụ thời tuồi vừa sáu chục, phép trường-sanh ắt có  
tiên đơn.

Cụ thời thọ quá bảy tuần, ân lưu-dụng mới vâng  
Thượng-Du.

Ai ngờ : giông tố bất kỳ, mây mưa đánh đồ.

Cuối xuân xanh vừa lúc hoa tàn, giữa bể hoạn gặp cơn  
sóng gió.

Đầu tháng tư đồi tiết, quan Toàn-Quyền chính-phủ đã qua.

Chiều mồng tám hội-thương, việc hạ lệnh phong bì mới xồ.

Giấy đã khui ra, mặt đều thấy rõ.

Từ dưới ông Công (1), đến trên cù Võ. (2)  
 Cả thảy năm ngài, đưa về một sô.  
 Chữ Pháp-tự trong tay đã hiều, cười cũng lỡ cười.  
 Gương tinh-quang trên mắt còn đeo, ngó rồi lại ngó.  
 Tưởng đã đứng đầu năm trước (3), tha hồ dẽ bác Phước.  
 Môn (4).  
 Hay đâu đi rốc một lần, hưu hỷ chừa quan Thượng Hộ (5).  
 Thảm thiết nhì năm mây gần đó, ngàn ngợ trông năm vè  
 rồng cao,  
 Độc bạc thay một lướt quét xong, may sót lại một con  
 cá nhỏ.  
 Ôi ; Có câu « danh thành thân thối », kiếp phù-sinh nào  
 dám kêu nài.  
 Tủi khi tống cựu nghênh tân, chữ « bồn nhật » (6) thiệt  
 là khắc khò.  
 Ôi thoi thoi ! Sỉ chỉ tùy thời, hàng tàng (7) tùy ngô.  
 Vua đã tha mà Pháp chẳng tha, ta không phụ sao người  
 nỡ phụ!  
 Bước qua năm mới, lối khuong-cù may khỏi gác xe.

(1) Ông Công là ông Vương-tử-Đại, thương-thor Bộ Công.

(2) Cù Võ là cù Võ-hiền Nguyễn-hữu-Bà, thương-thor Bộ Lại.

(3) Năm trước là Công, Hầu, Bá Tử, Nam.

(4) Phước-Môn : Nguyễn-hữu, Bà.

(5) Quan Thượng Hộ : ông Thái-văn-Toản, thương-thor Bộ Hộ, được ở

(6) Bồn nhật : lấy ở câu « dĩ bồn nhật vi thi »

(7) Hàng tàng : có khi làm cũng có khi nghỉ.

Biết có ngày nay, cửa huyền-võ trước thà treo mũ.  
 Ngao ngán thay trên hàng Hiệp-quí, một chiếu một mâm.  
 Thinh linh đâu đưa giấy hồi hưu, cả đoàn cả lũ.  
 Hẹn phải ba ngày bái mạng, giã mai hoè mà vui với  
 cúc tùng.  
 Đành theo một lối hồi hương, ta khanh-si đề chơi cùng  
 thân cố.  
 Y thường chơi một hội, áo mũ kia đã khác tích thời.  
 Lương đồng thiếu chi người, nhà cửa đổi giao cho tân chủ.  
 Đất cũ đãi người mới, cuộc tang thương sao khéo đổi dời ?  
 Ân lâu đã chầu no, ân sơn-hải nặng chưa báo bồ.  
 Rủi mà đặng sống lâu ra lão, miệng sau lưng nhiều tiếng  
 khó nghe.  
 May cũng cho chết trẻ khỏe ma, khói trong bụng bao  
 giờ cho đủ.  
 Tuyết trắng đã thay mái tóc, bồng con thơ mà nhở  
 cho khuây,  
 Hoa tàn còn đượm mùi hương, đạo vườn cũ thử chơi  
 cũng thú.  
 Nhờ ơn nước gặp khi tiệc lớn, năm vài lần quen miếng  
 thịt xưa.  
 Tình bạc hưu xoi sổ bồng to, tháng trăm trại còn mìn  
 mờ đó.

Cụ thì dạo chơi sơn thủy, ra Bắc vào Nam (1);  
 Cụ thì trở lại hương-quan, quê cha đất tò (2);  
 Cụ thời lo thực nghiệp, tim nơi canh khẩn, chơi với người  
     già lão điền phu (3);  
 Cụ thì nuôi phiền hoa, ăn bồng kinh-đô, chịu làm kè kiệu  
     cư khách ngũ (4).  
 Tranh Tạo - hóa hãy còn treo đó, vẻ phù - vân dù sắc  
     trắng xanh.  
 Trường diên-ca đã hết lớp rói, mặt khôi lõi thay màu  
     đen đỏ.  
 May trước đã dắt dìu con rè, khiến đua bơi mà nói  
     nghệp nhà.  
 Mừng nay cho thong thả tháng ngày, nâng tiệc hạc càng  
     iên cõi họ.  
 Ni (5) sắp tới quan-trường chỉnh đốn, nhỏ thì lo, lớn  
     thì giữ phép, cãi lương cho là gánh Khanh-Phu.  
 Rày khác xưa chính-trị sửa sang, trên vì nước, dưới cũng  
     vì dân, lâu dài được nhờ ơn Bảo-Hộ.  
 Nay chép mấy văn,  
 Đưa mừng các Cụ.

Ô hô : thượng hương  
 VÕ - THÁI

(1) Cụ Vương-tú-Dại quê ở Bắc.

(2) Cụ Võ-Liêm, người làng Thanh-Phù, huyện Hương-Thủy, tỉnh  
     Thừa-Thiên.

(3) Cụ Nguyễn-hữu-Bài có đồn-diền ở làng Phước-Môn, tỉnh Quảng-Trị.

(4) Cụ Phạm-Liệu có mua nhà ở trong thành-nội Huế.

(5) Ni : tiếng Huế nghĩa là nay.

## VÕ - KHOA

Tiểu-sử : Chưa biết rõ.



## CUỐN CHIẾU HẾT NHÂN TÌNH

Sách có chữ : « *võ tình tiễn biệt* »,  
 Khách với mình chưa quen biết chi nhau.  
 Quê quán đâu mà nhà cửa ở đâu đâu ?  
 Ngán vì nỗi nước lã, ao bèo thêm đènh-đoảng,  
 Dưới nguyệt chén quỳnh khi thẳng-thường,  
 Tôi hát chơi mà khách cũng nghe chơi ;  
 Thảm-thiết chi giọt ngọc tuôn rơi ?  
 Mai mốt đã ngược xuôi người mỗi xứ.  
 Cô nhạn Nam phi hồng Bắc khứ,  
 Nhàn vân tây vāng thủy đông lưu.  
 Khách về nhà đã có bạn khâm-trù,  
 Vui vẻ đêm thu cùng một tịch.  
 Đây cũng ôm cầm theo liễu mạch,  
 Thú cầm ca còn lăm khách vui chơi.  
 Kìa kìa cá nước chim trời !

oo

### ĐỈNH - TRAI

Tiêu-sử : Chưa biết rõ.

### VỊNH ĐÁ CHẸT

*Uầy đá kia đâu khéo bắt bình,  
Nhô ra đứng chật quảng đường xanh.  
Hai bên khép lại hơi khìn khít,  
Một lối xuyên qua chút đỉnh đinh.  
Thế-lộ có đâu ngăn đón mãi ?  
Nhân-sanh ai chịu ngả nghêng mình.  
Bao nhiêu năm trước nghe còn khít,  
Mới mở bày giờ đã rỗng thịnh !*

oOo

### NGUYỄN - AN - CƯ

Tiêu-sử : Chưa biết rõ. Nguyên thầy thuốc Bắc ở Hốc-Môn (Nam Phân).

### TẶNG VỢ

*Nửa bên Nam-Việt, nửa bên Tàu,  
Tác ước trung, người chẳng thấp cao.  
Chẽ ỷ dựa lưng xiêu bốn cẳng,  
Vòng gai ghê đít đứt vài tao.  
Đi ngang cửa sổ ngờ trời tối,  
Đứng nép buồng trong tưởng đồng bao.  
Ai có năm trên từng thẩy á,  
Ngày nay mới biết á ra sao.*

oOo

## TRẦN-VĂN-TÂM

Tiêu-sử: Chưa biết rõ. Sinh trưởng ở miền Nam, Cự  
Đốc-phủ-Sứ.

## VỊNH TƠ-NÍT (quần-vợt)

Cuộc chơi bày đặt tự phương Tây,  
Tơ-nít vừa lòng cả gái trai.  
Banh nấm hai hòn nhồi đúng điệu,  
Vợt cầm một cán đánh cho ngay.  
« Cúp-pê » sát lướt nấm trong mức, (1)  
« Xi-mách » vỗ khuôn chờ xả ngoài (2).  
Rồi « xét » mồ hôi ra uớt áo, (3)  
Xé dài, mồi gối lại phồng tay.

## VỊNH NHÁY ĐĂM

Ưa ưa cái gì tẹo ?  
Hai người ôm đinh leo.  
Cô vừa nhún vừa deo,  
Thay lúc quay lúc kéo.

(1), (2) và (3) : đều là những danh từ thuộc môn thể-thao quần vợt  
phiên âm của các tiếng Pháp couper, smasher và set.

Long lanh bốn mắt ngời,  
Uốn éo dôi lung eo.  
Qua lại giờ tréo nhau,  
Khúc trên đánh xà néo.

## CAU ĐỐI

Dở Hán ra thấy những anh hùng, ngó qua bên Lỗ trùng  
trùng văn nho. Nhón gót lên kêu bó học trò, ai mà đổi được  
ta cho kết nguyễn.

Lật Trần ra cũng lắm siêu-quắn, sá chi Một Trụ, rần rần  
binh đao. Khai mương ra cho nước chảy vào, thuyền  
quuyên em không lái chống sào có anh.

oOo

## NGUYỄN-SĨ-GIÁC

**Tiểu-sử :** Chưa biết rõ. Chỉ biết Cụ là một nhà cách-mạng bị Pháp bắt cầm tù vì có tham gia phong-trào Đông-Kinh Nghĩa-Thục.

### CẢM HOÀI

*Gươm đòn nứa gánh muôn sang sông,  
Hồi bến thuyền không lái cũng không !  
Xe muối nặng nề thương vó kỵ,  
Đường mây rộng rải tiếc chim hồng.  
Vá trời lấp bè người đâu vắng,  
Bán lật mua danh chợ vẫn đông.  
Lần lữa nắng mưa trong cuộc thế,  
Cảm sao đợi nước thuở nào trong !*

oOo

## ĐỒNG - GIANG

**Tiểu-sử :** Chưa biết rõ (chỉ biết cụ là một cự-sĩ ở tỉnh Nam-Định).

### THƠ CHÀY

*Khen ai đã khéo tạc nên chày.  
Đau đớn cho ai chỉ vị chày.  
Ở chốn rừng xanh tro xác lõi,  
Về nơi dân đỗ béo thân chày.  
Trông ra tròn trĩnh trơn lì gỗ,  
Dùng đến hung hăng giã nặng chày.  
Đầu cổ nhọn đâu mà cõi thất?  
Ngàn thu còn nhớ mãi tên chày.*

Vào khoảng năm 1930, một tay đặc-lực của thực-dân Pháp được bồ vè làm tuần-phủ tỉnh Thái-Bình và ân thưởng đệ tứ Bắc-đầu Bội-tinh.

Về Thái-Bình, ông lùng bắt các nhà cách-mạng và thường dùng chày nện vào các khớp xương để tra-tấn họ.

Nhơn đó, cụ Đồng-Giang làm bài thơ « chày » trên đây đăng <sup>não</sup> báo Đồng-Tây ở trang nhứt, dưới cái hình của ông Tuần và lời

chú : « Quang Tông-Đốc Hán vừa được ân thưởng đệ tứ đẳng Bắc đầu bội-tinh », khiến cho ai cũng biết bài thơ ám chỉ ông Tuần và nhất là câu « ở chốn rừng xanh tro xác lõi » muốn nói ông Tuần vốn là người miền Thượng-du.

Bài thơ được truyền-tụng khắp các tỉnh ngoài Bắc khiến Cụ Lớn không dám dùng hình phạt « chày » nữa.

Thế mới biết thi-ca châm biếm là một lợi-khí tranh đấu sắc bén đôi khi rất có hiệu-lực đối với bạo-quyền.

oOo

## THƠ TRÀO - PHÚNG SÁNG - TÁC TRONG TÙ

Các nhà cách-mạng Việt-Nam, trong khi thất thế bị tù dày, vẫn giữ được cái dân-tộc-tinh trào-phúng cỗ-hữu, chứng tỏ thái-độ lạc-quan và bất-khuất của mình bất cứ trong trường hợp nào. Bằng chứng là những bài thơ sau đây :

### TÂM TRONG TÙ

Vùng vẫy mình trong bè nước đầy,  
Hết kỳ lại cọ chằng rời tay.  
Ông Tây cứ bảo mình yêu nước,  
Ừ, chằng yêu sao lại thế nầy !

### NHƯỢNG-TỔNG

Nhà cách-mạng Nguyễn-hoàng-Kính già làm nghề bán thuốc Tây để che mắt mật-thám Pháp, nhưng rồi cũng bị bắt. Khi cụ Kính bị đưa vào khám, một bạn tù bị giam chung hỏi cụ :

Ông bán ông buôn những thuốc gì?  
Bán buôn mà cũng tới đây chi!  
Thuốc ông nếu quả rắng hay thực,  
Thì bệnh lao tù hãy chữa đi?

Cụ Kinh đáp :

Mòn thuốc thì tội chẳng thiếu gì.

Vào đây, còn hỏi đẽ làm chi ?

Bệnh này, muốn chữa không cần thuốc.

Hết hạn lao tù, bệnh phải đi !

•

Trong khi cụ Huỳnh-thúc-Khang bị giam ở Côn-lon, một hôm tên ma-tà coi xâu đậm đá hỏi cụ : « Mày là cái gì ? » Cụ đáp : « Bàn tẩn-sĩ ». Tên ma-tà cho câu trả lời ấy là vô lẽ, bèn vứt trên đầu cụ một roi nện thân. Cụ cảm xúc làm mấy câu thơ sau đây :

### TẨN-SĨ BỊ ĐÒN

Tẩn-sĩ nhỉ hà vật ? : Tẩn-sĩ là cái gì ?

Ngộn ngữ thái ngạo mạn. : Ăn nói rất vô lẽ.

Tặng nhỉ nhất trường tiên, : Cho mày một ngọn roi,

Sử tri ngã thủ đoạn. : Mày biết tay tao nhé !

•

Cụ Tây-Hồ Phan-chu-Trinh, trong khi bị giam trong khám xăng-tê (Santé) ở Ba Lê, đã sáng-tác « Santé thi tập », xin trích sau đây hai bài có tinh-cách hài-hước :

Ba năm trai thú khắp Paris,

Lao ngục chưa hề biết tí ti.

Sự thiếu vì đâu bày buộc tới ?

Thân thừa còn dám oán hờn chi !

Một ngày đúng bưa hai lần xúp,

Hai đứa chia nhau một ô mì.

Tám kiếp trâu già chỉ sợ ách,

Ngồi buôn lắc vể cù ngâm thi.

•

Từ ấy giam luôn mấy tháng tròn,

Nhờ trời, ngủ kỹ lại ăn ngon.

Ngày ba lần xúp coi còn đói,

Đêm chín giờ ngồi ngày vẫn giòn.

Mỗi bữa nửa giờ ra hóng mát,

Một tuần hai bận xuống thăm con. (1)

Vui buôn mình biết lòng mình vạy,

Miễn trả cho roi nợ nước non !

•

Nhà cách-mạng Nguyễn-văn-Kiên, khi bị nhốt trong tù, đã hot ra lời thơ ray-rút sau đây :

Gặp gỡ nhau đây mới biết nhau ;

Nói càng chua xót, nghĩ càng đau.

Văn-minh Âu-Mỹ : ba thằng cướp,

Con cháu Rồng-Tiên : một lũ tù !

Tài giỏi gì hơn tay sẵn súng,

Ngu hèn cũng bồi túi không xu.

(1) Lúc Cụ sang Pháp, Cụ có đem theo một người con trai tên là Phan-châu-Dật.

Trời đang quay tít, người đang ngủ,  
Giận muốn vò tan quả địa-cầu.

Cụ Dương-bá-Trạc, khi ở Hòa-lò Hà-Nội, cũng như khi bị đưa  
ra Côn-dảo, cũng sáng-tác ít bài :

Đã mỏi đói giờ chạy khắp nơi,  
Trời cho ta nghỉ, hâm ta chơi.  
Nhóc non đâu tá, còn hay mệt ?  
Nhà cửa chi đây ? Đóng lại ngồi.  
Ba thước buồng vừa không khí thở,  
Bốn bên tường lợt bóng trăng soi.  
Tự-do chỉ một con tim đỏ,  
Ai xích, ai cùm trói kệ ai.

và :

Ô hay ! Côn-Đảo ngỡ trường thi,  
Hợp mặt văn-nhân đủ lưỡng Kỳ.  
Nhốt khám cả ngày thơ lại chuyện,  
Lập binh (1) hai dãy Cổng chen Nghè.  
Cựu giao, tân thức đều thanh khí,  
Quốc kế, dân sinh góp luận đề.

(1) *Do tiếng « l'appel » : mỗi ngày mấy bận, bọn cai ngục bắt tù sắp hàng đ*

Muôn thuở nơi đây còn vận sự,  
Còn nhà tự nghĩa (1) ở « banh » Bé, (2)

Ông Trần-văn-Hương, sinh ngày 1-12-1903 tại Vĩnh-Long (hai  
lần làm Thủ-Tướng Chính-phủ sau ngày Cách-Mạng 1-11-1963),  
trong khi bị Nhu, Diệm bắt giam vì bị tình-nghi có liên can trong vụ  
biến-cố ngày 11-11-1960, đã sáng-tác nhiều bài thơ trào lòng ở trong  
tù, được in thành sách dưới nhan-dề « LAO TRUNG LÃNH VẬN »  
(xuất bản năm 1964). Xin trích ra sau đây vài bài có tính cách hài  
hước nhất :

### Ở TÙ SƯỚNG

Ai bảo trong lao khổ ?  
Trong lao sướng thấy mồ !  
Bên này thì cụ Tòng, (3).  
Phía nó lại quan Đô. (4)  
Đời vợ, ngày : ông Cử, (5)  
Làm thơ, giêu : bác Đồ.

- (1) *Tự nghĩa-đường của các nghĩa-sĩ Lương-sơn-Bại trong truyện Thủy-hử.*
- (2) *Do chữ « bagne » (nhà tù): Ông Côn-dảo, có ba banh, trong đó có « banh 2 » tức là banh B.*
- (3) Ông Phan-bá-Cầm, theo bản cáo-trạng, là Tòng-Trưởng Cảnh-Nông trong Chánh-phủ Lâm Thời của nhóm bạo-động 11-11-1960.
- (4) Ông Triết, theo bản cáo trạng nói trên, là Đô-Trưởng Saigon.
- (5) Ông cử Tạ-chương-Phòng cho rằng cảnh trong lao không đến nổi khem khổ, chỉ thiêu « ma femme » là đáng buồn thoi, vì trong « tú khoái » thiêu mất mệt.

Các anh còn ở ngoài,

Đợi quái gì chưa vỡ ?

### BIẾT MÃN RĂNG ? (1)

Suốt ngày ăn ngủ, ngủ rồi ăn,

Chưa thấy chuyện gì chuyện khó khăn.

Nằm khèn sờ môi : râu tua tua,

Ngồi rù gãi háng : dài tăn tăn.

Làm sang phe-phây tay còn quạt,

Đi tắm trần-truồng mồng thiểu chǎn.

Ăn, ngủ, ỉa xong : đầy đủ cả.

Muốn chi chi nữa, biết mǎn răng ?

17-II-1960

Một đêm trong giấc ngủ, ông Hương chiêm-bao thấy Bà thân-sinh hiện về mắng. Lúc tỉnh dậy, ông xếp thành thơ những lời mắng nhiếc của mẹ :

### MẸ MẮNG

Vì chúng bẽm mép mới vào đây,

Cảm họng đâu ra đến nỗi này.

Dân-chúng sướng, đõ : dân-chúng khổ !

Nước nhà yên, bảo : nước nhà nguy !

Dở hay mặc kệ thằng cha nó !

(1) Ông tù trong « tú khói » thiếu mất một.

Còn mắt can chi lão nội mầy ?

Ném thử mùi tù cho đáng kiếp ;

Tù rày chưa bỏ tật thay-lay.

(21-II-1960)

### DỊ TƯỚNG BẮT TÀI

Cũng dự phong-lưu lúc ở ngoài,

Vào đây, nhìn mãi chẳng ra ai.

Mặt mày ủ-rũ, râu đậm miệng,

Đầu cổ chrom-bom, tóc liếm tai.

Răng cổ vắng chì hôi thảm thảm,

Ao quần không giặt ngồi khai khai.

Chưa bao lâu đã thay hình dạng ;

Dị tướng, than ôi ! lại bắt tài !

(1-I-1960)

oOo

## THI-SĨ VÔ DANH

Trong văn-học trào-phúng Việt-Nam, có những bài thơ thật hay còn truyền tụng cho đến ngày nay, nhưng người ta không biết tác-giả là ai. Lý do là : hoặc tác-giả đã cố ý dấu tên mình để khỏi bị phiền lụy bởi là bài thơ có nội dung « động thời văn », nghĩa là động chạm đến uy-tín của những kẻ đang cầm quyền. Hoặc bài thơ chỉ được truyền khẩu từ đời này qua đời khác, lâu ngày quá khiến người ta không còn nhớ tên tác-giả nữa. Hoặc người ta cũng có biêt tên tác-giả, nhưng lại không biết một cách thật chắc chắn, nên khi đăng tái lại bài thơ, người ta không giám để tên tác-giả, sợ bị hổ chăng ?

Trong các bài thơ trào-phúng ghi ở mục « Thi-sĩ vô danh », nầy, có bài ở vào trường-hợp thứ ba nói trên. Dưới các bài thơ ấy, tôi vẫn ghi tên tác-giả hay biệt-hiệu, nhưng phải kèm theo một cái dấu hỏi, để nói lên sự nghi ngờ, sự không chắc đúng tác-giả bài thơ.

### VƯƠNG-TƯỜNG OÁN TRIỀU ĐÌNH

*Vật chí muông cồ dám lăng loàn,  
Âu hồn trong Triều ít kẻ ngoan.  
Mắt thấy thư Hồ, văn vỡ mệt,  
Tai nghe nhạc Bắc, võ run gan.  
Mõ bùi luống đè nuối thù khấu,  
Bùn lồng nào hay đắp ái-quan.*

*Vực nước nếu còn tài Vệ, Hooke,  
Tanh hôi chi đè lụy hồng-nhan.*

Năm 1306, vua Trần-thánh-Tông đem gả Huyền-Trân Công-Chúa cho vua Chiêm-Thành là Chế-Mân đè đòi lấy hai châu Ô, RI. Tuy việc đòi chắc ấy có lợi cho nước ta về đất đai, nhưng người đương thời không bằng lòng việc gả bán ấy, mới mượn truyện Vương-Tường-túc là truyện Vương-Chiêu-Quân cống Hồ đè chỉ trích nhà vua và Triều-đinh bằng bài thơ trên. Họ cho rằng nước ta mạnh hơn nước Chiêm, thì có thể giải-quyet vấn-dề đất đai bằng quân-sự.

Huyền-Trân công-chúa lấy Chế-Mân chưa được một năm thì Chế-Mân chết. Theo tục lệ Chiêm-Thành, thì hễ vua chết, các hậu phải hỏa thiêu theo. Vì vậy cho nên vua Trần phải sai tướng Trần-khắc-Chung sang Chiêm lập kế đưa Huyền-Trân về nước.

oo

### THẾ SỰ

*Thế sự nhìn xem rồi cuộc cờ,  
Càng nhìn càng ngâm lại càng dor.  
Khua tan tục niệm hối chuông sớm,  
Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa.  
Châu-tử chán mùi nên vải ấm,  
Đình-chung lợm giọng hóa chay ưa.  
Lên đàn cứu khò toan quay lại,  
Bè ái trông ra nước dục lờ.*

Có một nàng công-chúa em vua Minh-Mạng, vừa trẻ, vừa đẹp, nhưng chán đời, nhất thiết không chịu lấy chồng. Nhà vua đã kén cho công-chúa một nho-sinh tuân tú đề làm phò-mã, nhưng công-chúa từ chối, rồi, sợ bị ép duyên, bỏ cung cấm trốn vào tỉnh Quảng-Nam lên tu ở chùa Non-Nước trên núi Ngũ-Hành.

Vua cho mấy vị quan lên chùa đón nàng về cung, nàng nhất quyết ở lại, làm một bài thơ gởi về, hứa rằng ai mà họa được, nàng sẽ lấy làm chồng. Về sau, không ai họa nổi, nên nàng khởi phái xuất các. Bài thơ của nàng (ghi ở trên) còn truyền tụng cho đến nay.

°°°

## HÀ-THÀNH THẤT-THỦ ÁN

Sau khi thành Hà-Nội thất-thủ về tay quân-đội Pháp, nổi phần uất của dân-chúng được ký-thác vào thi-văn: tập « Hà-Thành thất-thủ án » là một áng văn truyền khau, ghi lại một ít sự việc đáng chê hay đáng khen đã xảy ra vàq thời kỳ đèn tối ấy.

## HÀ THÀNH THẤT-THỦ TỒNG VỊNH

Trái phá Tây nhầm chực bắn vào,  
Chỉ (1) không cho đánh biết làm sao ?  
Ngọn cờ tướng-lệnh oai linh gương,  
Chén rượu Đông môn khảng khái phào.  
Uất khi Nùng-sơn cây muỗn cựa,  
Thương tâm Nhị-thủy sóng tranh xao.  
Rặng hoa Võ-miếu rơi thơm mãi (2),  
Sông trộm ghê trông hẹn biết bao !

(1) Chiêu-Chỉ nhà vua

(2) Nơi Hoàng-Diệu tuồn-tiết

## HOÀNG-DIỆU

Khẳng khái ai hơn đốc-bộ Hoàng,  
Khẳng khặng dạ sắt với gan vàng.  
Bóng chiều không lẽ đem về ngọ,  
Nợ nước xin dành gởi năm xuong.  
Võ-miếu cây treo giây tiết-nghĩa,  
Nùng-sơn đá tạc chữ cương-thường.  
Thành năm Quý-Dậu (x) nào ai trách,  
Chính khi không hề hẹn tuyêt sương.

## TUẦN-PHỦ HOÀNG-HỮU-XỨNG

Thành hạ quan Tuần phải buồi se (2)  
Sân rồng phục vị chỉ ngồi nghe.  
Quyên-sinh lại nghĩ thân còn vương,  
Quyết-tử nhiều khi mắt đỏ hoe.  
Ba bữa không cơm đành uống giận,  
Mấy phen áp chảo cang ăn dè.  
Giảng hòa nghe tiếng mừng mè mẫn,  
Một đinh đinh đinh chuyện bé mè !

## BỐ CHÁNH PHAN-VĂN-TUYỀN

Cửu Đông tiếng súng nồ đùng đoanh,

(1): Năm 1873

(2) Thành bị hạ, quan Tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng cáo bệnh trốn vào hàn-lì-cung.

## THI CA CHÂM BIẾM và TRÀO LÔNG VN

Quan Bố mau chân đã tụt thành.  
Chỉ cái non gan mà bắt học,  
Chăm câu già chạy đè thâu sinh.  
Xui lòng Hoài-đức (1) lây thêm ghét,  
Góm mặt Sơn-tây (2) muôn dứt tình.  
Quan lại có đâu mà tệ thế !  
Ngàn thu một tiếng đè lưu danh.

## HÁT XƯỚNG

Hát xướng làm chi hối các quan !  
Trời làm hạn hán khô trãm đàng.  
Nước vče Phú-Lảng lương tiễn tận,  
Dân mắc cu-li cốt-nhục tàn.  
Ngán nỗi con người mà chó ngựa,  
Ngờ đâu địa ngục ở nhân-gian.  
Kẻ nghèo nước mắt lau không ráo,  
Hát xướng làm chi hối các quan !

1900

Năm 1900, dân các tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định và Phú-Yên bị thực-dân Pháp bắt đi « xâu công-ich » để mở đường lên miền thượng-du, khổ sở không tả xiết. Thời bấy giờ, có viên Tòng-đốc Quảng-Nam là Nguyễn-hữu-Thắng có nuôi một ban hát-bội trong

(1) và (2): Thành bị hạ, quan Bố-chánh Phan-văn-Tuyễn chạy trốn lên Hoài-Đức và Sơn-tây.

## THI CA VÕ DANH

331

nhà, cứ vài ba tối lại nồi trống kèn lên hát một tối. Bởi vậy, có kẻ làm bài thơ trên đề chửi viên Tòng-đốc không biết gì đến sự lầm than của nhân-dân mà chỉ nghĩ đến sự sung sướng riêng của mình.

oOo

## MUA QUAN TÀI

Ba vua bốn chúa bảy thằng con,  
Thám thoát xuân-thu chín chục tròn.  
Ơn nước chưa đến danh cũng hồ,  
Quan tài săn có chết thi chôn.  
Giang-hồ lang-miếu trời đồi ngả,  
Bị gậy cân-đai đất một hòn.  
Cũng muôn sống thêm mươi tuổi nữa,  
Sợ ông Bành-Tồ tống đồng-môn.

Theo ông Trần-trung-Viên, soạn-giả « Văn-Đàm Bảo-Giám » (quyển thứ nhất, do Nam-Ký Thư-Quán xuất-bản tại Hà-Nội năm 1926), thì bài thơ trên đây (đăng ở trang 22) là của cụ Nguyễn-Khuyển. Nhưng bài thơ nói « bốn chúa », thì tác-giả phải là một người sinh trưởng vào thời Lê-mạt, mà cụ Nguyễn-Khuyển thì sinh năm 1835 (Minh-Mệnh thứ 16). Như vậy, cụ Nguyễn-Khuyển không phải là tác-giả bài thơ ấy.

## SƯ ỐNG CHẦU VĂN CHO HAI Ả LÊN ĐỒNG

Chẳng khốn gì hơn cái nợ chồng ;  
Thà rằng bạn quách với sư xong.

Một thằng trọc têch ngồi khua mõ,  
Hai à tròn xoe đứng múa bòng.  
Thấp thoáng dưới đèn len bóng cậu,  
Thướt tha trước án nguýt sư ông.  
Chị em thò - thè đêm khuya vắng,  
Chẳng suróng gì hơn lúc thương - đồng.

## VỊNH ANH THỢ CAO (1)

Một túi càng khôn xách lại đeo,  
Xoay đầu thiên hạ kiếm tiền tiêu.  
Ra tay thao - lược tung tro bụi,  
Khuấy nước văn-minh rưới bọt bèo.  
Tai mắt đã dành thương cồ chịu,  
Mày râu thôi cũng cui đầu theo.  
Tấm gương kim cồ chung soi lẩy,  
Hỡi bạn giàu sang, hỡi bạn nghèo !

Một nhà Nho khoa bảng

## VỊNH ĐÁM CƯỚI ÂM-TANG

Bạch-Hạc xưa nay vẫn tiếng đồn :  
Chồng thời mới chết, vợ chưa chôn.  
Trai trong bốn chục còn non mặt,

(1) Bài thơ này ám chỉ anh cón bộ Việt-Minh.

Gái ngoại năm mươi vẫn N... L...  
Đau đớn trăm chiều hai cậu nó,  
Sụt sùi tám lạy bốn thằng con.  
Suối vàng có thầu hay chăng nhẽ ?  
Thì cũng Châu-Trần với nước non.

Cách đây chừng trên ba mươi năm, ở Bạch-Hạc thuộc tỉnh Vinh-yên (Bắc-Việt), có xảy ra một đám cưới âm-tang giữa một ông chủ đồn-diễn người Việt (vừa góa vợ) và một bà mẹ Tây, vợ một ông chủ đồn-diễn người Pháp, vừa góa chồng. Mục-dịch của cuộc hôn-nhân lạ lùng này không ngoài chiếm cái gia-tài kếch-sù và cái đồn-diễn rộng lớn mà người Pháp quá cố để lại, khiến cho hai người em trai của bà mẹ Tây đau xót vô cùng, vì tiếc của. Còn bốn người con trai của ông chủ đồn-diễn người Việt thì khóc sướt mướt lúc phải lạy bà kẽ mẫu ngay giữa khi đám tang của chính mẹ mình chưa cử hành. Cái đám cưới âm-tang hy-hữu ấy, thời bấy giờ, đã là đầu-dè cho nhiều thi-ca trào-phúng, mà trên đây là bài được truyền tụng nhiều hơn cả.



## TRÒ ĐEN BẠC

Tóc bạc nay đã điểm mái xanh,  
Mười năm dâng dặt đợi chờ anh.  
Nửa rèm phong nguyệt đôi hàng lê,  
Muôn dặm quan san một gánh tình.  
Đặng cá ai ngờ quên phúc đó,  
Qua cǎu sao nỡ thảo phǎng định ?

Xưa kia ví biết trò đèn bạc,  
Giặc mộng trường-xuân ngủ suốt canh.

\* Ông Nhụy-như-Kontum (thạc-sĩ vật-lý-học, hiện ở bên kia vịnh tuyến 17), lúc còn hàn-vi, có đính hôn với cô Phan-thị-X, con gái của một vị quan-lại Nam-triều, giòng dõi cự Phan-thanh-Giản.

Sau khi Kontum đỗ tú-tài toàn phần, nhà gái bỏ tiền ra cho chú rể tương-lai sang Pháp ăn học. Ai ngờ sau khi thành tài trở về nước, ông tân thạc-sĩ Kontum từ hôn với cô Phan-thị-X. Do đó, mới có bài thơ trên đăng trong một tờ báo Phụ-Nữ thời bấy giờ.

Không rõ bài thơ ấy là của chính cô X. hay là của một thi-sĩ vô-danh nào đó làm thay lời người thiếu-nữ bị tình phụ. Dù sao, bài thơ rất được truyền tụng.

### KHUYỀN MƯỢN LỐT VOI

Tội nghiệp ma-bùn đội lốt voi !  
Vành mõi cong vút uốn như vòi.  
Mặt dày chẳng sợ trăm lần theo,  
Bụng ông còn lo một chuyếntoi.  
Lên tiếng kỳ thoi nghe ẳng ẳng,  
Thở hơi quái gở thấy hoi hoi.  
Thò đuôi chọt lộ nguyên hình khuyen,  
Tập nhảy lồng quanh, nấp dưới bòi.

NGUYỄN-HÒA-SANH (?)

Nguy Nhủ Kontum

### BÁO ÔI LÀ... BÁO

Chưa lúc nào « dui » như lúc này,  
Như ong vỡ tồ bảo ra đầy !  
Vàng, thau, gà, cuộc đều chung lện,  
Dân được tảng lên tít tận mây.

Trán mõi râu ria vẻ thật oai,  
Quyết liều với nước (chớ không chơi ?)  
Chồng lung tung hết, (cho can ty !)  
Chồng cả xâm-lăng lẩn độc-tài.

Khầu-hiệu tung ra cũng thật kêu,  
Khoe khoan đội lập (đội con tiếu !)  
Toàn câu độc-giả tờ hai « tí »,  
Bám đít dân đen đè... hút nhiều.

Lại cũng tranh nhau một cái đồ,  
« Đồ Long », đồ lở với đồ hú !  
Ba hòn bảy via ông rùa hời,  
Có ngùm thì xin chớ lộn mồ !

Lại cũng đua nhau tặng lịch, hình,  
Đồng mòn bà bự rinh ! tùng rinh !

Thứ tư là cái quyền chi nhỉ ?  
Quyền được làm ông... « đĩ nhụt trinh ».

Báo thì lá cải, tin thì... vịt.  
Luận toàn những chuyện ba lảng nhảng.  
Hôm nay phết lác, mai xin lỗi,  
Lên cơn nhảy mũi... hách xì xăng.

Sao thời Nhu, Diệm thấy im hơi ?  
Cách-mạng sau khi mặt mới lỗi,  
Võ ngực kè công cùi tốt mā,  
Ối người ! Ối ngóm ! Ối dưới i roi !

Gà Mờ  
(Báo Việt, Việt)

## DỊCH THƠ ĐỒ PHỦ SUÝT MANG HỌA

Năm 1916, sau khi vua Duy-Tân khởi-nghĩa chống Pháp bị thất bại và bị đày ra hải-ngoại, là người Việt-Nam không ai khỏi ngậm ngùi đau xót. Lúc ấy lại là lúc mà cuộc chiến-tranh Pháp-Đức đang gay cấn, Pháp bị thua liền mấy trận. Một nhà Nho yêu nước, nhơn dịp ấy, đã dịch bài thơ « Thu-Hứng » của Đồ-Phủ ra thơ nôm để ngụ ý:

## THU HỨNG

Văn đạo Tràng-an tự dịch-ký,  
Bách niên thế-sự bất thăng bi !

Vương-hầu đệ-trạch giai tân-chủ,  
Văn-võ y-quan dì tích-thì.  
Trực-bắc quan-san kim-cồ chấn,  
Chinh-tây xa-mā vũ-thư trì.  
Ngư-long tịch-mịch thu-giang lãnh,  
Cố-quốc bình-cư hữu sở ty.

## ĐỒ-PHỦ

## Bài dịch :

Nghe nói trong Kinh, nghĩ chuyện đùa,  
Mùi dời bao xiết nỗi cay chua !  
Những con nhà khá đi đâu cả,  
Một bộ phuòng tuồng sẵn mới mua.  
Tiếng trống đã vang quân Bắc được,  
Mảnh tờ sao chậm báo Tây thua ?  
Rồng nằm ao cá hơi thu lạnh,  
Nước cũ ái mà chẳng nhớ vua ?

Chẳng may cho nhà Nho, có kẻ đem bài dịch trên **mách** Tây, **mặt-tháma** liền bắt giam và hạch tội dịch-giả về hai câu ;

« Mảnh tờ sao chậm báo Tây thua »,  
và « Nước cũ ái mà chẳng nhớ vua »

cho rằng dịch-giả có ý bài Pháp và đứng về phe vua Duy-Tân. May nǎo có một viên-chức cao cấp giải rõ cho Tây biết đó chỉ là một bài dịch thơ Đường của Đồ-Phủ, dịch-giả mới được vô sự.

oo

## NGHÌN NĂM VĂN-VẬT

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long  
 Văn-vật ngày nay mới lạ lùng :  
 Tham biện, tham buôn, tham cán-sự,  
 Đốc người, đốc chó, đốc canh-Nông.  
 Du-còn, mệt-thám đầy sông Nhị,  
 Giăng-há, ma-cô chật núi Nùng.  
 Còn uña, xin ngưng không dám kè.  
 Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long.

Năm 1921, báo « Trung-Bắc Tân-Văn » ở Hà-nội có tổ-chức một cuộc thi Tao-Đàn vịnh « Văn Miếu », lấy câu đầu là :

« Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long »

Nhiều người hưởng ứng : mỗi ngày, báo chí đăng lên mươi bài dự thi, tựu-trung có bài thơ trên đây có tính cách châm biếm các nhân-vật thời đại, được chú ý và truyền-tụng nhất.

Lúc đầu, chỉ có những công-chức có bằng tú-tài trong ngạch tham-biện mới được gọi là ông « Tham ». Về sau, những người không có tú-tài, tốt nghiệp trường Thương-mại và trường Lục-lộ, cũng được gọi là ông Tham, cũng như lúc đầu chỉ có các y-sĩ tốt nghiệp trường Cao-Đẳng y-khoa mới được gọi là ông « Đốc », về sau mới thêm các ông « đốc » thú-y và « đốc » canh-nông.

## VỊNH THỦY-KIỀU

Từ thuở sơ-đuyên lõi phận bõ,  
 Cứa người cam chịu kiếp hoa-nê !

Dặm nghìn rìrug-tía vừa ra khôi,  
 Lỗi cũ lầu xanh lại bước võ.  
 Đã chót lỗi thề cùng chú Hải,  
 Lại thêm sương mặt với anh Hồ.  
 Lòn chồng trốn chúa con người ấy,  
 Vì nước, vì dân ở chỗ mò ?

Bài thơ trên được truyền-tụng vào năm 1948 ở Bắc-Việt. Người ta cho rằng tác-giả bài thơ ấy là cụ Tùng-Lâm. Tác-giả đã khéo mượn thân-thể nàng Kiều để chỉ-trích một vài nhân-vật có liên quan đến thời cuộc lúc bấy giờ, mà cụ cho là đã lâm vào kiếp « dịch chủ tái nô ». Cụ dùng các tên lấy ở truyện Kiều như là « chú Hải » và « anh Hồ » để ám chỉ các nhân vật nói trên, thật là quá tài tình. Nghệ thuật ám dụ đã được cụ vận dụng một cách tuyệt kỹ.

## THỐI THỐI HUNG

Hủ Kép-Trà, quen thói sược-sung,  
 Đề phường mũ áo thiện vô cùng.  
 Anh Quỳnh múa mép, can chơi sô,  
 Chú Thiếu ngồi trơ, chịu mát lòng,  
 Mấy cái đào-hoa cười khúc-khích,  
 Một đòn tai ướt huýt tung-tung. (1)  
 Tiên-Điền, giờ cụ, ngày hôm đó,  
 Cái đình trăm-hương, thói thói hung !

(1) Tai ướt : bợn tiê tuổi, thanh-thiếu-niên mới ra đời.

Thời Pháp thuộc, một hôm nọ, tại Hà Nội, trong một buổi lễ do Hội Khai-Trí Tiên-Đức tổ-chức để kỷ-niệm húy-nhựt của Cụ Tiên-Điền Nguyễn-Du, có nhiều tai to mặt lớn trong hàng-nghề quan-lại đến dự : Thiếu-bảo Hoàng-trọng-Phu, các Tuần-phủ, Tông Đốc và Phủ-huyện các tỉnh lân cận. Có mặt cả sinh-viên Cao đẳng nữa. Một số cô đầu trẻ đẹp cũng được mời đến để ngâm Kiều. Diễn-giả là hai Cụ Trần-trọng-Kim và Bùi-Kỳ.

Theo chưóng-trình buổi lễ, sau phần diễn-thuyết, thì đến lượt ông Kép Trà, một nhà rao có giọng ngâm tốt, lên ngâm và bình luận bài « cúng thập loại chúng sinh » của cụ Tiên-Điền.

Sau khi đã ngâm đoạn :

« Nào những kẻ mũ cao, áo rộng !  
Ngòi bút son, thác sông ở tay.  
\* \* \* \* \*  
Nghìn vàng không đòi được mình.  
Lầu-ca, viện-xướng tan-tành còn đâu.  
Người thân-thích vắng sau vắng trước,  
Biết lấy ai bát nước nén hương ? »

Ông Kép Trà dōng đặc bình rằng : « Đây chính là bọn cướp ngày ! (lấy ở câu « cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan ») Chúng tưởng vor vét cho nhiêu đẽ được suốt đời vinh thân phì giả. Ai ngờ khi có binh-biển, tài-sản và sinh-mạng của chúng đều tan tành trong nháy mắt. »

Các quan-lại ngồi nghe đều lịm người. Có mấy viên phủ-huyện xông lên diēn-dàn, định hành hung Kép Trà. May hai cụ Trần-trọng-Kim và Bùi-Kỳ, ngồi gần đó, ngăn lại kịp. Ông Phạm-Quỳnh (năm đó là chủ-tịch quản-trị Hội Khai-Trí Tiên-Đức) đứng

lên nói mấy câu hòa-giải rất khéo. Cụ Thiếu Hoàng-trọng-Phu cười gượng. Các à đào quay mặt bùm miêng cười rúc rích. Còn sinh-viên thì huýt sáo miêng.

Hôm sau, người ta thấy đăng trên một tờ báo hàng ngày bài thơ trào phúng « Thối thiối hung » đã ghi ở trên.

### THƠ MỪNG THỢ QUẬN-CÔNG HOÀNG-CAO-KHẢI

Vương khí Lam, Hồng đức vi-phân,  
Trời ban thêm tuổi, chúa thêm ân.  
Huân danh sự-nghiệp Hiến-Thành Lý,  
Phú quý vinh-hoa Nhật-Duật Trần.  
Con cái một nhà hai Tông-Đốc,  
Pháp Nam hai nước một công-thần.  
Tuần này hạ thợ là tuần bảy,  
Còn biết sau đây mấy chục tuần.

Hoàng-cao-Khải là một tay sai rất đắc lực của thực dân Pháp, nên được chính-phủ Bảo-hộ và Nguyễn-Triều phong chức « Bắc-Kỳ Khâm-sai Kinh-lược đại-thần, phó Quốc-Vương, Duyên-mẫu Quận-công ».

Năm 1919, nhân dịp Hoàng-cao-Khải ăn mừng thất tuần của mình, một ông đồ Nghệ đem đến mừng họ Hoàng bài thơ trên đây.

Mới đọc qua, ai cũng tưởng ông đồ ca tụng họ Hoàng, nhưng ngẫm kỹ, người ta mới hiểu thâm ý của ông đồ ló chửi khéo viên Kinh-lược Bắc-kỳ bằng câu thơ « pháp Nam hai nước một công-thần », ám chỉ việc Hoàng-cao-Khải tích cực giúp quan quân Pháp sát hại đồng-bào ta để củng-cố nền đô-hộ.

Đến khi Hoàng-cao-Khai chết, các nhân-sĩ Thanh-Nghệ có đì  
đôi câu đói điếu sau đây, không kém phần thâm thúy :

« Ông ra Bắc bấy lâu, quyền Kinh-lược, tước Quật-công, bốn  
bè không nhà mà nhất nhì ?

« Cụ về Tây cũng tiếc, trong triều-dinh, ngoài thôn-dã, một  
lòng vì nước có hai đậu ! »

Hoàng-cao-Khai là một thi-sĩ tài-hoa : ông đã sáng tác nhiều  
bài thơ vịnh-sử rất hay. Nhơn ông làm bài :

#### VỊNH THÀNH CÒ-LOA

*Thành ốc mây mờ cỏ lắn rêu,  
Biển tê trăng lảng, nước dung triều.  
Hòa thân, trót đã lầm đói chữ,  
Ân oán, xui nên dù mọi điếu !  
Quy-trào dẫu rằng cơ tạo đồi,  
Nga-mao như có nợ tình đeo.  
Hung vong, biết chưa người thiên-cô ?  
Thành-tín bao nhiêu, đói bấy nhiêu !*

một nhà Nho, với mục-đích châm-biếm, đã họa lại như sau đề vịnh cải  
thái-áp mà quan thầy Pháp đã đặc-biệt cấp cho họ Hoàng làm nơi  
hưu-dưỡng :

#### VỊNH THÁI-HÀ-ẤP

*Thái-Ấp mây mờ cỏ lắn rêu,  
Pháp Nam, trung tin cả hai triều.*

*Hòa thân, trót đã lầm đói chữ,  
Ân oán, xui nên dù mọi điếu.  
Nước Việt dẫu rằng cơ tạo đồi,  
Làng Tơ như có nợ tình đeo. (1)  
Hung vong biết chưa, anh Tường, Thuyết ?  
Hục-hặc bao nhiêu, chết bấy nhiêu !*

#### THƠ GHI « CÔNG ĐỨC » CỦA TUẦN-PHỦ VI - VĂN - ĐỊNH

*Vi-trùng dịch-tả đại-nhân,  
Ngài nên hiền thấu tình dân Thái-Bình.  
Thái-Bình lầm nỗi bất bình,  
Vì đói khồ phải biều tình năm xưa.  
Trả lời súng bắn như mưa,  
Chín mươi mạng chết còn chưa hả lòng.  
Lại còn đốt phá lung tung,  
Đông-Nho, Thanh-Giám chỉ trong mấy giờ.  
Trâu bò gạch ngồi trống tro,  
Đồng tro vô-đạo bảy giờ còn nguyên.  
Lời cảm túc, tiếng rủa nguyễn  
Mấy năm nay vẫn còn truyền-tụng nhau.  
Mùa này lúa lại bị sâu.*

(1) Làng Tơ là nguyên quán người súng cơ của cụ lớn.

Lấy gì nộp thuế nuôi nhau lúc này.  
Quan Ôn ngài tình hay say,  
Mà không hiểu thấu tình nầy cảnh kia ?  
Lại còn vênh vào mõ hia,  
Lại còn báo hại dân quê Thái-Bình,  
Lại còn bắt góp từng trinh (1),  
Còn muốn bừa tiệc linh đình tiền dura.  
Vi-trùng đích-tả hiểu chưa ?  
Mấy nghìn phù-thủy (2) phải đưa tiền ngài.  
Số tiền góp một gấp hai (3),  
Mấy nghìn bạc ấy của ai hời ngài ?  
Chúng tôi đoán nếu không sai,  
Sẽ rút ruột ngắn ruột dài của dân.  
Ơi Ôn-thần hời Ôn-thần,  
Sao không biết nhục tǎm thân râu mày ?  
Liệu mà xa chạy cao bay,  
Đừng quen kiêm chác vùng nầy nữa đâu.  
Gánh gông vội cút cho mau !

(1) Trinh là tiền Khai-Định.

(2) Tay sai của Vi-vân-Định hay quan-lại hương-chức dưới quyền Vi.

(3) Mỗi người đi tiền chén Vi phải góp 4 đồng và phải mất thêm bốn đồng vào cửa nữa lõi tám đồng.

Vi-vân-Định là một tham quan nổi tiếng ở ngoài Bắc dưới thời Pháp thuộc, tham nhũng và tàn ác không thua gì cha con Hoàng-cao-Khai, Hoàng-trọng-Phu ở đất Bắc, hoặc bọn Đồ-hữu-Phương, Trần-bá-Lộc ở miền Nam. Nhờ có công bắt bớ các nhà cách-mạng chống Pháp mà họ Vi được thực-dân cho thăng quan tiền chức rất mau chóng : từ địa-vị một hương-chức quèn ở một tỉnh miền thượng-du Bắc-kỳ, Vi đã leo lắn lên đến chức Tuần-phủ rồi Tòng-đốc trong một thời-gian có thể nói là kỷ-lục.

Khi Vi được bổ về làm Tuần-phủ tỉnh Thái-Bình, Vi đã tỏ ra tham-nhũng và tàn ác không thể nói, đến nỗi nhân-dân tình ấy phải nỗi dậy làm cách-mạng, tạo cơ-hội cho Vi đàn áp thẳng tay để lập công to.

Nhờ vậy, Vi được bổ đi làm tòng-đốc Hà-Đông thay Hoàng-trọng-Phu về hưu trí. Trước khi rời khỏi tỉnh Thái-Bình, Vi bắt hương-chức và quan-lại tỉnh nầy phải đóng góp cho Vi tiền tiền chén. Do đó, nhân-dân tỉnh Thái mới có bài thơ trên đề ghi « công-đức » của Vi.

Khi còn ở Hà-Đông, Vi cho xây một hòn non bộ rất đắt tiền, và mời một nhà Nho hay chữ ở Nam-Định lên để hai câu đối vào non bộ. Ông Tú Tân (tên nhà Nho) liền viết :

« Nam-Sơn trúc bất tận

« Đông-Hải ba vô cùng. »

Ông Tú cắt nghĩa : giòng dối Cụ lớn như bụi trúc ở Nam-Sơn, không bao giờ hết, và sự-nghiệp của Cụ lớn như sóng ở biển Đông, không biết bao nhiêu mà kề.

Họ Vi rất thích chí, trọng thưởng ông Tú. Về sau, ai đến chơi, Vi cũng đem câu đối ra khoe.

Ai cũng cho câu đối ấy là hay. Duy chỉ có Cụ Huyện Phạm-Can ở làng Quyết-Hưng, tỉnh Nam-Định, là hiền thâm ý của ông Tú Tân đã chửi khéo họ Vi. Cụ Huyện giải-thích: Hai câu đối trên chính là gốc ở hai câu trong bài hịch đánh Tùy-Dâng-Đế xưa của Lý-Mật đời đầu ờng :

« Quyết Đông-Hải chi ba, lưu ác bắt tận.  
« Khánh Nam-Sơn chi trúc, thú tội vô cùng. »

Nghĩa là :

« Khoi hết sóng Đông-Hải cung chưa hết ác,  
« Viết hết trúc Nam-Sơn cung chưa hết tội. »



Việc các nhà Nho « chơi chữ » để chửi khéo một cách công khai và táo bạo, bọn tay sai hạng bự của thực-dân Pháp, như chuyện ha câu đối của ông Tú Tân vừa kè trên, khiến người ta nhớ đến một câu chuyện « chơi chữ » tương-tự, không kém phần lý-thú :

Ấy là câu chuyện bức trường có bốn chữ :

« ĐẠI ĐIỀM QUẦN THẦN »

mà các nhân-sĩ ngoài Bắc đã đem đến mừng đốc-phủ-sứ Nguyễn-văn-Tâm (nổi danh là « cọp Cai-Lậy ») trong một buổi lễ ra mắt, khi Tâm được thực-dân Pháp đưa ra làm Thủ-hiến Bắc-Việt trước ngày Hiệp-định Genève 1954 ra đời. Đốc-phủ họ Nguyễn cứ đinh ninh rằng các nhân-sĩ miền Bắc rất phục tài kinh bang tế thế của mình nên mới tặng mình bốn chữ có tính-cách khen ngợi và tâng bốc. Họ Nguyễn có ngờ đâu rằng mình đã bị các nhà Nho chửi khéo, vì « đại điêm quần thần » có nghĩa đen là « chấm to bầy tôi », nói lái thì thành ra « Chó Tâm bồi Tây l »



### HOÀNG-TRÙNG, VI-TRÙNG

Hoàng-trùng đi  
Vi-trùng lại  
Suy đi xét lại :  
Vi hại hơn Hoàng.

### TRẦN-BÌNH

Khi Vi-văn-Định lên thay Hoàng-trọng-Phu làm Tông đốc tỉnh Hà-Đông, thi ở tỉnh này đang có nạn hoàng-trùng cắn lúa ở Mỹ-Đức và bệnh dịch-tả ở Chương-Mỹ. Ông Trần-Bình làm bốn câu thơ trên nói về hai tai nạn, nhưng ai đọc cũng hiểu rằng ông ám chỉ hai vị Tông-đốc đi và đến tức họ Hoàng và họ Vi.

### CHỦA HOÀNG

Ai về nhẫn bảo việc này cho ?  
Nhẫn bảo cho rằng : việc lỡ to !  
Chép miệng, bà nuôi to cái dại,  
Phờ râu, ông rè ầm con so.  
Cầm sâu sào quá, nên thêm khó,  
Néo riết giây vào, hóa phải lo.  
Vẫn biết sống lâu nhiều sự lạ,  
Tử qui thắt lại một con cò.

### NỢ PHONG-LƯU

Đó biết bao nhiêu vốn lãi lời,  
Phong-lưu thôi mắc nợ to rồi !

Gió trăng mượn cả kho vô tận,  
 Ngày tháng tiêu tràn của cánh-lai (1)  
 Văn-tự viết cho thiên-hạ giũ,  
 Tinh-danh ghi đè thế gian coi.  
 Hãy xin trời đất cho sinh-túc,  
 Thể có van ai có chịu ai.

Cụ mèn QUÁN-VINH (?)

### HỎI MUỖI

Hỏi muỗi, mày sinh giáp-ti nào ?  
 Bay cao bay bồng mặc tiêu-dao.  
 Ngày thời đứng-đình chơi màn thắm,  
 Tôi lại vo-ve ấp má đào.  
 Ghẹo khách anh hùng cơn thức tỉnh,  
 Trêu người thực-nữ lúc chiêm-bao.  
 Tiếng vang thiên-hạ người kinh sợ,  
 Cung quế phòng tiêu tố lối vào.

### GHẸO CÔ SƯ

Nhân bước nhàn-du tới cửa chiến,  
 Hỏi người quy Phật đã bao nhiêu ?

(1) Của cánh-lai : cửa di rời tại lại.

Tóc to sao nơ hoa xưa kia,  
 Má phấn can gì đè phụ duyên ?  
 Chín kiếp nhũng toan ngồi bệ ngọc,  
 Mười đời dễ được ngự tòa sen.  
 Thời thì nghĩ lại Châu Trần đó,  
 Trả quách cà-sa nối bút nghiên.

### CON RUỒI

Trời sinh các cớ giống con ruồi,  
 Có cánh sao mà chẳng có đuôi ?  
 Mắt lớn chuyên dòm đồ nhớp-nhỏa,  
 Vòi dài chỉ hút vật tanh hôi.  
 Gặp may lăm lúc đèo khu ngựa,  
 Thìa thể nhiều khi đậu trốt voi.  
 Cúng cắp cỗ bàn đều nich trước,  
 Gươm vàng cúng xếp đứng mà coi.

### ĐẠM-TRUNG nū-sī (?)

### CON MUỖI

Muỗi hối, muỗi oỉ sướng đủ điều,  
 Còn chi chi nữa hãy còn kêu ?  
 Lầu son gác tía ngày qua lại,

Má ngọc da ngà bùa áp yêu.

Sướng miệng nào thương con trẻ dài,

Cành hồng chi sá lũ dân nghèo.

Nay mai đầu có đơn quỳ đến,

Xử tội nhà người mắt chẳng nheo.

« Gia-phạn thê-luân »

Một ông đồ nho dịch :

Dẻo thơm hai bùa nhò ơn nước,

Dày mỏng năm canh săn nếp nhà.

TƯỚNG MẠO

Hồng diện đa dâm thủy.

Mi trường hộ tố mao.

Triết yêu chân cự huyệt.

Trường túc bất tri lao.

Dịch :

Những cô má đỏ hồng hồng,

Nước tình tát mấy gầu sòng cho voi.

Những cô có bộ mi dài,

Tơ tình đốt được một vài thúng tro.

Những cô thắt đáy lưng vồ,

Giếng tình phải đặt chuyền đò sang ngang.

Những cô có bộ chân tràng,

Một đêm chịu được một làng trai to.

BAN NGÀY SỰ GHEO VÃI

Sái ghẹo vãi :

Chùa vắng có ai mà !

Yêu nhau chút gọi là.

Rủ nhau ra hậu uyên,

Ta...

Vãi mắng :

Lảng lơ cái mặt như...

Cóc nhái cũng chẳng từ.

Tu hành đâu có thể

Hu !

Tiêu tăng dọa :

Hôm qua có chuyện hay,

Thày ghẹo vãi ban ngày.

Bồn đồ không ai biết,

May !

Sái van :

Chú tiêu thật là ngoan,

*Chuyện thấy chờ nói cần !*

*Đêm râm cho ăn oán,*

*Van !*

VỊNH NHÀ DỘT

*Lầu tiện ba gian giải nắng sương,*

*Thay trời dòm xuống biết trời thương.*

*Dõi dào đã được nhờ ơn nước,*

*Sáng lặng càng thêm tỏ bông gương.*

*Đêm có á Hằng kẽ kẹt vách,*

*Ngày thêm gì gió quạt bên giường.*

*Lại còn một vẻ thanh quan nữa :*

*Ngọc lộ đầy mâm đè uống thường.*

MÂNG MUỖI

*Chúng bay loài bọ gậy,*

*Ở nước chỉ hay quẩy*

*Xuống dưới đã ăn cần,*

*Lên trên lại làm bậy.*

*Sợ những kẻ nằm màn,*

*Khinh các người mặc váy.*

*Thể cũng gọi là « văn » (1).*

*Thật là một lũ xoáy.*

Dưới thời Pháp thuộc, sở Kiểm-Duyệt bỏ không cho đăng bài thơ « Mảng muỗi » trên đây chỉ vì mấy chữ « xuống dưới ăn lên trên làm bậy » cho là động thời văn.

NÓI KHOÁC

*Ta con ông Cống, cháu ông Nghè,*

*Nói có trên trời dưới đất nghe.*

*Sức khoẻ Hạng-Vương cho một búng,*

*Cờ cao Đế-Thích chấp dài xe.*

*Nhảy ầm xuống biển lôi tàu lại,*

*Chạy tốc lên non kéo cọp về.*

*Độ nở vào chơi trong Nội-phủ,*

*Ba nghìn công-chúa phải lòng mê.*

GIỚI HÈN

*Tạo-hoa sinh chí cái giới hèn,*

*Thay lòng, đổi dạ biết bao phen :*

*Tây sang : hi hùng lom khom vái.*

*Nhật đến : vội vàng khum núm khen.*

*Việt-Cang : hoan hô như sấm dậy,*

(1) Chữ Nho « văn » nghĩa là muỗi, cùng âm với « văn » là văn-chương.

Bảo-hoàng : vạn tuế cũng rùm beng.

Công-hòa nhân-vị xun xoe tán.

Tạo-hóa sinh chí cái giờ hèn !

### TẶNG ĐẠI-PHÁP CÔNG-THAN TRẦN-BA-LỘC

Ay là nước loạn biết tôi ngay,

Danh tiết ngàn thu rạng súr Tây.

Dân-nghĩa mẩy phen oai súng nồ,

Công-hòa ba sắc ngọn cờ bay.

Quê-hương là chõ sanh cha mẹ,

Xương thịt dìng cho thận cỏ cây.

Da trắng phuortc nhiều sôi máu đỏ,

Cái thân dìng thận nước non này.

Trần-Bá-Lộc là một tay sai rất đặc-lực của thực-dân Pháp trước đây trong việc bắt bớ và đàn áp các nhà cách-mạng Việt-Nam, nên được quan thầy cho thăng đến chức Tòng-Đốc. Một nhà nho vô danh miền Nam làm bài thơ trên đây để mừng Lộc, nhưng sự thật là đê chửi khéo Lộc một cách rất thâm thúy : trong lúc nước loạn mà công-danh sự-nghiệp của một người tôi ngay chỉ được ghi lại trong sử Tây, thì còn gì nhục nhã cho bằng !

### ÔNG PHỦ CỒNG BÀ ĐẦM

Thằng cha Phủ Vinh thế mà thâm,

Nịnh bố cu Tây, công mẹ Đầm.

Đôi vú áp vai đầu nghẽn nghẽn,

Hai tay bưng đít mặt hầm hầm,

Phen nãy cứng cánh nhò ơn tờ,

Lúc ấy sa chân chết bỏ bầm !

Chẳng kè mề-day cùng tưởng-lực,

Ngửi tay, tủm tỉm miệng cười thầm.

Thời Pháp thuộc, một hôm, viên tri-phủ Vinh-Tường cùng đi thăm đê với vợ chồng lão Công-sứ địa-phương, vì năm ấy nước sông dâng cao. Đi đến một quảng đường bị ngập nước, viên Công-sứ đi qua, nhưng bà đầm dành chịu. Thấy vậy, viên tri-phủ chạy lại cõng bà đầm qua chõ lội, sau mấy lần suýt bị ngã, vì bà đầm nặng cân mà đường thì trơn. Một thi-sĩ vô danh được mục-kích cảnh ấy, bèn làm bài :

### CHÚT TÌNH YÊU VỤ, VỊ YÊU CON

Cụ lớn sao còn tình trẻ con ?

Vú em bỗng chốc hóa hẫu non !

Máu dê pha lẫn hơi đồng xu,

Bia Tân trăm năm đá chẳng mòn.

Một Cụ Lớn miền Sông Lô núi Tân (tỉnh Sơn-Tây) bệ bạ với con vú em, tiếng đồn khắp tỉnh ai nấy đều biết, khiến Cụ Lớn phải lấy vú em làm vợ bé đê bịt miệng thế-gian. Nhơn đó, một thi-sĩ đã làm bài thơ trên đây để tặng Cụ Lớn, và một thi-sĩ khác đã họa lại như sau để « bài chửa » cho Cụ Lớn :

Chút tình yêu vú, vì yêu con,  
Già trẻ cùng chung một nỗi non.  
Thế-giới tự do tùy sở thích,  
Sá chi bia miệng dẽ không mòn !

## ÔNG THÙA

Ông là Thùa-phái Hoàng-Nông,  
Ông ngồi ông nghĩ mình ông thật « thùa ».  
Thế-gian người đã dù vừa,  
Có chi trời lại lọc « thùa » ra ông ?  
Mắt « thùa » ông chẳng buồn trông,  
Thấy gái má hồng ông liếc ông chơi.  
Tai « thùa » ông chẳng nghe ai,  
Thấy chuyện nực cười ông ghé thoáng qua.  
Miệng « thùa » ông chẳng nói ra,  
Thấy chuyện mặn mà ông nói dù nghe.  
 Tay thùa ông chẳng muốn phê,  
Thấy dấu đố lè ông vẽ mực đen.  
 Chân « thùa » ông chẳng muốn chen,  
Thấy bước đường liền ông bước ông đi.  
 Bụng thùa ông chẳng muốn suy,  
Ông cứ gau lì mà việc cũng xong.

(nhủ tâm đắc) → Vậy, Ông "thùa" câu năm huy đồng  
Những cô con kê, Thành bài  
... ai cắn ông cho

Hỏi còn « thùa » cái gì không ?  
Ngán cho những bạn nhà nho  
Mắt tiền mắt của đi lo ông « Thùa ».

TÚ KHIÊM (?)

VỊNH CUỘC THI THƠ Ở  
NÚI DỤC-THÚY (NINH-BÌNH)

Cách đây vài chục năm, ở tỉnh Ninh-Bình, tuần-Phủ họ Dương và án-sát họ Vũ mở câu-lạc-bộ ở núi Dục-Thúy (cũng gọi là núi Non-Nước) để tổ-chức cuộc thi thơ, có mời cả đầu đến ngâm các bài thơ trùng giải. Rút cục, thơ chẳng ra gì, duy có đào nương là có vẻ dễ thương và có giọng ngâm nghe được. Về sau, người ta thấy viết lên tường nhà phương-dinh trên núi bài thơ châm biếm sau đây, không biết của nhà nho nào :

Ngo ngác khen cho một lũ mường,  
Khéo là giờ giỏi chuyện văn-chương !  
Vài thầy đờ dốt bình hay lẩn,  
Mấy chị đào non hát dễ thương...  
Mặt sứa gan lim quan Án Vũ,  
Cán mai đầu tát cụ Tuần Dương.  
Từ rày nhẫn nhủ thôi đi nhé,  
Kéo bần lây vào đá cụ Trương ! (x)

(1) Trương-hán-Siêu cũng có thơ khắc vào đá trên núi Dục-Thúy.

## THƠ CHÂM BIẾM CỦ THƯỢNG PHẠM-QUỲNH

Năm 1933, sau khi nhà học-giả Phạm-Quỳnh được viên Toàn-Quyền pierre Lasquier đưa từ ghế chủ bút tạp-chí Nam-Phong ở Hà-nội lên ghế thượng-thư ở Huế, có nhiều bài thơ châm-biếm ra đời. Sau đây, xin ghi lại ít bài chua chát nhất :

## CÁI DIỀU

Tung hoành đừng tưởng gặp hời may,  
Có biết vì đâu sáng tạo mày ?  
  
Thân phận chắc chỉ tờ giấy bản,  
Tơ duyên chừng cậy sợi dây đay !  
  
Mà toan ngắt ngưỡng trời mây ấy,  
Lại chực vo ve đất nước này.  
  
Lên lầm ông cho rồi có lúc,  
Một cơn mưa nhỏ biết nhau ngay...

## VỊNH ÔNG TÀO

## I

Cục đất ngày xưa nó thế nào ?  
Nay làm ông Táo chúc quyền cao.  
Khéo đem mặt lợ vênh vang thế !  
Chẳng hồ lulling khom khum num sao ?  
  
Ngày nhứng giữ nỗi cho địa-chủ,  
Quanh năm kiêm chuyện mách Thiê..Tào.

Một mai dắt lại thành ra đất,  
Cái dây chè xôi đáng giá bao ?

## II

Thần-quân thể cũng trước trời phong.  
Chấp chưởng làm chi giữa cõi Đông.  
Nồi gạo lo toan ngày sơ hỏng,  
Hơi đồng liêm láp bùa ngôi trông.  
Oai quyền xó bếp vui chí đó,  
Đè nén trên đầu có biết không ?  
Lành dữ việc đời sao ngậm miệng.  
Nực cười cục đất nén ra ông !

## PHẠM-QUỲNH RA LÀM QUAN

Tin mới đồn vang khắp lưỡng Kỳ:  
Thượng-Chi rày đã hóa Tham-tri.  
Rõ nhà họ Phạm dư hồng phúc,  
Thật mệnh anh Quỳnh có tử-vi.  
Kinh trăng sẽ ra hàng báo chí,  
Bài vàng nay dựa đám quyền uy.  
Công gào lập-hiến ừ ! không uồng, (1)  
Trực-trị như ai có ích gì ! (2)

(1) Phạm-Quỳnh chủ-trương « quân-chủ lập-hiến »

(2) Nguyễn-văn-Vịnh chủ-trương « trực-trị »

## THI-CA CHÂM BIẾM và TRÀO LỘNG VN.

Năm 1945, sau khi Việt-Minh chiếm chính-quyền, ông Phạm Quỳnh bị Việt-Minh bắt và, sau đó ít lâu, bị thủ-tiêu tại làng Hiền-Si (Thừa-Thiên) cùng một lúc với hai con ông Ngô-đình-Khổi và Ngô-đình-Huân.

Các câu thơ :

« Lên lâm ông cho rồi có lúc  
« Một cơn mưa nhỏ biết nhau ngay ! »

hay là « Một mai đắt lại thành ra đất »

ghi trên, đã tỏ ra linh ứng lạ thường.

•

## CHUỒNG BÁCH THÚ

Dưới rặng cây xanh mây dây chuồng,  
Mỗi chuồng riêng một giống chim muông.  
  
Khù khù vua cọp no nằm ngủ,  
Nháo nhác dân hươu đòi chạy chuồng.  
  
Lũ khỉ được ăn bày làm chuyện,  
Đàn chim nô-mô hát ra tuồng.  
  
Lại thêm cầy cáo dám ba chủ,  
Hì hục tranh nhau một nắm xương !

1932

HÀ I-ẤU-TỬ (?)

## VỊNH MỘT ÔNG TÂY CÂU CÁ Ở HỒ GƯƠM

Điều dài còn đó khách đi đâu ?  
Mà để cho người thả lưới câu !  
Tôm tép lao xao trên mặt nước,  
Cá rồng lẩn nấp ở dòng sâu.  
  
Ngựa xe tắt tưởi cầu Chu-Tước (1)  
Chim chóc ráp riu khách bạch âu.  
Thay cảnh lại càng ngao ngán cảnh !  
Tiếng chuông đâu đã giục bèn tẫu.

Dưới thời Pháp thuộc, các nhà văn thường dùng nghệ-thuật im-dụ để biểu thị thái-độ của mình đối với thời cuộc. Ở hai bài thơ trên, nghệ-thuật trào-phúng ám-dụ đã được vận dụng một cách tài tình và sắc bén để đả kích bọn tham quan, xu nịnh, đua nhau làm tay cho Pháp.

## BÀI THƠ VỊNH KIỀU XỎ ÔNG ÁN-SÁT TỪ-ĐAM

Lúc ông Từ-Đam ngồi ghế án-sát tỉnh Nam-Định, một hôm, ông cho bắt giam một anh khóa-sinh về một khinh tội gì đó. Biết ông rất thích truyện Kiều, nên mỗi ngày cứ vào buổi trưa, anh khóa-sinh ngâm Kiều mà ngâm thật to tiếng, cốt không cho ông án ngủ trưa. Ông án giận lắm, truyền lính giải anh khóa-sinh đến trước mặt minh, bắt làm thơ vịnh Kiều, hứa sẽ tha nếu làm được, bằng không thì đánh đòn. Anh khóa mượn giấy bút, suy nghĩ một lúc, rồi chép ra

(1) Câu Thơ-Húc ở Hồ Gươm

bài thơ sau đây trình lên ông án. Xem xong, ông án biêt anh khóa mượn truyện Kiều để xỏ mình, nhưng thơ hay quá và vì đã trót hứa, ông dành tha anh khóa.

## VỊNH KIỀU

*Khóa cửa phòng xuân đê đợi chờ,  
Mà em mắt nết tự bao giờ ?  
Chàng Kim mê gái công deo đằng,  
Viên Ngoại chiêu can chắt ngắt ngør.  
Nợ trước hẹn hò con đĩ Đạm,  
Duyên sau gấp gỡ bõ cự Tùr.  
Muời lăm năm ấy bao nhiêu sướng ?  
Còn trách làm chi chú bán tor !*

Anh khóa-sinh đã mượn tên hai nhân-vật trong truyện Kiều là Đàm-Tiên và Tù-Hải để chửi khéo ông án-sát Tù-Đạm.

## « CẦU TỰ »

Cảnh tàn cư trong thời kỳ kháng Pháp

*Vợ TRÈ (dánh thức chồng đang ngủ say) ;  
Vai năm tắc rỗng đê làm chi ?  
Chắp tối ăn no đã ngủ khì !  
Mình ơi ! Tình dậy chiểu em tí,*

*Đi !...*

## CHỒNG (vừa ngáp vừa van lợn) :

*Cả ngày bạn rộn việc văn bài,  
Mỗi cả xương sườn, mỗi cả vai !*

*Chuyện ấy đêm nay xin gác lại,  
Mai !...*

## VỢ (nũng nịu) :

*Văn bài gì những chuyện lồng bồng,  
Mình cố chiều em có chút bồng !  
Cứ hẹn ngày mai rồi lại một,  
Không !!!*

## CHỒNG (nồi xung) :

*Ngủ chung lầm chuyện bức mình sao !  
Mình muốn yên thân họ cứ gào.  
Muốn chết, thì đây, ông cho chết,  
Nào !...*

## » NỘP THUẾ »

Một bà (V-1) và một bà (V-2) khác, cũng vào thời kỳ nói trên. Một chồng bà (V-1) và bà (V-2) cùng ngủ chung một giường. Bà V-1, đã có thai, đánh nằm giữa. Vào khoảng hai giờ sáng, bà V-2 (20 tuổi, trẻ), với tay ngang qua bà V-1, khẽ đánh thức chồng dậy :

*V-2 : Đêm nay sông lặng gió êm,*

*Lái kia có muôn, ghé thuyền sang chơi.*

**CHỒNG :** Thuyền hằng nhớ bến, bếnơi !

Mắc đòn Quan-Thuế khó xuôi được đò !

**V-1 :** (cũng còn thíc)

Sông kia ai cắm ai đo,  
Muốn xuôi thì nộp thuế đò mà xuôi.

**V-2 :** Chẳng buôn chẳng bán thì thôi,  
Nộp đò hết vốn, còn xuôi nỗi gì !!

### THẦY ĐỒ

Thầy đò nợ là người tài bộ,  
Quay cẩm thư di giáo-thụ phủ Vinh-Tường.  
Trước nha môn thiết một học-dường,  
Dạy dặm đứa chi hờ già già.  
  
Nhơn một buổi đò ngồi nhàn hạ,  
Ra hờ sen xem à hái hoa,  
À hờ hênh à đè đò ra,  
Đò trông thầy đò ngâm ngay tức khắc :  
« Định tiền lảng mạn hoa sinh sắc,  
« Thủy điện mang mang bạn thờ thẫn »  
Đò ngâm rồi đò đứng tầng ngăn,  
Đò nợ ngầm đò kia thêm thắc mắc.  
Đêm nằm canh đò nằm không nhấp;

Những mơ màng đò nợ tưởng đò kia.

Đò đâu gấp gỡ làm chi !



### ĐÁNH GIẶC ĐÊM

Nữa đêm giờ tí trống canh ba,  
Vác súng lên thành tháo lũy ra.  
Một tướng xông vào trong cửa ải,  
Hai quân lẩn lóc bái san hè.  
Quân ta giao chiến cùng quân nó,  
Nước nó giao hòa với nước ta.  
Đánh giặc xong rồi lau khí giới,  
Thu binh hồi trại xếp can qua.



### MÃ TUỐC

Buổi thanh nhàn trà sau rượu trước,  
Vui anh em mã-tước lại bày ra.  
Ai khéo điệu tơ trong ngọc trắng ngà,  
Cho quân-tử hết xoa rồi lại mó.  
Xuân, hạ, thu, đông còn áp ủ,  
Mai, lan, cúc, trúc đã kẽ vai.  
Ai nhảm hơn ai mà ai nhẫn hơn ai ?

Kia « bạch bản » với « phát xôi » nom cho kỳ.  
 Chì mó trúng tui cười đặc ý,  
 Bị tay trên mặt sỉ đồ trâu.  
 Cuộc chưa tàn ai đã chắc đâu,  
 Đến gió Bắc mới lên râu ăn với phỗng.  
 Mười ba cô như thơ như mộng, (1)  
 Hoa dựng lên hoa cắm cửa mình :  
 Chị em xuyên khéo thành phẽn !

## ĐÁ GÀ

Vui xuân nhầm tiết mộng ba,  
 Ông bà cao hứng bắt gà đá chơi :  
 Gà ông ngóng cõi gáy hơi,  
 Gà bà thủ bộ đợi thời gà ông.  
 Gà ông chém trúng cạnh mồng,  
 Gà bà nồi giận ngậm cắn gà ông.  
 Đá nhau một chặp ướt lông,  
 Gà bà trúng cửa, gà ông gục cắn !

## TU MI NAM-TƯ

Tu-mi nam-tử,  
 Chẳng nên không mà cũng chẳng nên xồm.

Không ra, mang tiếng trơ hàn,  
 Xồm ra cũng lắm phen tội tội.  
 Đến với vợ, vợ tưởng chòng ngâm chồi,  
 Lại cùng con, con tưởng bố ôm rơm  
 Hay kiếp xưa nặng nợ dè xồm,  
 Hay đức sao Tuệ (1) ở trên trời giáng hạ.  
 Hồi Bà Mụ vẽ vời chi khéo quá !  
 Cũng là hàn sao nỡ lắm râu ?  
 Thôi, tôi chẳng lấy ông đâu.

## TÁ VĂN NHÂN-GIAN

Tá văn nhân-gian xuân kỷ đỗ ?  
 Bóng thiều-quang bảng-lảng xế về Tây.  
 Khi thanh-nhàn ngồi tĩnh đốt ngón tay :  
 Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy !  
 Cũng bắt quá lần hồi năm tháng ấy,  
 « Trinh » mà chi, « Tiết » nữa mà chi !  
 Sau trăm năm đám cỏ xanh rì,  
 Hồi tưởng lại xuân tình, thì cũng thiệt.  
 « Bạc mệnh hồng-nhan » thôi vẫn biết !

(1) Xếp xám diu (thập tam yêu)

(1) Sao Tuệ là sao chòi, còn gọi là sao đuôi, sao cờ, sao phượng, tùy theo hình nó.

« Của đời người thế » có riêng ai ?  
Đã mòn chi một đóa sương dài,  
Mà khe khắt đẽ lầm người ta oán.  
Phen này, quyết mở màn phong nguyệt,  
Chỗng tú vi cho mát mẻ mà chơi.  
Nghĩ nhân-gian lầm kẻ nực cười,  
Cơn thỏa chí bỏ vào câu « xuân bắt tái »  
Cũng có lúc tiếc xuân mà ngẩn lại,  
Sao trước kia chẳng liệu cho rồi.  
Nhân-tình thế-thái ai ôi !

## CHÓ

Lũ mày chẳng phải giông nhà đâu !  
Mẹ Mỹ, cha Tây hoặc bồ Tàu.  
Nịnh kẻ giàu sang đuôi vắt vắt,  
Doạ người khốn khó miệng gâu gâu.  
Bơ thừa sưa cặn mà xơi thích,  
Anh ruột em nhà có nê đâu.  
Liệu xác : ngày mai người thăng vật,  
Rượu, giềng mì sẽ hưởng công đầu.

THIẾT-BẢN ĐẠO-NHÂN (?)

## TỒNG-GIÁM-ĐỐC « BA-ĐÁ »

Dưới thời Tông-Thống Ngô-đinh-Điệm, có ông Tồng-Giám-Đốc Nha nọ, nhò lợи dụng chức-vụ làm nhiều đều phi-pháp mà trở nên giàu có hàng trăm triệu. Ông Tồng ấy có tính nịnh trên đẽ dưới, khiến cho nhân-viên dưới quyền đều oán ghét. Vợ chồng ông hay ra vào dinh Gia-Long bợ đỡ, nịnh hót vợ chồng Ngô-đinh-Nhu. Ông lại có chén trong ban « Mật-vụ » của ông Cố-Vấn chính-trị nữa, nên càng ý thế cậy quyền làm bậy.

Thì ra lúc ông Tồng đi công cán sang Pháp, một nhân-viên mới tớ-cáo với chánh-quyền những hành-vi ám-muội của ông. Do đó, một vị Thanh-trai được lệnh mở cuộc điều-tra và lập hồ-sơ : nhiều bằng chứng cụ-thè đã thâu lượm được, và nhiều nhân-chứng đã cung khai minh rõ buộc tội ông.

Ở Pháp, hay tin chẳng lành, ông Tồng bèn mua sắm quà biếu quý giá đến mấy triệu đồng, tức tốc cho người mang về nước cho vợ yểm vào « dâng » vợ chồng Nhu.

Thế là hồ-sơ tội lỗi của ông Tồng được xép êm ru.

Sau khi nhà Ngô bị lật đổ, một công-chức Tông-Nha ấy bèn làm hai bài thơ sau đây, ám chỉ ông Tồng-Giám-Đốc thối nát, cả Tông-Nha đều thuộc :

1

Bạo chúa Triều Ngô đã lộn mèo,  
Lẽ nào « mật-vụ » chẳng nhào theo ?  
« Đồ » dâng lên Cụ chừng đâm bận,  
« Của » đút vào Bà độ mấy keo.  
Hồng-hách Bàng-Hồng vênh mặt mõc,

## THI CA CHÂM BIẾM và TRAO LÖNG V.N.

Hung-hăng Đồng-Trác vèn tai meo (1)  
 Gia-dình, bô-hạ, phuờng « Ba-Đá », (2)  
 Giám-Đốc, Thanh-trra rõ chán phèo !

## II

Giám-đốc, Thanh-trra rõ chán phèo .  
 Thật ngu như lợn, dữ như beo.  
 Chồng chẫu cạnh Cụ khom khom cật,  
 Vợ trực kẽ Bà uốn uốn eo.  
 Kẻ nịnh, già khăng, lưu dụng mãi,  
 Người ngay, mạnh giỏi, vẫn bay vèo.  
 Triều-dình thối nát còn tro đố,  
 Chưa tòn ru mà vẫn cố đeo.

## THƠ ĐÀ KÍCH HỌ NGÔ-ĐÌNH

Từ xưa đến nay, không có gia-dình của kẻ cầm quyền nào mà  
 bị người ta đà-kích bằng thơ nhiều như gia-dình của cựu Tông-  
 Thống Ngô-đình-Diệm. Sau đây, xin ghi lại một số bài thơ đáng lưu  
 ý nhất :

## NGÔ VỚI ĐĨ

Vùi nông đồi nấm giữa đêm sâu,

(1) Bàng-Hồng và Đồng-Trác là hai nịnh-thần trong truyện Tam-Quốc của Tào.

(2) « Ba-Đá » là tiếng lóng chỉ Bưu-Điện.

Mươi thước sau chùa (1) mẩy bè dâu !

Bà cõ quan-tài (2), bốn lỗ huyệt, (3)

Năm tháng trời đánh (4), mệt con Mầu (5).

Mới vừa hăm sáu còn nguyên-thủ, (6)

Mà đến mồng hai đã vỡ đầu !

Bảy tám thu trường ngõ với đĩ,

Ngõ thì chín rụng, đĩ đi đâu ?

Vô Danh

## HỌ NGÔ ĐÌNH

Phong-kiến nghìn xưa trút một nhà.

Đề cao « Nhân-Vị » hóa trò ma !

(1) Ngôi chùa trong vườn Bộ Tông-Tham-Mưu trong đó xác của Diệm, Nhu được chôn bí mật giữa đêm khuỷa.

(2) Cháu rẽ của Diệm là cựu Bô-trưởng Trần-trung-Dung có mua hai cõ quan-til cho anh em Diệm, Nhu, nhưng vì hai cõ quan-tài ấy bằng gỗ xẫu, nên Dung bảo mua hai cõ khác bằng thứ gỗ tốt, nhưng về sau, người nhà chỉ mua được một cõ mà thôi, Thành ra có ba cõ tất cả.

(3) Trần-trung-Dung đã cho đào 2 huyệt cho Diệm, Nhu ở mả Tây, nhưng sau, Diệm, Nhu được chôn vào 2 huyệt ở Tông-Tham-Mưu, Thành ra có 4 huyệt cái.

(4) Năm tháng trời đánh là : Diệm, Nhu, Cần chết nhơn cuộc cách-mạng ; Ngô-đình-Khôi bị Việt-Minh ám-sát, còn mả Ngô-đình-Khôi là cha bị sát đánh.

(5) Thị-Mầu là một người con gái trắc nết trong truyện Thị-Kính. Thị-Mầu tên thật là Trần-Lệ-Xuân, vợ Nhu.

(6) Ngày 26-10 là ngày Quốc-khánh dưới triều Ngô. Anh em Nhu, Diệm ngày 2-11-63. Hai chữ « Nguyên-thủ » có hai nghĩa : « Người cầm một đất nước » và « đầu còn nguyên ». Vậy dùng hai chữ « nguyên thủ » mà đổi với « đầu » ở câu thơ sau thì thật là khéo và tài tình.

Trung-Phản leo ghẽ Tù-Cung đực, (1)

Nam-Bộ lên ngôi Võ-Hậu bà; (2)

Luyến chị têm trầu, đau ruột mẹ, (3)

Nhường anh chung gối, tủi hồn cha. (4)

Một bầy lập pháp vô cương kỷ,

Cũng bởi nhà này, chó đẻ ra!

Võ Danh

### VỊNH NGÔ-GIA

Tham tàn một kiếp hóa ra tro,

Giây phút tiêu tan cả một lò!

Anh mộng Hông-Y, em mộng đế,

Chồng mê bạch phiến, vợ mê o. (5)

Hai em ấm-sứ vai hùm sói,

Một lũ tỳ-nô kiếp ngựa bò.

Phản chủ, lừa dân nhà chí-sĩ,

Chín năm bịp bợm biết bao trồ.

THI-MINH-TÙ (?)

(1) Cậu Càn (Ngô-Dinh).

(2) Trần-Lê-Xuân.

(3) Mỵ Luyện tức Nguyễn-thị-Bạch, người têm trầu cho cậu Càn.

(4) Ngô-dinh-Nhu bị vợ cầm sừng; người ta đồn có sự loạn luân trong giới định họ Ngô nữa.

(5) O : o bē.

### LƯU XÚ VẠN NIÊN

Ngô-dinh ơi hỡi Ngô-dinh ơi!

Mõ mả ông cha hóng bét rồi!

Bán Chúa buôn chiên tài cỗ « Chuộc »

Sâu dân mọt nước tội thằng Khôi.

Diệm, Nhu chống Cộng mong giàu vốn,

Cần, Luyện bài phong đè kiểm lời.

Nhân hỏi vài câu con cháu Khả:

— Ông trên phụ hộ nữa hay thôi?

Võ Danh

### VUA BẾP, QUÝ VƯƠNG

Ác quá Néron, vượt Thủy-Hoàng, (1)

Chín năm phè phởn, một ngày tang!

Đường hầm « Nhân-vị » tanh nồng máu,

Tủ két « Căn-Lao » chật nich vàng.

Bụng phệ xì hơi, còn cỗ đẩm,

Mặt dày teo mõr, vẫn da mang.

Một nhà vua Bếp (2) đang thành quỷ,

Bữa tiệc Âm-cung chỉ thiêu « Nàng »!

THẦN-ĐĂNG (?)

(1) Néron, vua La-Mã, và Tần-Thủy-Hoàng, vua Trung-Quốc, là những ông vua thời tiền-sử, độc ác có tiếng.

(2) Truyện vua Bếp: hai ông một bà.

## ƠI DIỆM, ƠI NHU !

*Thôi thế là thôi, đã hết rồi !*

*Ơi Nhu, ơi Diệm, ơi Xuân ơi !*

*Chín năm chấp chính, đời di dắt,*

*Bảy vị sứ thiêu, oán ngập trời !*

*Non nước u buồn thương mẹ lúa,*

*Giang hồ phiêu bạt túi con cõi.*

*Đâu còn lịch-sử nhà Ngô nữa,*

*Nhem nhuộc kia xem nét mực bôi..*

*Võ-danh-Thị*

## LUẬT MỚI BÀ NHU (1)

*Nghe đồn luật mới, mới ban ra,*

*Thôi thế từ nay chịu phép Bà.*

*Không dám tóm tem đồ quốc cấm,*

*Lỡ mà rắc rối chuyện oan-gia.*

*Tớ hồng mệt buộc duyên cơm hầm,*

*Phận bạc cam soi bóng nguyệt già.*

*Lép vể còn mong ai cảm cảnh,*

*Cảm sững, xin hãy nhớ buồn tha.*

*Võ Danh*

(1) Đạo « Luật Gia-Dinh » của Trần-lệ-Xuân.

## OANH TẠC DINH ĐỘC-LẬP (1)

*Mấy chú phi-công ngồi ngáo thay !*

*Nhè vào ô qua thả bom ngay.*

*Thẳng Ngô lạch bạch chùn lung cồ,*

*Con đì tò hổ nát mặt mày.*

*Dân-chủ có đâu gây va gió,*

*Độc-tài nên mới rước tai bay.*

*Hầm dinh Độc-Lập mà chưa chắc,*

*Thì mai Gia-Long cũng có ngày.*

*Võ Danh*

## VỊNH CHUỒNG CỌP (2)

*Kia xem chú cọp vỗ vang thay !*

*Sành rộng, thèm cao ngự bấy nay.*

*Một kiếp tàn hung, hùm xám đó,*

*Muôn dân ghê giợn, ác-ôn này !*

*Chầu hầu bao kẻ khôn gǎn mặt,*

*Thăm viếng nào ai dám bắt tay.*

(1) Ngày 27-2-1962, hai phi-công Phạm-phú-Quốc và Nguyễn-văn-Cử oanh tạc dinh Độc-Lập, làm chết một đứa con gái của vợ chồng Ngô-dinh-Nhu. Còn Trần-lệ-Xuân thì bị thương ở mặt, phải bay qua Phi-luật-Tân chưa dè khỏi mang sẹo. Sau đó, gia-dinh họ Ngô dọn qua ở bên dinh Gia-Long.

(2) « Hùm xám miền Trung » là danh hiệu mà dân miền Trung tặng cho Ngô-dinh-Cần.

Mưa gió lăm than đâu đấy mặc,  
Phòng riêng mộng ấm tháng năm chầy.

Đ.N.

## LÀM QUAN NAM-TRIỀU

Lèn-dênh chiếc bách buỗi ba-đảo,  
Chèo lái xem chừng khó biết bao ?  
Tôi tớ mấy người, dâng lễ hậu,  
Quan thầy lăm kẽ, nặng hẫu bao !  
Chật trong bè hoạn, thèm mình nứa,  
Theo hết rừng Hán, biết kiếp nào ? (1)  
Vây cánh Ngô-đinh ghê gớm thật, (2)  
Mềm lung, dēo gối, chóng lên cao.

Võ Danh

Trong ngạch quan lại dưới thời Pháp thuộc, việc thăng thường thường cẩn cứ vào thân thể, vây cánh, tiền bạc, và nhất là sự dùm bọc của các quan thầy Bio-hộ. Có tài đức mà không có thân thể hay không chịu dứt lót, thì đành ngồi y một chỗ. Thời đó, Ngô-đinh-Diệm, với cái học lực nông nỗi, chỉ nhờ sự nâng đỡ của quan thầy Pháp mà tiến rất mau trên đường công danh; từ một chức tiêu-lại tiến đến địa-vị một đường-quan (Tuần-Vũ Bình-Thuận rồi Thượng-Thơ Bộ Lại), chỉ trong vòng chừng mười măm thỏi.

(1) Rừng Hán : phàm trật Hán-Lâm trong ngạch quan lại.

(2) Ngô-đinh-Diệm.

Vì thế, một ông quan thời đó, quá uất ức về sự bất công trong hoàn-trường, đã làm bài thơ trên dây đeo châm biếm sự thối nát của Nam-Triều.

## « CNÍN HẦM »

Trước phong cảnh hữu tình ai có biết  
Rằng nơi đây, địa-ngục của trần-gian,  
Nơi chưa chấp một chẽ-độ bạo tàn.  
Và cạnh đây là cung vàng điện ngọc.  
Du khách hối ! Dừng lại đây nghe tiếng khóc  
Của oan hồn tử-sĩ chết đau thương.  
Những năm mồ vò chử suốt đêm trường,  
Như quấn quai theo từng cơn gió buốt !  
Trên mộng ấm kẽ bạo tàn đâu có biết  
Bao thân người chui rúc dưới tanh hôi,  
Và nghe hồn khóc kè mãi không thôi.

ÁI-HUYỀN

(nữ-sinh Đồng-Khánh Huế)

« Lãnh-Chúa » miền Trung là Ngô-đinh-Cần có cho xây chín cái hầm dưới đất ở ngoại ô thành-phố Huế để nhốt tù chính-trị và những kẻ mà Cần muốn làm tiễn. Ái-Huyền, một nữ-sinh nay nhân của Cần, trong khi bị giam ở « chốn hầm », đã sáng-tác bài thơ trên.

## CHỈ TRONG GIÂY PHÚT

Nghĩ lầm lúc cười ra nước mắt,  
Giận nhiều khi ruột thắt lòng đau.  
  
Nói nồng giũ trước gìn sau,  
Bạn bè thân thích nhìn nhau nghi ngờ.  
  
Ai rải độc bảy giờ giải độc?  
Hồi vì ai dân tộc lầm than?  
  
Gục đầu lệ úa chan chan,  
Ngần đầu vẫn phải hân hoan cười đùa!  
  
Họ phong-kiến hơn vua hơn chúa,  
Vẫn to mồm dân chủ, tự do.  
  
Ông to bà lại càng to,  
« Cậu » ngồi một chỗ, « cậu » ho ra vàng!  
  
Bọn thân tín mèo đòn chó điếm,  
Nước Việt-Nam nào hiềm nhân-tài!  
  
Chỉ huy mấy đứa tay sai,  
Của chung ban phát một vài cá-nhân.  
  
Dun xéo mãi không quắn sao được?  
Có dẽ gì lội ngược trào lưu,  
Coi dân như một đàn cừu,  
Tưởng mình túc kẽ da mưu nhất đời.  
  
Gương lịch-sử sáng ngời chẳng biết,  
Vì yêu dân ai giết nỗi mình?

Bốn phương khi đã bắt bình,  
Phút giây cả một triều-dình tan hoang!

8.11.1963

NAM-PHƯƠNG-SÓC

## VĂN TẾ

(Nghĩ hộ một nhóm thủ-hạ nhà Ngô kính viếng quan thầy)

Quỳ trước Giáo-đường, khóc mà than rằng :

Một nhóm chúng tôi :

Kinh tài, mệt-vụ.

Đã từng ra sức đấu tranh,

Đòi phen hết lòng ủng-hộ.

Những mong : Ngôi Tông-Thống còn được bền lâu,

Ách độc-tài khôn bẽ lật đồ.

Nào Cảnh-sát chiến-dấu, nào Thanh-Niên Cộng-hà, mưu lược hàng đồng, hàng khiêng,

Nào Cách-Mạng Phong-trào, nào Liên-đới Phụ-nữ, a-dua kéo bè kéo lũ.

Chúng tôi phận dưới, tha hồ gieo vạ, gieo tai,

Các bố ngồi trên, mặc sức xưng hùng, xưng hò.

Não ngò : Sóng ngập sóng Ngô,

Mây mù bến Sở.

Não nùng thay : anh chết, em tử.

Ngao ngán nhẽ : kẻ đi, người ở.

Những tưởng trăm năm sống mãi, thu hút hoài mâu mù  
dân đen.

Nào ngờ một phút chết toi, hè hả chưa, dạ lòng con đồ.

Sao sống đã cùng hội, cùng thuyền,

Mà chết chẳng chung hòm, chung lồ.

Nhớ các ông xưa :

Thực nhiều tội ác, làm thói gian ngoan,

Đủ ngón tham ô, nhiều trò giặc-giở.

Đã lừng danh : phản bạn lừa thầy,

Lại nức tiếng : cầm sừng vì vợ.

Suốt chín năm ngồi trên ngôi báu, trong lãnh-thổ đầy tiếng  
oán-than,

Mà một sớm chết bỏ ngai vàng, khắp thị-thành vang lời  
mừng rỡ.

Thôi thì thôi : Diệm đã chẳng còn,

Nhu dành tắt thở.

Chúa trùm phệ bụng, cậu Cầm kia dành nhẽ hết đời,

Gái đi già mồm, mụ Nhu nọ càng thêm túi hồ.

Bơ vơ tựa mèo ấp mả, đồng-bảo hết thảy đều khinh.

Thui lui như chó cụt tai, tôi-tớ chẳng còn ai sợ.

Thời hay sao ? Mệnh hay sao ?

Duyên là đó, số là đó !

Chúng tôi : Một nhóm đầu trâu,

Những tên mặt vợ.

Nhờ ơn xưa : may dạo phu-u.,

Đội đức cả : bao lần nâng đỡ.

Khoảng tiền muôn, bạc triệu tha hồ,

Muốn xe luých, nhà lầu cũng có.

Nay gọi là : lẽ bạc tâm thành,

Mong cầu được : hương hồn soi tò.

Sống không thoát chốn lao-tú,

Chết chẳng qua vòng khủng-bố.

Này này đây : Gà một con, xôi một cỗ,

Trà một bình, rượu một hũ.

Các ông : Xơi cho no, uống cho đủ.

Rồi mau tới cửa Diêm-Vương,

Đề tiễn vào hầm tõ-khổ.

Niệm A-Men, lạy đức Chúa-Trời,

Xin tể-dộ, van ngài Phật-Tồ.

Cung duy thương-hưởng

N.Đ. Phung-Soan

oOo

## CA-DAO TRÀO-PHÚNG

Trong nền văn-học trào-phúng Việt-Nam, ca-dao chiếm một địa-vị quan trọng.

Ca-dao, nói chung, là tiếng nói của nông dân Việt-Nam. Tiếng nói ấy nặng về cảm-tính và giàu tinh-chất tự phát, cho nên ở ca-dao, tiếng cười thường nồi lên hồn-nhiên, giòn giã, « có khi nó vô tội và đối với hạng người này, nhưng đối với hạng người kia, nó lại là những cái tát tai đá đít, đối với người này, nó làm cho khoái trà, nhưng đối với người kia, nó làm cho đỏ mặt tía tai ».

Tiếng nói ấy khi thì nhăm châm-biérm hay đả kích những kẻ mà nông dân thù ghét, khi thì chỉ có mục-đích gây cười, cho nên ở mục này, tôi chia những câu ca-dao trào-phúng đã tuyển chọn ra làm hai phần: phần trên là ca-dao châm-biérm, và phần dưới là ca-dao trào lộng.

oOo

### I.— CA-DAO CHÂM-BIÉM

1— Chém cha con dì đánh bõng,

Nó đã lừa chồng, nó lại phản dân.

Sau khi vua Triệu-Minh-Vương (125-113 trước Tây-lịch) chết chưa xanh cỏ, thì vợ là Thái-Hậu Cù-Thị đã dám rước sứ-giả Tàu là Thiếu-Quí vào thăm cung đê hú hí. Cù-Thị lại định dâng cả nước Việt cho Trung-Quốc. Vì vậy, dân chúng thời bấy giờ đã chửi mụ báug câu ca-dao trên.

2— Đánh giặc thì đánh giữa sông,

Chớ đánh trong cạn phải chồng mà chìm.

Hai câu này nói về việc quân Tàu bị quân ta đánh bại ở các trận Bạch-Đằng thời xưa (Ngô-Quyền thắng Hoảng-Tháo vào thế-kỷ thứ hai và Trần-Hưng-Đạo thắng Ô-Mã-Nhi vào thế-kỷ thứ 13).

3— Ta trong hột khế ta ra,

Mình con cạnh khế, chi ta hối mình?

Hai câu trên thoát ở câu: « Thực ngũ liêm quả, nhi đặc lý hach » trong Đại-Việt Sử-ký, nói về việc Lê-Ngụa-Triều (tức là Lê-Long-Đinh (1005-1009) ăn khế, thấy có một hột mận trong quả khế, liền giết hết họ Lý, nhưng lại bỏ sót Lý-công-Uân.

4— Một ngày dựa mạng thuyền rồng,

Còn hơn muôn kiếp nằm trong thuyền chài.

Câu này nói về việc Lý-Huệ-Tông (1211-1225) lấy một người con gái thuyền chài họ Trần, rồi dùng hết bà con họ Trần làm quan.

- 5— Trách người quân-tử bạc tình,  
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao

Nói về việc Trần-Cảnh lấy Lý-Chiêu-Hoàng, phong làm Chiêu-Thánh Hoàng-hậu, rồi ít lâu sau lại giáng làm công-chúa và gả cho Lê-Phụ-Trần. (thế-kỷ thứ 13).

- 6— Tiếc thay cây quế giữa rừng,  
Đè cho thẳng Mán thẳng Mường nó leo.

Nói về việc vua Trần-Anh-Tông (1293-1314) đem Huyền-Trân công-chúa gả cho vua Chiêm-Thanh là Chế-Mân để đổi hai Châu Ô, Rì, khiến cho dân chúng bất mãn.

- 7— Tiếc thay hạt gạo trắng ngắn,  
Đã vo nước đục, lại vần lửa rơm.

Nói về việc sau khi Chế-Mân chết, vua Trần sai tướng Trần-khắc-Chung sang Chiêm lập mưu dân Huyền-Trân công-chúa về đê khôi bị hỏa-thiêu theo tục lệ Chàm. Nhưng trong khi đi đường, Huyền-Trân lại dân diu với Khắc-Chung, nên người đương thời mới mỉa mai bằng câu ca-dao trên.

- 8— Tầm đâu tầm chẳng ăn đâu,  
Tầm đói ăn ruộng ăn trâu ăn bò.

Câu ca dao này ngũ ý mỉa mai chính-sách thuế bãi dân của vua Thái-Tông nhà Lê.

- 9— Trăm quan có mắt như mờ,  
Đè cho Huy-quận vào sò chính-cung.

Nói về việc Hoàng-định-Bảo tức là Quận-Huy thông gian với

Đặng-thị-Huệ, vợ của Tỉnh-Đô-Vương Trịnh-Sâm, sau khi Trịnh-Sâm chết. Về sau, Quận-Huy bị loạn Kiêu-binh giết.

Sau khi vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ (1788-1802) mất, nhà Tây-Sơn mỗi ngày một thối nát thêm. Những việc mua quan bán tước rất thường, cho nên dân chúng đã có những câu :

- 10— Đô-đốc, tam thiên Đô-đốc,  
Chỉ-huy, bát vạn chỉ-huy,  
Trung-úy, vệ-úy chẳng kè làm chi,  
Cai đội, phó đội lấy àu mà chờ.  
Mười quan thì đặng tước hầu,  
Năm quan tước bá ai hầu kém ai !

Vào thời Gia-Long, có những việc cưỡng ép di dân, những việc phản bội đưa giặc Pháp vào đánh Tây-Sơn gây mầm mống cho việc mất nước sau này, nên đã có những câu ca-dao :

- 11— Phá đèn rồi lại làm đèn,  
Nào ai cướp nước tranh quyền chi ai ?  
Rồng chầu ngoài Huế, ngựa tế Đồng-Nai,  
Nước sông trong sao lại chảy hoài ?

Thương người xa xứ, lạc loài tới đây.

hay là :

- 12— Gáo vàng đem múc giếng Tây,  
Khôn ngoan cho lắm, té thày người ta !

Nhơn dịp vua Minh-Mạng (1820-1840) cấm dân bà miền Bắc  
về vây, dân chúng có những câu ca-dao :

- 13— Tháng chạp có chiếu vua ra,  
Cấm quần không đáy, người ta hãi hùng.  
Không đi mất buổi chợ đông,  
Đi thì phải giật quần chồng sao đang ?  
Có quần ra quán bán hàng,  
Không quần ra đứng đầu làng trông quan.

Lúc sinh thời, vua Tự-Đức (1847-1883) bắt dân xây lăng của mình ở Vạn-Niên (Huế), tốn mạng người và công của rất nhiều, nên mới có câu ca-da :

- 14— Vạn-Niên là Vạn-Niên nào ?  
Thành xây xương lính, hào đào máu dân !

Đến khi ách thực-dân Pháp đã tròng vào đầu vào cổ người dân Việt, những câu ca-dao châm biếm sau đây được truyền tụng :

- 15— Tiếc quả hồng ngâm mà đem cho chuột vọc,  
Tiếc con người ngọc mà đem cho ngâu vầy,  
Tiếc của Nam ta xây dựng, đè cho Tây tung hoành.

Trèo lên truong bụi múa cờ,  
Tưởng chàng làm nên danh phận, ai ngờ về thú Tây !

- 16— Chớ tham đồng bạc con cò,  
Bỏ cha bỏ mẹ đi phò Lang-sa.

- 17—..., Thuở Tiên-đế thuế đồng quan bảy,  
Xâu nước nhà một bữa cùng hai,

- Tử quan « Bảo-hộ » đáo lai,  
Thuế thân đồng mốt, suru sai bốn đồng.  
Những câu sau đây xuất hiện thời Càn-Vương :

- 18— Ai về nhắng với quan Thương,  
Binh Tây sát tả đè dọn đường vua ra.

- 19— Ai về nhắng với quan Đè,  
Binh Tây chẳng được, cứ kéo quân về hại dân.

- 20— Tay cầm cờ đại,  
Vai vác súng trần,  
Thể trời nõ cho mẫn,  
Rút quân về Bá-Thượng.

- 21— Chữ Vua đã mật phong,  
Về mộ binh mộ lính,  
Trước hạ thành Hà-Tĩnh,  
Sau nghênh giá hồi Trào,  
Cho tò mặt anh-hào  
Người Hồng-Sơn, Lam-Thủy.

- 22— Bởi vì Nam vận ta suy,  
Cho nên Vua phải ra đi sơn-phòng.  
Cụ Đè, cụ Chưởng làm cũng không xong,  
Tán Tương, tán Lý cũng một lòng theo Tây.

Từ ngày quan Đại tới đây,  
Đè can tăm Hà-Tinh, tờ thay anh phải ra.

## VỀ « SAI ĐẠO »

« Sai đạo » là đạo binh có Khâm-sai cầm đầu. Bài về này xuất hiện ở tỉnh Quảng-Nam năm 1886 vào lúc nồi lên cuộc khởi-nghĩa do Nguyễn-Hiệu lãnh đạo. Triều-dinh Huế phái Khâm-sai Nguyễn-Thân hợp với quân Pháp đi dẹp.

23.— Lắng lặng mà nghe  
Cái về « Sai đạo »  
Danh vi tráp bảo (1)  
Vụ di an dân  
Khâm-sai đại thần  
Kéo vó Đà-Nẵng.  
Tướng, quân đều sẵn :  
Tán Lý, Tán Thương,  
Chú Bang, chú Thương,  
Chú Đề, chú Lãnh (2)  
Quân ròng, tướng mạnh,  
Các đạo, các cơ

(1) « Tráp loạn bảo dân » nghĩa là dẹp loạn bảo vệ dân, chứ mà Triều-dinh Huế đã dùng.

(2) Bởi quan thuộc dưới quyền Khâm-sai.

Đánh trống mở cờ,  
Kéo vô tinh cũ.  
Phân quân vừa đủ  
Phái vãng thượng-du (1)  
Thác-cá, Rập-cu (2)  
Đôi đường tấn tiêu.  
Nhứt thời phương liệu  
Văn miếu đồn binh (3)  
Ai thấy cũng kinh,  
Gọi Khâm-sai giỏi.  
Kêu dân tới hỏi,  
Rằng : « Nghĩa đã tan !  
« Hạnh hoặc tương an,  
« Thi vi thanh sự ». (4)  
Sau lén Phong-Thử (5)  
Quân nghĩa tú vi  
May chẳng hề chi,

(1) Tinh cũ là tinh thành Quảng-Nam. Sau khi chiếm được tinh thành, mới lên đóng ở làng Trung-Phước, huyện Quế-Sơn, miền thượng-du.

(2) Thác-cá là tên một khúc sông, Rập-cu là tên một cái đèo. Từ dưới lên Trung-Phước, đường thủy do Thác-cá; còn đường bộ qua đèo Rập-cu.

(3) Đạo quân của Nguyễn-Thân đóng ở văn-miếu làng La-Qua.

(4) Một câu trong tờ của Khâm-sai gởi về Triều. Ý : gởi dân đến hỏi, thì nói là nghĩa-quân đã tan; được yên cùng nhau là tốt.

(5) Tên một làng tinh Quảng-Nam.

Nhờ ba thằng Pháp  
 Thâu quân yên giáp (1)  
 Trở lại La thành (2)  
 Từ ấy thất kinh,  
 Vừa làm vừa sợ.  
 Tướng chi tướng dở,  
 Vì luyện quân tình,  
 Chẳng có Tây binh,  
 È không khỏi chết.  
 Năm ngoài năm ni (3)  
 Làm chẳng ra chi,  
 Lại thêm ăn bậy.  
 Lũ quân đi lấy.  
 Các tướng về chia.  
 Thôi đã tràn đìa,  
 Cái chỉ cũng xách.  
 Cái quần đã rách,  
 Cái áo đã xơ,  
 Cũng giành mả quo,  
 Huống chi cái khá.

(1) Yên là nghỉ.

(2) Tỉnh thành Quảng-Nam ở làng La-Qua.

(3) Năm 1885 và 1886.

Kẻ thi đào mã  
 Kẻ lại phá nhà.  
 Những chó những gà,  
 Những heo, những vịt,  
 Bắt mà ăn thịt,  
 Lại bán lấy tiền,  
 Đem về Thừa-Thiên,  
 Nghĩa, Bình, Quảng-Trị.  
 Thậm chí khả bi  
 Quân lệnh Khâm-sai. (11)

NƠI KHỒ CỰC CỦA NGƯỜI DÂN VIỆT DƯỚI  
 THỜI PHÁP THUỘC QUA CA-DAO

- 24— Xa xa Côn đảo nhà tù,  
 Biển sâu mây khúc, lòng thù bấy nhiêu.  
 25— Đời ông cho chí đời cha,  
 Đời nào cực khổ cho qua đời này.  
 Từ ngày mất nước cho Tây,

Tiêu hao thì có, sum vầy thì không !

(11) Lúc ở La-Qua, quân của Nguyễn-Hân thường di cư bắc của dân chúng  
 đem về cho tướng lãnh chia nhau.

## THI-CA CHÂM BIẾM và TRÀO LỘNG V.N.

Thuế thân phải chịu ba đồng,  
Công sựu công ích mà không ra gì.  
Đêm nằm luống những sầu bi,  
Sựu cao thuế nặng lấy chi thanh nhàn.  
Kẻ thời bỏ xứ di hoang,  
Xa chồng, xa vợ, ly tan gia-dinh.  
Người nào xuất ngũ hành binh,  
Chết thay cho chúng dân mình ích chi ?  
Người nào phản hộ hồi quy,  
Chịu ba đồng hai cắc cũng y như thường.  
Ôi thôi ! Chua xót đoạn trường,  
Thuế tranh, thuế cùi, thảm thương cho đứa nghèo !  
Người nào sung sướng cười reo,  
Kẻ sao cực khổ lên đèo xuống hang.  
Muốn cho sung sướng an nhàn,  
Chúng ta đoàn kết lên dàn đấu tranh.

26— Bên sông Hả-Thân nước xanh như tàu lá,  
Ngó qua bên đất Hán, phố xá nghênh ngang.  
Từ ngày ông Tây lại cửa Hán,  
Đào sông Cù-Nhi, dập dèng Bồng-Miêu.  
Dặn lòng em, ai dỗ đừng xiêu,  
Ở auô! phụ mẫu, sớm chiều có qua

## CA-DAO CHÂM BIẾM

- 27— Con ơi ! Đừng khóc mẹ sầu,  
Cha con dốt lửa dưới tàu Long-Môn. (1)  
Bao giờ con lớn, con khôn,  
Thì con lại xuống Long-Môn con làm.
- 28— Có đi mới biết Mê-Kông,  
Có đi mới biết thân ông thế này !  
Mê-Kông chôn xác thường ngày,  
Có đi mới biết bởi tay « xu » Bào. (2)
- 29— Ăn cơm với cá mồi he (3)  
Lấy chồng Cầm-phả, đum xe suốt đời.
- 30— Cây xú cò quăm, cây xú cò queo (4)  
Thắt lưng cho chặc mà theo anh về.
- 31— Đèn nào cao bằng đèn Châu-Đốc,  
Ngọn gió nào độc bằng ngọn gió Gò-Công.  
Thổi gió đông lạc vợ xa chồng,  
Nằm đêm nghĩ lại, nước mắt hồng tuôn rơi.
- 32— Con cò mà đậu cành tre,  
Thằng Tây bắn súng cò què một chân.

(1) Tên chiếc tàu thủy chạy sông Nhị-Hà của người Hoa-kiều vào hồ  
1910 – 1920.

(2) Người cai (xu : Surveillant) tên Bào.

(3) Cá mồi mục nát.

(4) Cây xú mọc thành rừng ở vùng Cà-Mau.

Hôm sau ra chợ Đồng-Xuân,  
 Chủ khách mới hỏi : sao chân cò què ?  
 Cò rắng : cò đứng bụi tre,  
 Thẳng Tay bắn súng, cò què một chân...  
 33— Cao-su xanh tốt lạ đời,  
 Mỗi cây bón một xác người công nhân.

●

CA-DAO NÓI LÊN NỐI KHỒ CỰC CỦA NGƯỜI DÂN  
 VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP, NHẬT THUỘC.

34— Lấy chồng mà cậy mà nhờ,  
 Hôm qua thẳng Nhật bắt bừa đi phu.  
 Bên mình nheo nhóc con thơ,  
 Đồ được chúng nín, trời trưa mất rồi !  
 Cảnh tình thảm lắm ai ơi !  
 Chàng đi khồ chín, thiếp tội khồ mười.  
 Ngầm ra thật đúng như lời :  
 Nước mà đã mất, nhà thời cũng tan.

35— Đất nầy đất tồ đất tiên,  
 Đất nầy chồng vợ bỏ tiền ra mua.  
 Bây giờ Nhật, Pháp kéo hùa,  
 Chiếm tròng đay lạc, ức chưa, hối trời !

- 36— Chém cha lũ Nhật côn đồ !  
 Bắt người cướp của tha hồ thẳng tay.  
 Dân ta trăm đảng ngàn cày,  
 Thóc ăn chẳng có, tròng đay cho người !  
 37— Những mong ngô trồ ra bông,  
 Ai ngờ ngô bị nho tung đầy đồng !  
 Nhìn ngô, nước mắt tuôn ròng,  
 Ôm ngô mà héo cả lòng ngô ơi !  
 38— Rnặng ta, ta cấy ta cày,  
 Không nhường một tấc cho bầy Nhật, Tây.  
 Chúng mẩy lảng vảng tới đây,  
 Rủ nhau gậy cuốc, đuổi ngay khỏi làng.  
 39— Nghèo thi ăn săn, ăn khoai,  
 Ai ơi ! Đứng có theo loài Việt-gian.  
 40— Hỏi rằng đi chết cho ai ?  
 Ch, nhà, cho nước, cho tình, cho em ?  
 Hay là đi chết vì tiền,  
 Giữ thuê hầm mỏ, đồn-diền cho Tây ?  
 41— Việt-Nam độc-lập thế nào,  
 Phải chăng thẳng Nhật thay vào thẳng Tây ?  
 Việt-Nam độc-lập thế này,  
 Có quân lùn ở, có ngày diệt vong !

42— Tàu cười, Tây khóc, Nhật lo,  
Việt-Nam độc-lập chết co đầy đường.

*Câu ca dao này nói về thời cuộc ở Việt-Nam vào khoảng tháng ba năm 1945, lúc mà ngoài Bắc, trên hai triệu người chết đói thảm.*

43— Bè đông có lúc vời dỗi,  
Mỗi thù đế-quốc có ngày nào quên!

CA-DAO THỜI KHÁNG PHÁP (1946 — 1954)

44— Bao giờ hết cỏ Tháp-Mười,  
Thì dân ta mới hết người đánh Tây.

45— Xác Tây, Tây chờ về đồn,  
Xác quân bảo-vệ Tây chôn dọc đàng.

46— Cắc bụp các bụp xòe!  
Ba thằng Tây đói bắt gà bắt heo.

Cắt bụp các bụp xèo,  
Ba thằng Tây đói bắt heo bắt gà.

47— Sao cho an cửa an nhà,  
An mồ, an mả mới là an-ninh.  
An-ninh, an-ninh, an-ninh,  
An quanh xó bếp, an quanh cối xay.

Xuống ân xuống phúc cho mầy,  
Có ba trăm bạc, việc nầy mới an.

(am chỉ cơ quan công-an của Tây)

48— Chị em du-kích Thái-Bình,  
Ca-lô đội lệch, vừa xinh vừa dòn.  
Người ta nhắc chuyện chồng con,  
Lắc đầu nguầy nguầy : « Em còn giết Tây ! »

49— Tháng Tây phá đậm, phá kè,  
Cầm thù giặc nước, ta thè quyết tâm.

Tháng trời, tháng giặc mọi phần,  
Mỗi lần tái nước, mỗi lần vui thêm.

50— Trên trời có đám mây vàng,  
Em đi tiếp vận cho chàng giết Tây.  
Tháng Tây tiếp-tế máy bay,  
Không bằng tiếp-vận chân tay chúng mình.

CA-DAO CHÂM BIẾM QUAN LẠI

51— Con di, con nhó đều nầy :  
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

52— Miệng nhà quan có gan có thép,  
Đỗ kề khó vừa nhọ vừa thâm.

53— Em là con gái đồng-trinh,  
Em đi bán gạo qua dinh ông Nghè.  
Ông Nghè sai lính ra ve,

Trăm lạy ông Nghè, tôi đã có con.

— Có con thì mặc có con,

Thất lưng cho dòn mà lấy chồng quan.

54— Ban ngày quan lớn như thần,

Ban đêm quan lớn tần mẫn như ma.

55— Bộ binh, bộ Hộ, Bộ Hình,

Ba Bộ đồng tình bóp vú con tôi.

56— Thứ nhất Bộ Lại, bộ Bình,

Thứ nhì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong.

Thứ ba thời được bộ Công,

Nhược bằng Bộ Lẽ, lạy ông tôi về !

57— TẬU voi chung với đức ông,

Vừa phải đánh cồng vừa phải hốt phân !

58— Hoàng-trùng đi, vi-trùng lại,

Gây tai gây hại chẳng kém gì nhau.

(ám chỉ hai viên Tòng-đốc Hà-Đông là Hoàng-trọng-Phu và Vi-văn-Định).

59— Khôn ngoan đến cửa quan mới biết,

Giàu có đến ba mươi Tết mới hay.

60— Con vua thì lại làm vua,

Con sãi ở chùa lại quét lá da.

Bao giờ dân nôì can qua,

Con vua thất thế lại ra quét chùa.

61— Linh vua, linh chúa, linh làng,

Nhà vua bắt linh cho chàng phải ra.

Giá vua bắt linh đàn bà,

Đè em di đỡ anh và bốn năm.

oOo

## II.— CA-DAO TRÀO LỘNG

## CHỮ TRINH

- 62— Chữ trình đáng giá ngàn vàng,  
Tử anh chồng cũ đến chàng là năm.  
Còn như yêu vung nhớ thăm,  
Hợp chợ trên bụng có trăm con người.
- 63— Lấy chồng từ thuở mười lăm,  
Chồng chê tôi bé không nằm cùng tôi.  
Đến khi mười tám đôi mươi,  
Tôi nằm dưới đất, chồng lôi lên giường.  
Một rǎng thương, hai rǎng thương,  
Có bốn chân giường gãy một cùn ba !  
Ai vè nhẫn nhủ mẹ cha:  
Chồng tôi nay đã giao hoà cùng tôi.
- 64— Của chua ai thấy chẳng thèm,  
Em cho chị mượn chồng em vài ngày.  
— Chồng em nào phải trâu cày,  
Mà cho chị mượn cả ngày lẫn đêm !
- 65— Tôi tối chị giữ mắt buồng,  
Chị cho manh chiếu nằm suông nhà ngoài.

Sáng sáng chị gọi : « ơi Hai » !

Mau mau trở dậy thái khoai đậm bèo.

- 66— Bống bông công chồng đi chơi,  
Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng.  
Chị em ơi ! Cho tôi mượn cái gàu sòng,  
Đề tôi tát nước mực chồng tôi lên.
- 67— Gái chính chuyên lấy được chín chồng,  
Về viên bỏ lọ gánh chồng đi chơi.  
Không may quang đứt lọ rơi,  
Bò ra lồm ngồm chín nồi chín chồng.
- 68— Lảng lơ cũng chẳng có mòn,  
Chính chuyên cũng chẳng sơn son đề dành.
- 69— Lảng lơ chết cũng ra ma,  
Chính chuyên chết cũng khiêng ra ngoài đồng.
- 70— Lảng lơ đeo nhẫn chẳng chừa,  
Nhẫn thì rơi mất, lảng lơ hãy còn.  
Anh đánh thi em chịu đòn,  
Tinh em huê nguyệt mười con chẳng chừa.
- 71— « Hỡi cô yếm thăm hoa tăm,  
Chồng cô đi lính cô nằm với ai ? »  
Cô dẻ thằng bé con trai,  
Chồng vè chồng hỏi : « Con ai thế này ? »

- Con tôi đi kiếm về đây,  
Có cho nó gọi bằng thầy thì cho.
- 72— Bắc thang lên đến tận trời,  
Bắt ông Nguyệt-lão đánh mười cẳng tay.  
Đánh thôi lại trói vào cây,  
Hỏi ông Nguyệt-lão : « Đâu giây tơ hồng ? »
- 73— Cô kia khăn trắng lùa lùa,  
Tang cha tang mẹ hay là tang ông ?  
Hay là cô đẽ tang chồng ?  
Đề anh mua cỗm mua hồng sang chơi.
- 74— Chồng giận thì vợ làm lành,  
Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì ?  
Thưa anh, anh giận em chi,  
Muốn lấy vợ lẽ, em thì lấy cho.
- 75— Sáng ngày đi chợ cầu Đông,  
Xem một quẻ bói lộn chồng được chăng ?  
Thầy bói gieo quẻ nói rằng :  
« Lộn thì lộn được nhưng nǎng phải đòn ».  
Mồ cha đưa có sợ đòn,  
Miễn là lấy được chồng « giòn » thời thôi.
- 76— Bà già đi chợ cầu Đông,  
Bói xem một quẻ lấy chồng được chăng ?

- Thầy bói gieo quẻ nói rằng :  
« — Lợi thì có lợi nhưng răng không còn. »
- 77— Chàng về Hồ thiếp cũng xin về,  
Chàng về Hồ-Bắc, thiếp về Hồ-Tây.  
Chàng bao nhiêu tuổi năm nay ?  
Chàng rày mười tam, thiếp rày bốn ba.  
Mồ cha đưa chê thiếp già,  
Thiếp còn gánh nồi một và trăm kim.  
Trăm chiếc kim đồi lấy lạng vàng,  
Mua gương Tư-Mã thiếp chàng soi chung.  
Chàng về sắm sửa loan phòng,  
Thiếp xin điềm phấn tô hồng thiếp theo.
- 78— Chị em rủ nhau đi tắm đầm,  
Của em thì trắng, của chị thâm thế này !  
— Chị thâm cũng tại anh mày,  
Khi xưa chị cũng hạt chay đẻ lòm.
- 79— Chập chập chen chen,  
Con gà trống thiến đề riêng cho thầy.  
Đom xôi thì đom cho đầy,  
Đom voi thì thành nhà thầy hết thiêng.
- 80— Hòn đất mà biết nói nǎng,  
Thì thầy địa-lý hàm răng không còn.

- 81— Thầy khoe thầy cứu được người,  
Đến khi thầy ốm chẳng ai cứu thầy.
- 82— Tiền buộc dài yếm bo bo,  
Trao cho thầy bói, đám lo vào mình.
- 83— Thầy mạnh thầy chữa người ta,  
Đến khi thầy ốm thì ma chữa thầy
- 84— Thừa tiền thì đem mà cho,  
Đừng có xem bói thêm lo vào mình.
- 85— Tử-vi xem số cho người,  
Số thầy thì dễ cho ruồi nó bâu.
- 86— Bói ra ma, quét nhà ra rác.
- 87— Quê này có động :  
Nhà này có quái trong nhà,  
Có con chó mực cắn ra đằng mõm.  
Nhà bà có con chó đen,  
Người lạ nó cắn, người quen nó mừng.  
Nhà bà có cái cối xay,  
Bốn chân xuống đất, ngồng ngay lên trời.
- 88— Số cô chẳng giàu thì nghèo,  
Ngày ba mươi Tết, thịt heo trong nhà.  
Số cô có mẹ có cha,

- Mẹ cô đàn bà cha cô đàn ông.  
Số cô có vợ có chồng,  
Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai.
- 89— Hồn rắn hồn thác ban ngày,  
Thương cha nhớ mẹ, hồn rày thác đêm.
- 90— Tiếng đồn cha mẹ anh hiền,  
Cắn cơm không vỡ, cắn tiền vỡ đôi.
- 91— Lỗ mũi em mười tám gánh lông,  
Chồng yêu, chồng bảo râu rồng trời cho.  
Đêm nằm thi ngáy o o...  
Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.  
Đi chợ thi hay ăn quà,  
Chồng yêu, chồng bảo ăn quà đỡ cơm.  
Trên đầu những rác cùng rơm,  
Chồng yêu, chồng bảo hoá thơm rắc đầu.
- 92— Thuyền ngược hay là thuyền xuôi,  
Thuyền về Nam-Định cho tôi về nhở.  
— Con gái chỉ nói ốm ờ,  
Thuyền anh chật chội, còn nhở làm sao!  
Miệng anh nói, tay anh bẻ lái vào ;  
— Rửa chân cho sạch bước vào trong khoang.  
Thuyền dọc anh trải chiếu ngang,

Anh thì nằm giữa hai nàng nằm bên.

- 93— Xưa kia có thế nấy đâu,  
Bởi vì sợ vợ nên râu quặp vào.

- 94— Trời quả báo, ăn cháo gãy răng,  
Ăn cơm gãy dũa, xà răng gãy chày.

- 95— Thứ nhất thì tu tại gia,  
Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa.

- 96— Thứ nhất thì đỗ thủ khoa,  
Thứ hai vợ đẹp, thứ ba là đồng.

- 97— Thể-gian còn đợi chưa khôn,  
Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.

- 68— Thật thà cũng thè lái trâu,  
Yêu nhau cũng thè nàng dâu mẹ chồng.

- 99— Thà rằng làm lẽ thứ mười,  
Còn hơn chánh-thất những người dẫn ngu.

- 100— Tiếc thay con ngựa bạch mà thắt các giây  
cương thường,  
Tiếc thay con người ấy mà ôm lưng ông lão già.

- 101— Sáo đói thì sáo ăn da,  
Phượng-hoàng lúc đói cức gà cũng ăn.

- 102— Phượng-hoàng chặt cánh đuôi đi,  
Bắt con bìm-bip đem về mà nuôi.

- 103— Quan văn mất một đồng tiền,  
Xem bằng quan võ mất quyền quận-công.

- 104— Rút giây còn sợ động rừng,  
Bứng đầu thẳng trọc, nề lòng ông sư.

- 105— Ra đường ông Tú, ông Chiêu,  
Về nhà móng tay mỏ sè, cạy niêu đã mòn.

- 106— Làm trai rửa bát quét nhà,  
Vợ gọi thì dạ : bầm bà tôi đây.

- 107— Yêu nhau chị em gái, rái nhau chị em dâu,  
Đánh nhau vỡ đầu là anh em rề.

- 108 Gái một con trông mòn con mắt,  
Gái hai con vú quặt dang sau,  
Gái ba con thì đâu ngồi đấy.

- 109— Gái dâu có gái lạ đời,  
Chỉ còn thiếu một ông Trời không chim.

- 110— Em chó thấy anh bé mà sầu,  
Kia con ong nó bao nhiêu tuổi, nó châm bầu, bầu thui.

- 111— Chồng hen lại lấy vợ hen,  
Đêm nằm cò cử như kèn thời dời.

- 112— Chồng cưng lấy vợ cưng còng,  
Nằm phản thi chật, nằm nong thi vừa.
- 113— Con gái chơi với con trai,  
Rồi sau cái vú bằng hai sọ dừa.
- 114— Càng già càng dẻo càng dai,  
Càng gãy chân chồng, càng sai chân giường.
- 115— Ai ơi chó lấy học trò,  
Dài lưng tốn vài ăn no lại nằm.
- 116— Chúa gái là chúa ăn tham,  
Đồng quà đồng bánh đút ngang trong buồng.  
Ăn thì chết nức chết trương,  
Chẳng nhớ thẳng ở, chẳng thương con đòi.
- 117— Ra đường võng già nghênh ngang.  
Về nhà hỏi vợ : « cảm rang đâu mày ? »  
— Cám rang tôi đè cối xay,  
Hè chó ăn hết thì mày với ông !
- 118— Thương chồng nên khóc mù già,  
Gầm tôi với mụ có bà con chi.
- 119— Ba cô đội gạo lên chùa,  
Một cô yêm thăm bỏ bùa cho sư.  
Sư về sư ốm tương-tư,

- Óm lăn ốm lóc nên sứ trọc đầu.  
Ai làm cho dạ sứ sầu,  
Cho ruột sứ héo như bầu dứt giây.
- 120— Chuột chù chê khỉ răng hô,  
Khỉ mới trả lời : cả họ mày thơm !
- 121— Lúc khó thì chẳng ai nhìn,  
Đến khi đỡ trạng, chín nghìn anh em.
- 122— Khó khăn ở quán ở lều,  
Bà cô ông cậu chẳng điều hỏi sao.  
Giàu sang ở tận nước Lào,  
Hùm tha rắn cắn, tìm vào cho mau.
- 123— Ở đời có bốn chuyện ngu :  
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu.
- 124— Sống thì con chẳng cho ăn,  
Chết thì xôi thịt làm văn tế ruồi.
- 125— Bầu già thì mướp cưng sơ,  
Nạ-dòng trang-diềm gái tơ mắt chồng.
- 126— Bé nhung mà bé hạt tiêu,  
Bé cay, bé đắng, bé xiêu lòng người.
- 127— Cau già, dao sắc lại non,  
Người già trang diềm phấn son vẫn già.

- 128— Cố phúc thì mới có lông,  
Người nào vô phúc sạch lông lầu lầu.
- 129— Còn duyên kén những trai tơ,  
Hết duyên ông lão cũng vợ làm chồng.
- 130— Chồng người chẳng mượn được lâu,  
Mượn được hôm trước hôm sau người đòi.
- 131— Đi đâu mà chẳng nằm co,  
Đè cho nó đút sừng bò vào sau.
- 132— Đã dại làm hại thằng tù,  
Nó cho cái kẹo, nó cù cả đêm.
- 133— Em như cục cứt trời sông,  
Anh như con chó chạy rông trên bờ.
- 134— Gái phải hoi trai như thài lài phải cứt chó,  
Trai phải hoi vợ như cỏ bọ phải trời mưa.
- 135— Già thì già tóc già tai,  
Già răng, già lợi, đồ chơi không già.
- 136— Kim đâm vào thịt thì đau,  
Thịt đâm vào thịt nhớ nhau cả đời.
- 137— Luron ngắn lại chê trạch dài,  
Thòn bon méo miệng chê cá chai lệch mõm.

- 138— Mèo hoang lại gặp chó hoang,  
Anh đi ăn trộm gặp nàng bứt khoai.
- 139— Một đói cho đáng một đói,  
Anh thì sức mũi chị tôi lèm cầm.
- 140— Một đêm quân-tử nằm kè,  
Còn hơn thằng nhắng vồ về quanh năm.
- 141— Một trăm ông chú không lo,  
Lo về một nỗi mụ o dọn mõm.
- 142— Muốn rằng tế-tửu lang-trung,  
Còn như chủ-sự lấy thùng mà dong.
- 143— Trên thu ba dưới lại ba thu,  
Con mắt lóng lánh chẳng tu được nào.
- 144— Nực cười thầy bói soi gương,  
Thầy tu chải lược, cá mương hóa rồng.
- 145— Nam mô một bồ dao găm, một trăm dao mác,  
Một vác dao bầu, một xâu thịt chó.
- 146— Nghe tin anh nói nhọc nhằn,  
Mẹ cho trái mit anh mẫn cả xơ.
- 147— Ngờ rằng ông thử ông thương,  
Ai ngờ ông thử trăm đường ông thôi.
- 148— Ông thánh còn có khi lầm,

- Huống chi con gái tám nhăm tuổi đầu.  
 149— Ông ơi, tôi chẳng lấy đâu,  
     Ông đừng cạo mặt, nhồ râu tốn tiền.  
 150— Quan có cần nhưng dân chưa vội,  
     Quan có vội, quan lội quan sang.  
 151— Rút giây còn sợ động rừng,  
     Bán đầu thẳng trọc, nề lòng ông sư.  
 152— Sống thì chẳng cho ăn nào,  
     Chết thì cúng giỗ, mâm cao, cỗ đầy.  
 153— Tóc ngắn thì tóc lại dài,  
     Ba tuồng rõ mặt, đá mài không trơn.  
 154— Tốt số lấy được chồng chung,  
     Lương vua khỏi đóng, áo chồng khỏi may.  
 155— Tưởng rằng khăn trắng có tang,  
     Ai ngờ khăn trắng ra đàng ve trai.  
 156— Thân tiên lúc túng cũng liều,  
     Huống chi thân cứ quản điều tanh hôi.  
 157— Thế rằng sầm chẳng thấy gì,  
     Sầm mà nói dối, sầm thì cũng đui.  
 158— Thế gian ba sự khôn cùa,  
     Rượu nồng, dê béo, gái vừa đương tơ.

- 159— Thối tai, thối nách rì<sup>nh</sup> rình,  
     Chẳng ai hỏi đến cậy mình chính chuyên.  
 160— Thương em anh dè trong lòng,  
     Việc quan anh cứ phép công anh làm.  
 161— Trai tân, gái góa thì chơi,  
     Đừng nơi có vợ, chờ nơi có chồng.  
 162— Trăng khuyết rồi trăng lại tròn,  
     Mụ già kén rề con còng góa lâu.  
 163— Trăng chi trăng bủng trăng xanh,  
     Thà rằng đèn nhẫn cho anh phải lòng.  
 164— Trời làm một trận lăng nhăng,  
     Ông hóa ra thẳng, thẳng hóa ra ông.  
 165— Trời Phật thì ở trên mây,  
     Nhiều tiền đong đầy, ít tiền đong voi.  
 166— Văn thì cửu phẩm đã sang,  
     Võ thì tứ phẩm còn mang gươm hẫu.  
 167— Vắng sao hôm, có sao mai,  
     Vắng chàng thiếp đã có trai ở nhà.  
 168— Vợ chồng hàng sáo chúng ta,  
     Bách niên gai lão được vài trống canh.

- 169— Vợ đẹp càng tồi đau lưng,  
Chè ngon tức bụng, thuốc ngon quyện đờm.
- 170— Xổng thâm vắt ngọn cành hồng,  
Loạn trôn từ thưở vắng chồng đến nay.
- 171— Có phúc lấy được vợ già,  
Sạch cửa sạch nhà lại ngọt cơm canh.  
Vô phúc lấy phải trẻ ranh,  
Nó ăn nó bỏ tan tành nó đi.
- 172— Cô kia cắt cỏ bên sông,  
Cái váy thi cộc cái lông thi dài.  
Thuyền chài nó trả quan hai,  
Thưa rằng : « Chẳng bán đè dài quét sân ».
- 173— Đương khi bếp tắt cơm sôi,  
Con ngồi khóc dói, chồng đòi tòm tem.  
Bây giờ bếp đã cháy lên,  
Cơm đã sắp chin, tòm tem thi tòm.
- 174— Sáng trăng suông em nghỉ tối trời,  
Em ngồi em đè cái sự đòi em ra.  
Sự đòi bằng cái lá da,  
Đen như móm chó, chém cha sự đòi.

- 175— Thuyền than lại đậu bến than,  
Gặp cô yếm thăm ôm quàng ngang lưng.  
— Thời thôi, tôi vẫn cậu răng đứng,  
Tôi lạy cầu răng đứng,  
Tuổi tôi còn bé, chưa từng nguyệt hoa.  
Tôi về gọi chị tôi ra,  
Chị tôi đã lớn, nguyệt hoa đã từng.
- 176— Trời mưa nước chảy qua sân,  
Em lấy ông lão qua lăn thì thôi.  
Bao giờ ông lão chầu trời,  
Thì em lại kiếm một người trai to.  
Trai to ơi hỏi trai to,  
Đi đâu mà vội mà vơ nụ-dòng.
- 177— Con ông mà lấy con bà,  
Trời đất thuận hòa bà lại lấy ông.
- 178— Thấy cô yếm thăm răng đen,  
Nam Vô Di Phật, những quên mất chùa.  
Ai mua tiu cảnh thi mua,  
Thanh la nǎo bặt, thầy chùa bán cho:  
Hộ-pháp thi một quan ba,  
Long-thần chín rươi, Thích-Ca ba tiền.  
Còn hai mụ Thiện hai bên,

- Ai mua bán nốt lấy tiền nạp cheo.  
Lệ làng còn thiếu bao nhiêu,  
Đắn cây tre cột cắm nêu sân chùa.  
180— Em là con gái phủ Từ, (1)  
Lộn chồng trả cửa, theo sư chùa Viêng.  
Đói ăn thịt chó nấu riêng,  
Bán rau mảnh bút, lấy tiền nộp cheo.  
Dù còn thiếu thốn bao nhiêu,  
Xin làng đừng có cắm nêu ruộng chùa.  
181— Trên trời có vây tê tê,  
Có ông bảy vợ chẳng chê vợ nào:  
Một vợ tất nước bờ ao,  
Phải trận mưa rào đứng lấp bụi tre.  
Một vợ thì đi buôn bè,  
Cơn sóng cơn gió nó đè xuống sông.  
Một vợ thì đi buôn bông,  
Chẳng may cơn táp nó giáng lên trời.  
Một vợ thì đi buôn vôi,  
Khi vôi phải nước nó sôi ầm ầm.  
Một vợ thì đi buôn mâm,  
Không may mâm thủng lại nằm ăn chơi.  
Một vợ thì đi buôn nồi,

- Không may nồi méo một nồi hai vung.  
Một vợ thì đi buôn hồng,  
Không may hồng bếp một đồng ba đỏi.  
— Thưa rằng « đất hời giờ ơi !  
Giờ cho bảy vợ như tôi làm gì ? !  
182— ... Quần linh bóng, dây lưng rút hỏa hoàng.  
Ngồi trên lầu ngó xuống tựa như nàng cảnh tiên.  
Một mai bóng xé trăng nghiêng,  
Tây về xứ hằng, ôm duyên chờ già.  
Hết đồ ăn bận vô ra,  
Còn chi trang điểm phấn hoa lược cài... !  
(tả cô me Tây)

## CÔ GÁI SƠN-TÂY

- 183— Cô gái Sơn-Tây, yếm thủng tay dần,  
Răng đen hạt nhót, chân đi cù lèo.  
Tóc rè tre chải lược bờ cào,  
Xù xì da cóc, hắc lào tú tung.  
Trên đầu cháy rận như sung,  
Rốn lồi quả quít, má hồng tròn niêu.  
Cô tưởng mình cô ái ố mỹ miều,  
Chồng con chã lấy, đẽ liều thân ru ?

(1) Phủ Từ-Sơn (Bắc-Ninh)

Hai nách cô thơm như ồ chuột chù,  
Mắt thì giàn nhấm, lại gù lưng tôm.  
Trứng rận bằng quả nhẵn lồng,  
Miệng cười túm túm như sông Ngân-Hà.  
Con rận bằng con ba ba,  
Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh.  
Hàng xóm vác gậy đi rình,  
Hóa ra rận đực nóng mình bò ra.  
Bánh đúc cô nếm něi ba.  
Mia re tráng miệng hết và trăm cây.  
Giã gạo vú chấm dầu chày,  
Xay thóc cả ngày, được một đấu ba.  
Đêm nằm nghỉ hết gần xa,  
Giờ mình một cái gãy mười ba thanh giường.

184—

Tham giàu, em lấy thẳng bé tỳ-tỵ,  
Làng trên, trại dưới thiếu gì trai tơ !  
Em đem thân cho thẳng bé dày vò,  
Mùa đông tháng giá nó nằm co trong lòng !  
Cũng đa mang là gái có chồng...  
Chịn đêm trực tiết nằm không cả mười !  
Nói ra sợ chị em cười,  
Má hồng bỏ quá thiệt đời xuân xanh.  
Em cũng liều mình về thẳng bé trè ranh,

- Đêm nằm sờ mó quần-quanh cho đỡ buồn !  
Buồn mình, em lại bế thẳng bé nó lên,  
Nó còn bé mọn đã nên cơm cháo gì !  
Nó ngủ, nó gáy ti-ti.  
Một giấc đến sáng còn gì là xuân ?  
Chị em ơi, hoa nở mấy lần ?
- 185— Thân em làm lẽ chẳng hề,  
Có như chính-thức mà lê giữa giường.  
Tôi tối chị giữ mắt buồng,  
Cho em mảnh chiếu nằm suông chuồng bò !  
Mong chồng, chồng chẳng xuống cho,  
Đến khi chồng xuống gà o-o gáy dồn !  
Cha mẹ con gà kia ! sao mày với gáy dồn ?  
Mày làm tao mất vía kinh hồn về nỗi chồng con ?
- 186— Đi đâu mà chẳng lấy chồng,  
Người ta lấy hết chồng mông mà gào.  
Gào rằng : « đất hối, giờ ơi !  
Xin ông thí bỏ cho tôi chút chồng. »  
Ông giờ ngán cõi liền trông :  
« Mày hay kén chọn, ông không cho mày. »
- 187— Sư đang tụng niệm nam-mô,  
Thấy cô xách giỏ mò cua bên chùa.

Lòng sú luống những ngàn ngõ,  
Bỏ kính bỏ kệ tìm cô hỏi chào.

Ai ngờ cô đi dâng nào,  
 Tay cầm tràng hạt ra vào băn khoăn.

188— Giời sinh ra ông tướng có tài,  
 Cờ bạc xóc đĩa rông rài cả đêm.  
 Canh trước tướng hãy còn tiền,  
 Canh sau cởi áo ngồi bên lọ hồ.

Tưởng sự tình bạc nãy hai sấp  
 Chẳng ngờ nó lại sấp ba,  
 Bây giờ quan tướng thua ra,  
 Áo quần cỗ hết trôi ra vè trắn.  
 Vè giữa sân vạch quần bắt rận,  
 Vợ ở nhà giận chẳng nấu cơm.  
 Bây giờ tướng chui ồ róm,  
 Chẳng dám hạch nước hạch cơm hạch trầu...

189— Cậu cai nón dấu lồng gà,  
 Cồ tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.  
 Ba năm được một chuyến sai,  
 Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.  
 Cậu cai buôn áo em ra,  
 Đè em đi bán kèo mà chợ trưa.

190— Cái cò trắng bạch như vôi,  
 Có ai lấy lẽ bối tội thì vẽ.

Mẹ tôi chẳng đánh chẳng chê,  
 Mài dao cho sắc mộc mè mà xem.

191— Hôm qua anh đến chơi nhà,  
 Thấy mẹ vết chảo thấy cha vết nỗi.  
 Thấy em dựa cột liếm môi,  
 Anh ngồi con chó, anh lùi chân ra.

192— Cô gài nhà ai tuổi chín nhăm,  
 Đôi má hom hem lại lèm cầm.  
 Bố mẹ gả chồng còn chưa lấy,  
 — Rằng còn thơ ấu chưa đầy trăm.

193— Vợ sư sắm sửa cho sư :  
 Áo đen, tràng hạt, mũ lư tài rành  
 Đề sư sướng kiếp bánh banh.

194— Chị giàu quần linh hoa chanh,  
 Chúng em khốn khó quần quanh lụa đào.  
 Chị giàu chị đánh cá ao,  
 Chúng em khốn khó đi chao cá mè,  
 Chị giàu chị lấy ông nghè,  
 Chúng em khốn khó trở về lấy vua.

195— Chứa chồng nón thúng quai thao,

Chồng rồi, nón rách quai nào thì quai.

Chùa chồng, yếm thảm deo hoa,  
Chồng rồi, hai vú bỏ ra tay giành.

- 196— Chồng gì anh, vợ vì tôi,  
Chẳng qua là cái nợ đời chi đây  
Mỗi người một nợ cầm tay,  
Người xưa nợ vợ, người nay nợ chồng.
- 197— Vô duyên vô phúc mặc phải anh chồng già,  
Ra đường người hỏi rằng cha hay chồng ?  
Nói ra đau đớn trong lòng,  
Ấy cái nợ truyền kiếp có phải chồng em dân.

- 198— Công anh làm rè có tài,  
Một mình ăn hết mười hai vại cà.  
Giếng đâu thi dắt anh ra,  
Kèo mà anh chết theo cà nhà em.

- 199— Trời mưa cho ướt lá khoai,  
Công anh làm rè đã hai năm ròng !  
Nhà em lấm ruộng ngoài đồng,  
Bắt anh tát nước, cực lòng anh thay !  
Tháng chín mưa bụi gió may,  
Cát lấy gầu nước chân tay rụng rời !
- 200— Hôm qua tát nước đầu đình,

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.

Em được thì cho anh xin,  
Hay là em đè làm tin trong nhà.

- Ao anh sứt chì đường tà,  
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.  
Ao anh sứt chì đã lâu,  
Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.

- Khâu rồi, anh sẽ trả công,  
Ít nữa lấy chồng, anh lại giúp cho :  
Giúp em một thúng xôi vò,  
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,  
Giúp em đổi chiếu em nằm,  
Đổi chăn em đắp, đổi tramped em deo.  
Giúp em quan tâm tiền cheo,  
Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.

- 201— Em là con gái nhà giàu,  
Cha mẹ thách cưới ra màu xinh sao !  
Cưới em trăm tấm lụa đào,  
Một trăm hòn ngọc hai mươi tám ông sao trên trời.  
Tráp tròn dân đủ năm đôi,  
Ông thuốc bằng bạc, ống voi bằng vàng.  
Sắm xe từ mã đem sang,

Đè quan viễn họ bên nàng đưa dâu.

Ba trăm nón nghệ đội đầu,

Mỗi người một cái quạt tàu thật xinh.

Anh về sắm nhiễu Nghi-Định,

May chăn cho rộng, ta mình đắp chung.

Cưới em chín chính mặt ong,

Mười cát xôi trắng, mười nong xôi vò.

Cưới em tám vạn trâu bò,

Bảy vạn dê lợn, chín vò rượu tăm.

Lá đa mặt nguyệt hôm rằm,

Răng nanh thằng cuội, râu cầm thiên-lôi.

Gan ruồi mõi muỗi cho tươi,

Xin chàng chín chục con giời hóa chồng.

Thách thề mới thỏa trong lòng,

Chàng mà theo được, thiếp cũng theo chân.

oOo

## Nhận định tổng quát về văn-học trào-phúng Việt-Nam

Văn-học trào-phúng Việt-Nam là một văn-học độc đáo, sắc bén và tinh vi, có ảnh hưởng rất sâu xa đến đời sống xã-hội của đại-chúng, nên có truyền-thống tốt ở trên mảnh đất này.

Ở văn-học trào-phúng, dân-tộc Việt-Nam, qua các thời-kỳ lịch-sử, đã tỏ ra là một dân-tộc không bao giờ bi-quan chán nản, trái lại, luôn luô:i lạc-quan và tin tưởng ở tương-lai.

Trào-phúng, vì vậy, đã thành một dân-tộc-tinh của người Việt-Nam.

Người Việt-Nam đã sáng tác ra thơ văn trào-phúng để làm một phương-thức giáo-đục và một vũ-khi đấu-tranh. Do đó, mỗi thời-kỳ lịch-sử có một thứ văn-học trào-phúng riêng đại-biểu cho ý-thức tư-tưởng của một tầng lớp xã-hội nói lên thái-độ của mình trước chính-tinh đương thời hay trước nhẫn-tình thế-thái.

Trong văn-học trào phúng Việt-Nam, mỗi tiếng cười và sự trào phúng nhằm một đối-tượng nhất định và có một ý-nghĩa riêng, cho nên có tiếng cười nào giông hẵn tiếng cười nào. Văn-học trào-phúng Việt-Nam sở dĩ phong-phù là vì vậy.

Tiếng cười và sự trào lộng của Việt-Nam tuy có tính đa dạng, màu nghìn vẻ, nhưng lại có tính thống-nhất rất rõ rệt : vì tiếng cười và sự trào lộng nào cũng chối lại gian tà, áp bức, bênh vực để cao cái đẹp, cái thật, cái hay, đà kích hoặc châm biếm cái xấu, giả, cái dở. Tất cả đều phê phán hiện-tại để tiến tới một tương-lai

tốt đẹp hơn. Vì vậy, tiếng cười và sự trào lộng của Việt-Nam tuy đã kích mà vẫn xây dựng.

Văn-học trào-phúng Việt-Nam, được sáng ra trong những điều kiện lịch-sử khác nhau để phục-vụ cho giáo-dục và đấu-tranh của giai-cấp bị áp bức, đã có tác dụng không những trong thời-kỳ lịch-sử đã khai sinh ra nó, mà còn có tác dụng mãi cho đến ngày nay. Những thơ-văn của Trạng-Quỳnh, của Hồ-xuân-Hương châm biếm và trào lộng bọn đội-lốt tu hành thời phong-kiến, những thơ-văn của Nguyễn-Khuyên, của Tú-Xương đả kích và nguyên rủa bọn tham quan ô-lại thời phong-kiến và thực-dân, ngày nay vẫn còn có khả năng làm tái mặt bọn tu hành giả hiệu đang núp dưới tôn-giáo để phỉnh gạt đồng-bào và bọn tham nhũng đang đục khoét nhân-dân.

Giá-trị vĩnh-cửu của nội-dung tư-tưởng chưa đựng trong văn-học trào-phúng Việt-Nam là ở chỗ nó luôn luôn bồi dưỡng đạo đức, tư-tưởng của con người Việt và rèn giùa ý-chí đấu-tranh của con người Việt, dù nó được sáng tác ra trong những điều-kiện lịch-sử nào.

Về phương-diện nghệ-thuật, chúng ta thừa hưởng của văn-học trào-phúng Việt-Nam một cái gia-tài thật là đồ sộ. Các phương-pháp nghệ-thuật chủ yếu mà các thi-nhân trào-phúng Việt-Nam đã vận dụng, có thể tóm tắt lại như sau :

- Phương-pháp phóng-đại diền-hình ;
- Phương-pháp vạch mâu-thuẫn của sự vật để làm bật ra cười bằng cách đặt sự vật ở thế tương phản hoặc ở thế phủ định lẫn nhau.
- Phương-pháp dùng cái tục để chửi vào mặt kẻ phản dân nước ;
- Phương-pháp « ám dụ » để nói xa xôi kín đáo, nói bóng nói gió, nói cái này để ám chỉ cái kia ;
- Phương-pháp « tự trào » nói ngay chính mình để giễu đời ;

— Phương-pháp xây dựng hình tượng, xây dựng diền-hình ;

— Phương-pháp chơi chữ và nói lái ;

— Phương-pháp vận dụng ngôn ngữ dân-tộc, v.v.

Tất cả các phương-pháp ấy đều là những phương-pháp nghệ-thuật dân-tộc.

Ngôn ngữ mà các thi-nhân trào-phúng Việt-Nam đã vận dụng là một thứ ngôn ngữ bình-dân, trong sáng, nhẹ nhàng, giản dị, nhiều hình ảnh và khả năng gợi tả. Thứ ngôn ngữ đó, trong thế-kỷ thứ 18, đã đơn đường cho một thi-phẩm kiệt tác ra đời : là truyện Kiều của Nguyễn-Du.

Một học-giả tài ba lối lạc, nay đã khuất bóng, ông Phạm Quỳnh, đã nói :

- « Truyện Kiều còn, chữ Quốc-Ngữ còn,
- « Chữ Quốc-Ngữ còn, nước Việt-Nam còn ».

Có lẽ chúng ta cần phải thêm :

- « Tinh-thần trào-phúng của dân-tộc Việt-Nam
- « còn, quốc-gia Việt-Nam sẽ còn mãi mãi. »

Mùa xuân năm Kỷ-Dậu (1969)

HOÀNG TRỌNG THƯỢC

oo

## MỤC LỤC

TỰA . . . . .	trang 5
LỜI NÓI ĐẦU . . . . .	7
NGUYỄN-BIỀU (Hậu-Trần) . . . . .	9
NGUYỄN-MINH-TRIẾT (1567-1662) . . . . .	11
NGUYỄN-QUỲNH (vào khoảng 1740-1786) . . . . .	12
NGUYỄN-GIA-THIỀU (1741-1798) . . . . .	17
ĐẶNG-ĐỨC-SIÊU (1750-1810) . . . . .	18
PHẠM-THÁI (1777-1813) . . . . .	19
HỒ-XUÂN-HƯƠNG (khoảng 1788-1802 Lê-mat, Nguyễn-so)	23
THI CÚ DƯỚI THỜI TÂY SƠN . . . . .	37
NGUYỄN-CÔNG-TRÚ (1778-1858) . . . . .	39
VÕ-DUY-THANH (1806-1833) . . . . .	45
HUỲNH-MÀN-ĐẠT (1807-1833) . . . . .	46
BÙI-HỮU-NGHĨA (1807-1872) . . . . .	51
NGUYỄN-HÀM-NINH (1808-1867) . . . . .	53
CUỘC BÙT CHIẾN GIỮA TÔN-THỌ-TƯỜNG. và PHAN-VĂN-TRỊ . . . . .	58
TÔN-THỌ-TƯỜNG (1825-1877) . . . . .	67
PHAN-VĂN-TRỊ (đồng thời với Tôn-thọ-Tường)	67

CAO-BÃ-QUÁT (? — 1854) . . . . .	70
GIẢN-ĐỨC (1828-1883) . . . . .	75
ĐÔNG-ÍCH-KHIÊM (1828-1883) . . . . .	80
NGUYỄN-KHUYẾN (1835-1909) . . . . .	84
DƯƠNG-KHUÊ (1835-1898) . . . . .	104
TRƯƠNG-VĨNH-KÝ (1837-1893) . . . . .	108
NGUYỄN-HỮU-HUÂN (1841-1875) . . . . .	111
HỌC-LẠC (1842-1915). . . . .	114
NHÌÈU-TÂM (đồng thời với Học-Lạc). . . . .	119
LÊ-LƯỢNG-THÈ (1847-1920) . . . . .	126
TÔN-THẤT-DIỆM (1853-1922) . . . . .	128
TÔN-THẤT-MỸ (1860-1913) . . . . .	130
CHU-MẠNH-TRINH (1862-1905) . . . . .	133
LÊ-TRUNG-ĐÌNH (1862-1885) . . . . .	138
SƯƠNG-NGUYỆT-ANH (1864-1922) . . . . .	140
TRẦN-CAO-VÂN (1866-1916) . . . . .	142
PHAN-BỘI-CHÂU (1866-1940) . . . . .	147
TRẦN-TẾ-XƯƠNG (1869-1907) . . . . .	152
PHAN-CHU-TRINH (1872-1926) . . . . .	170
PHAN-ĐIỆN (1874-1945) . . . . .	175
NGUYỄN-THÚC-KHÁNG (1876-1947) . . . . .	181
CAO-THỊ-NGỌC-ANH (1878) . . . . .	186
NGUYỄN-QUANG-DIÊU (1880-1936) . . . . .	188

NGUYỄN-KHOA-VY (1881)	192	299
PHẠM-ÚNG-THUẦN (1885)	199	301
PHAN-KHÔI (1887-1959)	202	304
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU (1889-1939).	205	306
PHAN-VĂN-HY (1890)	211	311
NGUYỄN-ĐỀ (1891-1946)	215	312
NHƯ-KHÔNG (1899)	220	313
TÚ-MỞ (1900)	222	314
NGUYỄN-TRỌNG CẦN (1900-1947)	240	316
ĐẠM-NGUYỄN (1906)	252	317
ĐÔNG-XUYÊN (1906)	256	
NGUYỄN-ĐÔN-ĐỦ (1908)	260	319
HƯƠNG-THỦY (1911)	265	326
ĐỒ-PHÒN (1912)	272	
PHAN-MINH-PHỤ (1913)	281	383
CAO-XUÂN-ĐĂNG (1920)	283	
HUỲNH-QUÝ	285	
BA-GIAI	287	
HỒ-BIỀU-CHÁNH	289	
NGUYỄN-VĂN-TRỊ	290	
PNAM-NHƯ-XƯƠNG	291	
VÕ-LIÊM-SƠN	293	
LÊ-ĐẠI	297	425

THI-CA CHÀM-BIẾM VÀ  
TRÀO-LỘNG VIỆT-NAM  
của ông Hoàng-Trọng-Thược

in tại nhà in nhật báo Tự-Đo 25-27,  
Võ-Tánh — Saigon, do nhà sách  
Khai-Trí, 62 Lê-Lợi, xuất bản.  
(giấy phép số 2526-BTT-NHK-PHNT  
ngày 18-6-1969 của Bộ Thông-Tin).